Phương danh ấn tống "Quy Sơn Cảnh Sách Giảng Giải"

Thầy Chơn Phong	300
Thầy Phước Quảng	50
Thầy Phước Viên	50
Sư cô Phước Ngọc	50
Đại Từ	500
Gđ. Tịnh Từ	500
Ẩn danh	300
Diệu Thảo	50
Cao Kim Si	100
Cao Kim Sen	100
Cao Kim Len	100
Ngọc Quý	20
Hạnh Hải	30
Chơn Trì	30
Diệu Hương	30
Lệ Nghiêm	50
Tăng Thiều pd Thiện Sanh	200
Tenniger Ong	100
Diệu Thảo	100
Thuận Lễ	50
Chơn Tịnh	100
Diệu Niệm	30
Diệu Ân	30
Hạnh Huyền	40
Diệu Thánh	50
Tâm Thể	10
Diệu Như	50
Tịnh Hương	20
Lãng Ánh	50
Diệu Pháp 2	50
Hiếu Hoa	100
Sa di Vạn Chơn	50
Huệ Hiền	20
Chân Hiền Đạo	20
Diệu Hiếu	20
Duyên Bình	50
Trần Văn Hoàng	50
Thân Hằng	50
Huệ Lạc	50
Quang Hương	20
Nguyên Kính	50
Nguyên Phú	50
Nguyệt Liễu	40
Tâm Chiếu	50
Tâm Long	50
Sdn Vạn Linh	50
Tiêu Glen pd. Nguyên Hạnh	50
Diệu Hoa – Minh Hội	50
Tâm Long	50
Bs. Minh Quang Sydney	1000
Sư cô Diệu Ngộ	50
Quang Nguyễn Family	50
Diệu Khang	50
Diệu Bích – Minh Đắc	50
Diệu Thạnh	50
Sư cô Diệu Ngộ	50
Phước Hòa	50
Minh Quang	50

Hồi hướng cầu siêu chư hương linh:

Hl. Minh Ân – Diệu Di	50
Hl Tôn Thất Mậu	50
Hl. Lý T. Huệ pd Quán Nghĩa	50
Hl. Phùng Thị Liễu	50
Hl. Nguyễn Thị Xuân	50
Hl. Nguyễn Thanh Quang	50
Hl. Nguyễn Thị Mai	50
Hl. Lê Văn Hoành	50
Hl. Diệp Phước Chí	50
Hl. Hà Thế Chinh	50
Hl. Dư Thị Vĩnh	200
Hl. Đỗ Thị Bảy	50
Hl. Nguyễn Văn Sơn	50
Hl. Hoàng Thu Dung	50

Vãng Sanh Tịnh Độ

LỜI ĐẦU SÁCH

Luận "Qui Sơn Cảnh Sách" của Tổ Qui Sơn Linh Hựu do chúng tôi giảng giải trong mùa an cư của năm 2003, tại Tổ Đình Phước Huệ. Tính đến nay (2024) có trên 20 năm. Kể ra thời gian cũng khá dài. Sở dĩ tôi giảng bộ luận này là do học chúng tại Tổ Đình Phước Huệ yêu cầu. Đồng thời cũng do Hòa thượng Tông trưởng sai bảo. Thời gian đó Hòa thượng Tông trưởng vẫn còn sinh tiền khỏe mạnh. Về thính chúng ngoài chư Tăng, Ni tại Tổ Đình ra, còn có một số quý Phật tử tại gia bên ngoài vào tham dự. Vì tôi giảng vào mỗi buổi tối hằng ngày. Chúng tôi dựa vào những lời khuyến nhắc của Tổ mà triển khai thêm. Xét thấy những lời Tổ dạy rất thiết yếu cho việc tu học, nhất là đối với những người mới xuất gia vào chùa. Vì quyển luận Cảnh Sách này, đặc biệt là Tổ răn nhắc đặt nặng về người xuất gia. Vì Tổ muốn cho người xuất gia phải chuyên tâm tinh cần học hỏi. Người xuất gia trong thời đại của Tổ có những vị đối với luật nghi hạnh giải vẫn còn thô tháo phạm phải nhiều khuyết điểm sai lầm. Do đó, nên Tổ viết quyển luận này nhằm để thức nhắc răn dạy tăng chúng, sách tấn mỗi người cần phải nghiêm túc tinh tấn hành trì. Nhất là phải nhìn lại "hạnh giải" hành vi ngôn hạnh của mình để mà chỉnh sửa cải thiện những điều lỗi lầm sai trái. Dĩ nhiên, bộ luận này xưa nay có rất nhiều nhà dịch và giảng giải. Bởi vì nó chiếm một vị trí rất quan trọng trong thiền môn. Tuy nhiên, mỗi người giảng giải mỗi cách khác nhau. Tùy theo trình độ tu tập nhận thức của người giảng và người nghe đương cơ mà sự trình bày có những điều sâu cạn khác nhau. Điều đó, cố nhiên không sao tránh khỏi.

Có một Phật tử nghe băng tôi giảng nhiều lần. Mỗi lần nghe, Phật tử đó cảm nhận có những điều mới mẻ và rất thích thú. Phật tử đó thưa với tôi, những lời Tổ dạy và qua sự trình bày

giảng giải phân tích khúc chiết của thầy, thật là dễ hiểu và rất thiết yếu cho việc tu học. Vì vậy, nên con xin phép thầy cho con được ghi lại những gì mà thầy đã giảng giải. Sau đó, xét thấy đủ duyên thì sẽ in thành sách để cống hiến cho mọi người tìm hiểu học hỏi. Nghe qua, tôi hoàn toàn tán thành đồng ý và tùy hỷ việc làm của Phật tử. Dù đã bỏ ra nhiều công sức và mất nhiều thời gian để ghi lại, nhưng Phật tử đó vẫn không muốn nêu tên mình. Tôi hoàn toàn tôn trọng ý muốn của Phật tử. Vì ghi lại những lời tôi giảng, cố nhiên, chỉ là văn nói chớ không phải văn viết. Sau khi ghi xong, mất thời gian cũng khá lâu, Phật tử đó mới nhờ tôi xem lại và tôi có chỉnh sửa gọt dũa câu văn lại chút đỉnh. Đồng thời tôi cũng có bổ túc them vào chút ít cho phù hợp với những gì đang xảy ra trong hiện tại. Nói thế để mong quý độc giả thông cảm và chỉ cần đạt ý quên lời. Việc làm này, chúng tôi chỉ có một mục đích duy nhất là muốn trao đổi chia sẻ những gì Tổ dạy trong tinh thần "Kiến hòa đồng giải" đó thôi. Với thâm ý của người giảng và người ghi lại mục đích cũng chỉ có ngần ấy. Tuy nhiên, trong khi trình bày cũng như phần ghi chép lại, chắc chắn không sao tránh khỏi những điều sai sót lỗi lầm. Cần nói rõ phần dịch nghĩa toàn bộ luận là chúng tôi y cứ vào bản dịch của Hòa Thượng Thích Thanh Từ. Vì chúng tôi xét thấy phần dịch nghĩa của Hòa Thượng rất sát với chánh văn và rõ nghĩa dễ hiểu.

Kính mong các bậc Cao minh Cụ nhãn, các vị Thiện hữu tri thức có dịp xem qua, xin quý ngài hoan hỷ niệm tình thứ lỗi bỏ qua cho những lỗi lầm thiếu sót, và soạn giả cũng xin chân thành lắng nghe lời chỉ giáo. Trân kính xin hết lòng tri ân và đa tạ.

Pháp Lạc Thất

Ngày đầu an cư năm Giáp Thìn - 2024

Trân kính

Thích Phước Thái

SÁCH ĐÃ IN CÙNG MỘT TÁC GIẢ

1. Kinh Pháp Cú Song ngữ Chú Giải Tập 1- 2005
2. Kinh Pháp Cú Song Ngữ Chú Giải Tập 2- 2007
3. Kinh Pháp Cú Song Ngữ Chú Giải Tập 3 - 2008
4. Kinh Pháp Cú Song Ngữ Chú Giải Tập 4 – 2009
5. 100 Câu Hỏi Phật Pháp Tập 1- 2009
6. 100 Câu Hỏi Phật Pháp Tập 2- 2010
7. 100 Câu Hỏi Phật Pháp Tập 3- 2015
8. Hướng Dương Thi Tập 1 – 2010
9. Hướng Dương Thi Tập 2 – 2016
10. Hướng Dương Thi Tập 3 – 2020
11. Oai Nghi Của Một Tu Sinh – 2010
12. Bồ Tát Giới Tại Gia Giản Yếu – 2011
13. Một Cõi Đi Về 1 – 2011
14. Một Cõi Đi Về 2 – 2014
15. Một Cõi Đi Về 3- 2018
16. Một Cõi Đi Về 4 – 2021
17. Hành Hương Tứ Đại Danh Sơn Trung Quốc – 2011
18. Một Đạo Tràng Lý Tưởng – 2011
19. Hành Trình Trên Đất Phật – 2012
20. Mông Sơn Thí Thực Yếu Giải – 2012
21. Phù Tang Ký Sự - 2012
22. Sơ Lược Tiến Trình Xây Dựng Chùa Quang Minh – 2012
23. Kinh Niệm Phật Ba La Mật Giảng Giải 1 - 2013
24. Kinh Niệm Phật Ba La Mật Giảng Giải 2 – 2021
25. Những Ngày Trên Đất Mỹ - 2013
26. Tam Quy & Ngũ Giới – 2014
27. Chuyện Thiền Môn – 2014
28. Sinh Hoạt Đạo Tràng – 2016
29. Sa Di Oai Nghi Giản Lược – 2017
30. Tỳ Kheo Giới Giản Yếu – 2021
31. Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới Yếu Giải – 2021
32. Nghệ Thuật Diễn Giảng – 2014
33. Chuyến Về Việt Nam – 2020
34. Phật Học Danh Số Thông Dụng 1 – 2022
35. Phật Học Danh Số Thông Dụng 2 – 2023
36. Hoài Niệm Tuổi Thơ – 2023
37. Hướng Dương Tuyển Tập Yếu Giải tập 1 và 2 – 2023
38. 48 Pháp Niệm Phật Lược Giải – 2023
39. Kinh A Di Đà Lược Giải - 2024
40. Kinh Thiện Ác Nhân Quả - 2024
41. Hà Nội Thập Nhựt Du Hành Ký - 2024

MỤC LỤC

1 - Lời Phi Lộ	4
2 - Vài nét về tiểu sử của Tổ Qui Sơn	21
3 - Các nhà chú giải	49
4 - Giải thích danh đề	50
I. Nghiệp Nhân Khổ Quả	52
II. Bỏ Tục Vào Đạo	70
III. Vì Danh Lợi Lỗi Đạo	100
IV. Mở Bài Phép Tam Học	129
V. Lỗi Không Tu Học	140
VI. Nghiệp Quả Thời Đến	167
VII. Nhắc Nhở Khuyên Tu	189
VIII. Hành Trang Của Người Xuất Gia	198
IX. Quyết Tâm Cầu Đạo Của Người Xuất Gia	211
– Tiếp theo bài học thứ 9	221
X. Pháp Tu Tham Thiền Đốn Ngộ	228
- Tiếp theo bài học thứ 10	242
XI. Nêu Cao Giáo Pháp	252
- Tiếp theo bài học thứ 11	263
XII. Khuyên Gắng	272
- Lời Kết	289

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa đại chúng,

Hôm nay là ngày 17 tháng tư âm lịch năm Quý Mùi (2003), là ngày chúng ta bắt đầu học bộ luận Quy Sơn Cảnh Sách, do Hòa thượng dạy bảo chúng tôi giúp cho quý học chúng trong mùa an cư năm nay. Trước khi học, chúng tôi thành thật cảm ơn Đại Đức Thích Phước Viên cũng như quý Sư Cô trong ban đánh máy đã nỗ lực làm việc không ngừng để có đủ tài liệu phân phát cho quý vị học chúng. Nhân đây, chúng tôi cũng xin thành thật cáo lỗi là bài học kỳ rồi, vì quá cấp bách thành thử chúng tôi chưa có biên soạn kịp. Vì khi mới tới, chúng tôi cứ đinh ninh là sẽ được nghỉ một ngày, nhưng không ngờ Hòa thượng bảo giúp cho quý vị liền, nên chúng tôi không kịp biên soạn tài liệu gì cả.

Hôm nay, chúng tôi cố gắng thực hiện đúng theo bài bản biên soạn tài liệu để cho quý học chúng tiện bề theo dõi học hỏi. Còn kỳ rồi, xin lỗi, vì quá cấp bách gấp rút, nên chúng tôi làm việc thiếu bài bản sư phạm, mong quý vị hoan hỷ niệm tình thứ lỗi thông cảm bỏ qua cho.

Trước hết, chúng tôi xin đọc qua lời **"Phi Lộ",** đây là lời thưa trước của chúng tôi. Nói đúng hơn, là những lời tâm tình giải bày thân thiết của chúng tôi. Vì chúng ta là những người xuất gia có cùng chung một hoài bảo, một hạnh nguyện và một lý tưởng cao đẹp. Mong quý vị cố gắng theo dõi qua những lời chân tình tha thiết bày tỏ của chúng tôi. Có thể nói, chúng tôi đem hết tâm tư của mình gởi găm vào trong lời phi lộ này.

1. Lời Phi Lộ

Kính thưa đại chúng,

"Như chúng ta đã biết, người đi biển muốn khỏi lạc hướng mục đích nhắm tới thì cần phải có hải bàn. Một phi công muốn khỏi lệch hướng quỹ đạo phi hành, cũng cần phải có la bàn chỉ dẫn. Một tài xế cần phải rành đường rành bản đồ khi lái xe, nếu không, thì khó đạt được mục đích mà mình muốn đến, chẳng những thế, đôi khi còn dễ gây ra tai nạn vừa chạy vừa tìm đường. Điều này quả thật dễ xảy ra tai nạn lắm".

Những người đi biển mà không có hải bàn thì làm sao biết hướng mà đi? Trong khi đó, mình chỉ thấy biển cả bao la mênh mông không bờ bến. Như vậy, sở dĩ người ta đi đúng hướng không sai lệch là vì nhờ có hải bàn chỉ dẫn. Thế nên, người lái tàu có hải bàn định hướng thì họ đi mới không bị lạc đường. Còn nếu như không có hải bàn chỉ dẫn thì người ta cũng dễ bị lạc hướng lắm.

Đến như các anh phi công lái máy bay cũng vậy, họ cũng phải có cái la bàn để điều khiển. Như người lái xe, nếu không rành bản đồ và cũng không rành đường, vừa chạy vừa ngó tìm đường, như thế, cố nhiên, là sẽ dễ gây ra tai nạn lắm! Đó là chúng tôi nêu ra những hình ảnh thí dụ cụ thể để cho chúng ta dễ hiểu. Cũng thế, người mới xuất gia vào chùa cũng cần phải biết rõ trọng trách tu học của mình. Nếu biết rõ trọng trách và bổn phận của mình, tất nhiên, là chúng ta phải ý thức và phải làm gì cho phù hợp với đạo lý giác ngộ giải thoát. Do đó, nên chúng tôi thiết nghĩ, chúng ta không thể nào không học bộ luận "Quy Sơn Cảnh Sách" này. Vì bộ luận này như là một hải bàn, một la

dõi học hỏi hết bộ luận này. Chúng tôi cũng rất mang ơn quý tăng ni trẻ đã nỗ lực tinh cần năng nổ trong việc học tập.

Kính chúc toàn thể quý vị luôn được mạnh khỏe an lành hạnh phúc trong ánh hào quang của chư Phật.

Và một lần nữa, chúng tôi xin chân thành cảm niệm công đức của một Phật tử ẩn danh, đã phát tâm dành rất nhiều thời gian để ghi lại từng lời, từng chữ của chúng tôi giảng giải, cố nhiên, là chúng tôi cũng đã chỉnh sửa và tóm lược lại rất nhiều, nhờ đó nên mới có quyển sách khiêm tốn này.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin chân thành tri ân các liên hữu Phật tử ở hai đạo tràng Phước Huệ và Quang Minh, cũng như các Phật tử xa gần đã nhiệt tâm nhiệt thành ủng hộ đóng góp tịnh tài để ấn tống quyển sách này.

Và sau cùng, chúng tôi xin chân thành tri ân:

- Thượng tọa Thích Phước Viên, đã giúp cho phần trình bày và in ấn.
- Đại Đức Thích Phước Quảng đã giúp cho phần phát họa hình bìa của quyển sách.
- Sư cô Thích Phước An và Thức xoa ma na Vạn Tường, đã tận tình giúp cho phần sửa bản in.

Xin tất cả nhận nơi đây lòng biết ân sâu xa của chúng tôi. Và chúng tôi cũng xin thành tâm nguyện cầu hồng ân Tam bảo gia hộ cho chư Tôn đức Tăng, Ni cùng quý ân nhân Phật tử luôn được an vui mạnh khỏe, vạn sự kiết tường, tùy tâm mãn nguyện.

Trân kính

Pháp Lạc Thất

Soạn xong ngày 4/12/2024

Tỳ kheo Thích Phước Thái

ý thâm độc. Người Phật tử chúng ta dù tại gia hay xuất gia, đều phải ý thức đề cao cảnh giác của những kẻ có dã tâm ác ý muốn đánh phá Phật giáo bằng mọi phương cách. Phật dạy, chúng ta không nên vội tin bất cứ điều gì mà điều ấy chưa được kiểm chứng bởi trí huệ soi sáng.

Tóm lại, những gì Tổ dạy trong bộ Luận Quy Sơn Cảnh Sách này, mỗi lời, mỗi chữ đều nhằm đánh thức chúng ta phải cố gắng giữ tròn phẩm cách của một người tăng sĩ. Có thế, thì việc truyền bá chánh pháp mới được lâu dài trên thế gian này. Phật pháp hưng thạnh hay suy vong tất cả đều nằm trong tay của giới Tăng già. Cố nhiên trong đó có chúng ta. Vì chúng ta là những người xuất gia ít nhiều gì, chúng ta cũng đều phải có trách nhiệm: Thiệu long Thánh chủng, chấn nhiếp ma quân, dục báo tứ ân, bạt tế tam hữu". Đó là nguyện vọng cũng là bản nguyện của tất cả chúng ta.

Nhân đây, chúng con vô cùng cung kính tri ân Hòa thượng rất nhiều. Hòa Thượng đã tạo cho chúng con có được cơ hội tốt, huynh đệ ngồi chung lại với nhau trong mái chùa Phước Huệ ấm êm, để cùng nhau trao đổi chia sẻ học hỏi. Hòa thượng đã lo cho chúng con mọi thứ không những vật chất thôi mà còn có cả về tinh thần nữa. Thật là một ân đức rất lớn lao mà chúng con không sao nói hết. Tất cả chúng con chỉ biết đê đầu thành kính đảnh lễ bái tạ thâm ân Hòa Thượng và nguyện cầu hồng ân Tam bảo gia hộ cho Hòa Thượng luôn được pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ, hầu để dẫn dắt chúng con trên bước đường tu học Phật pháp.

Và chúng tôi cũng xin chân thành tri ân đại chúng, vì có quý vị nên chúng tôi mới có được cơ hội đem những lời Tổ dạy mà chia sẻ trao đổi cùng với quý huynh đệ. Tôi rất cảm động đối với quý Sư Cô trọng tuổi, đã cố gắng theo

bàn hay một bản đồ chỉ dẫn cái tiêu đích mà người xuất gia chúng ta nhắm tới.

Đó là, chúng tôi nêu ra cái tầm mức quan trọng của bộ luận này, mà Tổ Qui Sơn đã chỉ dạy cách chúng ta có hơn ngàn năm nay. Ở thời đại của Tổ mà Tổ còn than thở thống trách như thế, nói chi trong thời đại của chúng ta hiện nay. Thời đại của chúng ta hiện nay là thời đại mới, thời đại của khoa học kỹ thuật điện tử 4.0. Cố nhiên, là không sao tránh khỏi những tệ nạn xảy ra trong chốn thiền môn! Vì có những người xuất gia đi sai lệch đường hướng chánh pháp, làm mất đi thể diện Tăng đoàn, mang tai tiếng nên Tổ mới quở trách răn nhắc nặng nề như thế.

"Khi học bộ luận này, chúng ta xem như là một tấm gương phản chiếu soi sáng để chúng ta noi theo đó, mà tu chỉnh lại những hành vi cử chỉ sai trái của mình. Phải nói, đây là một bộ luận rất quý giá, rất nổi tiếng trong thiền môn. Quý giá nổi tiếng về hai mặt: văn chương và nội dung. Về mặt văn chương phải nói là âm điệu tuyệt diệu. Vì khi đọc lên, chỉ cần nghe âm điệu của lời văn thôi, mình cũng cảm thấy rất là hứng thú làm cho người học rất say mê lắng nghe tìm hiểu. Về nội dung, thì ý nghĩa rất thâm huyền uyên áo. Tuy rằng về lượng thì không bao nhiêu, nhưng về phẩm thì rất là sâu sắc cao quý".

Buổi học kỳ rồi, Sư huynh Phước Quang (ở Mỹ) có đề nghị với chúng tôi là nên viết bằng chữ Hán, nhưng tôi tham khảo với một vài thầy thì những vị đó nói rằng, ở đây, quý thầy không ai rành về chữ Hán cả. Còn bên quý Sư Cô cũng vậy, chỉ có một hai vị biết chút ít chữ Hán mà thôi. Do đó, nên tôi không có viết chữ Hán trên bảng để giảng giải. Thiết nghĩ, đó cũng là một điều thiệt thòi cho

chúng ta. Vì thế, nên chúng tôi chỉ đọc lên cái âm Hán Việt, chứ nếu viết chữ Hán nữa thì nó lại rắc rối thêm. Tuy nhiên, nếu quý vị nào giỏi chữ Hán thì rất tốt, rất quý. Ở đây, chúng ta không rành chữ Hán thì mình chỉ đọc cái âm Hán Việt được rồi. Thế nên, chúng tôi không có viết chữ Hán. Khi đọc lên âm Hán Việt, chúng ta nghe lời văn rất êm tai tuyệt mỹ. Nội dung thì rất là phong phú cô đọng súc tích. Do tầm quan trọng như thế, nên bộ luận này đã được chư Tổ liệt vào trong ba bộ kinh trọng yếu gọi là Phật Tổ Tam kinh: Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Kinh Di Giáo và bộ luận Quy Sơn Cảnh Sách này. Thành thử ra, đối với người xuất gia mới vào chùa thì ba bộ kinh này phải được xem như là kinh gối đầu giường cần phải học nằm lòng, không thể nói rằng không học được. Nói một cách nghiêm khắc hơn là bắt buộc chúng ta phải học.

"Nội dung toàn luận, Tổ Qui Sơn nhắm thẳng vào người xuất gia để răn nhắc cặn kẽ chỉ bày. Tuy nhiên, những người tại gia mà học nghe những lời khuyến nhắc dạy bảo của Tổ, thì cũng không phải là vô ích, nói rõ hơn là rất có lợi lạc cho việc tu học của chúng ta. Bởi thế nên từ xưa đến nay ai xuất gia cạo tóc vào chùa, trước tiên, là phải học qua bộ luận này, nếu không, thì đó là một sự thiếu sót rất lớn. Cố nhiên, là không thể nào tha thứ được. Tổ Qui Sơn vì người đương thời cũng như kẻ hậu học như chúng ta hiện nay, mà làm ra bộ luận Cảnh Sách này. Từng lời từng câu đều là những lời thức nhắc thiết tha của Tổ. Tổ chỉ bày cặn kẽ trách nhiệm bổn phận của người xuất gia phải tu học như thế nào cho đúng với phong cách phẩm hạnh của người xuất gia. Được thế, thì mới mong thành tựu được đạo quả vậy".

Hôm nay, chúng ta là những người có đầy đủ phước

những thứ tập khí phiền não xấu xa này.

Trên bước đường tu tập, dĩ nhiên chúng ta còn nhiều điều thiếu sót lỗi lầm. Vì vậy, chúng ta cần phải nhắc nhở chỉ bảo cho nhau. Chúng ta đừng nghĩ rằng, mình là người gìn giữ luật nghi đàng hoàng hay tài giỏi mà khinh thường những huynh đệ kém hơn mình. Nếu thấy huynh đệ nào còn có những khuyết điểm về giới luật hoặc về tác phong đạo đức hay vấn đề học tập, thì mình nên khuyến nhắc và tận tâm giúp đỡ nhiều hơn. Chúng ta phải nêu cao tinh thần "Lục Hòa" cùng sống chung an lạc. Chúng ta hãy đặt nặng tình huynh đệ lên trên hết và yêu thương thông cảm tương trợ lẫn nhau. Đó là những gì mà Tổ Qui Sơn nhằm nhắn nhủ thức nhắc chúng ta trong tinh thần tương thân hòa hợp.

Tôi xin nhấn mạnh lại một lần nữa, tuy chúng ta là những phàm Tăng, phàm Ni, nhưng vai trò trọng trách của chúng ta rất lớn trong công việc hoằng dương chánh pháp. Chúng ta hãy cùng nhau cố gắng tu học tài bồi giới đức trang nghiêm để hoàn thành trách nhiệm của một tăng sĩ trong thời đại mới 4.0 này. Có những kẻ tà tâm ác ý muốn đánh phá hãm hại Phật pháp và làm lũng đoạn ly gián Tăng đoàn, nên họ có những luận điệu xuyên tạc nhằm gây chia rẽ trong Tăng đoàn. Thời nào cũng vậy, trong Tăng đoàn, dĩ nhiên cũng có kẻ tốt, người xấu, điều đó không sao tránh khỏi. Không có một đoàn thể nào tránh khỏi việc này. Nhưng xin thưa: "Mía sâu có đốt, nhà dột có nơi", không vì một, hai người có những hành vi sai trái không tốt, mà họ lại lôi ra quơ đũa hết cả nắm. Họ chỉ trích chê bai mỉa mai đủ thứ, nhằm triệt hạ uy tín Phật giáo. Họ dựa vào một vài vị tăng, ni có những hành vi sai trái nào đó, rồi họ vội lên án kết tội cả một Giáo hội. Đó là một thái độ quá ư hàm hồ trịch thượng, tôi cho rằng, họ có mưu đồ ác

trì Tam bảo. Nghĩa là những vị này tuy đã xuất gia nhưng vẫn còn là những con người phàm tục. Vì những vị đó vẫn còn có những tập khí phiền não chưa diệt trừ hết. Vì thế, trên bước đường tu tập, họ đã và đang nỗ lực quyết tâm khắc phục chuyển hóa những tâm hành tiêu cực này. Thế thì, sự tu hành của họ vẫn còn có những hành vi sai trái lỗi lầm. Điều đó không sao tránh khỏi. Tuy nhiên, có điều ta thấy trong "Thế gian trụ trì Tam bảo" thì vai trò trọng trách của người tăng sĩ rất là quan trọng. Chính vì điểm quan trọng này, mà Tổ Qui Sơn muốn xây dựng răn nhắc chỉ bảo cho chúng ta. Mục đích là để chúng ta hoàn thành sứ mệnh tốt đẹp của một người sứ giả Như Lai. Muốn thế, cố nhiên là chúng ta phải nỗ lực chuyên cần trong việc hành trì tu học, nhất là phải tôn kính gìn giữ luật nghi và tác phong đạo đức của người xuất gia.

Học Luận Cảnh Sách như là một tấm gương phản chiếu hằng soi sáng cho chúng ta trên bước đường tu đạo và hành đạo. Những lỗi lầm sai trái mà phần lớn người xuất gia chúng ta hay bị mắc phải, đã được Tổ chỉ bày răn nhắc rất chi ly cặn kẽ. Nhất là vấn đề luật nghi đã được Tổ chú ý nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Nhờ học bộ Luận Cảnh Sách này mà chúng ta lại càng nhận ra những khuyết điểm lầm lỗi lớn lao của mình. Những khuyết điểm đó không những về mặt hình thức không thôi mà nó còn kém khuyết về phần nội dung trong sự tu học nữa. Hình thức là oai nghi tác phong hình tướng bề ngoài của người xuất gia. Điểm này tuy là hình thức bề ngoài nhưng đối với người xuất gia chúng ta không thể coi thường. Điều này, nếu nói một cách giữ gìn hoàn hảo, thì thú thật xưa nay, ít có ai hoàn hảo hết một trăm phần trăm. Chỉ có đức Phật mới là người hoàn hảo một cách trọn vẹn rốt ráo mà thôi. Riêng chúng ta, ai cũng vẫn còn có những tập khí tiêu cực xấu xa nhiều trong quá khứ. Cho nên chúng ta tu là cần phải chuyển hóa

duyên hội tụ trong một môi trường vừa đầy đủ tiện nghi; vừa trang nghiêm thanh tịnh trong một khung cảnh của ngôi Đại già lam Phước Huệ. Hơn nữa, lại có được sự quan tâm chiếu cố dạy dỗ thức nhắc của Hòa Thượng Tôn Sư, thì thật là phước báo rất lớn lao cho chúng ta. Xét kỹ, ở đây tương đối có đầy đủ tiện nghi, khung cảnh thanh tịnh, thật không thiếu thốn điều gì trong vấn đề "An Cư" tu học. Việc tầm sư học đạo của chư Tổ thời xưa, kể ra cũng rất vất vả gian lao khắc khổ hơn chúng ta bây giờ nhiều lắm. Thời xưa, làm gì có đầy đủ tiện nghi phương tiện máy móc như chúng ta bây giờ? Tổ dạy: "Người xuất gia là phải "Tam thường bất túc". Tam thường là ba việc luôn luôn phải có với mình, đó là ăn, mặc và ngủ nghỉ. Mỗi cái đều phải thiếu thốn một chút không được dư thừa. Nhiều khi dư quá, đủ quá, thì chúng ta lại đâm ra phung phí bê tha phóng túng, làm mất đi cái tác phong cung cách đạo đức phẩm hạnh cao đẹp của người xuất gia".

Ta nên nhớ, cái gì cũng phải thiếu thiếu, ăn cũng thiếu thiếu, mặc cũng phải thiếu thiếu, ngủ nghỉ cũng thiếu thiếu. Như ăn thì phải đạm bạc đơn giản, mặc thì không được quá đầy đủ sang trọng dư thừa. Người xuất gia ăn mặc phải khác hơn người đời. Người xuất gia thời nay, có vị ăn mặc quá sang trọng, xin lỗi, đôi khi còn hơn người đời. Có người đeo một cái đồng hồ tay thứ xịn đắt giá hơn mười mấy ngàn đô la Mỹ. Xe hơi thì mới cáo loại cao giá đắt tiền. Điện thoại thì phải đời mới tốt nhứt. Như thế, bảo sao người đời họ không phê bình chỉ trích cho được? Thế là, chúng ta đã đánh mất đi cái phẩm hạnh phong cách đạo đức cao quý của người xuất gia rồi! Vì người xuất gia là tu hạnh xuất thế. Xuất thế nói ở đây không có nghĩa là chúng ta phải xa rời thế tục. Vẫn ở trong cõi đời này mà hành đạo, mà tu đạo, nhưng phải học và hành theo công

hạnh của chư Phật, chư Tổ là "cư trần bất nhiễm trần". Có thế, thì mới gọi là tùy duyên lạc đạo. Trong đạo Phật có cụm từ là "tùy duyên bất biến". Còn tùy duyên mà bị biến chất thì đó là thứ tùy duyên tha hóa trở thành thứ tùy duyên trụy lạc sa đọa.

Trở lại vấn đề ăn uống. Ăn phải thiếu một chút thì nó mới ngon có phải không? Ông bà ta có câu nói: "No quá thì mất ngon, giận quá thì mất khôn". Điều đó, nó cũng thích hợp với phương pháp dưỡng sinh nữa. Khi đi khám bệnh, bác sĩ nào cũng khuyên chúng ta nên kiêng giảm vấn đề ăn uống. Nghĩa là, không nên ăn no quá nên ăn ít và ăn nhiều lần thì tốt hơn. Ăn nhiều quá thì dễ phát phì và gây ra nhiều chứng bệnh lắm, nhất là chứng bệnh tiểu đường. Hiện nay chứng bệnh này rất phổ cập khắp nơi trên thế giới. Ăn ít, nhưng phải có đầy đủ chất sinh tố bổ dưỡng. Ở xứ này thức ăn quá dồi dào. So lại, thời của các bậc Thầy Tổ của chúng ta ngày xưa ăn uống rất đạm bạc thô sơ kham khổ. Nói chi xa xôi thời của chúng tôi ở vào thập niên 1960, ở trong Phật học đường ăn uống cũng đã kham khổ rồi. Một bát canh chỉ vừa đủ một người ăn, thế mà bốn huynh đệ chung mâm chỉ có một tô canh nhỏ thôi. Cố Hòa thượng Thiện Siêu hay gọi là "tô canh toàn quốc". Toàn quốc tức là toàn thấy nước thôi mà không thấy cái. Tô canh lỏng bỏng như vậy, huynh này nhường cho huynh kia, cứ nhường qua nhường lại, cuối cùng tô canh vẫn còn. Có lúc chúng tôi thèm rau tươi dữ lắm, bởi vì ít khi có được rau tươi để ăn. Có hôm, vài ba huynh đệ đi kiếm hái rau muống muống ở ngoài gò mả, vì nó mọc theo trên những cái mả đất. Ở Phật học viện Phước Hòa, Trà Vinh, phía sau có nhiều mả lắm, phần nhiều là mả đất. Chúng tôi hái được một rỗ lớn, thế là bắt nước lên luộc. Khổ nỗi, việc làm này chỉ lén lút chớ không dám công khai. Vì sợ

LỜI KẾT

Chúng ta đã học qua bộ luận Quy Sơn Cảnh Sách này, phải thành thật mà nói, đây là một cơ hội hiếm hoi ít có và cũng là một duyên lành rất lớn cho chúng ta. Chúng ta thấy, toàn bộ luận từ đầu đến cuối, Tổ Qui Sơn đều nhắm thẳng vào sự cảnh tỉnh nhắc nhở chú trọng đến người xuất gia chúng ta. Bằng những lời lẽ chân tình tha thiết răn nhắc chúng ta phải ý thức vai trò bổn phận và trách nhiệm trong việc tu học và hoằng hóa của mình. Vai trò trọng trách đó là gì? Là phải xứng đáng chu toàn trách nhiệm của một vị Tăng sĩ. Ai cũng biết, Tăng, Ni là những vị rường cột đóng vai trò tiếp nối truyền thừa lịch sử; truyền bá chánh pháp sâu rộng trong mọi tầng lớp quần chúng trong xã hội. Chắc quý vị còn nhớ, trong Tam bảo có chia ra làm ba bậc:

- Đồng thể Tam bảo.
- Xuất thế gian Tam bảo
- Thế gian trụ trì Tam bảo

Trong ba bậc Tam bảo này, ngoài đồng thể và xuất thế gian Tam bảo ra, còn lại là Thế gian trụ trì Tam bảo. Nếu không có Thế gian trụ trì Tam bảo, thì Phật pháp sẽ không được tồn tại lâu dài trên thế gian này. Vì không có các vị Tăng già thì thử hỏi lấy ai mà truyền bá chánh pháp? Cho nên Tăng già là trụ cột của việc truyền bá chánh pháp. Nói đến Tăng trong kinh có nêu ra hai hạng: Thánh Tăng và phàm Tăng. Thánh Tăng là những bậc xuất thế gian như các Ngài: Quan Thế Âm, Đại Thế Chí v.v... Ngược lại, phàm Tăng là những vị Tăng, Ni trong phần Thế gian trụ

biết rõ mọi hiện tượng có ra là do tâm ta biến hiện ra đó thôi. Chánh niệm là chúng ta đang sống thực trong giây phút hiện tại, thế thì, không có gì làm cho chúng ta phải đau khổ cả. Chúng ta hãy cố gắng thực tập chánh niệm thường xuyên trong mọi vấn đề khi tiếp xúc hằng ngày của chúng ta. Có chánh niệm là chúng ta có an lạc hạnh phúc, còn thất niệm thì chắc chắn chúng ta sẽ rơi vào trạng huống đau khổ. Mong tất cả đại chúng hãy thực tập chánh niệm để có một cuộc sống an lạc hạnh phúc trong mỗi phút giây hành động.

Thầy Giám Viện biết được thì sẽ bị phạt quỳ hương cả đám. Quy luật nhà trường áp dụng gắt gao lắm. Luộc xong, ba bốn huynh đệ ngồi ăn cảm thấy nó ngon ơi là ngon, ngon không thể nào tưởng tượng diễn tả được.

Thật ra, bây giờ thức ăn thì quá dồi dào đầy đủ lắm rồi. Cho nên chẳng có ai thèm khát thứ gì. Ngày xưa, làm gì có được đầy đủ thức ăn như thế này? Thành thử đối với người xuất gia chúng ta, đó là cái hạnh phải "Tam thường bất túc". Nghĩa là ăn, mặc và ngủ nghỉ không được quá dư thừa. Nhất là không nên xài lãng phí tốn hao của Tam bảo và của Đàn na thí chủ. Ngày xưa, trong hàng đệ tử xuất gia của Phật, chỉ có một vị chuyên thật hành hạnh đầu đà. Đó là sợ tổ Ca Diếp, Ngài thật hành 13 hạnh đầu đà. Đầu đà là tiếng dịch âm từ Phạn ngữ "dhuta", có nghĩa là trừ bỏ phiền não trần cấu. Đầu đà là một trong những phương pháp tu khổ hạnh, cho nên cũng được gọi là "**hạnh đầu đà",** cốt để tôi luyện thân tâm, bằng cách diệt trừ lòng tham trước đối với ba vấn đề thiết yếu của đời sống hằng ngày là cơm nước, áo quần, và chỗ ở. Chư vị Tỳ kheo thường tu tập hạnh đầu đà, cho nên cũng còn được gọi là chư vị đầu đà. Trong sinh hoạt hằng ngày, người tu tập hạnh đầu đà phải chấp hành 12 điều quy định, được gọi là 13 hạnh đầu đà như sau:

1. *Y phục làm bằng những mảnh vải rách khâu lại (gọi là y phấn tảo)*
2. Chỉ dùng ba y, tuyệt đối không có cất chứa y nào khác.
3. Khất thực mà ăn, ai cho gì ăn nấy không được chê khen ngon dở.
4. Chỉ ăn một bữa vào giờ ngọ.
5. Không được ăn quá no.
6. Không được cất giữ tiền bạc.

7. Sống độc cư trong hóc núi hay hang đá v.v...
8. Tuyệt đối không được phép xây cất am thất hay nhà cao cửa rộng v.v… thường sống trong nghĩa địa hoang vu
9. Ngủ nghỉ dưới gốc cây hay nơi đồng trống
10. Sống ngoài trời (không được ở trong phòng, nhà....)
11. Không ở cố định một chỗ, thường du hành nơi này nơi kia, chỉ đi bộ không được đi xe cộ.
12. Ngủ ngồi không nằm.
13. Chỉ dùng một bình bát để đi khất thực.

Thật tình mà nói, 13 hạnh đầu đà này không phải dễ thật hành. Ngày nay, có người họ cũng mệnh danh là tu hạnh đầu đà, nhưng kỳ thật họ thật hành không đúng pháp. Đôi khi họ tu giả dối bề ngoài để người ta lầm tưởng cho rằng, họ đang thật hành hạnh đầu đà, để mọi người cung kính lễ bái cúng dường hoặc có ý đồ lợi dụng lòng tin của người khác mà mưu cầu lợi dưỡng. Người Phật tử cần phải tìm hiểu kỹ càng trước khi đặt niềm tin ở nơi họ. Chúng ta không nên tin vội coi chừng mắc bẫy lừa đảo của họ. Đời này tu giả, tu thiệt, thật khó mà phân biệt lắm! Vì thế, nên mọi người cần phải thận trọng chớ có vội tin. Tin mà không vận dụng trí tuệ soi sáng, coi chừng đó là niềm tin mù quáng. Niềm tin này rất nguy hiểm cho việc tu học của chúng ta.

Xưa kia, trong giáo đoàn chỉ có mỗi một mình tổ Ca Diếp thật hành hạnh đầu đà mà thôi. Chúng ta nên nhớ rằng, trong giáo pháp của Phật có nói đến vô lượng pháp môn tu. Tùy theo căn tánh sở thích của mỗi người mà chọn cho mình một pháp tu thích hợp. Phật dạy pháp tu nào cũng nhằm mục đích đưa hành giả đến chỗ giác ngộ giải thoát cứu cánh. Nói cách khác là viên thành Phật quả mới thôi.

Dịch Nghĩa:

Sáu căn an nhiên
Đứng đi lặng lẽ
Một tâm chẳng sanh
Muôn pháp đều dứt

Bấy giờ sáu căn an nhiên thanh tịnh, không còn chạy theo sáu trần, thì mọi động tác thi vi đi, đứng, nằm, ngồi thảy đều lặng lẽ. Ta còn nhớ ở trước Tổ có nói: "nhứt tâm bất sanh, vạn pháp câu tức". Nghĩa là một tâm không sanh khởi thì muôn pháp đều dứt. Ngài Tú Tài Trương Chuyết cũng nói: "Nhất niệm bất sanh toàn thể hiện, lục căn tài động bị vân già". Nguyên bài kệ tám câu, ở đây tôi chỉ trích dẫn hai câu mà thôi. Một niệm không sanh thì toàn thể hiện bày. Sáu căn vừa động thì mây vô minh che phủ. Để cho dễ hiểu, tôi nêu ra một thí dụ: Như chúng ta đi vào trong một vườn hoa, trong đó có rất nhiều loại hoa, nhưng chúng ta không chú ý đến một loại hoa nào hết. Chúng ta chỉ đưa mắt nhìn qua một lượt khắp hết khu vườn, thấy tất cả các loại hoa, mà tuyệt nhiên hoàn toàn không để tâm vào một loại hoa nào cả. Như vậy, rõ ràng thấy tất cả mà không có để tâm phân biệt loại hoa nào, khác nào thấy mà như không thấy. Vì không chú ý đến loại hoa nào, chính ngay lúc đó là toàn thể hiện bày. Còn khi chú tâm phân biệt đẹp xấu của một loại hoa nào đó, thì không còn cái nghĩa là toàn thể hiện bày nữa rồi. Vì khi tâm ta bị dính kẹt vào một đối tượng nào đó, thì bắt đầu có thương có ghét trong đó. Nếu chúng ta có cái nhìn thẩm thấu thấy tất cả mà như không thấy gì hết, thì ngay đó là giải thoát rồi. Nói muôn pháp câu tức là như thế. Nói cách khác, nếu như chúng ta có chánh niệm, thì mọi hiện tượng đối với chúng ta không làm gì tâm ta dao động cả. Vì ta có chánh niệm nên chúng

lên. Vậy thì khi nhận diện kịp thời rồi, ta liền chuyển hóa nó ngay. Thế thì ngang đó nó không còn làm gì được ta cả. Đó là ta đã chuyển hóa được gai góc và không có duyên nào ép ngặt được ta.

Chánh Văn:

Nghiên cùng pháp lý
Dĩ ngộ vi tắc
Tâm cảnh câu quyên
Mạc ký mạc ức

Dịch Nghĩa:

Xét tột pháp lý
Chứng ngộ mới thôi
Tâm cảnh đều quên
Chẳng ghi chẳng nhớ

Khi học đạo, chúng ta phải nghiên cứu đạo lý cho cùng tột để hiểu biết cho tường tận, rồi cố gắng thật hành cho đến khi nào chúng ta đạt được mục đích cứu cánh mới thôi. Khi đó tâm cảnh đều quên, nghĩa là phải dẹp hết không còn vướng mắc bất cứ thứ gì, chừng đó mới thực sự là tâm không cảnh tịch. Đến đó thì còn gì nữa mà phải ghi phải nhớ. Chỉ còn một tâm thể lặng lẽ thanh tịnh sáng suốt hiện tiền mà thôi.

Chánh Văn:

Lục căn di nhiên
Hành trú tịch mặc
Nhất tâm bất sanh
Vạn pháp câu tức

Điều quan trọng là chúng ta có nỗ lực thiết thiệt chơn chánh tu hành hay không? Hay là chúng ta tu theo kiểu tài tử tùy hứng ưng thì tu không ưng thì thôi. Tu như thế, người đời gọi là tu hú, tu một ngàn năm đi nữa cũng không thể chứng được đạo quả.

Tuy chúng ta không thật hành hạnh đầu đà, nhưng chúng ta cũng phải noi gương Phật, Tổ mà giảm bớt hạn chế tất cả mọi thứ tiện nghi tiêu thụ vật chất. Có người nói, tiền bạc thì dễ tìm, nhưng khung cảnh tu hành như ý muốn thì thật là khó kiếm. Như thế, chúng ta không thể nào lơ là học hỏi, để thời giờ luống trôi qua một cách vô ích! Đây là lời khuyên thành thật của chúng tôi. Nghĩa là mình được như thế này, được tiện nghi như thế này; được gần gũi một bậc Tôn Sư uyên thâm Phật pháp như thế này; mà mình không có tha thiết ân cần nỗ lực học hỏi, thì sau này mình có ăn năn hối tiếc thì cũng đã muộn màng lắm rồi! Trong luật Sa Di có nói: "Nhật nguyệt dị mại, nhược phất vân lai, thao thiết lậu tập, thành vi khả sỉ". Nghĩa là, ngày giờ dễ qua, bằng qua rồi khó mong trở lại, tham lam là thói hèn, thật là đáng xấu hổ! Cổ đức nói, có bốn điều khi qua rồi không thể lấy lại được: "*Một là cơ hội, hai là thời gian, ba là phun nước bọt, bốn là lời nói".* Cơ hội đến thì mình phải nắm bắt liền, không nên bỏ lỡ cơ hội tốt. Vì cơ hội tốt không đến với mình hai lần. Thời gian qua rồi cũng không trở lại, nên mình phải khéo biết tận dụng thời gian để đầu tư cho sự nghiệp trí tuệ tương lai của mình. Người tu hành phải lấy trí tuệ làm sự nghiệp. Khi mình phun nước miếng ra rồi thì làm sao liếm lại được? Người xuất gia từ bỏ mọi thứ danh vọng quyền lợi, khác nào như mình phun nước bọt ra vậy. Đã bỏ rồi sao còn liếm lại? Lời nói ra cũng không thể nào lấy lại được nữa. Người đời thường nói, ăn bậy thì được, nhưng không thể nói bậy

được. Vì nói bậy sẽ làm tổn hại cho mình và người khác. Cho nên người tu phải khéo biết dùng lời ái ngữ. Phải là lời nói thành thật ôn hòa nhã nhặn. Lời nói phải có ý thức, chánh niệm. Ta không thể nói càng nói bướng được.

Trong bốn điều đó, thì "cơ hội" và "thời gian" rất quan trọng đối với chúng ta. Thời gian trôi qua không bao giờ trở lại. Mình không thể nào níu kéo thời gian trở lại được. Nếu như ngày nào mình còn có mặt trên cõi đời này, thì mình nên cố gắng ân cần siêng năng học hỏi. Phải nỗ lực nghiên tầm giáo điển của Phật để lại. Mình học chẳng những nó có lợi ích cho mình trong hiện tại thôi, mà nó còn có lợi ích cho đời sau nữa. Cái hạt giống kiến thức về Phật pháp học tập đó, giả như sau này mình có tái sanh trở lại cõi này, thì mình cũng sẽ gặp được Phật pháp rất sớm. Cho nên, sở dĩ những người mà họ nghe giáo lý thâm nhập thông hiểu rất nhanh, là vì đời trước, họ đã có hạt giống chủng tử huân tập học hỏi Phật pháp sâu dày rồi, nên bây giờ họ nghe một hiểu mười là vậy. Như trường hợp Đức Lục Tổ Huệ Năng chẳng hạn. Hay như ngài Cưu ma la thập mới 7 tuổi mà mỗi ngày thuộc lòng hai ngàn bài kệ. Riêng đức Lục Tổ Huệ Năng, một hôm, Ngài gánh củi đi ngang qua nhà trọ, nghe người khách trong đó tụng kinh Kim Cang Bát Nhã đến câu: ***"Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm".*** Ngay câu nói này Ngài liền tỏ ngộ. Đây chỉ là giải ngộ lần đầu. Như thế, chứng tỏ Lục Tổ đã tu hành trải qua nhiều đời nhiều kiếp lắm rồi. Nếu không, thì tại sao chỉ nghe qua một lần Ngài liền tỏ ngộ? Còn mình nghe hoài mà có ngộ nghiết gì đâu! Có phải vậy không? Nghe tới, nghe lui, nghe xuôi, nghe ngược, nghe trước, nghe sau, nghe hoài mà không có tỏ ngộ mô tê gì cả. Chứng tỏ cái căn lành của mình đối với Phật pháp gieo trồng không được sâu dày. Căn lành của mình cạn mỏng

Chánh Văn:

Quyết trạch thân tâm
Khử kỳ kinh cức
Thế tự phù hư
Chúng duyên khở bức?

Dịch Nghĩa:

Gạn lọc thân tâm
Bỏ điều gai góc
Đời tự giả hư
Duyên nào ép ngặt

Việc gạn lọc thân tâm là bổn phận của người tu chúng ta. Hễ thân an thì tâm lạc. Vì thân tâm không có rời nhau. Thân là đối tượng nhận thức của tâm. Rời đối tượng nhận thức thì không có chủ thể nhận thức. Như vậy giữa chủ thể và đối tượng, nói cách khác giữa kiến phần và tướng phần không có rời nhau. Đó gọi là thân tâm nhứt như. Bỏ điều gai góc là sao? Là chúng ta đừng có bám theo vọng tưởng. Vì vọng tưởng là cái biết giả dối không thật. Nếu chúng ta còn chạy theo vọng tưởng tất nhiên là còn tạo nghiệp thọ khổ. Tuy vọng tưởng là không thật, nhưng nếu chúng ta theo nó thì rất là nguy hiểm. Như một niệm sân nổi lên, ta liền theo cơn giận đó rồi tạo nghiệp, tức những hành động của thân và miệng. Đó là nguyên nhân đưa đến cái khổ. Biết rõ vọng tưởng là giả dối, ta quyết không theo nó. Ta cần phải ôm ấp yêu thương chuyển hóa nó. Ta biết cơn giận là đối tượng của tâm hành tiêu cực. Hiện tượng của giận không phải là kẻ thù của ta. Mà nó là một phần tử của tâm ta. Như sóng là phần tử của nước, thì nước làm sao coi sóng là kẻ thù được? Vì ta không giữ kỹ nên nó mới nổi

mê. Hoa nào có mê hoặc con người, mà chính do con người mê hoa đó thôi. Nói rõ hơn, sáu cảnh hoàn toàn không có lỗi gì, lỗi là do tâm chúng ta phân biệt chấp trước vào sáu cảnh, nên mới gọi là sáu trần.

Chánh Văn:

Lục đạo vãng hoàn
Tam giới bồ bặc
Tảo phỏng minh sư
Thân cận cao đức

Dịch Nghĩa:

Qua lại sáu đường
Lăn lóc ba cõi
Sớm tìm minh sư
Thân gần cao đức

Bốn câu này, rõ ràng là Tổ nói lên cái nỗi thống khổ của con người qua lại trong sáu đường và lăn lóc trong ba cõi. Cứ thế mà kéo dài sự đau khổ triền miên không biết đến bao giờ mới thực sự chấm dứt. Muốn chấm dứt khổ đau, thì Tổ khuyên chúng ta nên tìm các bậc minh sư để gần gũi học hỏi. Vì các bậc minh sư thấy rõ con đường khổ đau và hạnh phúc. Các ngài sẽ vạch bày cho chúng ta một con đường thẳng tiến trên lộ trình giác ngộ giải thoát. Bậc minh sư là những người đã từng trải nghiệm rất nhiều trong sự tu tập. Cho nên chúng ta tin tưởng vào vị đó mà hết lòng tu tập. Thế thì, một ngày nào đó chúng ta sẽ được giác ngộ chấm dứt khổ đau.

lắm! Thế nên, chúng ta cần phải cố gắng nỗ lực miệt mài tu học nhiều hơn. Tuy nhiên, sự thật hành bao giờ cũng quan trọng hơn. Học chỉ là để bổ túc cho sự thật hành của chúng ta đó thôi. Tôi thường ví dụ, học như có đôi mắt sáng, nhìn xa thấy rộng, nhưng vẫn dặm chân tại chỗ. Còn thật hành như có đôi chân mạnh đi một cách dễ dàng thẳng bước tới nơi tới chốn. Cho nên giữa học và hành cần phải soi sáng bổ túc hỗ trợ cho nhau. Tổ Khánh Anh nói: "Tu mà không học là tu mù, còn học mà không tu là đãi sách". Cho nên giữa học và tu (thật hành) đều phải song hành tương xứng với nhau. Có thế thì cả hai mới được lợi lạc vậy.

Đối với quý sư cô trọng tuổi cũng đừng có thối chí nản lòng. Người trọng tuổi nào cũng hay nhớ trước quên sau. Nhưng điều quan trọng là chúng ta hãy tinh tấn chuyên cần bền chí tu học. Cố gắng học kinh, xem kinh và nghe kinh. Đó là mình khéo biết đầu tư cho mình. Ta hãy cố gắng huân tập như thế mỗi ngày thì hạt giống Phật pháp càng lúc càng sâu thêm. Biết đâu có ngày mình sẽ tỏ ngộ. Đó là phương pháp "**Văn, Tư, Tu"** của đạo Phật. Nghe rồi phải tư duy, tức chánh tư duy rồi ứng dụng thật hành. Thật hành đúng theo những gì mà mình đã tư duy một cách chín chắn. Tư duy cũng chính là thiền quán. Trong tàng thức của mình nó có khả năng cất chứa tất cả mọi hạt giống. Khi mình huân vào nó cất chứa hết không có bỏ sót mất mát một hạt giống nào. Chính vì thức A lại da, nó có khả năng cất chứa như thế, nên các nhà Duy Thức Học lấy đất mà dụ cho tàng thức. Vì đất có công năng cất chứa mọi thứ hạt giống. Trong 50 bài tụng của Duy Biểu Học Hòa thượng Thích Nhất Hạnh có viết:

"Tâm là đất gieo hạt,
Mọi hạt giống có đầy

Tâm địa cũng chính là
Toàn thể hạt giống ấy".

Vì đất có công năng như thế nên các nhà Duy Thức lấy đất dụ cho tâm. Giả như mình niệm Phật mà không được vãng sanh về Cực lạc, thì sau này mình sẽ gặp lại Phật pháp tiếp tục tu học nữa. Chừng đó, mình nghe hiểu nhiều hơn. Vì căn lành của mình đã trồng sâu. Điều quan trọng là mình hãy nỗ lực huân tu, đừng có lơ là chểnh mãng, vì cái chết đến với mình bất cứ lúc nào. Nhất là đối với quý sư cô trọng tuổi. Nếu mình cố gắng gieo trồng hạt giống Phật pháp sâu dày, giả như mình có tái sanh trở lại cõi Ta bà này, thì mình cũng sẽ gặp Phật pháp sớm hơn và mình cũng có thể tiếp tục xuất gia tu hành đi theo con đường mà mình đã chọn. Bấy giờ, khi nghe hay học Phật pháp thì mình sẽ hiểu rõ hơn không cần phải cặm cụi miệt mài hoài mà không hiểu mô tê gì hết! Thành thử ra, chúng ta nên cố gắng huân tập hạt giống Phật pháp cho nhiều. Vì thế, chúng tôi mới nói cần phải chuyên cần học hỏi đừng có phí phạm thời gian trôi qua một cách vô ích là vậy!

Đối với những tăng ni trẻ tuổi, thì đây là một cơ hội ngàn vàng khó kiếm trong việc nghiên tầm giáo điển. Nếu để ngày qua tháng lại muốn tìm lại cơ hội này cũng không phải dễ tìm. Nếu sau này Hòa thượng viên tịch rồi muốn kiếm một vị thâm hiểu giáo lý uyên bác cũng không phải dễ tìm. Tôi nói thật như vậy đó. Cũng như bây giờ mình sống trong tự do hít thở không khí trong lành tươi mát, thì mình thấy thường quá, nhưng khi mình vô một cái căn phòng thiếu oxy để thở, cảm thấy như nghẹt thở, chừng đó mình mới thấy cái giá trị không khí ở bên ngoài. Cho nên, người ta nói: "Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại" là thế. Nghĩa là một ngày ở trong tù bằng cả ngàn năm ở bên

tuệ, mà chúng ta cần phải đầu tư nhiều thời giờ cho việc công phu tu tập. Có thế, thì chúng ta mới có thể đạt được kết quả như ý muốn. Bằng không thì cây vô minh ngày càng tăng trưởng lớn mạnh thêm. Như thế, thì không biết bao giờ chúng ta mới thực sự hết khổ!

Chánh Văn:

Kim sanh không quá
Lai thế trất tắc
Tùng mê chí mê
Giai nhân lục tặc

Dịch Nghĩa:

Đời nay luống qua
Đời sau ngăn lấp
Từ mê đến mê
Đều do sáu giặc

Nếu cứ dần dà đời này luống qua, thì đời sau bít lấp. Tổ nói rất rõ, từ mê lầm này dẫn đến mê lầm khác, tất cả đều do sáu giặc gây ra. Sáu giặc là gì? Ai cũng biết đó là sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của chúng ta. Nhưng tại sao gọi sáu thứ này là giặc? Bởi vì sáu thứ này khi tiếp xúc với sáu trần: sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp, cố bám chặt đắm nhiễm không buông. Thật ra sáu trần vốn không có lỗi gì cả. Mà lỗi là do sáu căn nhiễm trước vào sáu trần rồi tạo thành nghiệp. Một khi đã tạo nghiệp thì phải có quả khổ. Dụ như mắt thấy sắc, liền sanh tâm yêu thích. Nếu sự yêu thích đó không được toại nguyện thì khởi niệm ganh ghét. Thế là sanh ra có chuyện không hay với đối tượng mà mình yêu thích. Sách có câu: "Hoa bất mê nhơn, nhơn tự

trí tạo ra, nay nó trở thành miếng mồi ngon cho những người thân trong gia đình tranh giành cấu xé lẫn nhau. Như vậy, sự ra đi của chúng ta về bên kia thế giới có thực sự an ổn hay không? Chúng ta có thực sự là buông bỏ hết mọi thứ hay không? Hay vẫn còn luyến tiếc tài sản và những người thân thuộc trong gia đình? Việc này không ai hiểu rõ bằng đương sự trong lúc từ biệt vĩnh viễn ra đi. Song có điều cụ thể thực tế nhứt, là người ra đi bỏ hết lại cho đời, chỉ mang theo nghiệp lành hoặc nghiệp dữ mà thôi!

Chánh Văn:

Căn bản vô minh
Nhân tư bị hoặc
Quang âm khả tích
Sát na bất trắc

Dịch Nghĩa:

Căn bản vô minh
Nhân đây mê hoặc
Thời giờ đáng tiếc
Khoảnh khắc khó lường

Cội gốc vô minh, do đây mà mê lầm. Mê lầm này cứ chồng chất nhân lên nhau theo cấp số nhân. Nếu chúng ta không tu tập để có được trí tuệ sáng suốt, thì không biết đến bao giờ mới có thể diệt trừ hết vô minh phiền não. Muốn diệt trừ hết vô minh phiền não thì không có cách nào hơn là chúng ta phải vận dụng trí tuệ Bát nhã để hằng quán chiếu. Muốn vậy, cố nhiên là chúng ta phải tận dụng thời gian để tu tập. Không phải muốn có trí tuệ là có trí

ngoài. Vì ở bên ngoài mình rất được tự do thoải mái. Bây giờ, mình sống gần gũi với một bậc Tôn Túc, xin lỗi, nhiều khi mình sanh niệm coi thường. Nhưng khi Hòa thượng viên tịch rồi, chừng đó mình mới thấy ăn năn hối tiếc. Một khi mình thấy hối tiếc thì đã không còn kịp nữa rồi! Thế nên, chúng ta còn có phúc duyên như vậy thì mọi người hãy cố gắng học hỏi, khi nghe Hòa Thượng giảng dạy. Ở đây, thành ra chúng tôi nói rằng, bây giờ mình học ở ngoài đời, học những môn học thế pháp, dù rằng có bằng cấp cao cỡ nào đi chăng nữa, người ta cũng không có kính nể mình vì cái bằng cấp đó đâu! Mặc dù ở các nước Tây phương, người ta rất trọng dụng bằng cấp. Vì đó là nồi cơm bát gạo của họ. Có bằng cấp thì mới có việc làm tốt. Đó là nói ở ngoài đời thì họ rất cần. Còn người xuất gia như chúng ta, thì gọi là những người khất sĩ, chớ không phải là tiến sĩ. Tuy nhiên, nếu mình có bằng cấp học lực ngoài đời cao thì cũng tốt, nhưng mình hãy coi đó như là một phương tiện quyền xảo để hành đạo. Tuyệt đối, không nên khoe khoang hay ngã mạn vì cái mảnh bằng tiến sĩ giả tạm đó. Bản thân mình còn không giữ được nói chi là miếng giấy mảnh bằng! Thành ra, chúng ta học tất cả những môn thế học bên ngoài, nhưng hãy coi đó như là một phương tiện quyền xảo hay một lợi khí để giúp cho chúng ta trong vấn đề truyền bá đạo pháp mà thôi. Giỏi ngoại ngữ, biết nhiều thứ tiếng, thì nó rất có lợi cho công cuộc truyền bá chánh pháp của ta. Điều này không ai có thể chối cãi phủ nhận được. Tuy nhiên, điều quan trọng là mình hãy khéo biết lợi dụng bằng cấp đó để hoằng pháp lợi sinh. Đó cũng là một lợi khí sắc bén mà chúng ta cần phải có.

Ở xứ này, rất cần ngoại ngữ nhất là sinh ngữ Anh. Mục đích sử dụng ngoại ngữ như là một lợi khí để cho người

Tây Phương hiểu được cái giáo lý thâm diệu truyền đạt của mình. Như vậy cái giáo lý Phật dạy vẫn là căn bản. Bây giờ mình đi thuyết giảng trước mặt quần chúng cho những người Phật tử hay không phải Phật tử nghe, thì những điều giáo lý mà người ta hỏi mình một vài câu, mình ấp a ấp úng, nói không ra lời, thì người ta làm sao tới để học hỏi với mình được nữa? Người ta sẽ đánh giá sức học nội điển của mình còn rất thấp kém. Thành ra, cái quan trọng đối với người xuất gia thì giáo lý đó mới là điều quan trọng nhất, là căn bản mà mình phải đặt lên hàng đầu. Mà muốn hiểu như vậy thì mình phải cố gắng nghiên tầm học hỏi không bao giờ nản chí tự mãn. Chứ đừng nghĩ rằng, ỷ vào cái bằng cấp, hay như cái phước cũng vậy, mình cũng không thể dựa vào cái phước báo. Vì cái phước báo không cứu được mình. Nó không thể đưa mình thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử khổ đau được. Nên trong đạo Phật Phước Huệ phải song tu, vì có song tu lưỡng toàn mới phương tác Phật. Phước và huệ không thể nghiêng một bên. Nếu chỉ nghiêng một bên thì có khác nào như chim một cánh, xe một bánh, như thế thì làm sao viễn hành thiên lý cho được?

Đối với các vị tăng ni trẻ tương lai trách vụ của quý vị rất nặng nề. Khi quý thầy cao tuổi viên tịch hết rồi thì trách vụ hoằng pháp lợi sinh, là trọng trách của quý vị phải đảm đang gánh vác. Là một trách nhiệm rất nặng nề, nhất là ở xứ Tây phương này. Thành ra, ở đây chúng tôi tha thiết mong mỏi, đối với quý thầy, quý sư cô còn trẻ, thì phải cố gắng nỗ lực chuyên cần gia tâm nghiên tầm giáo điển. Vì đó là cái gốc cái căn bản của mình. Khi mình đi xuất gia là đã tuyên bố với mọi người rằng, mình là người tỉnh thức giác ngộ và là người thông hiểu giáo pháp Phật dạy. Nếu thế, mà mình không nỗ lực tu học coi như là mình đã phản

Đại ý của bốn câu này, Tổ nói rằng, khi mà chúng ta chưa thực sự giác ngộ giải thoát, thì ra đây vào kia, cứ mãi lẩn quẩn xuống lên trong ba cõi sáu đường. Đó là một vòng tròn luân hồi nổi chìm lênh đênh trong biển khổ sinh tử. Cứ mãi trôi nổi xuống lên cực nhọc, chưa biết đến bao giờ mới thực sự dừng nghỉ. Còn vô minh tạo nghiệp là còn nổi trôi trong vòng luân hồi bất tuyệt. Khi nào vô minh không còn, thì ngang đó không còn tạo nghiệp, bấy giờ mới thực sự là chấm dứt khổ đau.

Chánh Văn:

Tham luyến thế gian
Ấm duyên thành chất
Tùng sanh chí lão
Nhất vô sở đắc

Dịch Nghĩa:

Tham luyến cõi đời
Ấm duyên thành chất
Từ sanh đến già
Trọn không gì được

Bốn câu này, chúng ta hãy thành thật quán chiếu lại mình. Có phải vì mình tham luyến những thứ vật chất ở thế gian, nên mới có ra thân này, tức năm uẩn hợp lại thành sắc chất? Như vậy cái thân này có phải xuất phát từ cái tâm vọng động tham ái mà ra không? Chúng ta thử ngẫm nghĩ lại, từ khi chúng ta mở mắt chào đời cho đến khi nhắm mắt từ giã cõi đời này, chúng ta có mang theo được cái gì không? Hay tất cả đều để lại cho đời. Đó là chưa nói tới cái tài sản kết sù mà chúng ta đã lao tâm cực

cả chỉ là ảo tưởng ảo giác huyễn hóa, không có gì thật cả. Tuy nhiên, đối với người nhặm mắt, vì mắt bệnh mà thấy như vậy. Cũng thế, vạn vật tuy huyễn hóa, nhưng vì vô minh vọng chấp che mờ, nên chúng ta mới thấy vạn pháp là thật. Nếu khi con mắt hết bệnh rồi, thì người đó sẽ thấy hư không chỉ là một bầu trời trong tạnh. Cũng vậy, khi chúng ta phá tan mây mù vô minh rồi, thì mới thấy rõ vạn pháp chỉ là hư huyễn không thật. Mé trước, mé sau là đối đãi, mà đối đãi thì nào có thật, giống như bóng trong gương như trăng dưới nước vậy thôi. Người nào đi sâu vào thiền định như huyễn tam ma đề, thì mới thấy rõ tất cả mọi hiện tượng đều duyên sinh như huyễn. Bằng chưa đạt được thiền định này, thì vẫn còn chấp chặt cho các pháp là thật. Ngay câu đầu của bài kệ, Tổ nói rõ thân thể của chúng ta là huyễn thân. Đã là huyễn thì không thật, khác nào như giấc chiêm bao. Mộng trạch là ngôi nhà mộng. Hiện chúng ta đang sống trong ngôi nhà mộng ảo. Và mọi vật thể trong không gian này cũng chỉ là hư ảo mà thôi. Nhận rõ như thế, thì chúng ta không còn bị dính kẹt vào không gian và thời gian. Vượt ngoài đối đãi ngay đó là giải thoát.

Chánh Văn:

Xuất thử một bỉ
Thăng trầm bỉ cực
Vị miễn tam luân
Hà thời hưu tức?

Dịch Nghĩa:

Thoát đây chìm kia
Lên xuống cực nhọc
Chưa khỏi ba đường
Bao giờ thôi dứt?

bội lại với chính mình và đồng thời mình cũng lừa gạt người khác. Đã thế, thì đâu có ai thật tâm kính nể mình. Một khi người ta không kính nể mình, thì dẫu mình có nói hay ho đến đâu, người ta cũng không thèm nghe. Quý vị để ý, sở dĩ người ta kính nể mình là vì giáo lý và đức hạnh của mình cao đẹp và giỏi hơn họ.

Sự thật cái bằng cấp tiến sĩ, thạc sĩ hay cử nhân ở ngoài đời, con cái của họ cũng có thiếu gì. Người ta tôn trọng mình không phải vì bằng cấp, mà chính là cái đức hạnh và khả năng giáo lý của mình. Đức hạnh và tài năng luôn song hành với nhau. Có tài mà không có đức thì người ta vẫn coi thường mình. Còn có đức mà không có tài, tuy không cảm hóa được họ, nhưng họ vẫn tôn trọng mình. Vì thế mới có câu nói: "Đức thắng tài vi quân tử, tài thắng đức vi tiểu nhân". Cụ Nguyễn Du lại còn nói rõ hơn: "Có tài mà cậy chi tài, chữ tài liền với chữ tai một vần". Thế thì, người tu, cái đức độ mới là quan trọng, còn tài chỉ là cái phụ thuộc. Tuy nó phụ thuộc nhưng cũng rất cần thiết phải có. Đức là do sức huân tu hành trì giới luật mà có. Nhờ sức huân tu giữ gìn giới luật nên đạo lực của chúng ta mới được vững chãi. Tài là do nỗ lực học hỏi mà thành. Vì thế, cả hai đều phải song hành không thể thiếu một được.

Điều ta nên biết, sự nghiệp của người xuất gia đương nhiên phải khác hơn người đời rất nhiều. Người đời họ coi trọng của cải tài sản vật chất, vì đó là những gia sản quý báu của họ. Ngược lại, người xuất gia thì phải lấy **"Trí Tuệ Làm Sự Nghiệp**". Có trí tuệ và đức hạnh thì mới ra hoằng pháp lợi sinh. Vì người xuất gia ngoài việc tự lợi còn phải thật hành công hạnh lợi tha nữa. Cho nên mới có câu nói: "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự". Đó mới thực sự là báo Phật ân đức. Hoằng pháp thị gia vụ, là nhiệm vụ

chính của người tu. Muốn thực hiện được trọng trách đó thì ngay bây giờ quý vị cần phải tha thiết học hỏi, có thế mới khỏi phụ lòng công ơn Hòa thượng Ân Sư đã dày công giáo huấn, và chúng tôi cũng rất là vui khi đóng vai trò của một người đi trước hướng dẫn giúp cho quý huynh đệ.

Tất cả đều là những lời tâm tình xuất phát từ tấm lòng chân thành của chúng tôi. Kính mong quý vị hiểu và thông cảm cho chúng tôi. Chúng tôi sẽ cố gắng nỗ lực hết sức mình trình bày giúp cho quý vị những gì qua sự học hỏi hiểu biết trong phạm vi hạn hẹp nông cạn của chúng tôi. Khi mà chúng tôi hướng dẫn thì chúng tôi cố gắng hết sức mình, có bao nhiêu hiểu biết, bao nhiêu kinh nghiệm trong vấn đề tu học của chúng tôi, thì chúng tôi không ngần ngại xin trao lại hết cho tất cả quý thầy, quý sư cô trọng tuổi cũng như trẻ tuổi.

Tôi thành thật khuyên quý sư cô trọng tuổi, dù tuổi già sức yếu nhưng cũng đừng có thối chí nản lòng. Cố gắng dự nghe hiểu được bao nhiêu thì tốt bấy nhiêu. Chúng ta nghe những lời thức nhắc khuyến tấn của Tổ, để mình chuyên cần nỗ lực thật hành. Có như vậy, thì việc tu hành của mình mới có được tiến bộ lợi ích thiết thực. Tôi xin nhắc lại lời dạy của Tổ Khánh Anh: "Tu mà không học là tu mù. Ngược lại, học mà không tu là đãi sách". Cho nên tu và học phải đi đôi với nhau, gọi là tri hành hợp nhất. Tu là phần thật hành; học là phần lý thuyết. Thuyết có thông thì sự thật hành mới thông, tức không bị lầm lẫn. Cho nên người ta nói tu học chớ không ai nói học tu. Tu lúc nào cũng quan trọng hơn. Học để hiểu, để thông suốt những gì Phật Tổ dạy, rồi chúng ta ứng dụng thật hành theo những gì Phật Tổ chỉ dạy. Đó là điều rất thiết yếu cho những

cảnh tỉnh thức nhắc chúng ta. Vì chí nguyện của người xuất gia là phải xuất ly tam giới. Một chí nguyện cao cả tuyệt vời như thế, thì không thể nào lại đắm nhiễm những thứ dục lạc tầm thường ở thế gian.

Tổ còn nguyện trăm kiếp ngàn đời nơi nơi chỗ chỗ đồng làm bạn pháp với chúng ta. Quả đúng với câu: "Nguyện mong trăm kiếp nghìn đời, Sanh nơi Phật pháp cùng người kết thân". Chúng ta cũng nguyện đời đời kiếp kiếp sanh ra bất cứ nơi đâu cùng kết tình pháp lữ với nhau trên bước đường tu tập cho đến ngày thành công viên mãn Phật quả. Tổ có ghi lại bài minh răng:

Chánh Văn:

Huyễn thân mộng trạch
Không trung vật sắc
Tiền tế vô cùng
Hậu tế ninh khắc?

Dịch Nghĩa:

Thân huyễn nhà mộng
Vật sắc trong không
Mé trước không cùng
Mé sau đâu biết?

Tổ thức nhắc chúng ta phải thấy thân này chỉ là tướng duyên hợp, nó là huyễn hóa không thật. Tất cả những hiện tượng trước mắt ta chẳng khác nào như hoa đốm giữa hư không. Thật ra hư không không có sanh ra hoa đốm, chẳng qua vì con mắt của chúng ta bị bệnh nhặm mà thấy hình như có hoa đốm đó thôi, kỳ thật là không có hoa đốm. Tất

không phải đơn thuần như chúng ta tưởng. Nói nhân nào quả nấy chỉ là nói một cách tổng thể. Chớ nếu chúng ta nghiên cứu tìm hiểu sâu vào chi tiết của nhân quả thì nó rất phức tạp không phải đơn thuần như thế.

Ở đây, Tổ khuyên chúng ta nên cố gắng lo tu, nghĩa là cố gắng gây tạo điều lành, thì kết quả rất lợi lạc. Như thế, thì quả thật không uổng phí thời gian tu tập của chúng ta.

Thâm tri quá hoạn, phương nãi tương khuyến hành trì. Nguyện bách kiếp thiên sanh, xứ xứ đồng vi pháp lữ, nãi vi minh viết:
Biết rõ lỗi lầm nên mới khuyên nhau tu tập. Nguyện trăm kiếp ngàn đời, chỗ chỗ cùng nhau làm bạn pháp, bèn làm bài minh rằng:

Thâm tri, thâm là sâu, tri là biết. Nghĩa là biết một cách sâu sắc. Không phải biết qua loa hời hợt cho có lệ. Quá hoạn, chữ quá là lỗi lầm, không phải quá là qua hay quá khứ. Tổ nói rằng, Tổ biết rõ những lỗi lầm xảy ra trong chốn thiền môn, nên Tổ mới có tâm nhiệt tình khuyến nhắc dạy bảo chúng ta phải nỗ lực tu tập hành trì. Hành là làm, trì là gìn giữ. Làm không chưa đủ mà mình còn phải luôn luôn gìn giữ, những gì mà mình đã làm. Trong Kinh Bát Đại Nhơn Giác, có một bài kinh nói về tai hại của năm thứ dục lạc. Bài kinh này Phật dạy cho cả hai giới xuất gia và tại gia phải lánh xa dục nhiễm, gọi là "ly nhiễm xuất thế". Mở đầu của bài kinh, Phật nói: "Ngũ dục quá hoạn". Vì năm thứ dục lạc này (tài, sắc, danh, thực, thùy), gây ra nhiều lỗi lầm tai họa ở thế gian. Chính nó làm cho con người phải chịu nhiều khổ đau truyền kiếp. Thế nên, đối với người xuất gia chúng ta phải lánh xa năm thứ dục lạc này như tránh xa hầm lửa. Đó là điều mà Phật Tổ luôn

người tu hành nói chung, đối với những người xuất gia chúng ta nói riêng.

Một lần nữa, tôi thành thật khuyên quý sư cô trọng tuổi, đừng nghĩ mình lớn tuổi rồi không chịu học. Tuy mình không học thuộc lòng hay nhớ dai như người trẻ, nhưng tất cả những gì mình nghe quý thầy giảng, nó đều trở thành những hạt giống được cất giữ trong cái kho tàng thức. Vì thế, nó không có mất đi đâu mà sợ. Điều quan trọng là khi nghe hay lúc học, ta cần phải hết sức để tâm chú ý, phải tập trung tâm ý để lắng nghe. Không nên có thái độ tỏ ra giải đãi khinh lờn. Nhất là, cái bệnh hôn trầm khi nghe pháp thì lại ngủ gà ngủ gật. Chính cái đó là con ma buồn ngủ nó dẫn dắt mình đi vào trong hang quỷ. Phải huân tập hạt giống Phật pháp cho nhiều, đó là một cách đầu tư khôn ngoan trong việc tu học. Hạt giống Phật pháp chắc chắn trong tương lai mình sẽ gặp lại Phật pháp và tiếp tục tu nữa. Tu đến chừng nào thành tựu đạo quả viên mãn mới thôi.

Riêng đối với các tăng ni trẻ, một lần nữa, tôi thành thật tha thiết mong mỏi quý vị mỗi người phải nỗ lực chuyên cần nghiên tầm giáo điển, đó là cái gốc cái căn bản của mình. khi vào chùa cạo đầu, mình đã tuyên bố với mọi người mình là người tỉnh thức giác ngộ. Muốn thế, thì mình phải làm sao cho xứng đáng với con người giác ngộ? Tức phải cố gắng rèn luyện trong việc tu học. Có thế mới không phụ lòng Hòa Thượng Ân Sư đã dày công chỉ giáo.

Tôi xin kể một câu chuyện có liên quan đến việc tu thiền. Một hôm, Tổ Bá Trượng và ngài Qui Sơn, hai thầy trò dẫn nhau ra ngoài dạo vườn. Khi đó, có bầy le le (vịt trời) bay ngang qua, Tổ Bá Trượng liền hỏi ngài Qui Sơn, ông có

thấy bầy le le bay ngang qua không? Ngài Qui Sơn trả lời, dạ thấy, nhưng nó bay qua mất rồi. Ngay lúc đó Tổ Bá Trượng mới nắm cái lỗ mũi của ngài Qui Sơn, vặn một cái thật mạnh làm ngài Qui Sơn đau điếng la thất thanh. Tổ Bá Trượng liền bảo rằng: "Sao ông nói bay qua mất đi?", ngay câu nói này, ngài Qui Sơn liền ngộ. Ngài liền sụp xuống lạy. Như vậy, tôi hỏi quý vị ngài Qui Sơn ngộ là ngộ ở chỗ nào? Tại sao nắm vặn cái lỗ mũi mà ngộ? Nếu như nắm kéo cái lỗ mũi của mình thì sao? Mình có ngộ hay là nổi giận? Chắc là mình giận tức dữ lắm! Nhưng ở đây, thì ngài Qui Sơn lại ngộ. Những câu chuyện thiền như vậy chúng ta cũng phải biết. Tuy mình tu Tịnh độ nhưng mình cũng học hỏi nghiên cứu về thiền. Vì thiền hay tịnh cũng đều do Phật nói cả. Nhiều người vì cố chấp tông này phái nọ mà công kích bài bác lẫn nhau, điều đó không nên. Nếu kích bác như thế, thì có khác nào mình kích bác Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, vị Giáo Chủ của mình rồi!

Câu chuyện đó chúng tôi tạm giải mã như thế này. Lâu nay, đại đa số chúng ta sống lệ thuộc ở nơi trần cảnh, khi có tiếng mình nói mình nghe, khi có cảnh mình nói mình thấy, mà hễ cảnh qua rồi thì mình nói không thấy; không có tiếng thì mình nói không nghe. Không thấy, chẳng lẽ lúc đó mình mù. Không nghe, chẳng lẽ lúc đó mình điếc. Có cảnh thì mình thấy có cảnh, không cảnh thì mình vẫn thấy không cảnh, chứ tại sao mình nói không thấy? Cũng vậy, có tiếng thì mình nói mình nghe, không tiếng thì mình nói mình không nghe. Tất cả chúng ta hay bị lầm lẫn là ở chỗ đó. Cảnh thì khi có, khi không, nhưng tánh thấy, tánh nghe của chúng ta thì vẫn thường hằng. Như vậy, tánh thấy, tánh nghe... luôn luôn hằng hữu. Có cảnh thì thấy có cảnh, không cảnh thì thấy không cảnh. Thí dụ có cái bình bông đây, tôi thấy bình bông, bây giờ dẹp cái bình bông

có hành động hay nói năng bừa bãi mà phải chịu lãnh lấy quả báo không hay. Ta phải ghi nhớ khắc sâu điều này mà hành sự.

Cố tri tam giới oanh bạn sát nhân, nỗ lực cần tu, mạc không quá nhật.
Nên biết, ba cõi hình phạt trói buộc hại người. Gắng sức lo tu chớ luống qua ngày tháng.

Chúng sanh trong ba cõi khi đã tạo nghiệp lành, dữ thì không thể nào thoát khỏi sự hình phạt. Sự hình phạt này chính do tự mình hình phạt trói buộc mình. Bao nhiêu sự việc xảy ra trước mắt chúng ta hằng ngày, có phải sự hình phạt nặng, nhẹ đó là do người khác làm hay do chúng ta tạo ra. Nếu chúng ta không buôn lậu chất cấm như á phiện v.v... thì chúng ta đâu có bị bắt ở tù. Vậy việc ở tù tội đó có phải do chúng ta tự nhốt mình trong lao lý đó không? Một hành động sai trái với luật pháp, thì luật pháp sẽ trừng trị. Khi đã gây nhân bất thiện rồi, thì đừng hòng chạy thoát tội được. Có người nuốt loại thuốc chất cấm vào trong bụng, tưởng là không ai phát hiện được, nhưng khó thoát khỏi với cơ quan an ninh phi trường. Nếu ai cũng qua mặt được luật pháp, thì quốc gia đó, sẽ gây nên tình trạng hỗn loạn, không còn an ninh trật tự gì nữa Thế thì, chúng ta sẽ tự hỏi quốc gia đó sẽ đi về đâu? Vì không có ai được luật pháp bảo vệ một cách an toàn. Luật pháp thế gian chúng ta còn không dám khinh thường, nói chi đến luật nhân quả. Luật pháp thế gian đôi khi còn có kẻ hở, chớ luật nhân quả thì rất công bằng không thiên vị một ai. Và không bao giờ có kẻ hở tha thứ cho ai. Nhân thế nào thì quả thế ấy. Tuy nhiên, từ nhân tới quả nó còn đòi hỏi nhiều điều kiện trợ giúp khác nữa. Tùy theo thuận nhân hoặc nghịch nhân mà cái quả có thay đổi khác đi. Phải nói nhân quả rất phức tạp

Cố kinh vân: giả sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ.
Cho nên kinh nói: "Giả sử trăm nghìn kiếp, nghiệp đã tạo không bao giờ mất. Nhân duyên khi gặp gỡ, quả báo lại phải chịu".

Trong kinh nói rõ ràng, dù cho trải qua trăm ngàn kiếp chỗ mình tạo nghiệp không bao giờ mất. Khi nhân duyên đến rồi, thì không thể chạy thoát được mà phải chịu nhận lãnh quả báo đó thôi. Sách Nho có câu: "Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, cao phi diễn tẩu dã nan tàng. Hành tàng hư thiệt tự gia tri, họa phước nhơn do cánh vấn thùy, chỉ tranh lai tảo dữ lai trì". Nghĩa là, làm lành hay làm dữ cuối cùng cũng phải trả, đừng có hòng cao bay xa chạy mà có thể trốn thoát được. Việc làm gian dối hay chơn thật thì tự mình biết, cũng như việc họa hay phước đến với mình, thì mình cũng đừng hỏi ai. Chẳng qua quả báo nó đến với mình nhanh hoặc chậm khác nhau đó thôi. Tất cả những gì mình đã gây ra thì mình phải nhận lấy quả báo của nó. Nếu mình tạo điều lành như làm phước giúp người v.v... cố nhiên là mình sẽ hưởng được quả báo tốt đẹp. Bằng ngược lại, mình gây tạo những điều ác hại người, hại vật, thì mình sẽ lãnh lấy quả báo xấu ác. Luật pháp ở thế gian còn không tránh khỏi nói chi đến luật nhân quả. Bởi nhân quả là một chân lý phổ biến. Nó tiềm tàng chi phối tất cả mọi sự vật. Gieo giống nào thì sẽ gặt hái giống đó. Gieo ớt mà muốn có quả cam ngọt ngon thì điều vô lý. Ngược lại, gieo hạt cam thì không thể nào có kết quả trái ớt được. Hãy chiêm nghiệm luật nhân quả mà chọn cách sống cho phải đạo. Đã gây nhân rồi không thể thoát khỏi quả báo. Người ta thường nói, lưới trời lồng lộng nhưng không lọt một ai. Cho nên mỗi hành động, lời nói, suy nghĩ của chúng ta, tất cả đều phải kiểm soát cho thật kỹ càng. Đừng

đi, thì tôi vẫn thấy không có bình bông. Tại sao nói không thấy? Tiếng chuông thỉnh lên, thì mình nghe có tiếng, khi tiếng chuông bặt dứt, thì mình vẫn nghe không có tiếng chuông. Hiểu như thế, thì ta mới hiểu được câu chuyện giữa tổ Bá Trượng Hoài Hải và ngài Qui Sơn. Về câu chuyện moi lò lấy lửa ở trong phần tiểu sử của ngài Qui Sơn cũng giống như câu chuyện này. Chuyện đó khi đọc vào trong phần tiểu sử của ngài Qui Sơn, chúng ta sẽ tìm hiểu sau. Bầy vịt trời bay qua khi có, khi không, còn tánh thấy bầy vịt trời có bao giờ mất đâu. Nếu qua mất rồi thì tại sao biết đau? Ngài Qui Sơn ngộ là nhận lại cái tánh thấy hằng hữu của mình. Thế là, cả hai thầy trò đã hiểu và cảm thông nhau. Đó cũng là diệu thuật khai ngộ trong nhà thiền. Sau này, ngài Qui Sơn khai ngộ cho ngài Huệ Tịch cũng bằng cách diệu thuật đánh thức tánh thấy. Sự truyền đạt trong nhà thiền nó có một hệ thống rất rõ ràng.

Bây giờ, chúng ta hãy thử tìm hiểu sơ qua vài nét về tiểu sử của ngài Qui Sơn Linh Hựu. Về tiểu sử của ngài, chúng tôi xin được trích dẫn đôi điều trong quyển Trung Hoa Chư Thiền Đức Hành Trạng, tập một, của Thiền Sư Thích Thanh Từ soạn dịch.

2. Vài Nét Về Tiểu Sử Của Tổ Qui Sơn

"Sư họ Triệu, quê ở Trường Khê, Phước Châu. Năm 15 tuổi, Sư từ thân xuất gia theo Luật Sư Pháp Thường ở chùa Kiến Thiện tại bổn quận thế phát. Sau, Sư đến chùa Long Hưng ở Hàng Châu thọ giới. Sư học Kinh, Luật Đại thừa, Tiểu thừa rất uyên thâm.

Năm 23 tuổi, Sư đến Giang Tây tham học với Tổ Bá Trượng Hoài Hải, Bá Trượng vừa thấy Sư liền nhận cho

nhập chúng. Trong chúng, Sư là người được cử đứng hàng đầu.

Một hôm, Sư đứng hầu Bá Trượng, Bá Trượng hỏi:
- Ai?
Sư thưa:
- Con, Linh Hựu!
- Ngươi vạch trong lò xem có lửa chăng?
Sư vạch, thưa:
- Không lửa.

Bá Trượng đứng dậy, đến vạch sâu trong lò được chút lửa, đưa lên chỉ Sư, bảo:
- Ngươi bảo không, cái này là cái gì?
Sư do đây phát ngộ, lễ tạ trình bày chỗ giải ngộ của mình.

Bá Trượng bảo:
- Đây là con đường rẽ tạm thời. Kinh nói: "Muốn thấy Phật tánh phải quán thời tiết nhân duyên, thời tiết đã đến như mê chợt ngộ như quên được nhớ, mới tỉnh vật của mình không từ bên ngoài được". Cho nên Tổ Sư bảo: "Ngộ rồi đồng chưa ngộ, không tâm cũng không pháp". Chỉ là không tâm hư vọng phàm thánh v.v... xưa nay tâm pháp nguyên tự đầy đủ. Nay ngươi đã vậy, tự khéo gìn giữ.

Sư theo Bá Trượng làm việc trong núi, Bá Trượng hỏi:
- Đem được lửa đến chăng?
- Đem được.
- Ở chỗ nào?

Sư cầm một cành cây thổi vài cái, đem trao cho Bá Trượng.

Bá Trượng bảo: - Như trùng đục cây.

quần quật suốt ngày. Muốn tránh các duyên, chỉ trừ phi chúng ta đóng cửa nhập thất chuyên tu. Có thế, thì mới không còn tiếp xúc với bên ngoài. Tuy nhiên, việc làm này cũng không phải dễ dàng. Nói thì dễ nhưng thật hành thì rất khó. Quý vị còn ở trong chúng chưa có lãnh chức vụ gì thì tương đối ít có giao tiếp. Còn khi ra làm Phật sự có chức vụ rồi thì thật khó mà tránh khỏi việc xã giao với mọi người. Ở đây, Tổ khuyên chúng ta phải cố gắng làm chủ không phải cái gì cũng nghe theo người đời. Mình phải đặt sự tu hành giác ngộ giải thoát của mình lên trên hết. Còn tất cả mọi thứ khác đều là tùy duyên mà hành xử. Đừng có để biến chất thay vì nhập thế độ đời mà trở lại bị đời độ mình. Nghĩa là mình bị biến chất trở thành thế tục hóa khi nào mà mình cũng không hề hay biết. Điều đó rất là nguy hại cho đời tu xuất gia của chúng ta.

Thanh hòa hưởng thuận, hình trực ảnh đoan, nhân quả lịch nhiên, khởi vô ưu cụ.
Tiếng hòa thì vang thuận, hình thẳng thì bóng ngay. Nhân quả rõ ràng há không lo sợ.

Tổ lại xoáy mạnh vào vấn đề nhân quả. Nhân với quả như vang theo tiếng, như bóng theo hình. Tiếng hòa thì âm thanh cũng hòa thuận theo. Tiếng la của mình thế nào thì âm vang dội lại đúng như thế ấy. Cũng như hình thẳng thì bóng ngay, hình cong thì bóng vạy. Nhân quả rõ ràng như thế, một mảy may không hề sai lệch. Thế nên khi làm việc gì mình cũng phải nghĩ đến cái hậu quả của nó. Bởi hễ gây nhân tốt thì sẽ gặt hái quả tốt. Ngược lại, gây nhân xấu thì không thể có quả tốt được. Gieo giống nào thì lên giống đó. Không thể nào trốn tránh nhân quả được. Nói thế, e chúng ta còn nghi ngờ lời Tổ dạy, nên Tổ dẫn kinh ra để chứng minh.

ra đại chúng cùng tụng. Tôi nghĩ, có tụng thường xuyên như vậy thì mình mới nhớ. Đó là một thức nhắc rất lớn cho chúng ta. Nếu chúng ta chịu khó tụng thường thì chắc chắn là phải thuộc lòng thôi. Đó là lời đề nghị của chúng tôi. Vì tôi thấy bộ luận này đối với người xuất gia chúng ta thì nó rất là quan trọng. Cho nên, chúng ta cần phải trì tụng thuộc lòng. Tuy nhiên, đây chỉ là lời đề nghị và tùy đại chúng quyết định.

Cưỡng tác chủ tể, mạc tuẫn nhân tình. Nghiệp quả sở khiên, thành nan đào tỵ.
Cố gắng làm chủ, chớ theo tình người. Nghiệp quả kéo lôi, thật khó trốn tránh.

Thường chúng ta hay bị lệ thuộc ngoại cảnh, ngoại duyên. Ít có khi nào chúng ta làm chủ lấy mình. Hầu như cả ngày tâm chúng ta đều chạy rong bên ngoài, mà ở đây Tổ nói là nhân tình, tức tình người. Trong khi giao tiếp với mọi người, có thể nói, ít nhiều gì chúng ta cũng bị lệ thuộc tình cảm đối với Phật tử. Ngoài người thân và bạn bè ra, còn có nhiều người Phật tử tại gia thân thiết. Điều này không sao tránh khỏi. Nhất là việc đám sám ứng phó đạo tràng, chiếm mất rất nhiều thời giờ của chúng ta. Những nhu cầu tín ngưỡng thiết yếu của người Phật tử, chúng ta cũng khó mà từ chối với họ được. Như những đám sám cầu an, cầu siêu, hộ niệm cho người sắp lâm chung và nhiều nghi lễ khác nữa. Nội đám sám không thôi đã làm cho vị trụ trì phải giải quyết lu bu tối ngày. Ngoài ra còn bao nhiêu công việc khác mà thầy trụ trì phải đứng ra cáng đáng làm hết mọi việc. Nhất là hoàn cảnh các chùa ở Úc này, phải nói, phần nhiều chư Tăng Ni rơi vào trạng huống nhất tăng nhất tự. Một mình một sân, thì thử hỏi đâu còn thời giờ để tham thiền nhập định gì nữa. Cứ lu bu chạy theo công việc

Giảng Giải:

Ở trên, nói sơ lược về phần tiểu sử của Ngài. Như nói tên họ quê quán và nhân duyên ngài đi xuất gia. Ta thấy, ngài đi xuất gia tương đối cũng khá sớm, đó là cái tuổi còn vị thành niên. Chỉ mới 15 tuổi mà đã phát tâm đi xuất gia rồi. Điểm này, chứng tỏ ngài đã có nhân duyên với Phật pháp nhiều đời trong quá khứ. Nói rõ ra, là đời trước ngài đã có gieo trồng hạt giống xuất gia rồi. Chẳng qua sinh ra đời này là để tiếp nối hạt giống đó thôi. Khi đi xuất gia, điều quan trọng là mình gặp được bậc Thiện tri thức dẫn dắt chỉ bảo. Đó cũng là một nhân duyên thù thắng giữa thầy và trò kỳ đặc trong nhiều đời. Nếu gặp được bậc Thiện tri thức hướng dẫn chỉ bảo, thì sự tu học của chúng ta, cố nhiên là sẽ tiến bộ rất nhanh. Cho nên, buổi xuất gia vào chùa ban đầu rất là hệ trọng để mình nương tựa tu học với bậc Minh Sư. Nếu như mình thiếu căn duyên gặp vị thầy không có tài đức, thì quả đó cũng là sự bất hạnh cho mình. Thế thì, con đường tu tập học hỏi của mình sẽ không được tiến bộ khả quan, có khi còn bị bế tắc nữa không chừng. Ở đây, chúng ta thấy cậu bé Linh Hựu, thật đầy đủ phúc duyên hy hữu gặp được Luật Sư Pháp Thường, tức một người đã thông giỏi về Luật tạng nên mới gọi là Luật Sư. Đó là một cơ duyên hy hữu trên bước đường tu học tiến đạo nghiêm thân. Nhân duyên thọ giới và học kinh điển Đại thừa của Sư rất sớm.

Năm 23 tuổi, Sư đến Giang Tây tham học với Tổ Bá Trượng Hoài Hải. Lại là một nhân duyên thù thắng kỳ đặc hơn nữa. Nương tựa với một bậc Thầy đã đạt đạo để gần gũi tu học, quý vị có thấy đó có phải là một nhân duyên hy hữu lắm không? Khi Bá Trượng vừa thấy Sư liền nhận cho nhập chúng. Sư được Tổ chấp nhận và cho nhập chúng. Ở

trong chúng, Sư là người rất khiêm cung và phục vụ tăng chúng rất đắc lực chu đáo. Đó là cái hạnh tốt xuất sắc mà chúng ta cần nên học hỏi. Ở trong chúng đông như thế này, mặc dù Sư thông suốt giỏi giang như vậy, nhưng Ngài rất khiêm cung, hạ thấp mình cung kính mọi người. Đó là cái hạnh khiêm tốn kính trên nhường dưới thật đáng kính phục. Thiết nghĩ, mình cũng nên học theo cái hạnh khiêm cung hạ thấp mình này. Chứ không phải thấy mình giỏi rồi hiu hiu tự đắc ngước mặt lên trời. Thái độ khinh người dưới mắt mình, đó không phải là cái tác phong đạo đức và hạnh nguyện của người tu. Vì tu là để diệt trừ bản ngã, mà mình càng đưa cao cái bản ngã của mình lên, như vậy càng tu càng học thì cái bản ngã của mình lại càng cao hơn. Đó là ngọn cờ ngã mạn mà mình cần phải chặt đứt. Con người cống cao ngã mạn không có ai ưa cả. Thế thì, có tu gì đâu? Tu không phải ở chùa lâu mới gọi là tu, cũng không phải đi chùa nhiều là tu. Tu là phải diệt trừ cội gốc **"Tham, Sân, Si".** Vì chúng là những thứ vô minh phiền não căn bản mà người tu cần phải diệt trừ. Nếu tu, mà còn chấp ngã nặng nề thấy mình như ông trời con, như cái rún của vũ trụ, coi thường người khác, thấy ai cũng không bằng mình. Như thế, thì ta đánh giá người đó chẳng biết tu hành là gì cả. Phật nói, ngã chấp và pháp chấp hai cái chấp này là cội gốc của sinh tử luân hồi. Vì vô minh mù tối nên mới chấp ngã như vậy. Thành ra, người nào càng khiêm cung nhún nhường lễ độ khéo biết kính trọng kẻ trên người dưới, thì đó mới thật là người khéo biết tu. Tu là phải dẹp trừ cái bản ngã. Có dẹp trừ bản ngã thì đạo hạnh đức độ của mình mới tăng trưởng vậy.

Trường hợp như ngài Pháp Đạt đến với Lục Tổ Huệ Năng, ông lạy mà đầu không sát đất. Lục Tổ quở, nếu ông lạy mà đầu không sát đất, tốt hơn là đừng có lạy. Tổ lại hỏi: " Ông

Hãy đọc kỹ văn này, thường tự nhắc nhở. Cố gắng làm chủ, chớ theo tình người. Nghiệp quả kéo lôi, thật khó trốn tránh. Tiếng hòa thì vang thuận, hình thẳng thì bóng ngay. Nhân quả rõ ràng há không lo sợ.

Cho nên kinh nói: Giả sử trăm nghìn kiếp, nghiệp đã tạo không bao giờ mất. Nhân duyên khi gặp gỡ, quả báo lại phải chịu. Nên biết, ba cõi hình phạt, trói buộc hại người. Gắng sức lo tu chớ luống qua ngày tháng.

Biết rõ lỗi lầm nên mới khuyên nhau tu tập. Nguyện trăm kiếp ngàn đời, chỗ chỗ cùng nhau làm bạn pháp, bèn làm bài minh rằng:

Giảng Giải:

Thục lãm tư văn, thời thời cảnh sách.
Hãy đọc kỹ văn này, thường tự nhắc nhở.

Tổ bảo chúng ta phải thường xuyên đọc đi đọc lại bản văn này cho nhuần nhuyễn thuộc lòng để hằng tự răn nhắc mình. Xét về mặt văn chương thì đây là một bản văn tuyệt tác. Về ý nghĩa thì vừa súc tích mà lại thâm sâu uyên áo. Tôi nghĩ, quý thầy, quý cô trẻ nên học thuộc lòng từng bài của toàn bộ luận này. Được như vậy thì rất tuyệt vời và lợi ích rất lớn. Ngoài việc tự nhắc mình ra, nó còn giúp cho mình rất lớn trong công việc hoằng dương Phật pháp sau này. Bởi từng lời của Tổ đều nhằm đánh thức chúng ta trong việc tu hành. Nhất là đối với người xuất gia chúng ta cần phải học nằm lòng. Là người xuất gia không thể nào coi thường việc học hỏi bộ luận này. Đáng lý ra, chúng ta cần phải tụng bộ luận này vào mỗi thời khóa tụng hằng ngày. Tùy mình chọn thời gian nào thích hợp nhất thì đem

XII. KHUYÊN GẮNG

Hôm nay, chúng ta bước sang qua bài thứ mười hai, cũng là bài cuối cùng của bộ Luận Quy Sơn Cảnh Sách. Như đã nói, bài là do chúng tôi tạm phân chia ra như thế, với mục đích là để cho đại chúng dễ học. Chớ toàn bộ luận, Tổ Qui Sơn không có phân chia như vậy. Sau bài văn xuôi cuối này, Tổ có làm một bài minh để tóm tắt lại những gì mà Tổ đã chỉ dạy. Bài minh gồm có ba mươi sáu câu, mỗi bốn câu là một bài kệ. Trước hết là chúng ta sẽ tìm hiểu nghĩa lý của bài văn xuôi và sau đó chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu ý nghĩa của bài minh. Như thường lệ, bây giờ chúng ta đi vào bài học.

Chánh Văn:

Thục lãm tư văn, thời thời cảnh sách, cưỡng tác chủ tể, mạc tuẫn nhân tình. Nghiệp quả sở khiên, thành nan đào tỵ. Thanh hòa hưởng thuận, hình trực ảnh đoan, nhân quả lịch nhiên, khởi vô ưu cụ.

Cố kinh vân: giả sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ. Cố tri tam giới oanh bạn sát nhân, nỗ lực cần tu, mạc không quá nhật.

Thâm tri quá hoạn, phương nãi tương khuyến hành trì. Nguyện bách kiếp thiên sanh, xứ xứ đồng vi pháp lữ, nãi vi minh viết:

Dịch Nghĩa:

mang cái sự nghiệp gì lớn lắm phải không ?" Tổ hỏi trúng tim đen của ông, nên ông liền đáp ngay: "Dạ! con đã tụng được ba ngàn bộ Kinh Pháp Hoa". Vì ba ngàn bộ Kinh Pháp Hoa là quá sức rồi, đâu có ai tụng được ba ngàn bộ Kinh Pháp Hoa có phải không? Ở đây, có vị nào tụng được một ngàn bộ Pháp Hoa chưa? mà ngài thấy ngài đã tụng được ba ngàn bộ. Vì thấy sự nghiệp của mình là ba ngàn bộ nên ngài lạy Tổ mà đầu không sát đất. Tổ quở rằng: " Nếu ông lạy mà đầu không sát đất, tốt nhứt là ông đừng có lạy. Ông lạy như vậy là ông còn mang nặng cái bản ngã ở trong đó". Cho nên sau khi Tổ dạy cho ông một bài học, bấy giờ, ông mới tỏ ngộ. Nên nói, đến Tào Khê một câu quên, tức là được Tổ khai thị cho ông. Tuy rằng, hồi trước sự nghiệp là vậy, nhưng khi đến bị Tổ quở và đồng thời Tổ dạy cho ông một bài pháp là ông ngộ ngay. Đó cũng là một nhân duyên hy hữu kỳ đặc có phải không? Phải có căn lành rất sâu dày nên mới được như vậy. Thành ra, nếu mình là người thật sự tu hành là phải dẹp trừ cái bản ngã đáng ghét đó đi!

Trở lại vấn đề của ngài Qui Sơn. Lúc còn ở trong chúng Ngài phục vụ cho tăng chúng một cách rất đắc lực. Nghĩa là, bất cứ việc gì ở trong chúng Ngài cũng đều làm hết không viện cớ từ nan. Ngài làm với cái tâm hoan hỷ, chứ không phải làm với cái tâm so đo tính toán câu nệ chấp trước như chúng ta. Thường thì mình làm với cái tâm so đo tính toán hơn thiệt, lánh nặng tìm nhẹ, tâm không hoan hỷ. Làm với cái tâm sân hận giận tức thì làm gì có phước? Và trong chúng cũng không ai ưa tánh tình ích kỷ nhỏ nhoi hẹp hòi của mình. Nhờ đức tánh đó, mà Ngài được đại chúng rất quý mến và cử Ngài lãnh đạo trong chúng. Còn mình thì khác, mình làm bằng cái tâm cống cao ngã mạn, thì thử hỏi có ai quý mến mình không?! Mình thấy

mình giỏi, mình hay, mình tài, mình như cái núi Tu Di không ai dám đụng tới. Không ai dám lân la gần gũi giao du làm bạn với mình. Ai thấy mình người ta cũng sợ cái tâm ngã mạn cao ngạo sân si của mình. Ai còn nặng chap ngã tự thấy mình tài giỏi, thì đó là cái tệ nhất đối với người tu. Thế nên, càng dẹp bớt ngã mạn chừng nào, thì người ta lại càng quý mến trọng dụng mình chừng nấy. Cái hạnh này mình nên học hỏi và nên bắt chước thực tập làm theo.

Qua mẫu chuyện đối thoại giữa hai thầy trò, cho chúng ta một bài học thật quý giá. Nếu chúng ta đã hiểu qua câu chuyện dạo vườn thấy bầy le le, thì câu chuyện moi lò lấy lửa này, cũng giống như vậy. Nghĩa là ngài Qui Sơn đã nhận lại cái tánh thấy hằng hữu của chính mình. Chúng ta sẽ tìm hiểu tiếp qua những mẫu chuyện đối thoại sau đây:

Ông Tư Mã Đầu Đà (là vị Sư thông cả địa lý và tướng số), từ Hồ Nam đến yết kiến Bá Trượng thưa:

- Quy Sơn là thắng cảnh nên lập đại đạo tràng kết tập bạn pháp.

Bá Trượng hỏi:

- Lão Tăng muốn đến Quy Sơn nên chăng?
- Quy Sơn kỳ tuyệt có thể họp một ngàn năm trăm chúng, nhưng chẳng phải chỗ Hòa Thượng ở.
- Sao vậy?
- Hòa Thượng là người xương, núi kia là núi thịt, dù có ở, đồ đệ chẳng đầy một ngàn.
- Trong chúng ta có người ở được chăng?
- Đợi xem qua mới biết.

Bá Trượng sai thị giả gọi đệ nhất tọa đến, tức Thiền Sư Hoa Lâm, hỏi:

- Người này thế nào?

bình hoa nhưng không có niệm phân biệt bình hoa đẹp xấu, thì cái biết đó gọi là chơn tri hay linh tri. Nếu không biết là cây đá sao? Biết rất rõ nó là bình hoa, không có thêm vào bất cứ một khái niệm nào khác. Biết bình hoa là bình hoa thế thôi. Vậy thì cái biết đó có phiền não không? Có vọng niệm không? Cố nhiên là không. Bởi có phân biệt nên mới có đẹp xấu. Đẹp thì thích, muốn chiếm hữu, bắt đầu có niệm thương ghét. Chính đó là đầu mối của sự tạo nghiệp. Đã có nghiệp nhân, thì đương nhiên phải có nghiệp quả. Còn thấy biết mà không phân biệt thì làm gì có thương ghét mà tạo nghiệp. Đó là tâm không cảnh lặng. Tại sao? Tại vì không cùng với muôn pháp làm bạn. Ngày xưa, ông Bàng Long Uẩn hỏi Mã Tổ: "Người nào không cùng muôn pháp làm bạn?" Tổ bảo, chừng nào ông hớp một hớp mà hết nước sông Giang Tây thì ta mới nói cho ông nghe. Ngay câu nói này, Ông Bàng tỏ ngộ ngay vì đã nhận được yếu chỉ thiền. Đã nói tâm không cảnh lặng, giữa tâm và cảnh không liên quan gì với nhau, thế thì còn nói ngăn trệ hay thông suốt gì nữa. Vì trong tự tánh không có nói ngăn hay thông gì cả. Ngăn hay thông là do tâm mình phân biệt đó thôi.

Chúng ta phải hết sức cẩn thận vấn đề này. Tổ nhắc nhở chúng ta chớ có vội tin vào người khác, mà hãy tự mình sáng suốt tự lo liệu quyết định cho cuộc đời mình. Mình hãy tự thắp sáng ngọn đuốc trí tuệ lên mà đi, không nương nhờ ỷ lại vào bất cứ ai cả.

Tức ý vong duyên, bất dữ chư trần tác đối. Tâm không cảnh tịch chỉ vị cữu trệ bất thông.
Dứt ý quên duyên, đừng với các trần làm bạn. Tâm không cảnh lặng, chỉ vì hằng lâu ngăn trệ chẳng thông.

Dứt ý quên duyên là sao? Nghĩa là bặt dứt các duyên, không theo duyên trần khởi niệm. Nói cách khác là dứt hết vọng niệm. Ta nên chú ý câu này. Nói dứt hết các duyên, không cùng với các trần làm bạn. Đọc qua câu này, chắc quý huynh đệ còn nhớ câu chuyện giữa Tổ Bồ đề đạt ma và ngài Huệ Khả. Sau khi Tổ Huệ Khả lãnh hội được yết chỉ thiền, thì Ngài trình bày với Tổ là Ngài đã dứt hết các duyên. Liền đó, Tổ sợ ngài rơi vào đoạn diệt, tức ngoan không. Cho nên Tổ mới nói, coi chừng rơi vào đoạn diệt. Ngài Huệ Khả liền nói: con "liễu liễu thường tri", làm sao rơi vào đoạn diệt được? Tổ liền ấn khả. Qua mẫu chuyện ngắn đó cho chúng ta thấy, khi người ngộ đạo, tuy dứt hết các duyên, nhưng các Ngài vẫn hằng tri hằng giác. Nghĩa là biết một cách rõ ràng, nhưng không có phân biệt. Chỗ này, ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói với Lục Tổ là "phân biệt cũng không phải ý". Phân biệt của cái tâm sáng đạo như gương chiếu cảnh. Cảnh đến thì gương chiếu rõ, cảnh qua rồi thì gương vẫn sáng trưng. Cái sáng đó tuy có phân biệt mà không phải phân biệt của thức. Thí dụ như quý vị nhìn thấy cái bình bông này. Khi nhìn thấy thì liền đó quý vị khởi niệm phân biệt hoa này đẹp xấu v.v... Đó là phân biệt của ý thức, nói chung là của bát thức. Còn thấy biết

Đầu Đà bảo Hoa Lâm tằng hắng một tiếng, đi vài bước thưa:
- Người này không được.
Bá Trượng sai thị giả gọi Điển tọa đến, tức sư Linh Hựu.
Đầu Đà thưa:
- Đây chính là chủ Quy Sơn.
Tối lại, Bá Trượng gọi Sư vào thất dặn dò:
- Ta hóa duyên tại đây, ngươi sẽ ở thắng cảnh Quy Sơn để nối tiếp tông môn của ta và rộng độ kẻ hậu học.

Giảng Giải:

Qua câu chuyện dẫn chứng trên, ta thấy Ngài đã có duyên với núi Quy. Vì Ngài đã được ông Tư Mã Đầu Đà chọn làm chủ núi Quy, nói theo bây giờ gọi là làm trụ trì. Quy Sơn là một thắng cảnh rất có duyên với Ngài, nên trước khi đi Ngài được Thầy là Tổ Bá Trượng gọi vào phương trượng mà dặn dò: " Ta hoá duyên tại đây ngươi sẽ ở thắng cảnh Quy Sơn để nối tiếp tông môn của ta và rộng độ kẻ hậu học". Hoa Lâm nghe tin này liền đến gặp Tổ. Ông này cũng là một vị đệ tử lớn của Tổ Bá Trượng, khi nghe cử ngài Linh Hựu đến ở núi Quy, thì Ngài này mới đến thưa: " con là thượng thủ, là cao hơn hết, tại sao Linh Hựu được làm trụ trì? Đáng lý ra là con đi mới phải, sao Hòa Thượng lại cử ông ấy đi? "Bá Trượng bảo: "Nếu ai hay ngay trong chúng này nói được một câu xuất cách sẽ được cho làm trụ trì". Câu xuất cách là câu làm sao? Quý vị theo dõi dưới này nhe! Bá Trượng liền chỉ cái tịnh bình hỏi: "Chẳng được kêu là tịnh bình ngươi kêu là gì?" Hoa Lâm thưa: "Không thể kêu là cây lũng vậy". " Bá Trượng hỏi Sư, Sư đạp nhào cái tịnh bình rồi đi ra. Bá Trượng cười bảo: "Đệ nhất toạ thối lui núi này". Nhân đây, Tổ Bá Trượng liền sai Sư đến Quy Sơn".

Qua câu chuyện ngắn đó, quý vị có hiểu được chút nào không? Sao im lặng quá vậy? Ngài Hoa Lâm nghe Tổ Bá Trượng công cử Qui Sơn Linh Hựu đến trụ trì ở núi Quy, thì ông này nghe cũng có hơi khó chịu bực mình rồi. Tại sao Tổ không cử mình mà cử vị thầy đó? Thí dụ như hôm nào Hòa Thượng cử vị nào đó đi làm trụ trì ở một ngôi chùa nào đó chẳng hạn, rồi vị xuất gia ở đây lâu năm mới nói: "Con ở lâu nơi đây, sao Thầy không cử con mà cử Cô đó hay Thầy đó? "Bấy giờ, Hòa Thượng mới nêu ra một phương án gì đó cho công bằng, hễ ai làm được thì người đó được cử đi. Nói cách khác, nếu người nào nói một câu xuất cách, hay có một hành động chứng tỏ hiểu đạo khá thì được cử đi. Vậy xuất cách là gì? Xuất là ra, cách là thói thường. Nghĩa là ra khỏi cái thường tình hay thói thường gọi là xuất cách. Nếu ai làm được như vậy thì sẽ được cử đi làm trụ trì. Nghĩa của hai chữ trụ trì, quý vị có biết không? "Trụ là trụ pháp vương gia. Trì là trì Như Lai tạng" gọi là trụ trì. Thế nên trụ trì về ý nghĩa rất thâm sâu chớ không phải cái nghĩa lý tầm thường. Vị đó ở trong ngôi nhà Pháp Vương mà Pháp Vương là gì? Là vua của các pháp nên mình gọi là Pháp Vương. Trong bài Tán Phật có hai câu:

"Pháp Vương vô thượng tôn
Tam giới vô luân thất..."

Dịch:

Đấng Pháp Vương vô thượng
Ba cõi chẳng ai bằng

pháp vương là vua của các pháp, mà vua của các pháp có nghĩa là tự tại. Nghĩa là đối với mọi sự mọi vật đều không có cái tâm niệm dính mắc hay chấp trước thì gọi là Pháp

quan niệm rất sai lầm và vô cùng tội lỗi. Một tư tưởng bệnh hoạn lệch lạc không thể chấp nhận được. Có người còn hối lộ lo lót cho các Ngài bằng cách dâng cúng một vật phẩm nào đó để cầu mong các Ngài gia hộ độ trì cho. Họ lạy lục van xin cầu khẩn các Ngài ban cho họ đủ thứ. Nếu Phật tử đi chùa chỉ biết cầu khẩn van xin như thế, thì Phật tử đó thực sự chưa hiểu gì về đạo Phật cả. Và cũng chưa hiểu gì về Đức Phật, Bồ tát mà mình đang tôn thờ. Thiết nghĩ, Phật tử cần nên học hỏi về đạo Phật nhiều hơn, để cho mình có được sự hiểu biết và một quan niệm đúng đắn. Phải thành thật mà nói, đại đa số (nếu không muốn nói là hầu hết), Phật tử mình đều là như thế. Hết van xin chỗ này lại đi cầu khẩn chỗ kia. Thật là đáng tội nghiệp thương xót biết bao!

Riêng người xuất gia, có người không những đem tâm cầu Phật bên ngoài, mà họ còn bày ra những chiêu trò mê tín dị đoan huyễn hoặc hoang đường để dẫn dắt Phật tử; những người nhẹ dạ cả tin đi vào con đường mê tín, hầu để cho họ tiện bề trục lợi. Họ bày ra nhiều chiêu trò thủ thuật lắm. Có người còn hành nghề bói toán làm đủ thứ mê hoặc người đời. Tuy hình thức bề ngoài là người xuất gia, nhưng trong tâm của họ lại là đặc chat ngoại đạo tà giáo. Trong xã hội ngày nay việc này thường xảy ra lắm. Thay vì bày trừ mê tín dị đoan, họ lại dắt dẫn người ta đi sâu vào con đường mê tín. Hạng người này chỉ vì một chút lợi lộc ảo huyền nào đó, mà họ đành bán rẻ lương tâm không một chút hối tiếc. Họ không phải là người thật tâm chân chính tu hành. Đời này vàng thau lẫn lộn tà chánh khó phân. Cho nên người Phật tử phải vận dụng trí tuệ nhận thức thấu đáo trước khi phát khởi lòng tin. Ta không thể tin càng, tin bướng, tin đại, tin đùa được. Lòng tin mà thiếu trí tuệ hướng dẫn thì đó là lòng tin mù quáng.

Anh tuyên thề tròn nghĩa với non sông
Cho phỉ tình nghĩa khí chí tang bồng
Cho đất nước thoát khỏi vòng nô ách
Là tăng sĩ tôi vượt qua muôn ngàn thử thách
Tôi nêu cao đạo pháp khắp bốn phương
Vượt gian lao qua muôn vạn nẻo đường
Truyền chánh pháp cho mọi người am tường đạo lý

Kim sanh tiện tu quyết đoán, tưởng liệu bất do biệt nhơn.
Đời này tự mình quyết đoán, chẳng do người khác liệu giùm.

Câu này nói lên sự quyết tâm định đoạt của mỗi người chúng ta. Đời mình sẽ do tự mình quyết định cho mình. Không ai có quyền định đoạt cho mình cả. Không có một quyền năng siêu nhiên nào có thể cứu được đời mình. Thông thường, chúng ta hay ỷ lại vào sự cứu độ bên ngoài. Trên đời này không có một đấng siêu hình nào có đủ quyền năng cứu hộ che chở cho mình. Chẳng qua đó chỉ là một niềm tin không tưởng vọng ngoại của mình đó thôi. Không ai và người nào có quyền quyết định cuộc đời của mình cả. Chúng ta không nên ỷ lại vào các đấng thần quyền. Chúng ta có thấy một vị thần linh nào chưa? Hay vị thần linh đó chỉ có trong trí óc dồi dào tưởng tượng của chúng ta. Chính đức Phật của chúng ta tự Ngài phải tìm ra chân lý. Ngài không dựa vào bất cứ một vị siêu thần nào. Tự Ngài tu và tự Ngài chứng. Vì thế, là Phật tử chúng ta không nên một bề cầu mong nhờ bên ngoài giúp đỡ. Đó là cái tâm hướng ngoại tìm cầu. Thậm chí có người muốn biến Phật, Bồ tát trở thành những vị thần linh. Thay vì Phật, Bồ tát các Ngài đang ở vị trí giác ngộ, mà chúng ta lại muốn xê dịch các Ngài qua vị trí thần linh. Đó là một

Vương. Cũng như ông vua đứng trên đầu muôn dân có đủ quyền hành cai trị. Ông có uy quyền sinh sát trong tay không ai dám cãi lại mệnh lệnh của ông. Thời xưa, dưới chế độ phong kiến, người ta gọi ông vua là Thiên tử. Nghĩa là con của trời sai xuống để làm vua cai trị dân chúng. Vì thế mà vua có quyền hành rất lớn. Ở đây, mình tôn xưng Đức Phật là một vị Pháp Vương, là vua của các pháp, thành ra không còn bị lệ thuộc vào các pháp sai sử nữa, mà ngược lại, Phật làm chủ các pháp nên gọi là Pháp Vương. Cho nên chữ trụ trì là " Trụ pháp vương gia, trì Như Lai tạng " mà Như Lai là gì? Là nghĩa bất sinh, bất diệt. Như vậy sống được với cái thể tánh "chơn thường" đó mới gọi là trụ trì. Quý vị thấy đúng theo nghĩa trụ trì đâu có phải là dễ dàng. Có phải không? Nếu như làm "Ông Từ" giữ chùa lo thắp hương khói sớm tối cho chùa thì dễ quá. Còn làm trụ trì theo nghĩa thường cũng rất là khó rồi. nói chi đến cái nghĩa thâm sâu uyên áo. Bởi vì làm trụ trì cũng có nghĩa là làm dâu trăm họ. Làm dâu một họ thôi cũng đã là khó khổ lắm rồi, nói chi đến cả trăm họ!

Tổ Bá Trượng liền chỉ tịnh bình hỏi, chẳng được kêu tịnh bình thì kêu là gì? Thí dụ nêu ra đây là cái ly, không kêu là cái ly vậy kêu bằng cái gì? Bây giờ, mọi người kêu cái này là cái ly, hỏi thật nó có phải là cái ly không? Nó chỉ là giả tạm gọi là cái ly thôi, bởi vì cái ly này nó do nhiều cái điều kiện hợp lại để tạo thành cái ly, chứ tự nó không có cái ly. Cái ly là giả danh người ta đặt tên cho nó cái ly, thật ra nó không phải là cái ly. Với cái nhìn bằng con mắt tuệ giác bát nhã, thấy rõ ràng cái ly này là do duyên hợp mà có. Đã do duyên hợp thì làm gì có thật? Nhìn thấu suốt thấy rõ thực thể của nó là "KHÔNG". Vì duyên hợp nên nó chỉ có giả tạm mà thôi. Nên ở đây, Tổ muốn trắc

nghiệm thử coi trình độ của hai vị đó như thế nào? Bây giờ nó chẳng được kêu là cái tịnh bình. Thông thường người ta kêu nó là tịnh bình, tức cái bình để đựng nước cắm hoa, mà bây giờ không được kêu tịnh bình thì gọi là cái gì? Cũng như cái này là cái ly mà không được gọi là cái ly thì gọi là cái gì? nếu người không ngộ thì chịu thua. Ông Hoa Lâm không có ngộ nên nói: "kêu là cái lũng vậy". Có nghĩa là bây giờ ông né đi. Rồi đến ngài Linh Hựu thì sao? Ngài đạp cái tịnh bình rồi bỏ đi. Tại sao đạp rồi bỏ đi? Bởi vì cái này nó không có thật, cái tịnh bình chỉ là cái giả danh để tạm gọi thôi. Đã không có thật, mà người ta chấp cho đó là cái bình, vì chấp vào đó nên mới khởi sanh phiền não. Vì có danh có tướng, mà có danh có tướng thì chưa thấy được cái chỗ chân thật rốt ráo. Như Lục Tổ Huệ Năng nói:

"Bồ đề bổn vô thọ
Minh cảnh diệc phi đài
Bản lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai!"

Tạm dịch:

Bồ đề vốn không cây
Gương sáng chẳng phải đài
Xưa nay không một vật
Chỗ nào mà lau chùi?

Còn Ngài Thần Tú thì:

"Thân thị bồ đề thọ
Tâm như minh cảnh đài
Thời thời thường phất thức
Vật sử nhạ trần ai!"

Tạm dịch:

Anh chiến sĩ còn tôi là tăng sĩ
Hai chúng ta cùng ý chí như nhau
Anh đấu tranh vì lợi ích đồng bào
Đem sức sống tự do về cho dân tộc
Người tăng sĩ đấu tranh vì "Tam độc"
Quyết hiên ngang diệt lũ giặc tham tàn
Cho nước nhà tâm luôn được bình an
Mang hạnh phúc cho muôn dân được hưởng
Anh chiến sĩ đấu tranh vì lý tưởng
Anh nêu cao chí khí với tình thương
Anh xông pha diệt giặc ở chiến trường
Dành sự sống cho quê hương đầy nọ âm
Là tăng sĩ tôi luôn giữ gìn giới cấm
Quyết hiên ngang bằng chí khí kiên tâm
Tôi luôn luôn chống giặc lũ mê lầm
Tôi cương quyết bền tâm luôn chiến đấu
Anh chiến sĩ trừ gian tà diệt xấu
Anh oai hùng diệt lũ giặc ngoại bang
Anh phơi gan tử chiến chẳng đầu hàng
Dù thế giặc ngoại xâm nhiều hung bạo
Là tăng sĩ tôi luôn kiên cường vì đạo
Không đầu hàng dù giặc bạo đến đâu
Trí gươm thiêng mặc chiến giáp áo nâu
Thề tử chiến can trường không lùi bước
Anh chiến sĩ mưu mô đầy dũng lược
Anh chiêu hàng quân giặc bỏ gươm đao
Anh xông pha diệt giặc chẳng hề nao
Mang vũ khí không lúc nào anh buông bỏ
Là tăng sĩ tôi luôn luôn bày tỏ
Khuyên ma quân nên bỏ ngõ quy hàng
Lũ giặc kia nào ranh giới ngoại bang
Theo tiếng gọi đầu hàng giành thắng lợi
Anh chiến sĩ quyết một lòng đi tới

Phục vọng hưng quyết liệt chi chí, khai đặc đạt chi hoài, cử thố khán tha thượng lưu. Mạc thiện tùy ư dung bỉ.
Trông mong (các ông) phát chí dũng mãnh, mở lòng rộng xa. Việc làm phải noi gương hàng Thượng đức chớ học kẻ tầm thường.

Có thể nói mỗi lời Tổ dạy như là những hạt kim cương mà ta phải hết lòng trân quý tôn kính. Không lời nào mà không nhằm thức nhắc chúng ta. Thức nhắc để cho chúng ta ý thức mà mạnh dạn tiến lên trên bước đường tu tập. Phải nêu cao ý chí quyết liệt, đi theo đúng lộ trình mà chư Phật Tổ đã đi qua. Lộ trình đó là gì? Là con đường Niệm, Định, Tuệ, hay Giới, Định, Huệ, ngoài ra không có một con đường nào khác. Như trước đã nói, chỉ có con đường này mới có thể đưa hành giả đến bến bờ vinh quang hoàn toàn an vui giải thoát. Muốn đi con đường này, phải trang bị cho mình có đầy đủ nghị lực và những yếu tố cần thiết: *"Nhận diện sâu sắc, mở rộng tâm thức, chuyển hóa những tâm hành tiêu cực, hướng đến đạo quả Bồ đề*". Cố nhiên là chúng ta không thể rời chiếc áo giáp tinh tấn. Phải mặc vào mình chiếc áo giáp tinh tấn thường xuyên. Vì đi trên con đường này không thể thiếu chiếc áo giáp tinh tấn được. Như một chiến sĩ xông pha ra ngoài trận mạc, cố nhiên là phải trang bị cho mình những thứ vũ khí chiến đấu. Khi đã ra trận rồi thì quyết chiến không lùi. Người tu của chúng ta cũng không khác gì một người chiến sĩ. Chỉ khác một điều là người chiến sĩ chỉ đánh đuổi giết giặc ngoại xâm. Còn người tu sĩ chúng ta chỉ giết giặc phiền não nội tâm. Đó là sự khác biệt của sự giết giặc. Cả hai giống nhau là không thể coi thường quân giặc được. Dù giặc ngoài hay giặc trong, cả hai đều phải chiến đấu một cách hiên ngang hùng dũng đến hơi thở cuối cùng. Tôi có làm bài thơ Chiến sĩ và Tăng sĩ.

Thân là cây bồ đề
Tâm như đài gương sáng
Luôn luôn phải lau chùi
Nơi nào dính bụi bặm?

Cái thấy của ngài Thần Tú còn kẹt trên hình tướng. Ngài cụ thể hóa thân như cây bồ đề, tâm như cái đài gương sáng. Ngũ Tổ cho rằng, cái thấy của ngài Thần Tú vẫn còn ở ngoài cửa, vẫn còn đeo ngói gạch chưa phải là người vào trong nhà. Nghĩa là còn phải dụng công tu hành, mỗi ngày phải lau chùi, tức phải lau chùi bụi bặm phiền não. Đối với chúng ta được như vậy cũng là quý lắm rồi, có phải không? Nhưng đối với Lục Tổ thì sao? "Bản lai vô nhất vật". Nghĩa là, xưa nay nó không phải là một vật, đã không phải là một vật, thì lau chùi cái gì? Thấy như thế thì mới thấy được cái thực thể bất sinh bất diệt. Tức Ngài không còn bị kẹt trên hình tướng. Dù vậy, nhưng đối với Ngũ Tổ, thì cái thấy đó vẫn chưa đạt đến chỗ cùng tột. Sau đó, Lục Tổ vào thất Ngũ Tổ lấy y che lại các cửa sổ rồi đọc Kinh Kim Cang đến câu: ***"Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm".*** Ngay câu kinh này, Lục Tổ liền khoát nhiên đại ngộ. Cái ngộ này mới là ngộ đến chỗ tột cùng rốt ráo vậy. Sau khi đại ngộ, Lục Tổ liền thốt ra năm cái đâu ngờ:

- Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh.
- Đâu ngờ tự tánh vốn không sinh diệt.
- Đâu ngờ tự tánh vốn không dao động.
- Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ.
- Đâu ngờ tự tánh hay sinh muôn pháp.

Đối với sự vật mà mình thấy đây chỉ là giả dối không thật, nhưng trên cái giả đó mình lại chấp cho là thật. Chính vì chấp thật, nên mình mới khởi phiền não Tham, Sân, Si.

Nếu như mình biết mọi hiện tượng đều là hư huyễn giả có, thì đâu có cố chấp chặt làm gì! Vì không có ai ngu dại gì mà đi mò trăng dưới nước hay bắt bóng trong gương có phải không? Vì những thứ đó đâu có thật. Vậy mà, vì si mê nên chúng ta thấy các pháp là thật rồi chấp chặt vào đó mà phát sanh phiền não tạo nghiệp thọ khổ. Nếu thấy các pháp là do duyên hợp hư huyễn giả có thì đâu có Tham, Sân, Si nổi lên, có phải vậy không? Cho nên ở đây, Ngài Qui Sơn đã nhận ra cái lẽ thật của vạn pháp, nên Ngài mới đạp nhào cái tịnh bình rồi đi ra, phá cái tướng đó. Tổ Bá Trượng cười bảo: "Đệ nhất toạ thối lui núi này", tức là ông Hoa Lâm chưa đạt đến trình độ để làm trụ trì. Nhân đây Tổ Bá Trượng liền sai Sư đến Quy Sơn.

"Non Quy Sơn cao vót không bóng người lai vãng, vì là hang ổ của cọp, sói, ghê không?". Nội diễn tả như thế, mình cũng thấy rợn người ớn lạnh xương sống rồi, làm sao dám tới? "Sư đến đây cất một cái am tranh và hằng ngày lượm trái lật trái dẽ làm thức ăn nuôi sống". khổ không? Bây giờ chúng ta ăn quá trời ngon, thực phẩm đầy đủ nào rau cải, đậu hủ, mì căn v.v... Ấy thế mà còn sanh tâm chê khen ngon dở đủ thứ. Tôi không biết trái lật trái dẽ ra làm sao? Ở đây, có quý vị nào biết không? Mọi người đều im lặng. Như thế là không ai biết.

Quý vị nào đã đọc sử nói về 13 vị Tổ Liên Tông, thì Tổ Thiện Đạo là vị Tổ thứ hai, Tổ thứ nhất là Tổ Huệ Viễn Sơ Tổ Liên Tông. Tổ Thiện Đạo mỗi khi có thí chủ dâng cúng thức ăn ngon cho Ngài, thì Ngài đem cúng dường hết cho đại chúng, còn phần Ngài thì chỉ ăn những thức ăn dở mà người ta chê bỏ. Đó là Tổ Thiện Đạo. Đến Hòa Thượng Thừa Viễn thì Ngài tu rất khổ hạnh. Ngày nào có thí chủ dâng cúng thức ăn thì Ngài dùng, còn như không có, thì

khó, chẳng qua là tâm mình không chuyên cần đó thôi. Sách Nho cũng có câu nói: "Hữu chí cánh thành, hay chí thành thông Thánh". Có chí thì nên, quan trọng là mình có quyết tâm hay không. Nếu mình đã quyết tâm chí thành rồi thì dù cho có trở ngại khó khăn gian lao cực khổ đến mấy đi nữa, mình cũng phải quyết tâm chiến thắng vượt qua và thực hiện cho kỳ được. Chỉ sợ mình nhút nhát e dè không có can đảm cương quyết dứt khoát đó thôi.

Nhược bất như thử, đồ tại truy môn, nhẫm nhiễm nhất sanh, thù vô sở ích.

Nếu chẳng như thế, luống ở trong cửa đạo dần dà hết một đời, trọn không có lợi ích.

Nếu chúng ta không chịu cố gắng tu hành như lời khuyên khẩn thiết của Tổ nói trên, thì thử hỏi hiện chúng ta đang làm gì trong cửa đạo? Đây là điều mà chúng ta cần phải suy xét chín chắn. Bản nguyện xuất gia tu hành của chúng ta, lúc mới phát tâm phải nói rất là mạnh mẽ. Chúng ta có thể vượt qua mọi chướng ngại, mọi gian lao thử thách. Nhưng rồi dần dà ở trong thiền môn lâu, cái sơ tâm mạnh mẽ kia lần lần bị nguội lạnh. Cứ thế mà lếu láo trải qua một đời tu hành chẳng đạt được lợi ích gì! Chẳng những thế, lại còn tập nhiễm theo danh lợi thế gian mà quên mất chí nguyện xuất trần thượng sĩ của mình. Những lời Tổ răn nhắc chỉ dạy đây, chúng ta phải luôn lấy đó làm một tấm gương phản chiếu cho sự tu hành của chúng ta. Chúng ta không thể bỏ qua coi thường những lời Tổ dạy. Chúng ta phải cố gắng thật hành. Phải xây dựng đời mình trong việc tu hành, nhất quyết phải đạt cho kỳ được sự giác ngộ giải thoát ngay trong hiện tại. Không thể cứ mãi lơ lơ láo láo cho qua ngày đoạn tháng vậy.

Trông mong (các ông) phát chí dũng mãnh, mở lòng rộng xa. Việc làm phải noi gương hàng Thượng đức chớ học kẻ tầm thường. Đời này tự mình quyết đoán, chẳng do người khác liệu giùm. Dứt ý quên duyên, đừng với các trần làm bạn. Tâm không cảnh lặn, chỉ vì hằng lâu ngăn trệ chẳng thông.

Giảng Giải:

Cổ vân: Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thối khuất.
Người xưa nói: Kia trượng phu ta đây cũng thế, chớ có tự khinh mà lui sụt.

Tổ dẫn lời người xưa nói: "*Kia trượng phu ta đây cũng thế, chớ có tự khinh mà lui sụt*". Đây là một câu nói nhằm an ủi khuyến tấn khích lệ chúng ta. Câu nói này nhằm phá tan mặc cảm tự ty của chúng ta. Kia là trượng phu thì mình cũng là trượng phu. Trượng phu nói ở đây là chỉ cho Phật, Bồ tát và các vị Tổ Sư. Những vị đó là con người, mình cũng là con người. Tại sao các Ngài làm được mà mình không làm được? Đức Phật đã từng nói, tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật. Vì ai ai cũng có tánh Phật. Lời nói đó nhằm khuyến khích chúng ta đừng bao giờ có mặc cảm, tự thấy mình thấp hèn. Chẳng qua các Ngài chuyên cần tinh tấn tu học, còn mình tuy cũng có khả năng như các Ngài, nhưng vì biếng nhác không chuyên tâm tu học, nên kết quả vẫn làm chúng sanh. Chúng ta không nên có ý niệm tự khinh mình. Điều quan trọng là phải rèn luyện cho mình có một một ý chí sắt đá, đó là ý chí xung thiên vượt qua mọi thử thách chướng ngại. Người xưa có câu nói: "Thế thượng vô nan sự, đô lai tâm bất chuyên". Nghĩa là trên đời này không có việc gì

Ngài không có đi xin mà chỉ ăn bùn ăn đất thôi. Đọc trong sử chúng ta thấy Ngài tu khổ hạnh đến mức độ như thế. Tu như vậy mới đắc đạo, chứ tu như mình sướng quá không biết bao nhiêu A tăng kỳ kiếp nữa mới có thể đắc đạo được?! Người xuất gia thời nay, đại đa số là có một đời sống quá sung túc, xa hoa trụy lạc khác với chư Tổ thời xưa kia rất nhiều. Nói thế, có người lại biện minh cho thời đại. Họ cho thời đại văn minh tân thời thì mình phải tiến bộ cho kịp với trào lưu tiến hóa của thời đại. Nếu không, thì mình sẽ trở thành những người lạc hậu? Đồng ý, đạo Phật luôn phải có sự đổi mới hay làm mới đạo Phật cho thích hợp với thời đại. Nhưng không phải thích hợp theo kiểu thế tục hóa đạo Phật. Thế tục hóa đạo Phật với hiện đại hóa đạo Phật nghĩa của nó khác nhau rất xa. Thế tục hóa, nghĩa là người đời có cái gì mình phải có cái đó và có hơn họ nữa. Như họ có xe hơi, mình cũng phải có xe hơi đắt tiền đắt giá hơn họ. Họ có điện thoại cầm tay, mình cũng có, nhưng phải có loại đời mới nhất. Họ có đồng hồ mình cũng có đồng hồ thứ xịn đắt giá nhất, họ có biệt thự nguy nga tráng lệ, thì mình cũng phải có chùa to Phật lớn v.v... Biện minh như thế cốt là để hưởng thụ cho sung sướng cái bản thân mình. Nếu thật là người tu hạnh khất sĩ, thì không ai nói như thế. Quý vị thử nghĩ xem có đúng không?

"Đã bảy năm qua, một hôm Sư tự nghĩ: Đạo cốt tiếp vật lợi sanh, ở một mình chẳng phải. Sư bèn đi lần xuống núi, thấy cọp, sói, Sư bảo: "Nếu ta có duyên với núi này, các ngươi nên đi tránh chỗ khác. Nếu ta không có duyên ở đây thì các ngươi cứ ăn thịt ta đi". Sư nói xong, các loài thú dữ đều đi tứ tán, Sư trở về am ở yên như trước".

Giảng Giải:

Ngài nghĩ đã đến lúc cần phải ra độ sanh, nên Sư mới đi lần xuống núi thấy các loài thú dữ cọp, beo, sư tử...Sư bảo: "***Nếu ta có duyên với núi này, các ngươi nên tránh chỗ khác, còn nếu như ta không có duyên ở đây, thì các ngươi cứ ăn thịt ta đi" Sư nói xong, các loài thú dữ đều đi tứ tán hết. Sư trở về am ở yên như trước***. Ta thấy người tu hành chơn chánh đạo hạnh cao thâm, có thể cảm hóa được các loài thú dữ. Còn như chúng ta, vì tu hành lôi thôi lết thết chẳng ra chi, nên chắc chắn các loài thú dữ chúng nó không có dung tha chúng ta đâu. Người ta nói, đức trọng thì quỷ thần kinh (sợ). Còn đức không trọng thì quỷ thần khinh (coi thường). Vì sức huân tu đạo lực của chúng ta còn quá kém cỏi, nên quỷ thần đâu có kính nể mình. Sở dĩ các loài thú dữ cũng như quỷ thần không dám gần gũi mình, vì mình còn quá nhiều phiền não Tham, Sân, Si... Đụng tới là bồ đề gai nổi lên móc người ta tét da tét thịt hết!

"Không bao lâu dân cư dưới chân núi từ từ hay biết, họ rủ nhau kéo lên núi cất một ngôi chùa cho Sư. Sau này, Nguyên Soái Lý Cảnh Nhượng tâu vua xin ban hiệu chùa, vua ban hiệu là Đồng Khánh. Kế đến có Thượng tọa Đại An và một số chúng từ Bá Trượng đến phụ tá Sư. Đại An nói: "Tôi sẽ làm Điển tọa cho Hòa Thượng". Số chúng lần lần lên đến cả ngàn. Tướng quốc Bùi Hưu cũng thường tới lui thưa hỏi chỗ huyền ảo".

Giảng Giải:

Đúng là "hữu xạ tự nhiên hương". Khi mình tu có đức hạnh rồi thì tự nhiên người ta biết đến. Không cần phải hô

(Tiếp theo bài học thứ mười một)

Kính thưa đại chúng,

Hôm nay, chúng ta học tiếp theo bài thứ mười một. Bài này nói về "Nêu Cao Giáo Pháp" Phật dạy. Như đã nói, nội dung của bài học này là Tổ khuyến khích chúng ta phải chuyên cần tu học nương theo giáo pháp Phật dạy, hầu lấy đó làm kim chỉ nam, một bề thẳng tiến trên con đường giác ngộ giải thoát. Cho nên người học Phật phải lấy giáo pháp Phật dạy mà nương đó để tu học. Có thế, thì mới không bị lầm đường lạc lối. Bây giờ chúng ta sẽ đi vào bài học.

Chánh Văn:

Cổ vân: Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thối khuất. Nhược bất như thử, đồ tại truy môn, nhẫm nhiễm nhất sanh, thù vô sở ích.

Phục vọng hưng quyết liệt chi chí, khai đặc đạt chi hoài, cử thố khán tha thượng lưu. Mạc thiện tùy ư dung bỉ. Kim sanh tiện tu quyết đoán, tưởng liệu bất do biệt nhơn. Tức ý vong duyên, bất dữ chư trần tác đối. Tâm không cảnh tịch chỉ vị cữu trệ bất thông.

Dịch Nghĩa:

Người xưa nói: Kia trượng phu ta đây cũng thế, chớ có tự khinh mà lui sụt. Nếu chẳng như thế, luống ở trong cửa đạo dần dà hết một đời, trọn không có lợi ích.

bạc của cải trong nhà, thì tâm mình không lúc nào an. Tiền của ít thì vọng tưởng ít, tiền của nhiều thì vọng tưởng nhiều. Người có bạc tỷ thì ôi thôi! tối ngày cứ nghĩ tới tiền bạc đâu còn nghĩ đến việc tu hành giải thoát gì nữa. Đó có phải là bụi trần phiền não phủ che đó không? Đã thế, thì làm sao tránh khỏi việc chê cười của thiên hạ. Mình là cái cớ để cho thiên hạ bàn ra tán vô, có phải mình mang tội không? Đó là lời Tổ răn nhắc cảnh giác chúng ta, ấy thế mà chúng ta lại coi thường không quan tâm gì đến lời Tổ dạy. Có phải là đáng trách lắm không?! Chúng ta hãy lắng nghe lời Tổ dạy tiếp.

hào quảng cáo đánh trống hò hét la làng um tỏi gì cả. Bây giờ người ta hay đánh bóng thổi phồng giới thiệu cho nhiều người biết. Thời đại 4.0 vấn đề truyền thông tin tức phổ biến toàn cầu rất tiện lợi. Chỉ cần ngồi một chỗ mà biết hết những gì đã và đang xảy ra trên thế giới. Ở đời, cái gì nó cũng có cái hay cái dở của nó. Dù cho có đánh bóng thổi phồng mà thực chất đạo đức của mình không có, thì cũng chẳng có con ma nào tin tưởng nghe theo mình. Ta nên nhớ: "Hoa thơm nhờ nhụy, người có giá trị là nhờ đạo đức". Câu ca dao: "Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau". Rõ ràng câu ca dao này khuyên người ta khi phát ngôn phải lựa lời mà nói cho đẹp lòng nhau. Thế mà, bây giờ có người lại nói: "Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho "lòi tiền" ra. Đây là một cách xảo thuật mánh khóe nhà nghề của những "chuyên gia chuyên nghiệp" moi tiền móc túi thiên hạ. Như thế, thì thử hỏi còn có ai tin tưởng nghe theo mình để mà cảm hóa họ. Ngược lại, ở đây ta thấy, chỉ cần chơn thật tu hành, thì mọi người sẽ biết đến và họ sẽ sẵn sàng ủng hộ kiến tạo chùa chiền. Ngài đâu có kêu gọi vận động ai đâu, tự động người ta cùng nhau hết lòng xây dựng chùa cho ngài an trú. Sau này, Nguyên soái Lý Cảnh Nhượng tâu vua xin ban hiệu chùa, vua ban hiệu chùa là Đồng Khánh. Kế đến có Thượng Toạ Đại An và một số chúng từ Bá Trượng đến phụ tá Sư, Đại An nói "Tôi sẽ làm Điển toạ cho Hòa Thượng". Điển toạ như bây giờ gọi là tri sự vậy. Số chúng lần lần lên đến cả ngàn. Tướng Quốc Bùi Hưu cũng thường tới lui thưa hỏi chỗ huyền diệu, thâm áo của Phật pháp. Sư thượng đường dạy chúng:

"Phàm tâm của người học đạo phải ngay thẳng chơn thật không dối gạt, không tâm hạnh sau lưng trước mặt, lừa phỉnh, trong tất cả giờ thấy nghe bình thường không có

chiều uốn, cũng chẳng phải nhắm mắt bịt tai, chỉ lòng chẳng chạy theo vật là được. Từ trước chư thánh chỉ nói: bên nhơ bợn là lỗi lầm. Nếu không như thế, lòng nhiều nghĩ ác là việc tình kiến tưởng tập. Ví như nước mùa thu lóng dừng trong trẻo lặng lẽ không động không ngại, gọi người này là Đạo nhơn, cũng gọi là người vô sự".

Giảng Giải:

Cái đoạn văn này khá quan trọng, mong đại chúng lưu tâm. Phàm tâm của người học đạo phải ngay thẳng chân thật không dối gian gạt gẫm, lừa đảo. "Trực tâm tức thị đạo tràng". Trực tâm là cái tâm ngay thẳng không quanh co vày vò uốn khúc cong quẹo. Trực tâm đồng nghĩa với Trung đạo. Nghĩa là cái tâm không dính kẹt vào hai bên. Cái tâm này vượt lên trên đối đãi nhị nguyên. Đó là cái nghĩa lý thâm sâu của hai chữ trực tâm. Ở đây, Tổ Qui Sơn dạy rất rõ trong tất cả giờ thấy nghe đều phải bình thường. Hai chữ **"Bình Thường**" này rất quan trọng. Ngài Nam Tuyền cũng dạy chúng: "Bình thường tâm thị đạo". Thế nào là tâm bình thường? không phải cái tâm sinh hoạt hàng ngày ăn uống hay làm việc... Ăn uống làm việc mà còn có cái tâm chấp trước dính mắc vào sự vật rồi khởi tâm khen chê, thương ghét v.v... thì đó là cái tâm phiền não chớ sao gọi là cái tâm bình thường được? Cho nên ở đây, Tổ mới nói lòng chẳng chạy theo vật là được. Đâu có khác gì trong Kinh Lăng Nghiêm Phật dạy: "Quên mình theo vật". Hay "Bất tùy phân biệt". Sơ Tổ Trúc Lâm cũng nói: "Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền". Thông thường, chúng ta hay mắc phải cái bệnh là suốt ngày tâm cứ mải rong ruổi chạy đuổi theo trần cảnh rồi phân biệt chấp trước đủ thứ. Đó là cái tâm phan duyên mà Tổ nói ở đây là "tình kiến tưởng tập". Cái nhìn theo tình chấp phân biệt là thói quen của vọng tưởng.

thừa biết rằng, mía sâu có đốt nhà dột có nơi. Chỉ có một số ít người xuất gia chưa có thể buông bỏ được nên vẫn còn có ý đồ đầu cơ tích trữ. Có người mua năm bảy căn nhà cho mướn. Có người thì đầu tư đất đai để thu lợi nhuận. Đó là kinh doanh thương mãi mang tầm vóc rộng lớn. Chùa chiền bây giờ cũng còn có nhiều thứ kinh doanh khác, nói sao cho hết. Thời của Tổ cách chúng ta gần hơn cả ngàn năm mà vẫn có tình trạng này xảy ra. Nói chi thời đại hiện nay việc kinh doanh đầu tư gần như công khai hóa. Chính vì thế, nên bây giờ người ta gọi mình không phải là bần tăng như khi xưa nữa, mà họ gọi mình là phú tăng. Suy cho cùng nghĩ cho cạn, lời nói của người ta cũng không phải là vô cớ. Nếu không có lửa thì làm gì có khói? Mình hãy nên tự xét quán chiếu lại mình. Ngay trong mười giới của Sa di trong giới thứ mười là Phật cấm không được gìn giữ vàng bạc của cải. Chưa nói đến giới luật của Tỳ kheo. Vì cất chứa những thứ này, chỉ chuốc thêm họa hại mà thôi. Tại sao vậy? vì khi có tiền bạc của cải nhiều, tất nhiên là phải suy nghĩ tính toán lo âu đủ thứ, thế thì phiền não phát sanh, vô minh bao phủ. Đức Phật dạy: "người Phật tử không nên cất chứa tiền bạc của cải trong nhà, vì cất chứa nó thì chẳng khác nào như chứa rắn độc. Chính nó sẽ quay lại cắn mình. Có biết bao nhiêu người đã bị bọn cướp vào nhà hành hung cướp của, vì tiếc của không cho chúng lấy nên bị chúng giết chết. Đó có phải là chứa rắn độc trong nhà không? Vì thế mà Phật nói, tiền của thuộc về năm nhà: "hỏa gia, thủy gia, tặc gia, tử gia, sung công gia". Nhà nào đến thăm viếng cũng làm tiêu tan hết. Nếu có tài sản của cải mà không có làm di chúc để lại cho ai, thì nhà nước sẽ tịch thu. Nghĩa là sung vào công quỹ của nhà nước. Có nhiều gia đình giàu có bị con cái phá tán tiêu hao hết. Đó là nghịch tử, gọi là tử gia, tức con bất hiếu phá hết gia sản. Cho nên khi cất chứa tiền

nhiều trong việc tu học. Cho nên, cần phải tận dụng thời gian đầu tư cho sự nghiệp trí tuệ của mình. Khác hơn người thế gian, người xuất gia chúng ta phải lấy trí tuệ làm sự nghiệp. Chỉ có trí tuệ mới soi sáng cho chúng ta tu tập không bị lầm đường lạc lối. Người tu phải lấy Giới, Định Tuệ, hay Niệm Định Tuệ làm nền tảng cho việc tu học. Đó là một lộ trình mà bất cứ người tu học Phật nào cũng phải đi qua. Vì đó là con đường mòn mà từ ngàn xưa các bậc Thầy Tổ của chúng ta đều đã đi qua. Không những đi qua trong quá khứ mà ngay cả trong hiện tại và tương lai cũng đều phải đi qua. Nói một cách khẳng quyết rằng, nếu là người tu Phật thì tất cả đều phải học hỏi và thật hành ba môn học này. Như đã nói, ba môn học này tối ư quan trọng cho phương trình giác ngộ và giải thoát. Vì thế, mà nó có tên là Tam vô lậu học. Vô lậu có nghĩa là không còn bị rơi rớt vào trong Tam giới. Nếu không tu học như thế thì chúng ta phản bội lại cái bản nguyện sơ tâm của mình và cũng là kẻ cô phụ bốn ân thâm trọng. Chúng ta phải ý thức trong việc tu tập, đừng để làm một kẻ sống suông chết uổng chỉ luống hao của Đàn na thí thí mà thôi!

Tích lũy chuyển thâm, tâm trần dị ủng, xúc đồ thành trệ, nhân sở khinh khi.
Tích chứa càng nhiều tâm trần dễ lấp, gặp việc ngăn bít, bị người chê cười.

Đọc qua câu này, chúng ta cảm thấy rất hổ thẹn. Phải thành thật mà nói, người tu của chúng ta bây giờ cất chứa nhiều hơn là buông bỏ. Điều này là một sự thật, không có gì phải né tránh. Có người nhìn lại thấy tài sản cá nhân của mình cũng không thua kém gì người thế gian. Nói thế, không có nghĩa là chúng ta quơ đũa cả nắm. Vì chúng ta

Nghĩa là chúng ta hằng sống trong những tri giác sai lầm. Đó là cái bệnh chung của tất cả chúng ta. Nói một cách thường tình, thì chúng ta không nên sống bề ngoài. Ca dao có câu: "Bề ngoài thơn thớt nói cười, mà trong nham hiểm giết người không dao". Đó là cái tâm ác độc rất nguy hiểm. Đó là cái tâm của người giả tu, tu giả dối bề ngoài, tu theo hình thức, bây giờ, người ta gọi là tu mẫu. Ở trước mặt thì tỏ ra mừng rỡ khen ngợi tán tụng đáo để, nhưng khi quay mặt thì lấy cái chân đá móc sau lưng. Thái độ khen trước mặt, chê sau lưng, hạng người này không tốt ta không nên giao tiếp. Giả như có giao tiếp, thì ta nên bắt chước người xưa là "kính nhi viễn chi", nghĩa là thà xa nhau mà kính, còn hơn ở gần nhau mà sanh ra lắm chuyện thị phi phiền phức.

Tổ nói*: "trong tất cả giờ thấy nghe bình thường không có chiều uốn, cũng chẳng nhắm mắt bịt tai, chỉ lòng chẳng chạy theo vật là được".* Như trên đã nói: "thấy nghe bình thường" bốn chữ này rất là quan trọng, quý vị cần phải nằm lòng và thường xuyên áp dụng. Tôi nhắc lại, chỉ cần sống bình thường thôi. Sống bình thường là sống làm sao? Ai nói thử coi. Có phải là hằng ngày mình cứ giữ sinh hoạt đều đặn như tụng kinh, lễ bái, làm việc, ăn uống v.v... có phải như vậy là bình thường không? Sống bình thường ở đây là nhìn cái tờ giấy này là biết rõ nó là tờ giấy, trên cái tờ giấy này chúng ta đừng có thêm một ý nghĩ hay một khái niệm gì khác. Chữ bình là bằng, thường là nó luôn luôn như vậy, cho nên hai chữ như thị ở mỗi đầu kinh quý vị thấy không? Nội hai chữ "Như Thị" là cả một cái thâm nghĩa, cái triết lý nằm ở hai chữ đó. Như thị, Như thị nghĩa là như thế, như thế...Sự vật như thế nào thì mình chỉ thấy như thế đó thôi. Nhưng người ta không chịu nhìn sự vật giản đơn như vậy, mà người ta thích vẽ vời tô đậm nét

thêm lên làm cho sự vật bị méo mó giống như vẽ rắn thêm chưn vậy. Rắn vốn không chưn mà mình vẽ vời tô điểm nó trở thành nhiều chưn.

Như vậy ở đây Tổ nói rõ *"thấy nghe bình thường"*, chỉ cần quý vị tu đúng theo bốn chữ này thôi, cứ đi, đứng, nằm, ngồi thấy nghe bình thường. Thấy nghe bình thường là nghe người ta nói đừng dính mắc vào tiếng nói của người ta, mà hễ dính mắc vào tiếng nói của người ta là bất bình thường rồi, mà bất bình thường có nghĩa là điên đảo, là phiền não phát sinh tạo nên những việc lôi thôi bất an trong cuộc sống. Hằng ngày, chúng ta cố gắng thực tập sống bình thường như lời Tổ dạy đây là Niết bàn là giải thoát rồi. *Bình thường đâu có phải là nhắm mắt bịt tai, chỉ lòng chẳng chạy theo vật là được*. Tổ dạy rất rõ ràng đâu có gì phải nghi ngờ! Cho nên trong nhà thiền nói rằng: "thấy tất cả mọi sự vật mà cũng như mù; nghe tất cả mọi âm thanh mà cũng như điếc, ăn tất cả mọi vật phẩm mà xem như không có ăn". Nghe tất cả mọi âm thanh mà như là điếc, mà có điếc thật sự không? Đó không phải là điếc, nghe mà không dính mắc vào tiếng, mà không dính mắc vào ở nơi tiếng, thì mình không biết tiếng đó hay, hay tiếng đó dở, như vậy có nghe mà không phân biệt, mà không phân biệt thì cũng như không có nghe. Như thế, thì đâu có khác gì ở *đây **Tổ** nói:"**Chỉ lòng chẳng chạy theo vật là được**"*. Nhiều khi mình nghe tiếng nói nặng lời của người khác, cả đêm trằn trọc thao thức không ngủ được. Như vậy, có phải là mình bị dính kẹt vào lời nói của người ta hay không? Thế thì, mình trách ai đây? Trách người đó hay trách mình? Đó là lỗi của mình sao mình lại đổ lỗi cho người khác? Cho nên ngài Huệ Hải có câu nói như thế này ***"Vật đến chẳng nhận, tất cả chỗ không tâm".*** Còn mình thì ngược lại vật chưa đến thì đã nhận rồi, tất cả chỗ đều là

chấp nặng một bên. Hạnh giải phải tương ưng. Nghiêm trì giới luật thuộc về phần sự tướng, phải cố gắng thật hành không được thiếu sót. Thời nay, người ta hay xem nhẹ coi thường giới luật. Nặng về Lý thì cũng chẳng đi đến đâu. Nếu nặng về Sự tướng coi chừng dễ bị mắc lỗi lầm mê tín. Nếu nghiêng một bên thì chẳng khác nào như chim một cánh, xe một bánh. Như thế, thì không thể nào viễn hành thiên lý được. Vì thế, chúng ta cần phải quân bình cả Lý lẫn Sự. Về oai nghi giới luật ta cần phải học nghiên cứu cho thật kỹ càng. Phải học cho rành rẽ về "Khai, Giá, Trì, Phạm, Danh, Chủng, Tánh, Tướng". Còn phần oai nghi thì chúng ta cũng phải học cho kỹ về 24 thiên oai nghi, trong quyển Sa Di Luật Giải, do cố đại lão Hòa Thượng Thích Hành Trụ phiên dịch.

Nói chung, tất cả đều phải học cho thông suốt. Vì luật nghi rất quan trọng cho người xuất gia chúng ta. Nếu điều nào xét thấy chưa rõ chưa hiểu thì mỗi người cần phải tra cứu tìm hiểu. Hoặc thưa hỏi với những vị có sở trường chuyên về môn Luật Học. Đó là điều hết sức cần thiết, mà tất cả chúng ta không thể xem thường thờ ơ xao lãng được.

Bất khả đẳng nhân quá nhật, ngột ngột độ thời, khả tích quang âm, bất cầu thăng tiến. Đồ tiêu thập phương tín thí, diệc nãi cô phụ tứ ân.
Chẳng nên thong thả qua ngày, ngẩn ngơ hết buổi. Thì giờ đáng tiếc sao chẳng cầu tu tiến. (Như thế thật là) luống hao của tín thí, cũng là cô phụ bốn ân.

Đoạn văn này Tổ lại răn nhắc quở trách chúng ta không nên lêu láo lơ là cho qua ngày hết buổi. Người tu phải khéo biết trân quý thời gian, vì thời gian gúp chúng ta rất

Trong Truyện Kiều có câu:

"Nghìn trùng nương bóng tùng quân
Tuyết sương che chở cho thân cát đằng"

Đây là hai câu nói của ông viên ngoại, tức thân phụ của Thúy Kiều. Ông gởi gắm Thúy Kiều cho Mã Giám Sinh, vì ông tưởng Mã Gám Sinh là người đàn ông quân tử. Ông có ngờ đâu Mã Giám Sinh chính là tay nham nhở buôn người. Anh ta đã cấu kết với Tú Bà để mua nàng Kiều về bán vào lầu xanh. Vậy mà, người cha trước giờ phút chia tay với con gái yêu thương của mình, ông thốt ra câu nói thật là đau lòng xót ruột!

Vượt lên ngàn trượng là ý nói, chúng ta chưa tỏ ngộ thì phải nương vào các bậc Thiện tri thức và kinh luật. Thiện tri thức là người đáng cho ta tin cậy nương nhờ học hỏi. Kinh luật, thì chúng ta phải luôn để tâm nghiên tầm tra cứu học hỏi. Tuy nhiên, tất cả đều là phương tiện. Đó là chúng ta khéo biết nương tựa vào nhân lành thù thắng, cố nhiên là chúng ta sẽ gặt hái thành quả lợi ích rất lớn. Nhân thế nào thì quả thế ấy. Ta tin chắc điều đó. Nhân quả một mảy may không hề sai lệch.

Khẩn tu trai giới, mạc man khuy du. Thế thế sanh sanh, thù diệu nhơn quả.
Phải nên thiết tha tu hành trai giới cho thanh tịnh, chớ nên khinh dối bỏ qua. Như thế, đời đời kiếp kiếp sẽ được nhân quả tốt đẹp.

Khẩn thiết tu hành trai giới thanh tịnh là trách nhiệm bổn phận của người tu, nhất là người xuất gia chúng ta. Trong khi tu tập hành trì, chúng ta phải ghi nhớ một điều là, trong đạo Phật "Sự Lý phải viên dung". Chúng ta không nên

hữu tâm hết. Mấy đoạn văn này rất quan trọng mà Tổ đã chỉ dạy, cái này là Tổ đã nói toạt ra hết rồi, đâu có giấu giếm gì phải không? Thật ra, ở đây quý vị thấy mỗi lời, mỗi chữ của Tổ đều chứa đựng ý thiền rất thâm sâu uyên áo. Theo ý nghĩa lời dạy của Tổ ở đây, tôi có viết một bài thơ với tựa đề một chữ "XẢ" để tự nhắc nhở mình.

Nếu ai bực tức giận buồn ta
Ta hãy bình tâm giữ ôn hòa
Không nên tranh cãi gây thù hận
Chớ trách lỗi người, xét lại ta

Học hạnh từ bi tánh vị tha
Mở rộng lòng thương khéo thuận hòa
Dẹp lòng ích kỷ tâm sân hận
Gắng chí tu hành, khổ thoát ra

Giận trách chi người khổ lụy sâu
Nhiều đêm không ngủ, tóc bạc đầu
Sao bằng hoan hỷ tâm buông xả
Thoát khỏi giam mình giữ vực sâu

"Từ trước Chư thánh chỉ nói: bên nhơ bợn là lỗi lầm, nếu không như thế lòng nhiều nghĩ ác là diệt tình kiến tưởng tập. Ví như nước mùa thu lóng đứng trong trẻo lặng lẽ không động không ngại, gọi người này là Đạo nhơn, cũng gọi là người vô sự"

Giảng Giải:

Chư thánh chỉ nói nhơ bợn là lỗi lầm, vì đối với trình độ căn cơ mà phải nói như thế. Vì muốn người ta không tạo nghiệp ác thì phải nói rằng đó là nhơ bợn, là nhiễm ô, để

người ta tạo tác những điều lành, điều tốt. Nếu không nói đó là những điều tội lỗi quả báo thì họ tha hồ tạo ác, mà tạo ác thì họ phải mang lấy cái nghiệp báo ác. Đó là diệt tình kiến tưởng tập. Chữ tình kiến, chữ kiến là chấp, chữ tình là đối với 6 trần, tưởng là mình nhớ, tập là thói quen hay tập là nhóm họp. Do mình thấy những sự vật rồi huân tập vào trong tâm thức của mình, rồi mình tưởng mình nhớ lại gọi là tình kiến tưởng tập. Ngồi một mình nhớ hết chuyện này đến chuyện kia, năm đông bảy đổi, nhớ đời cố lũy cố lai thì đó gọi là tình kiến tưởng tập. Chính đó là trở ngại rất lớn, nó cũng thuộc về tập khí pháp trần phiền não. *"Ví như nước mùa thu lóng dừng trong trẻo lặng lẽ, không động không ngại gọi người này là Đạo nhơn"*. Như vậy, muốn làm Đạo nhơn phải giống như nước mùa thu, lóng dừng trong trẻo lặng lẽ. Ta nên nhớ tâm ta bản lai vốn nó trong trẻo lặng lẽ giống như mặt nước hồ thu, không có một gợn sóng lăn tăn nào cả. Hẳn các vị còn nhớ, sau khi Lục Tổ ngộ đạo ở Tổ Huỳnh Mai, Ngài thốt ra năm cái đâu ngờ. Trong đó cái đâu ngờ đầu tiên là: *"Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh"*. Tâm mình xưa nay vốn là thanh tịnh. Câu nói đó đâu có khác gì lời Tổ dạy ở đây, chẳng qua chỉ là một cách diễn tả khác đó thôi. Đó là một hình ảnh cụ thể để nói lên cái tâm hoàn toàn thanh tịnh chính là bậc Đạo Nhơn. Đạo nhơn nói theo Tổ Lâm Tế thì gọi người này là "Vô Sự". Tăng là gì? Tăng là vô sự. Vô sự ở đây không phải là không làm việc gì hết, mà vô sự là làm mọi việc mà không có bị dính mắc vào bất cứ việc gì. Làm tất cả mọi việc mà coi như không có làm. Đó là cái tâm không dính mắc gì hết, như vậy mới thực sự là giải thoát. Trong Duy Biểu Học gọi đó là "Hành xả". Hành là làm, xả là bỏ. Làm đâu bỏ đó, giống như trong câu chuyện trồng rau không cho mọc rễ của Thiền Sư Dược Sơn Duy Nghiễm. Câu chuyện này, tôi cũng có kể đôi lần cho quý vị nghe. Bây

chất liệu giáo lý, tức những lời Phật Tổ chỉ dạy lấy đó làm phương châm tiến thủ hành trì. Như trước Tổ cũng đã có nhắc nhở chúng ta là người xuất gia cần phải gìn giữ oai nghi tế hạnh: đi, đứng, nằm ngồi cho phải phép. Ở đây, Tổ lại nhắc thêm cho chúng ta phải ghi nhớ điều đó. Bởi vì người xuất gia việc gìn giữ oai nghi giới luật phải hết sức thận trọng nghiêm minh. Chúng ta không được coi thường xem nhẹ phép tắc luật nghi. Vì đó là tác phong đạo hạnh của một ông thầy. Có như thế mới xứng đáng làm pháp khí trong hàng Tăng bảo. Pháp khí là một thuật ngữ đặc biệt trong nhà thiền, nghĩa đen là đồ đựng giáo pháp. Tức chỉ cho một vị Tăng hay Ni có đủ khả năng tài đức lãnh đạo làm mô phạm để hướng dẫn tín đồ Phật giáo tu học.

Khởi bất kiến ỷ tùng chi cát, thượng tủng thiên tầm, phụ thác thắng nhân phương năng quảng ích.
Há chẳng thấy dây sắn nương cây tùng mà vượt cao lên ngàn trượng. Nương gá nhân lành thù thắng thì mới được lợi ích rộng nhiều.

Là người có tâm tha thiết cầu học, thì sớm tối phải nương nơi thầy để học hỏi. Chẳng khác nào như dây sắn dây bìm nương vào cây tùng ngàn trượng. Tùng là một loại thực vật được tượng trưng cho đức tánh của người quân tử. Cao hơn nữa là một đấng trượng phu hiên ngang trong trời đất. Người quân tử hay đấng trượng phu, là chỗ xứng đáng để cho người ta nương tựa. Bởi nương tưa với những vị này người ta cảm thấy an tâm hơn. Người quân tử có một tâm hồn cao thượng rộng lượng bao dung và tha thứ. Có câu nói: Đức thắng tài vi quân tử. Tài thắng đức vi tiểu nhân. Kẻ có tài mà không có đức là người tiểu nhân. Tiểu nhân là kẻ có tâm hồn vị kỷ nhỏ nhoi hẹp hòi.

thái độ thông minh. Chúng ta đừng có quan niệm cho rằng giáo lý của đạo Phật chỉ là một kho tàng lý thuyết khô khan, giống như những món đồ cổ đã được trưng bày trong bảo tàng viện. Quan niệm đó không mang lại lợi ích gì cho người tu học Phật. Ai cũng biết, nguồn giáo lý của đạo Phật phát nguyên từ một con người giác ngộ, chớ không phải tự nhiên mà có. Đức Phật sau khi chứng đạt chân lý bản nguyên của vũ trụ, Ngài mới tuyên thuyết giáo lý để khai thông tuệ giác cho con người. Thế thì, nguồn giáo lý đó không phải chỉ có lý thuyết suông, mà nó còn hướng dẫn người ta đi theo lộ trình giác ngộ để được giải thoát. Cho nên, phần giáo lý mà chúng ta nghiên cứu học hỏi chỉ là lý thuyết, và chính lý thuyết đó dẫn dắt chúng ta đi sâu vào phần thật hành. Như đôi mắt sáng soi đường cho đôi chân đi. Vì thế giữa lý thuyết và thật hành phải đi đôi với nhau, gọi là tri hành hợp nhất. Có thế, thì việc tu học của chúng ta mới có đủ khả năng kinh nghiệm mà tiếp dẫn cho người sau. Chúng ta không thể nghiêng hẳn một bên, tu và học phải được song hành. Đúng như lời Sư Cụ Khánh Anh đã dạy: "Tu mà không học là tu mù. Học mà không tu là đãi sách". Câu này, chúng tôi đã nhắc đi nhắc lại đôi lần, bởi vì nó rất quan trọng cho người tu học Phật không thể nghiêng nặng một bên.

"Thời quang diệc bất hư khí, tất tu dĩ thử phù trì. Trú chỉ uy nghi, tiện thị tăng trung pháp khí".
Thời giờ chớ nên luống bỏ, phải dùng giáo pháp để phò trì. Đi đứng oai nghi, mới là pháp khí Tăng bảo.

Nếu chúng ta chưa phải là người thấu suốt thông đạt lý thiền, thì chúng ta phải khéo biết tận dụng thời gian, đừng để thời giờ trôi qua một cách vô ích. Hư khí nghĩa là vứt bỏ đi mà không một chút luyến tiếc. Chúng ta phải dùng

giờ tôi chỉ xin nhắc lại đại khái thôi. Một hôm thầy tri viên đang cuốc đất trồng rau, Thiền Sư Dược Sơn đi ngang qua, thấy vậy Ngài dừng lại hỏi: Chú làm gì đó? Thầy Tri Viên đáp: Dạ! con đang cuốc đất trồng rau. Thiền Sư nói: Ông trồng thì trồng ta không ngăn cản ông, nhưng trồng đừng cho nó mọc rễ. Nghe vậy, thầy Tri Viên vội trả lời liền: Bạch Hòa thượng! Trồng mà không cho nó mọc rễ, thì đại chúng lấy gì mà ăn? Thiền Sư nói: Ông cũng có miệng nữa sao?

Qua câu chuyện đó tuy đơn giản nhưng ý nghĩa rất thâm trầm. Quý vị có thấy chỗ thâm trầm đó không? Cuốc đất trồng rau là một hành động rất bình thường. Trong thiền môn đều có quy định giờ lao động chấp tác. Đến giờ chấp tác, tăng chúng ai cũng phải đi làm, mỗi người một công việc khác nhau. Như vậy, làm tất cả mọi việc, nhưng đừng có dính mắc vào công việc mình làm. Vì còn dính mắc là còn chấp ngã, chấp pháp rất nặng. Ngã, pháp còn chấp thì làm sao giải thoát? Giống như trồng mà không cho nó mọc rễ vậy. Nhưng thầy tri viên thật thà, không hiểu được ý của Thiền Sư nên mới nói: "Trồng không cho mọc rễ thì đại chúng lấy gì mà ăn?" Như ở đây, đến giờ chấp tác, thì mọi người đều đi làm công việc của mình do trong chúng giao phó. Nhưng nhớ làm đâu phải bỏ đó. Làm như vậy, thì có khác gì làm tất cả mà không làm gì hết. Điều này mình phải ý thức và phải cố gắng thực tập. Làm được như thế thì bảo đảm phiền não không thể phát sanh, vì vượt ra ngoài việc khen chê bình thường của nhân thế.

Trong Chứng Đạo Ca mở đầu Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác có nói: "Quân bất kiến:

"Tuyệt học vô vi nhàn Đạo nhân
Bất trừ vọng tưởng bất cầu chân

Vô minh thực tánh tức Phật tánh
Ảo hoá không thân tức Pháp thân”

Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân: nhàn đạo nhân là người không còn học nữa, không còn học là sao? Vì mình học là học những cái pháp đối đãi, pháp giả nhân, giả tướng, còn điều mà người ta đã đạt được cái thể tánh chân thật rồi, thì không cần phải học nữa, nên gọi “vô sự” là vậy đó.

Thiền sư Huệ Tịch hỏi: “*Trăm ngàn muôn cảnh đồng thời đến thì phải làm sao?* Điều hỏi này giống như tâm bệnh của mình vậy. Giờ mình sống ở đây hết việc này đến việc kia lăng xăng đủ thứ chuyện hết, trăm muôn ngàn việc nó tới với mình phải làm sao đây? Đối với người tu muốn tâm mình được thanh tịnh, muốn yên ổn thì phải làm như thế nào? Đây là câu hỏi tiêu biểu cho tâm bệnh của mình đó. Bây giờ mình tự hỏi: trăm nghìn muôn cảnh đồng thời đến phải làm sao? Thật sự là tôi muốn yên mà hết chuyện này đến, rồi tới chuyện kia cứ xảy ra hoài, muốn yên phải làm sao đây? Đó là Thiền Sư Huệ Tịch hỏi Tổ Qui Sơn như vậy đó. Tổ Qui Sơn đáp: *“Xanh chẳng phải là vàng, dài chẳng phải là ngắn, các pháp mỗi pháp ở địa vị của nó, chẳng can hệ đến việc của ta”.* Tại sao vậy? Thông thường mình hay nói rằng: Đây là màu xanh, kia là màu vàng, đây là dài, kia là ngắn, rõ ràng là mình phân biệt trong cái pháp đối đãi có phải không? Bây giờ, sở dĩ muôn việc nó tới với mình làm mình khổ là tại vì mình còn phân biệt dính kẹt vào ở nơi các pháp đối đãi: cái này tốt, cái kia xấu, cái này đáng thương, cái nọ đáng ghét, đều là do cái tâm vọng tưởng phân biệt đối đãi của mình mới xảy ra phiền não, nên Ngài nói rằng: “*Xanh chẳng phải là vàng, dài chẳng phải là ngắn.* Lỗi là do ở nơi mình sanh tâm phân biệt chấp trước đó thôi. Mỗi pháp nó

người xuất gia: Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự. Phải noi gương chư Phật, Tổ mà vân du khắp nơi hoằng pháp lợi sinh.

Giai đoạn ba đây là giai đoạn người sứ giả Như Lai có thể là cao tuổi, cần phải buông bỏ hết mọi việc mà chuyên tu. Đây là giai đoạn quan trọng nhất của người xuất gia. Trong thời gian nhập thất chuyên tu, tuy không làm gì, nhưng cũng ảnh hưởng rất lớn cho những người khác. Có người thì giai đoạn ba này lại là giai đoạn thứ hai. Nghĩa là sau khi hoàn tất giai đoạn một chuyên cần học hỏi, tốt nghiệp ra trường, thì các ngài lại phát nguyện nhập thất chuyên tu. Như trường hợp cố Hòa Thượng Thiền Tâm và cố Hòa Thượng Bửu Huệ. Sau thời gian chuyên tu trau dồi đạo lực khá, các ngài mới ra làm việc, phụng sự đạo pháp, dắt dẫn hậu lai. Tùy theo nhận thức phát nguyện của mỗi người mà có sự khác biệt. Tuy nhiên, giai đoạn nào đối với người xuất gia cũng đều là quan trọng cả. Vì đó là trách nhiệm bổn phận của người xuất gia chúng ta. Muốn thế, thì Tổ lại dạy tiếp chúng ta cần phải làm những việc như sau:

Tinh sưu nghĩa lý, truyền xướng phu dương, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức.
Tinh thông nghĩa lý, truyền bá mở mang, tiếp dẫn hậu lai để báo ân đức Phật.

Tinh sưu nghĩa lý có nghĩa là chúng ta phải sưu tầm nghiên cứu học hỏi kinh điển cho tinh thông nghĩa lý, với mục đích là để truyền bá chánh pháp khai thông trí tuệ cho mọi người, mọi giới. Đó là một việc làm hữu ích thiết yếu hầu để dắt dẫn người sau. Chỉ có như thế thì chúng ta mới thực sự báo Phật ân đức. Cần nói thêm, trong khi nghiên cứu tìm hiểu học hỏi kinh điển, chúng ta cũng cần có một

sự hiểu biết về giáo pháp sâu cạn khác nhau. Đó là nói cái nhân duyên trong hiện tại. Tuy nhiên, nó còn đòi hỏi phải có cái căn lành chủng duyên Phật pháp nhiều đời trước nữa. Có người nhờ có căn lành chủng duyên Phật pháp sâu dày đời trước, nên đời này việc nghiên cứu tu học Phật pháp của họ có nhiều thắng duyên thuận lợi tiến bộ hơn.

Qua lời dạy của Tổ, chúng ta thử xét lại mình thuộc hạng căn cơ nào? Nếu chưa phải là hàng trung lưu có thể đốn siêu ngay trong đời này, thì chúng ta phải cố gắng trau dồi học hỏi nghiên tầm giáo điển cho được tinh thông, hầu để đem ra truyền bá xiển dương chánh pháp rộng khắp mọi nơi để mọi người tiếp thu được nguồn giáo pháp cao siêu của đức Phật. Nhất là, dẫn dắt cho những người sau, hầu để đáp đền ơn sâu Phật Tổ. Một khi giáo pháp của Phật đã được truyền bá sâu rộng phổ cập đến mọi người trong xã hội, thì việc làm của chúng ta mới thực sự có lợi ích.

Trong làng tu, có người chia thời gian ra làm ba giai đoạn của một đời tu hành xuất gia:

- Giai đoạn đầu là phải nỗ lực chuyên cần học tập.
- Giai đoạn hai, là phải noi theo gương Phật Tổ mà hoằng pháp lợi sinh.
- Giai đoạn ba, là giai đoạn chuyên tu.

Tuy chia làm ba giai đoạn, nhưng còn tùy theo nhân duyên hoàn cảnh thuận nghịch của mỗi người. Giai đoạn đầu, nếu chúng ta có đủ cơ duyên thì nên vào trường Phật học. Vì chỉ có trường Phật học mới có thể đào tạo theo đúng chương trình từ thấp lên cao.

Giai đoạn hai, là giai đoạn trách nhiệm bổn phận của

ở yên theo vị trí của nó. Trong Kinh Pháp Hoa nói rằng: "*Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ"*. Nghĩa là, pháp nào nó ở nguyên vị trí địa vị của nó. Thí dụ như bây giờ cái bảng này, cái trống kia, mỗi cái nó ở yên theo vị trí của nó, tại mình gắn cho nó đẹp, nó xấu... chớ tự nó đâu có nói nó đẹp hay xấu gì đâu. Vì vậy mà trong nhà thiền nói rằng, mình chia chẽ mọi sự vật ra biết bao nhiêu thành cái mảnh mún, nghĩa là cứ đem những nhát búa khái niệm mà chặt trên những sự vật. Chính cái đó mới là cái khổ đau! Nếu mình thấy cái này là cái này thôi, nó ở nguyên vị trí của nó thì có gì là phân biệt đẹp, xấu, hay thương ghét có phải không? Ví dụ cái bông này nó không nói nó đẹp, hay nó xấu gì cả, mà đẹp xấu là do con người gắn cho nó. Thành ra, những câu nói như thế này là chỉ cho mình cái yếu lý của sự tu hành. Ngài mới nói là pháp nào nó ở địa vị của nó chẳng can hệ gì đến mình. Tại mình muốn làm cảnh sát quốc tế, cái gì cũng muốn xen vào để giải quyết hết. Chớ đâu có chịu việc như vậy là như vậy đâu. Ở đời, vì người ta thích xen vô chuyện của thiên hạ nên mới có khổ. Khổ đó là do cảnh hay do mình? Là do mình hay sinh sự, mà hễ sinh sự thì sự nó sinh ra, có phải không? Thế thì, than trách với ai đây?!

Khi ấy có vị tăng hỏi:

- Người được đốn ngộ có tu chăng?

Sư bảo:

- Nếu người khi thật ngộ được gốc thì họ tự biết, tu không tu là lời nói hai đầu. Như nay có người sơ tâm tuy từ duyên được một niệm đốn ngộ chơn lý nơi mình, nhưng vẫn còn tập khí (thói quen) nhiều kiếp từ vô thủy chưa có thể chóng sạch, nên dạy hắn trừ sạch dòng thức tạo nghiệp hiện tại, tức là tu vậy. Không nói có một pháp riêng dạy hắn tu hành thú hướng. Từ nghe được nhập lý,

nghe và lý sâu mầu, tâm tự tròn sáng không ở chỗ mê lầm, hiện thời dù có trăm ngàn diệu nghĩa thăng trầm, hắn vẫn được ngồi yên mặc áo tự biết tạo sinh kế. Nói tóm lại, "chỗ lý chơn thật không nhận một mảy bụi, trong cửa muôn hạnh chẳng bỏ một pháp" (Thật tế lý địa bất thọ nhứt trần, vạn hạnh môn trung bất xả nhứt pháp). Nếu được như vậy, là một mình cầm đao thẳng vào, lòng phàm thánh sạch, hiện bày chơn thường, lý sự không hai, tức Phật như như.

Giảng Giải:

Trong nhà thiền có câu nói: "Như nhơn ẩm thủy lãnh noãn tự tri". Nghĩa là, như người uống nước lạnh nóng tự mình biết. Sự tu hành cũng thế. Có an lạc hạnh phúc hay không thì tự mình biết, không cần phải nói, phải khoe khoang với ai. Phiền não của mình còn nhiều ít, có giảm thiểu được phần nào hay không, cũng tự mình biết thôi. "Hành tàng hư thiệt tự gia tri". Việc làm của mình giả dối hay chơn thật, thì cũng tự mình biết. Phàm có nói năng đều rơi vào hai đầu đối đãi. Nếu như nhơn một cơ duyên nào đó mà mình tự ngộ nhận lại cái bản tâm sẵn có của mình, dù chỉ trong một niệm thôi. Điều đó được gọi là đốn ngộ. Đốn là nhanh, ngộ là nhận. Nhưng rất tiếc tập khí của mình còn quá sâu dày, nên không thể một sớm một chiều chóng sạch được. Không biết quý vị có còn nhớ bài kệ nói về ý nghĩa này không? Đâu ai nhớ nói thử. Người nào còn nhớ đứng lên nói cho cả lớp nghe. Không ai nhớ hết. Học mình phải thường xuyên ôn lại. Có ôn lại thì mới nhớ. Văn ôn võ luyện là vậy. Bài kệ đó như thế này:

"Đốn ngộ tuy đồng Phật
Đa sanh tập khí thâm

phương tín thí, diệc nãi cô phụ tứ ân. Tích lũy chuyển thâm, tâm trần dị ủng, xúc đồ thành trệ, nhân sở khinh khi.

Dịch Nghĩa:

Nếu có kẻ bậc trung, chưa thể vượt qua được (phương tiện), thì phải đối với giáo pháp lưu tâm, ôn tầm kinh luận. Tinh thông nghĩa lý, truyền bá mở mang, tiếp dẫn hậu lai, để báo ân đức Phật. Thời giờ chớ nên luống bỏ, phải dùng giáo pháp để phò trì. Đi đứng oai nghi, mới là pháp khí Tăng bảo. Há chẳng thấy dây sắn nương cây tùng mà vượt cao lên ngàn trượng. Nương gá nhân lành thù thắng thì mới được lợi ích rộng nhiều. Phải nên thiết tha tu hành trai giới cho thanh tịnh, chớ nên khinh dối bỏ qua. Như thế, đời đời kiếp kiếp sẽ được nhân quả tốt đẹp.

Chẳng nên thong thả qua ngày, ngẩn ngơ hết buổi. Thì giờ đáng tiếc sao chẳng cầu tu tiến. (Như thế that là) luống hao của tín thí, cũng là cô phụ bốn ân. Tích chứa càng nhiều tâm trần dễ lấp, gặp việc ngăn bít, bị người chê cười.

Giảng Giải:

Nhược hữu trung lưu chi sĩ, vị năng đốn siêu, thả ư giáo pháp lưu tâm, ôn tầm bối diệp.
Nếu có kẻ bậc trung, chưa thể vượt qua được (phương tiện), thì phải đối với giáo pháp lưu tâm, ôn tầm kinh luận.

Trong giới tu học Phật, ta thấy có nhiều hạng căn cơ trình độ khác nhau. Việc nghiên cứu tu học Phật pháp, tùy theo cơ duyên, hoàn cảnh và môi trường của mỗi người mà có

XI. NÊU CAO GIÁO PHÁP

Kính thưa đại chúng,

Hôm nay, chúng ta bước sang qua bài thứ mười một. Nội dung của bài học này là Tổ khuyến khích chúng ta phải chuyên cần tu học nương theo giáo pháp Phật dạy, hầu lấy đó làm kim chỉ nam, một bề thẳng tiến trên con đường giác ngộ giải thoát. Đời tu xuất gia của chúng ta mục đích cũng chỉ là ngần ấy. Chúng ta phải cố gắng tu học để khai thông con mắt trí tuệ, thấy rõ các pháp đều là hư huyễn. Cần nhất là phải phân biệt chánh tà, chân ngụy, tài bồi chánh kiến để có đủ năng lực phá tà hiển chánh, làm sáng tỏ nền giáo pháp của đức Như Lai. Đó là trách nhiệm lớn lao của người xuất gia chúng ta. Bây giờ chúng ta sẽ đi vào bài học.

Chánh Văn:

Nhược hữu trung lưu chi sĩ, vị năng đốn siêu, thả ư giáo pháp lưu tâm, ôn tầm bội diệp. Tinh sưu nghĩa lý, truyền xướng phu dương, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức. Thời quang diệc bất hư khí, tất tu dĩ thử phù trì. Trú chỉ uy nghi, tiện thị tăng trung pháp khí. Khởi bất kiến ỷ tùng chi cát, thượng tủng thiên tầm, phụ thác thắng nhân phương năng quảng ích. Khẩn tu trai giới, mạc man khuy du. Thế thế sanh sanh, thù diệu nhơn quả.

Bất khả đẳng nhân quá nhật, ngột ngột độ thời, khả tích quang âm, bất cầu thăng tiến. Đồ tiêu thập

Phong đình ba thượng dũng
Lý hiện niệm du xâm"

Nghĩa là:

Đốn ngộ tuy đồng với Phật
Nhiều đời tập khí sâu
Gió dừng, sóng vẫn nổi mạnh
Lý đã hiện mà niệm vẫn còn.

Vì vậy, đối với người tu là phải chuyên cần dẹp trừ tập khí phiền não. Chính nó là động cơ thúc đẩy chúng ta tạo nhiều nghiệp ác. Điều quan trọng của người tu là phải chuyển hóa thân tâm. Có đôi lúc mình cũng có lóe sáng ngầm nhận mình cũng có cái tâm chơn thật. Nhưng mây phiền não cứ dồn dập kéo tới che phủ ánh trăng Phật tánh của chúng ta. Đến chỗ chơn thật cùng tột, thì không có một mảy bụi trần nào dính vào (bản lai vô nhất vật), nhưng trong cửa phương tiện thì có vô số pháp môn, không bỏ một pháp môn nào hết. Nghĩa là, chúng ta làm tất cả mọi việc nhằm lợi ích chúng sinh, nhưng làm đâu phải bỏ đó, không nên cố chấp dính mắc vào. Đó là điều mà chúng ta cần phải lưu ý.

Đây là câu hỏi kế: "Thế nào là ý Tổ Sư từ Ấn Độ sang? Câu hỏi này rất quen thuộc trong nhà thiền. Thường người ta hay muốn biết ý Tổ Sư từ Ấn Độ sang Trung Hoa là gì? Tổ Bồ Đề Đạt Ma là người Ấn Độ, là vị Tổ thứ 28 ở Ấn Độ đi sang Trung Hoa. Người ta muốn biết ý của Tổ Đạt Ma sang Trung Hoa là như thế nào? Ý là Tổ Sư đến từ Ấn Độ để làm gì? Ý như thế nào? Thì ngài Qui Sơn mới chỉ cái lồng đèn bảo: "Lồng đèn rất tốt". Sao kỳ lạ vậy? Người ta hỏi ý của Tổ Sư từ Ấn Độ đến như thế nào? Mà Ngài không trả lời mà chỉ cái lồng đèn. Chúng ta nghe

thấy có lạ không? Câu trả lời như vậy có phải là lạc đề rồi không?

Xin thưa, trong nhà thiền, các vị Thiền Sư không có trả lời theo lối thường tình như mình. Vì trả lời như thế chẳng khác nào dẫn dắt người ta đi vào mê hồn trận của ngôn ngữ. Ở đây, Thiền Sư muốn chặt đứt khái niệm về ngôn ngữ. Chỉ nêu ra một câu thiền ngữ như để chặt đứt khái niệm. Nếu ngay câu nói đó người hỏi nhận ra thì tốt bằng không thì thôi. Bởi người hỏi là hỏi đến chỗ thâm sâu cùng tột, đến chỗ đó thì làm sao giải thích? Thay vì trả lời, thì Tổ lại nói lồng đèn rất tốt. Giữa câu hỏi và câu trả lời không ăn nhập dính dáng gì với nhau. Thế là làm cho người hỏi không còn thắc mắc nữa. Đó là một diệu thuật để cho người hỏi bặt suy nghĩ, nhận lại cái thể tánh **"không suy nghĩ"** của mình. Còn suy nghĩ là còn vọng tưởng, bặt suy nghĩ thì vọng tưởng không khởi, vọng không có thì chơn tánh hiện bày. Ngay đó mà thể nhận lại bản tâm chơn thật của mình. Tổ đã chỉ rõ như thế, mà người hỏi cũng chưa nhận ra, nên mới nói: "Con tinh thần tối tăm đối đáp vụng về chẳng biết Hòa Thượng hồi còn ở Sư Ông Bá Trượng trình ngữ thế nào? Sư bảo: "Ta hồi ở với Tiên Sư Bá Trượng trình ngữ như vầy: như trăm ngàn gương soi sáng hình bóng chiếu nhau cõi cõi bụi bụi mỗi mỗi chẳng lầm lẫn". Huệ Tịch lễ bái.

Tổ dùng cái ví dụ hình ảnh bằng những tấm gương soi sáng chiếu nhau rất hay. Như trong phòng này chúng ta treo nhiều tấm gương phản chiếu lẫn nhau. Khi có cảnh đến thì muôn ngàn cái gương đều chiếu như nhau, nhưng không có tấm gương nào lưu giữ hình ảnh của cảnh vật nào cả. Gương chiếu vật, nhưng vật qua rồi gương vẫn sáng. Dùng gương sáng để dụ cho bản tâm của chúng ta.

cái tâm dính mắc vào bất cứ một hiện tượng nào". Chính Lục Tổ cũng đã từng nói trong bài kệ có câu: "Bản lai vô nhất vật". Nghĩa là xưa nay không một vật. Đã không một vật thì tu chứng cái gì. Tuy nhiên, nói không chứng là cốt để cho người ta đừng có chấp, chớ không phải là không có chứng đắc. Vì thế, mà Thiền Sư hay nói: "không có pháp gì trao cho người". Tu mà còn thấy có chứng có đắc thì chưa phải là thật tu, vì còn kẹt vào quả vị, tức rơi vào đối đãi. Còn có đối đãi thì làm sao thấy đến chỗ tột cùng chân thật được.

Điều Quan trọng Tổ dạy ở đây là, chúng ta có quyết tâm hay không? Chỉ cần chúng ta có đủ quyết tâm, thì không có gì là trở ngại khó khăn cả. Ta còn nhớ câu nói của nhà văn Nguyễn Bá Học: "Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó, vì lòng người ngại núi e sông". Thế thì một khi đã quyết tâm thì không có việc gì là không thành. Lời Phật dạy xưa nay chưa từng dối gạt ai. Chúng ta phải tin chắc điều đó. Phật đã từng nói: "Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành". Thế thì, còn gì mà phải nghi ngờ nữa chớ phải không?

đó thì rõ ràng là không có gì là bí mật ẩn tàng cả. Cho nên Tổ nói khi ngộ rồi đồng như chưa ngộ. Trong kinh Tứ Tập Nhị Chương có một bài kinh nói rằng: "Tu vô tu tu, chứng vô chứng chứng, hành vô hành hạnh..." Nói tu, chứng, hành v.v... thật ra không có gì để tu, không có gì để chứng... Không tu mà tu, không chứng mà chứng, không hành mà hành. Đó là những câu nói mới nghe thật khó hiểu, nhưng kỳ thật thì không có gì là khó hiểu cả. Thường chúng ta hay bị kẹt vào những ngôn ngữ, khái niệm, hễ nói cái gì ra thì chấp vào cái đó. Chính vì chỗ không muốn cho chúng sanh bị kẹt vào ngôn ngữ khái niệm, nên trong kinh Phật nói suốt 49 năm Ta không nói một lời. Không nói một lời mà chư Tổ kết tập thành ba tạng kinh điển. Vì thế, người học thiền, tu thiền, đừng để bị dính kẹt vào những khái niệm danh, ngôn, sắc tướng. Ta còn nhớ, trong Đại thừa Khởi Tín Luận có câu nói rất tuyệt vời: "Nhứt thiết chư pháp, tùng bổn dĩ lai, ly văn tự tướng, ly ngôn thuyết tướng, ly danh tự tướng, ly tâm duyên tướng, tất cánh bình đẳng, bất khả phá hoại.. ". Nghĩa là, tất cả các pháp, từ xưa tới nay, lìa tướng văn tự, lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng, không thể phá hoại... Nói gọn một câu là xa lìa tất cả, mà không có gì phải xa lìa. Chỉ xa lìa những gì có hình tướng, còn cái không hình tướng, vô sinh bất diệt, sao xa lìa được?

Hẳn ta còn nhớ đức Lục Tổ Huệ Năng ngộ đạo ở câu: *"Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"*. Câu nói này ở **trong kinh Kim Cang Bát Nhã. Lục Tổ trải qua hai lần ngộ cũng** chính ở nơi câu nói này. Ngộ lần đầu chỉ là giải ngộ. Ngộ lần sau khi mà đức Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, đọc tới câu đó, Lục Tổ khoát nhiên đại ngộ. Lần ngộ này mới thật là triệt ngộ. Ý nghĩa của câu nói rất rõ ràng: "không nên sanh

Tâm chúng ta như tấm gương chiếu cảnh, cảnh đến thì chiếu soi, cảnh qua rồi thì gương không giữ lại. Với ý này, ta thấy không khác gì bài kệ của Thiền Sư Hương Hải đời nhà Hậu Lê:

Nhạn quá trường giang,
Ảnh trầm hàn thủy
Nhạn vô vi tích chi ý
Thủy vô lưu ảnh chi tâm

Con chim nhạn bay ngang qua con sông dài, bóng của con chim nhạn chìm dưới dòng nước lạnh. Nhưng con chim nhạn cũng không có ý là muốn lưu hình ảnh mình lại dưới nước, nước cũng không có cái tâm muốn lưu lại hình ảnh của con chim nhạn. Một hình ảnh thi ca tuyệt vời và ý nghĩa rất thâm trầm.

Thành ra tâm và cảnh, cả hai nó không có liên hệ gì với nhau hết, chim nhạn là chim nhạn, nước là nước, như vậy chính đó là đại giải thoát, đại tự tại rồi. Trong nhà thiền có câu nói: "Tâm cảnh không đến với nhau ngay đó là giải thoát".

Sư thượng đường dạy chúng:
Sau khi lão tăng trăm tuổi đến dưới núi làm con trâu, hông bên trái viết năm chữ "Qui Sơn Tăng Linh Hựu". Khi ấy gọi là Qui Sơn Tăng hay gọi là con trâu? Gọi là con trâu hay gọi là Qui Sơn Tăng? Gọi thế nào mới đúng?

Sư truyền bá Thiền giáo hơn bốn mươi năm, người đạt được lý thú không thể kể hết, đệ tử được nhập thất (được truyền tâm) được 41 người.

Đời Đường niên hiệu Đại Trung năm thứ bảy (853 T.L) ngày mùng 9 tháng giêng, Sư tắm gội xong, ngồi kiết già

vui vẻ thị tịch. Sư thọ 83 tuổi, 64 tuổi hạ.

Vua ban hiệu Đại Viên Thiền Sư, tháp hiệu Thanh Tịnh.

Sư có trước tác tập Qui Sơn Cảnh Sách rất được lưu hành trong thiền môn.

Qua câu chuyện trên, quý vị thấy gọi như thế nào mới đúng? Không gọi gì hết. Còn gọi là còn kẹt vào ngôn ngữ, tức rơi vào đối đãi hai đầu. Quý vị còn nhớ trong Kinh Duy Ma Cật ở phẩm Pháp Môn Bất Nhị, tức Pháp Môn Không Hai. Sau khi các vị Bồ tát trình bày về chỗ thấy biết của mình về Pháp Môn Không Hai, đến ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Ngài hỏi ngài Duy Ma Cật: Thưa nhân giả, chúng tôi đã lần lượt trình bày hết rồi, bây giờ thỉnh nhân giả nói. Ngài Duy Ma Cật "lặng thinh". Ngài Văn Thù liền tán thán tuyệt diệu thay! tuyệt diệu thay! chính đó mới thực là Pháp Môn Không Hai. Còn nói thì chưa phải là Pháp Môn Không Hai. Cho nên ở đây cũng không gọi là gì cả. Không gọi mà gọi tất cả. Đây cũng còn là phá cái chấp còn thấy có phàm có Thánh. Đối với người đạt đạo thì các ngài đâu còn kẹt vào thứ ngôn ngữ giả lập hai đầu này. Nói phàm tất nhiên đối lại là Thánh, đó là pháp đối đãi mà hầu hết chúng ta đều dính kẹt. Nói làm con trâu nhưng thực sự đâu có làm trâu bao giờ. Nói thế là cốt để phá cái chấp phân biệt phàm và Thánh của chúng ta mà thôi.

Thật ra, trong phần tiểu sử và sự giáo hóa của Tổ thì nhiều, nhưng ở đây, chúng tôi chỉ nêu ra giới thiệu sơ qua một vài đặc điểm trong công cuộc hành hóa của Tổ. Quý vị nào muốn biết những mẩu chuyện đối thoại về thiền thì tìm đọc trong quyển "Trung Hoa Chư Thiền Đức Hành Trạng", do Thiền Sư Thích Thanh Từ soạn dịch.

Bây giờ, đến phần thứ hai là nói sơ về những nhà chú giải.

Tạm dịch:

Đốn ngộ tuy đồng Phật
Nhiều đời tập khí sâu
Gió dừng sóng vẫn nổi
Lý hiện niệm vẫn còn

Nội dung của bài kệ đã cho chúng ta thấy rất rõ tai hại của tập khí. Người tu hành tuy đã nhận ra bản thể không khác gì cái thấy của Phật, nhưng tập khí trong nhiều đời còn quá sâu dày. Giống như gió đã dừng thổi rồi mà sóng vẫn còn tiếp tục nổi lên. Chân lý đã hiện bày sáng tỏ rồi mà vọng niệm vẫn còn dấy khởi. Song có điều chắc chắn rằng, đối với người đã giác ngộ hay kiến tánh, thì dù tập khí vẫn còn, nhưng con đường tu tập của họ không bao giờ lui sụt, hay thối chuyển. Việc đạt thành quả vị Phật, chỉ còn là thời gian đó thôi. Người đạt đạo tâm của họ không còn dính kẹt vào bất cứ một hiện tượng nào, cho nên đối với họ chỉ giống như là khách vãng lai qua lại trong bầu trời tự do giải thoát. Được như thế, thì mới xứng đáng làm gương mẫu cho mọi người noi theo.

Thử chi nhất học tối diệu tối huyền, đản biện khẳng tâm, tất bất tương trám (chạm).
Môn thiền này rất diệu rất huyền, chỉ cần có đủ quyết tâm, mới biết Phật Tổ không dối gạt người.

Nói rất diệu rất huyền là đối với những người chưa tỏ ngộ lý thiền, còn đối với những người đã tỏ ngộ rồi thì không có gì là huyền diệu cả. Bởi vì cái bản tâm ai cũng sẵn có. Có, mà tại vì mình quên cứ mải chạy theo vọng trần chưa từng phản tỉnh. Nay nghe lời Phật Tổ chỉ dạy, chúng ta trực nhận lại cái bản tâm sẵn có của mình. Khi nhận lại cái

Muốn thế, thì chúng ta phải thật tâm tha thiết trong việc huân tu để có đầy đủ phước trí trang nghiêm. Chúng ta không thể tu lơ là cho qua ngày đoạn tháng. Mỗi người nên ý thức vai trò trách nhiệm bổn phận lớn lao của mình mà quyết tâm làm tròn trách nhiệm của mình. Có thế, thì mới không luống uổng của một đời tu hành và cũng không làm thất vọng của những người đã hằng tin cậy vào mình. Nhất là đối với cha mẹ, thầy tổ và những người tận tâm giúp đỡ cho mình trong việc ăn mặc. Tất cả đều kỳ vọng vào việc tu tập và hạnh nguyện của chúng ta.

Tổ đã khuyến tấn khích lệ chúng ta phải có một niềm tin vững chắc trong việc tu hành quyết không lui sụt. Không phải chỉ phát nguyện một đời mà đời đời kiếp kiếp cũng đều như thế.

Sanh sanh nhược năng bất thoái, Phật giai quyết định khả kỳ. Vãng lai tam giới chi tân, xuất một vị tha tác tắc.
Đời đời nếu không thối chuyển thì quả Phật quyết chắc được nên. Làm người khách qua lại trong ba cõi, ra vào làm phép tắc cho người.

Hai câu này nói lên cái hạnh nguyện của người xuất gia là phải tự độ và độ tha, hay tự giác, giác tha. Nếu chúng ta muốn thoát ra khỏi vòng sinh tử luân hồi, thì mỗi người cần phải nỗ lực tiến tu. Bởi tập khí phiền não của chúng ta trong nhiều đời còn rất sâu dày. Không phải một sớm một chiều mà có thể đoạn trừ sạch hết được. Hẳn chúng ta còn nhớ trong kinh có nêu ra bài kệ:

Đốn ngộ tuy đồng Phật
Đa sanh tập khí thâm
Phong đình ba thượng dũng
Lý hiện niệm du xâm

Ở đây, chúng tôi dựa vào tác phẩm của Hòa Thượng Thích Thanh Từ đã truy tầm. Ngài nêu ra những nhà chú giải để mình biết cái quyển luận này có tầm mức quan trọng như thế nào. Đại khái, gồm có những nhà chú giải như sau:

3. Các Nhà Chú Giải

1. Đời Tống, Ngài Thủ Toại chú đề tựa là Qui Sơn Cảnh Chú (1 quyển).

2. Đời Minh, Ngài Đạo Bá giải đề tựa là "Qui Sơn Cảnh Sách Chỉ Nam". Quyển này nằm trong Bộ Phật Tổ Tam Kinh (1 quyển).

3. Đời Minh, Ngài Hoằng Tán chú. Ngài Khai Quýnh ký đề tựa là "Quy Sơn Cảnh Sách Cú Thích Ký" (2 quyển). Tập sách này được các chùa đặc biệt dùng, vì cho lời giải của hai vị này đầy đủ nhất. Quyển này ở trong Sa Di Oai Nghi Lược Giải của Hòa Thượng Thích Hành Trụ phiên dịch.

4. Đời Minh, Ngài Đại Hương chú giải đề tựa là "Cảnh Sách Chú" (1 quyển). Đó là nói những nhà chú giải.

Giờ nói đến những nhà dịch từ chữ Hán sang chữ Việt gồm có:

1. Hòa Thượng Hành Trụ dịch từ quyển "Quy Sơn Cảnh Sách Cú Thích Ký" của Ngài Hoằng Tán và Khai Quýnh.

2. Pháp Sư Kiểu dịch bản "Quy Sơn Cảnh Sách Chỉ Nam" của Ngài Đạo Bá.

3. Hòa Thượng Trí Quang dịch đề tựa là "Qui Sơn Cảnh Sách Văn" in trong tập Luật Sa Di và Sa Di Ni.

4. Thầy Hoàn Quan dịch trong Phật Tổ Tam Kinh. Đó là 4 nhà dịch từ chữ Hán sang chữ Việt.

5. Hòa thượng Thích Thanh Từ đề là Quy Sơn Cảnh Sách Giảng Giải (1 quyển)

Thật ra, còn nhiều nhà dịch giải nữa, nhưng ở đây chúng tôi không tiện nêu ra hết.

Chánh văn "Quy Sơn Cảnh Sách" vừa cô đọng vừa có âm điệu, nên chúng ta học thẳng phần chánh văn bằng âm Hán Việt. Ở đây, chúng tôi nêu ra là chữ Hán Việt chứ không phải đọc ra chữ Hán, để thấy giá trị văn chương và ý nghĩa cô đọng thâm thúy trong lời Tổ dạy. Đó là những nhà dịch từ Hán sang Việt.

Đến phần thứ tư là giải thích danh đề. Trước khi mình học phải biết đề tựa của quyển luận này.

4. Giải Thích Danh Đề:

Danh đề của bộ luận này gồm có 4 chữ: "Quy Sơn Cảnh Sách". Quy Sơn là ngọn núi Quy, vì hình ảnh chót vót của ngọn núi này giống hình con quy, nên người ta gọi là núi Quy. Đây là một địa danh cũng là một thắng cảnh ít người lui tới. Đó là giải hai chữ Quy Sơn. Bây giờ giải hai chữ "Cảnh Sách". Cảnh Sách là gì? Cảnh là đánh thức những người đang mê chưa ngộ, có lắm người tuy đã xuất gia học đạo, nhưng tâm địa vẫn còn đắm nhiễm thói đời say mê theo ngũ dục, thường quên lãng việc tu hành. Có người

hạt giống bất thiện thì nhiều còn hạt giống thiện pháp thì ít.

Câu nói: *"Bên này bên kia ứng dụng không thiếu"*. Câu này chúng ta có thể hiểu qua hai phương diện: Một, Tục đế, tức thế gian pháp. Hai, Chơn đế, tức xuất thế gian pháp. Về mặt Chơn đế hay xuất thế gian, thì đối với lục trần không nói là nhiễm hay không nhiễm. Nghĩa là vượt ra ngoài ý niệm CÓ và KHÔNG. Không chấp có cũng không chấp không. Còn đứng về mặt Tục đế, tức thế gian pháp, thì tùy cơ duyên mà ứng biến diệu dụng không lường. Đó là hình ảnh qua lại tự tại trong tam giới tùy duyên nhiếp hóa muôn loài chúng sinh. Cái mục đích cứu cánh nhắm tới của người tu là thế. Do đó, nên tiếp theo là Tổ lại tán thán khuyến tấn chúng ta gắng công nỗ lực tu hành.

Như tư hành chỉ, thật bất uổng phi pháp phục. Diệc nãi thù báo tứ ân, bạt tế tam hữu.
Nếu làm được như thế, mới thật không uổng mặc áo pháp, cũng là đền đáp bốn ân cứu giúp ba cõi.

Nếu chúng ta tinh tấn gia công nỗ lực tu hành đúng như lời Tổ dạy ở trên, thì mới xứng đáng là người xuất gia đầu tròn áo vuông mặc pháp phục của Phật. Đồng thời cũng là đền đáp bốn ân và cứu giúp ba cõi. Quý vị còn nhớ bốn ân sâu nặng không? Nói theo Hán Việt là Tứ trọng ân. 1. Ân cha mẹ. 2. Ân thầy tổ. 3. Ân Đàn na thí chủ. 4. Ân quốc gia. Bốn ân sâu nặng này, không riêng gì người xuất gia, mà là con người thì ai cũng phải ghi nhớ để đền trả. Kinh sách đã nói rất nhiều về bốn ân sâu nặng này, ở đây, chúng tôi không cần phải nói nhiều. Ngoài đền đáp bốn ân ra, là người xuất gia còn phải cứu giúp chúng sanh trong ba cõi.

mà lòng người chao đảo si mê mất định hướng trong việc tu hành. Thật là đáng buồn lắm thay! Hiện chúng ta đang sống ở thế kỷ 21, một thế kỷ khoa học kỹ thuật tiến bộ vượt bực, vậy mà còn có những con người quá ư là lạc hậu mê tín, họ không còn lý trí để suy xét đúng sai. Thật là đáng thương cho họ, mà cũng thật đáng buồn cho thời mạt pháp suy vi, lòng người dường như đã mất hết lương tâm, lương tri!

Trở lại lời dạy trên, ta thấy có bậc tu hành đạt đạo, họ cũng thấy nghe như chúng ta. Nhưng sự thấy nghe của họ có khác. Đối với họ thì, "Ngộ thinh ngộ sắc như thạch thường tài hoa, kiến lợi kiến danh như nhãn trung trước tiết". Câu này có nghĩa là, gặp thinh gặp sắc như hoa trồng trên đá, thấy lợi thấy danh, như bụi rớt trong mắt. Đối với cái thấy cái nghe của các ngài là thế đó. Nghĩa là không có dính dáng gì hết. Như hoa trồng trên đá, hay bụi rớt vào trong mắt chỉ làm cho xốn mắt thêm thôi. Những người thể nhập chơn lý, các ngài cũng có sáu căn như chúng ta, nhưng đối với sáu trần các ngài không có đắm nhiễm. Chúng ta cũng có sáu căn, nhưng đối với sáu trần thì chúng ta bị nhiễm trước rất nặng. Giống như các ngài mang máy quay phim, nhiếp ảnh, chúng ta cũng mang máy như thế, nhưng các ngài mang cho có mà không có quay hay bấm nút chụp hình. Còn chúng ta thì quay phim lia lịa và chụp hình lia chia không ngớt. Mang máy thì giống nhau (sáu căn không khác) nhưng một đằng quay nhiếp, một đằng thì không. Cho nên phim của các ngài không có lưu một hình ảnh nào hết, còn phim của chúng ta thì đầy ắp những hình ảnh trong phim. Tàng thức của các ngài trống rỗng những hạt giống, gọi là Như Lai tàng hay Vô Cấu thức. Còn chúng ta thì gọi là A lại da thức hay Nhứt thiết chủng thức. Vì trong tàng thức của chúng ta chứa quá nhiều hạt giống. Nhìn lại,

lợi dụng chiếc áo nhà tu để mưu danh trục lợi, làm trò cười cho thế gian, và làm mất thanh danh của đạo pháp. Do đó, nên Tổ Qui Sơn dùng phương tiện qua ngòi bút linh diệu tài tình của mình để đánh thức những người xuất gia nên nhớ lại bổn phận trách nhiệm của mình, mà gia công nỗ lực tiến tu. Đó là cảnh tỉnh, tức là lời răn nhắc vậy. Cảnh, mục đích là để răn nhắc, lắm người lợi dụng chiếc áo để rồi mua danh trục lợi, làm những chuyện phi đạo đức, làm cho đạo pháp phải bị mang tai tiếng. Ngài thấy những hạng người như vậy, có ý đồ như vậy, lợi dụng đạo pháp, mượn đạo tạo đời. Thế nên Ngài mới dùng lời nói để mà cảnh thức răn nhắc những người đó cho họ hồi tâm hướng thiện, cải tà quy chánh. Mong họ quay trở về với con đường chánh pháp. Đó là cái ý của Tổ muốn răn nhắc. Đó là giải thích chữ Cảnh. Bây giờ tới chữ Sách, chữ Sách là gì? Sách nghĩa là cái roi da. Thường những người cưỡi ngựa hay dùng roi da để đánh vào mông ngựa cho nó chạy nhanh. Cũng thế, muốn sách tấn thúc đẩy nỗ lực trong việc tu hành, thì người ta cũng dùng lời răn nhắc, để sự tu hành mỗi ngày mỗi tiến bộ hơn. Đó là giải nghĩa chữ Sách. chữ Sách nghĩa đen của nó là cây roi da.

Nội dung của toàn bộ luận này không ngoài chủ yếu là đánh thức người tu, chúng ta phải luôn luôn thức tỉnh nỗ lực tu hành, tiến thẳng một đường đến đích Phật Quả. Đó là bản hoài cũng là ý nguyện của người xuất gia. Cái ý nguyện bản hoài của tất cả những người xuất gia chúng ta đều muốn đạt đến cái quả vị Phật. Đó là bản hoài mà hầu hết chúng ta đều ôm ấp mong mỏi. Muốn vậy, cố nhiên là chúng ta phải tha thiết lắng nghe những lời Tổ răn nhắc mà hành trì cho đúng pháp. Phải làm sao đi đúng đường hướng đạo lý để đạt đến kết quả tốt đẹp. Đó là chúng tôi nói đại khái về nội dung của bộ luận này.

I. NGHIỆP NHÂN KHỔ QUẢ

Bây giờ, chúng ta sẽ học bài thứ nhất. Thật ra, toàn bộ luận thì không có chia ra từng bài, nhưng vì muốn cho người học dễ học, dễ nhớ và dễ theo dõi, nên chúng tôi tạm chia ra từng bài. Cần nói rõ, những đề mục lớn của từng bài là chúng tôi y cứ vào sự phân chia trong quyển Quy Sơn Cảnh Sách do cố Đại lão Hòa Thượng Thích Hành Trụ phiên dịch. Để việc tìm hiểu có thứ tự lớp lang, thì trước tiên, chúng tôi sẽ đọc phần chánh văn băng âm Hán Việt, nghĩa là chữ Hán mà mình đọc âm của tiếng Việt nên gọi là Hán Việt. Tiếp theo, chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu qua phần dịch nghĩa và phần giảng giải từng câu. Từ đây về sau chúng ta đều y cứ theo quy tắc này.

Chánh Văn:

Phù Nghiệp hệ thọ thân, vị miễn hình lụy. Bẩm phụ mẫu chi di thể, giả chúng duyên nhi cộng thành. Tuy nãi tứ đại phò trì, thường tương vi bội. Vô thường lão bệnh bất dữ nhơn kỳ. Triêu tồn tịch vong, sát na dị thế. Thí như xuân sương, hiểu lộ, thúc hốt tức vô; ngạn thọ tỉnh đằng, khởi năng trường cửu. Niệm niệm tấn tốc, nhất sát na gian, chuyển tức tức thị lai sanh. Hà nãi yến nhiên không quá?!

Dịch Nghĩa:

Bởi do nghiệp trói buộc mà có thân, tức chưa khỏi khổ lụy về thân. Bẩm thụ tinh cha huyết mẹ, tạm mượn các duyên hợp thành. Tuy nhờ tứ đại giữ gìn nhưng chúng thường

thường tình, thì việc thấy nghe đối với họ chỉ là việc tầm thường mà thôi. Họ không còn say mê đắm nhiễm như chúng ta. Chúng ta chưa phải là người xuất cách, nên phải cẩn thận khi tiếp xúc với cảnh trần. Bởi mình chưa làm chủ được tâm mình. Vì chưa tự chủ nên chúng ta dễ bị cảnh trần lôi cuốn lắm. Ngày nay, phải thành thật mà nói, hàng tu sĩ trẻ chúng ta dễ bị tha hóa. Nhất là những thứ tiện nghi vật chất máy móc như: tivi, điện thoại, máy vi tính v.v... tất cả đều là những phương tiện cần thiết, nhưng nếu chúng ta không khéo biết sử dụng làm chủ những thứ đó, thì chúng ta cũng dễ bị chúng khống chế điều khiển làm cho chúng ta dễ bị mất phương hướng. Vì những thứ này nó làm cho chúng ta mất rất nhiều thời giờ tu tập. Thay vì mình làm chủ điều khiển chúng, trái lại, mình lại là kẻ làm nô lệ cho chúng sai khiến.

Không nói đâu xa, nội cái điện thoại cầm tay thôi, đi đâu mình cũng mang theo nó kè kè, nhưng chính nó cũng làm phiền mình nhiều thứ lắm. Bởi tất cả đều có hai mặt lợi và hại. Mặt lợi thì ít, nhưng mặt hại thì nhiều. Điều này, thiết nghĩ, không ai có thể chối cãi được. Cho nên, đối với những vị chân thật tu hành, các ngài quyết từ bỏ những thứ này. Các ngài dồn hết thời giờ cho việc tu hành để sớm được sáng đạo. Tuy nhiên, đối với xã hội hiện nay, cũng có lắm người giả tu, giả sư bề ngoài thấy họ dường như là buông bỏ hết mọi thứ, nhưng bên trong họ lại dùng những mánh lới chiêu trò bịp bợm thủ lợi gạt gẫm người khác, mà những người u mê tất không thể nhìn ra. Cứ nghĩ họ là người chân tu không màng gì tới danh lợi. Lòng mê tín của họ ngày càng lún sâu thêm, đến đỗi trở thành như một cao trào cuồng tín, rất là tai hại cho bản thân, gia đình và xã hội. Đó là những hiện tượng mà đối với các bậc chân tu thứ thiệt không khỏi đau lòng! Nhưng biết nói sao hơn, khi

bao la trùm khắp chẳng có gì đoạn dứt, cũng chẳng có gì tiếp nối. Tiếp nối hay đoạn dứt chỉ nằm trong phạm trù đối đãi nhị nguyên "CÓ và KHÔNG". Thiền Sư Từ Đạo Hạnh đời Lý có bài kệ:

Tác hữu trần sa hữu
Vi không nhứt thiết không
Hữu không như thủy nguyệt
Vật trước hữu không không

Tạm dịch:

Có thì muôn sự có
Không thì tất cả không
Có không trăng đáy nước
Đừng mắc có cùng không

Có không là hai phạm trù đối đãi. Đã đối đãi thì không thật. Ta không nên dính kẹt vào những ý niệm có không. Bởi có không cũng chỉ là giả danh không thật. Chấp cái không thật thì có khác nào kẻ cuồng si bắt bóng. Đã là bóng thì làm gì có thật? Thế thì, ta không nên dính mắc vào ý niệm có không. Có thế, thì mới vượt thoát ra ngoài đối đãi. Và như thế, thì mới thực sự là tự tại giải thoát vậy.

Văn thinh kiến sắc, cái thị tầm thường, giả biên na biên, ứng dụng bất khuyết.
Nghe tiếng thấy sắc là việc tầm thường. Bên này bên kia ứng dụng không thiếu.

Một khi đã thể nhập được pháp tánh, tức nhận được cái bản thể chân như rồi, thì tất cả mọi thứ ở thế gian này không có gì làm cho người đạt đạo phải bận tâm vướng mắc. Đối với những người xuất cách, tức vượt khỏi thói

trái nghịch. Vô thường già bệnh nào có hẹn trước cùng ai! Sớm thấy còn đó, nhưng chiều lại mất không hay. Khác nào như những giọt sương mai mùa xuân phơi bày trên đầu ngọn cỏ chợt có, liền không, như cây trên bờ, dây dưới giếng đâu được lâu dài. Mỗi niệm mỗi niệm qua nhanh, chỉ trong một thời gian ngắn nhất, tích tắc trong một hơi thở là đã chuyển qua đời khác rồi. Đã thế, thì lẽ nào ta lại lặng lẽ ngồi yên để thời gian luống trôi qua một cách vô ích!

Giảng Giải:

"Phù "nghiệp" hệ thọ thân, vị miễn hình lụy".
Bởi do "nghiệp" trói buộc mà có thân, tức chưa khỏi khổ lụy về thân.

Trong câu này, ta thấy chữ "**Nghiệp"** rất quan trọng. Trước hết, ta phải tìm hiểu ý nghĩa của chữ Nghiệp. Nghiệp là gì? Nghiệp tiếng Phạn gọi là Karma, tiếng Pali gọi là Kamma, Trung Hoa dịch là nghiệp. Nghiệp có nghĩa là hành động. Một hành động được lặp đi lặp lại nhiều lần thành thói quen, chính thói quen này gọi là nghiệp. Thói quen thì có thói quen tốt và thói quen xấu. Thói quen tốt như thói quen đọc sách, thói quen đi bộ thể dục, thói quen thể thao, thói quen đi chùa, thói quen tụng kinh, niệm Phật v.v...Tất cả đều là những thói quen tốt giúp ích cho thân thể và tinh thần của chúng ta rất nhiều. Ngược lại, cũng có những thói quen xấu, như thói quen hút chích, bài bạc, rượu chè say sưa, ngồi lê đôi mách, già hàm v.v... Nói chung, những thói quen nào có hại cho thân tâm mình đều là những thói quen xấu. Thế thì, ta tự hỏi thói quen này từ đâu mà có? Tất cả đều do con người huân tập mà ra. Một, hai lần chưa thành thói quen, nhưng tập lâu ngày chầy tháng thì nó sẽ trở thành thói quen. Khi đã trở thành thói quen nặng thì gọi đó

là ghiền. Đã ghiền rồi mà muốn bỏ cũng khó. Chỉ khó thôi chớ không phải là không bỏ được. Nhưng muốn bỏ một thói quen xấu có hại cho thân tâm, thì đòi hỏi người đó phải có đầy đủ ý chí nghị lực cương quyết dõng mãnh mới được.

Ngạn Ngữ có câu: "Thói quen ban đầu chỉ là khách lạ qua đường, sau trở thành người bạn thân và cuối cùng làm ông chủ khó tánh". Như ta uống cà phê, một vài ly thì chẳng khác nào như khách lạ qua đường. Nhưng tiếp tục uống một thời gian thì nó sẽ trở thành người bạn thân, vắng nó thì buồn. Và khi ghiền nặng rồi không có là không được, bấy giờ nó làm ông chủ khó tánh khống chế và sai khiến chúng ta. Từ đó, mới sanh ra những tệ nạn tai hại khác. Nghiệp, cũng gọi là tập khí, là phiền não và cũng gọi là chủng tử (bija) hạt giống. Nghiệp có nhiều chủng loại, những chủng loại thông thường như: Thiện nghiệp, Ác nghiệp, Tích lũy nghiệp, Cận tử nghiệp, Định nghiệp, Bất định nghiệp, Cực trọng nghiệp v.v… Thật ra, thì còn nhiều loại nghiệp lắm. Nhưng ở đây mình không muốn giải thích đi sâu vào chữ nghiệp. Điều quan trọng là ta phải biết nghiệp xuất phát từ đâu? Ai cũng biết, nghiệp có ra là do ba chỗ tạo thành nghiệp, tức nghiệp lành và nghiệp dữ. Đó là **"Thân, Ngữ, Ý".** Tôi gọi ngữ nghiệp, chớ tôi không gọi khẩu nghiệp. Vì cái miệng người ta vẽ hình chữ khẩu. Bởi chữ Tàu là chữ tượng hình. Thế thì cái miệng chỉ là một hình thể thôi, chớ nó không có tạo thành tiếng được. Nói đúng hơn nó chỉ là một cơ quan để phát ra thành tiếng. Mà ngôn ngữ mới là tiếng nói. Thế nhưng, lâu nay người ta quen gọi là khẩu nghiệp. Nói đúng là phải nói ngữ nghiệp. Chính ba chỗ này là nơi tạo thành nghiệp. Nghiệp lành hay nghiệp dữ cũng đều do nó tạo ra.

Môn thiền này rất diệu rất huyền. Chỉ cần có đủ quyết tâm, mới biết Phật Tổ không dối gạt người.

Nhậm tha pháp tánh châu lưu, mạc đoạn mạc tục.
Mặc tình pháp tánh trùm khắp, chẳng phải đoạn dứt, cũng chẳng cần tiếp nối.

Đến đây, Tổ lại mở rộng một chân trời mới bao la trùm khắp cả vũ trụ không có gì ngăn ngại, gọi là pháp tánh châu lưu. Pháp tánh là tánh chân thật của muôn pháp. Đối với loài vô tình thì gọi là pháp tánh. Ngược lại, đối với loài hữu tình thì gọi là Phật tánh. Như vậy giữa pháp tánh và Phật tánh tuy có khác nhau về tên gọi, nhưng ý nghĩa thì không có khác. Không có vật thể hay phi vật thể nào ngoài pháp giới tánh. Đây là Lý Sự vô ngại pháp giới mà trong Kinh Hoa Nghiêm đã diễn tả. Đây là cảnh giới thanh tịnh pháp thân biến khắp cả pháp giới, không có gì ngăn ngại nhau. Một là tất cả, tất cả là một. Một Thiền Sư đời nhà Lý đã nói:

"Càn khôn tận thị mao đầu thượng
Nhật nguyệt bao hàm giới tử trung"

Nghĩa là:

"Càn khôn rút lại đầu lông xíu
Nhật nguyệt nằm trong hạt cải mòng"

Tất cả sự vật không ngoài hư không mà có. Hư không bao trùm mọi sự vật. Nhìn vào hình ảnh trên máy truyền hình, ta thấy người và vật cùng sinh hoạt với nhau, nhưng không có gì ngăn ngại nhau. Tại sao? Vì tất cả chỉ là cái bóng, đã là bóng thì có gì ngăn ngại nhau đâu. Lý và Sự trong Kinh Hoa Nghiêm nói cũng như thế. Tánh pháp giới

(Tiếp theo bài học thứ mười)

Kính thưa đại chúng,

Hôm nay, chúng ta học tiếp thêm một đoạn nữa của bài thứ mười. Bài này nói về pháp tham thiền đốn ngộ. Trong đạo Phật có hai pháp tu Đốn và Tiệm. Đốn là nhanh ngay đó là ngộ. Tiệm là dần dần tiến lên từng bước. Không có nhảy vọt như đốn ngộ. Đi vào bài học thì chúng ta sẽ rõ. Bây giờ chúng ta tiếp tục đi vào bài học.

Chánh Văn:

Nhậm tha pháp tánh châu lưu, mạc đoạn mạc tục. Văn thinh kiến sắc, cái thị tầm thường, giả biên na biên, ứng dụng bất khuyết. Như tư hành chỉ, thật bất uổng phi pháp phục. Diệc nãi thù báo tứ ân, bạt tế tam hữu. Sanh sanh nhược năng bất thoái, Phật giai quyết định khả kỳ. Vãng lai tam giới chi tân, xuất một vị tha tác tắc? Thử chi nhất học tối diệu tối huyền. Đản biện khẳng tâm, tất bất tương trám.

Dịch Nghĩa:

Mặc tình pháp tánh trùm khắp, chẳng phải đoạn dứt, cũng chẳng cần tiếp nối. Nghe tiếng thấy sắc là việc tầm thường. Bên này bên kia ứng dụng không thiếu. Nếu làm được như thế, mới thật không uổng mặc áo pháp, cũng là đền đáp bốn ân cứu giúp ba cõi. Đời đời nếu không thối chuyển thì quả Phật quyết chắc được nên. Làm người khách qua lại trong ba cõi, ra vào làm phép tắc cho người.

Chính do Nghiệp là động cơ trói buộc ta để có ra cái thân này. Song có điều ta được thân này, là do ba nghiệp của ta đời trước cũng có tạo nhiều nghiệp lành. Nếu như tạo nhiều nghiệp ác thì ta đâu có được cái thân này. Vậy được thân này ta phải khéo biết gìn giữ bảo trọng để ta tiếp tục tu hành tạo nhiều nghiệp thiện. Chữ "Hệ" là một sự rang buộc như sợi dây nối dài từ quá khứ đến hiện tại. Và từ hiện tại đến tương lai. Vì thế, khi ta mở mắt chào đời, nói cho đúng phải nói là ngày tiếp nối. Như vậy thân này là tiếp nối của cái thân quá khứ. Tuy nhiên, nghiệp báo khi thọ thân này của mỗi người có khác nhau. Nghĩa là sự khổ vui, hạnh phúc hay không hạnh phúc đều do nghiệp nhân từ quá khứ. Nhưng nhìn chung, khi đã thọ thân này đều có khổ. Khổ lụy không ai tránh khỏi, tùy phước báo nghiệp duyên của mỗi người mà có ra khổ ít hay khổ nhiều đó thôi. Kỳ that không ai thoát khỏi khổ đau cả. Trong nhà Phật có nêu ra 8 cái khổ lớn. Ngoài 4 cái khổ sinh, già, bệnh, chết ra, còn lại là 4 cái khổ phụ: ân ái biệt ly khổ, mưu cầu bất đắc khổ, oán tang hội khổ và ngũ ấm xí thạnh khổ. Tám nỗi thống khổ này không một ai thoát khỏi. Nên Tổ nói***: "Phù nghiệp hệ thọ thân, vị mien hình lụy".*** Thật ra, ở đây, chúng ta chỉ tìm hiểu đại khái thôi, chứ nếu tìm hiểu cho cặn kẽ sâu xa thì nói không bao giờ cùng. Thiết nghĩ mỗi người chúng ta tự nghiệm lại những nỗi khổ niềm đau của chính mình. Chính vì hiểu được lẽ thống khổ này, nên Lão Tử cũng nói: "Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân, ngô nhược vô thân, hà hoạn chi hữu?". Nghĩa là, sở dĩ ta có những nỗi thống khổ lớn là vì ta có cái thân này. Nếu như ta không có cái thân này, thì làm gì có những nỗi thống khổ hoạn họa lớn đó?! Cần nói thêm, cái khổ không ai trị cho ta hết được. Bác sĩ chỉ có khả năng trị đau, chớ không có khả năng trị khổ. Muốn hết khổ thì chúng ta phải nương nhờ giáo pháp của Phật, của Tổ để chúng ta tự trị

lấy. Khổ là quả, vậy ta phải trừ nguyên nhân gây ra đau khổ.

Tóm lại, động cơ chính thúc đẩy thân và miệng phát ra hành động và lời nói là từ nơi Ý nghiệp phát sinh. Tu hành là phải chuyển hóa ba nghiệp thành "Tam vô lậu học". Tức ba môn học tối ư quan trọng trong đạo Phật. Đó là "Giới học, Định học và Huệ học". Hành giả nào ứng dụng đúng theo ba môn học này, thì bảo đảm ngang đó sẽ hết khổ. Câu nói: "Ba nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vãng Tây phương" là ý này vậy.

"Bẩm phụ mẫu chi di thể, giả chúng duyên nhi cộng thành".
Bẩm thụ tinh cha huyết mẹ, tạm mượn các duyên hợp thành.

Ở trước, Tổ nêu ra cho chúng ta thấy về nghiệp nhân của quá khứ. Bây giờ, Tổ lại chỉ cho chúng ta biết rõ cái thân này là do nhân tố hiện tại. Nhân tố đó là gì? Là tinh cha và huyết mẹ. Đã do có tinh cha và huyết mẹ cấu hợp thành thân, thì rõ ràng là phải nhờ đến các duyên phụ trợ chung hợp mà thành. Cái thân này, ngay từ buổi ban đầu là phải do hội tụ các yếu tố cấu tạo giả hợp. Ngoài tinh cha huyết mẹ ra, còn có không biết bao nhiêu các điều kiện phụ thuộc khác nữa. Tinh cha, huyết mẹ chẳng qua cũng chỉ là nhân tố chính. Đó mới là kết hợp thành thai bào, chứ chưa có thần thức gá vào. Thai bào chỉ là phần vật chất, cần phải có cái Thức gá vào nữa. Nếu không có "Thức" thì làm sao biết phân biệt? Đó là ba nhân tố chính chung kết hợp tạo ra thân này. Tuy nhiên, nếu chỉ có ba nhân tố đó thôi, thì cũng chưa có thể thành thân này. Nếu như không có không khí cho bà mẹ hít thở và các thực phẩm cho bà

Mình ở đây là chỉ cho cái tâm chân thật hay tánh giác. Khi nào tâm vọng tưởng dừng lại, thì đó mới thực sự là tâm không còn gá vật. Tâm không gá vật, nói theo kinh Lăng Nghiêm Phật gọi là: "Bất tùy phân biệt". Khởi Tín Luận gọi đó "Tùy thuận chơn như". Người nào sống được tùy duyên bất biến, thì người đó mới thực sự là thể nhập chơn như. Được vậy, thì đâu còn gì là chướng ngại nữa. Sơ Tổ Trúc Lâm có bài kệ hầu như đại đa số chúng ta, ai cũng thuộc nằm lòng: Bài kệ chỉ có bốn câu thôi. Huynh đệ nào có còn nhớ không? Bài kệ bốn câu như thế này:

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mích
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền

Tạm dịch:

Ở đời vui đạo cứ tùy duyên
Đói đến thì ăn mệt ngủ liền
Trong nhà bảo vật tìm đâu nữa?
Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiền

Đối cảnh không đem tâm phân biệt, thì còn hỏi thiền chi nữa. Câu cuối này, đâu có khác gì câu nói của Tổ nói ở đây: *"Chỉ lòng không gá vật, thì vật đâu chướng ngại được người"*. Bởi bản thể của sơn hà đại địa muôn vật đều rỗng lặng nhiệm mầu, khi chúng ta khởi niệm tính toán nghĩ ngợi là đã sai lầm rồi. Vì trái với tánh giác, tức rơi vào trần lao. Câu nói: "vạn vật đồng nhứt thể", đã thế, thì còn gì nữa mà sanh vọng tình chạy theo sự vật bên ngoài. Một niệm không sanh thì toàn thể hiện bày. Thế thì cảnh trần tự vắng lặng, có gì là ngăn ngại được người! Thế nên Tổ lại dạy tiếp:

thần ai kêu tên mình chửi, thì lúc đó mình làm sao? Cố nhiên, là mình phùng mang trợn mắt ăn thua đủ với người ta. Có phải vậy không? Mà nổi giận chống trả lại thì mình thua cuộc rồi. Tại sao mình nổi giận? Tai vì mình si mê mù quáng nên mới chấp ngã ăn thua đủ với họ. Nếu lúc đó mình có trí tuệ sáng suốt, thì dù người ta có chửi mình, thì mình biết rõ chỉ là giả danh thôi, có gì đâu mà phải chấp nhứt. Do vọng tưởng dấy khởi nên mới phát sanh phiền não. Nếu vọng tưởng không sanh thì phiền não sân hận làm gì có? Tất cả đều do nhân duyên sanh ra làm gì có thật? Quán chiếu như vậy là đúng với chân lý, bằng ngược lại là sai chân lý, mà sai chân lý thì rơi vào trạng huống tà kiến đau khổ triền miên.

Khi thấy rõ mọi hiện tượng là tướng duyên hợp, thì không có vật gì làm ngăn ngại chúng ta cả. Thế nên, câu kế tiếp Tổ dạy:

Bất dụng tương tâm thấu bạc, đản tình bất phụ vật, vật khởi ngại nhơn.
Chẳng cần đem tâm nương gá, chỉ lòng không gá vật, thì vật đâu chướng ngại được người.

Qua câu này, chúng ta thấy Tổ dạy tu thiền rất đơn giản phải không? Chỉ cần đừng để tâm chạy theo vật là được rồi. Một câu nói đơn giản nhưng thật hành cả đời chưa xong. Làm sao mà tâm không chạy theo vật? Với căn cơ trình độ của chúng ta hiện nay, hễ vừa mở mắt ra là tâm dính mắc vào sắc trần rồi. Thấy cái gì cũng phân biệt chê khen, phải trái, thương ghét, ham muốn v.v..., vì sống với cái tâm vọng tưởng, nên chúng ta cứ mải miết rong ruổi đuổi theo trần cảnh. Với cái tâm dính kẹt theo vật này, trong Kinh Lăng Nghiêm gọi là "Quên mình theo vật".

mẹ ăn vào v.v... thì thử hỏi thân này có không? Cho nên, các yếu tố phụ giúp mà nhà Phật gọi là các trợ duyên hay những điều kiện phụ thuộc, thì không thể nào kể ra cho hết được. Thế nên Kinh Hoa Nghiêm gọi là "trùng trùng duyên khởi". Nói như thế để thấy rằng, cái thân này ngay từ buổi đầu cấu tạo đã là "vô ngã" rồi. Tất cả đều do nhân duyên chung hợp lại, không có cái nào là chủ tể cả. Đã do nhân duyên giả hợp thì đi tìm cái "TA" không bao giờ có. Chữ "chúng duyên" mà Tổ Qui Sơn đã nói, rõ ràng là phải hội đủ các điều kiện chung lại mà tạo thành. Nói theo Kinh Lăng Nghiêm, thì thân này do thất đại (địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức) hợp thành. Thế thì, thân này chỉ là cái tướng duyên hợp hư giả huyễn có chớ không có thật. Vậy mà chúng ta vì si mê nên lầm chấp cho thân này là thật. Khác nào cho bọt biển là thật mà quên cả đại dương bao la kia. Từ đó, mà tạo ra không biết bao nhiêu nghiệp ác để rồi phải chịu trầm luân đau khổ trong vòng sinh tử luân hồi.

"Tuy nãi tứ đại phù trì, thường tương vi bội".
Tuy nhờ tứ đại giữ gìn nhưng chúng thường trái nghịch.

Câu này, Tổ chỉ cho chúng ta càng thấy rõ hơn. Tứ đại là 4 yếu tố: đất, nước, gió, lửa. Đất thuộc về chất cứng, nước thuộc chất lỏng, gió thuộc về thể hơi (không khí) lửa thuộc chất nóng tức nhiệt độ. Trong mỗi thân thể con người của chúng ta đều phải có đầy đủ bốn chất này. Bốn chất này, thiếu một thì thân này không thành. Bốn chất này tuy nó giúp nhau để duy trì mạng sống, nhưng nó cũng thường hay chống trái nhau. "Thường tương vi bội". Câu này có nghĩa là nó luôn luôn chống trái nhau. Một khi mà nó không điều hòa, tức thiếu sự hỗ tương hợp tác lẫn nhau, thì thân ta sẽ sinh ra nhiều thứ ốm đau bệnh tật. Khi nào

nó hòa hợp với nhau một cách nhịp nhàng chặt chẽ, thì mình mới cảm thấy an vui khỏe khoắn và yêu đời. Nếu chúng ta chịu khó quán chiếu sâu vào thân này, thì rõ ràng thân này quả thật là trống rỗng. Nếu chúng ta lấy ra từng bộ phận trong cơ thể mỗi thứ để một nơi, thì thử hỏi thân này có còn nữa hay không? Như vậy, thân này là do kết hợp tất cả các bộ phận lại với nhau, như xương, da, gân, thịt, tóc, tai, mắt, mũi v.v... cho đến những vật trong thân như: ruột, gan, phèo, phổi, lá lách, thận v.v... mỗi thứ đều có tên gọi khác nhau, vậy thì cái nào là thân? Chẳng qua hợp lại tất cả thì tạm gọi là thân (body) vậy thôi.

Vậy thì, rõ ràng thân này là tướng duyên hợp. Đã là tướng duyên hợp thì không có cái nào là thật thân này cả. Chẳng qua là vay mượn chúng xài tạm một thời gian rồi hoàn trả lại thế thôi. Đã do duyên hợp mà mình muốn còn hoài không tan rã thì sao được? Đó là trái với chân lý vô thường. Trên đời này có cái gì hợp mà không tan, thử quý vị chỉ ra coi, có không? Chỉ không được, tất nhiên, là không có rồi, phải vậy không? Nhưng ở đời, người ta chỉ muốn hợp chớ không có ai muốn tan bao giờ. Hợp lại thì người ta vui cười mừng rỡ, lúc tan ra thì người ta lại khóc lóc mặt ủ mày ê, buồn héo đứt ruột đứt gan. Nhưng mình không muốn nó tan thì nó cũng phải tan thôi, vì thân này giống như là bọt biển. Tôi có làm bài thơ với tựa đề là **"Huyễn Thân":**

Thân như bọt nước hợp rồi tan
Chìm nổi lênh đênh khóc khổ than
Mấy kẻ nhận ra mình bọt nước?
Bao người biết rõ cảnh hoa tàn
Hơn thua phải trái tranh nhau mãi
Cấu xé bon chen lệ ướt tràn

câu này thôi (nghĩa là hằng quán chiếu thấy rõ tường tận như thế), thì cũng đủ giải thoát rồi. Mọi vật đều là hư giả không thật thì thử hỏi chúng ta cố bám chấp làm gì? Đâu có ai ngu dại gì đi mò trăng dưới nước hay bắt bóng trong gương? Vì đó là những thứ ảo ảnh làm gì có thật phải không? Tuy nhiên, mình không phủ nhận là hoàn toàn không có. Có, nhưng chỉ là giả có chớ không thật. Biết là hư giả thì chúng ta không nên cố chấp. Mà không cố chấp là buông xả, mà buông xả thì giải thoát. Chỉ cần hằng quán chiếu một câu đó thôi, thì chúng ta cũng có thể vượt qua tất cả mọi khổ nạn. Không có khổ thì đó là an lạc, là niết bàn rồi. Như vậy, chúng ta còn đi tìm kiếm an lạc Niết bàn ở đâu nữa chớ? Chính Niết bàn hạnh phúc ở ngay trước mắt mình. Nhà thiền có câu nói: "Chạm mắt là Bồ đề". Quả thật như vậy, khi chúng ta quán chiếu thấy các pháp đều là hư huyễn, tất cả chỉ là tướng duyên hợp, không có gì là chân thật, thế thì, nhìn đâu cũng là giác ngộ là giải thoát cả. Tổ nói: *các pháp đều từ tâm biến khởi nên đều là giả danh.* Quý huynh đệ có hiểu lời dạy này không? Tôi xin hỏi quý vị, trên đời này có một vật nào mà không có tên không? Không. Vậy thì tên đó từ đâu mà có? Có phải do con người suy nghĩ rồi đặt định ra không? Dạ phải. Mọi vật đều do tâm của con người suy nghĩ rồi đặt ra, mà tâm đó là tâm gì? Cố nhiên là cái tâm vọng tưởng của chúng ta. Chính do cái tâm vọng tưởng này mà an bày đặt tên cho các pháp, mà tâm vọng thì không có thật, vậy tên gọi đó có thật không? Không thật thì chỉ là giả danh, có đúng không? Như cha mẹ sinh chúng ta ra rồi đặt tên gọi cho chúng ta, vậy thì tên gọi mình có thật không? Không thật. Khi vào chùa quy y, thầy đặt cho mình cái pháp danh, vậy cái pháp danh đó có thật không? Trước khi chưa quy y, mình có cái pháp danh đó không? Thưa không. Tuy nó không thật, nhưng vì mình lầm chấp cho nó là thật, nên bất

gió động. Sự vật bản thân của nó là như thế, nó có nói động tịnh gì đâu, tại tâm chúng ta phân biệt mà có ra động tịnh. Nếu Lục Tổ không đến kịp thời thì hai thầy Sa di đó quyết tranh cãi hơn thua tới cùng. Thế thì không biết hậu quả sẽ xảy ra như thế nào?!

Nói tóm lại, cảnh thì không có động tịnh gì cả, mà động hay tịnh là do tâm mình vọng động suy nghĩ phân biệt đó thôi. Thành ra, chúng ta tu là tu cái tâm vọng động phân biệt đó, chớ không có tu ở nơi cảnh. Khi tâm mình vắng lặng thì mọi cảnh vật đều vắng lặng. Trái lại, khi tâm mình loạn động thì tất cả đều loạn động theo. Quả đúng với câu: "Nhứt niệm bất sanh, vạn pháp câu tức". Nghĩa là một niệm không sanh, thì muôn pháp đều dứt. Tổ lại dạy tiếp:

Nội ngoại chư pháp tận tri bất thật, tùng tâm biến khởi, tất thị giả danh.
Các pháp trong ngoài biết rõ là không thật, từ tâm biến khởi nên đều là giả danh.

Nói các pháp trong ngoài biết rõ không thật là sao? Câu này Tổ chỉ cho chúng ta thấy rõ ở trong thì năm uẩn, bên ngoài thì lục trần. Uẩn và trần cả hai đều là hư huyễn không thật. Tâm Kinh Bát Nhã đã dạy chúng ta phải hằng quán chiếu thấy rõ năm uẩn là không. Vì năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, đều do nhân duyên giả hợp tạo thành. Sắc là chỉ cho vật chất tức chỉ cho huyễn thân tứ đại này. Còn thọ, tưởng, hành, thức là chỉ cho phần tinh thần, nói chung thân và tâm đều là hư vọng giả có không thật. Ngoài thì sáu trần: sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp cũng không thật. Tất cả đều do nhân duyên nương gá với nhau tạm bợ mà thôi. Tuyệt đối không có cái gì là thật cả. Bởi vậy, nên mới có câu nói khẳng quyết: ***"Vạn pháp giai không, duyên sinh như huyễn"***. Chỉ cần chúng ta tu một

Này hỡi ai ơi! Mau tỉnh giác
Chóng lo niệm Phật vãng Tây phang.

Đó là một nhận thức đúng với chân lý. Đời là vô thường thì mình phải nhận rõ là vô thường. Mọi hiện tượng đều sinh diệt thì phải thấy rõ là sinh diệt. Còn như chúng ta thấy ngược lại, đó là cái thấy tà kiến sai chơn lý. Hễ sống sai chơn lý, cố nhiên là chúng ta phải chuốc lấy khổ đau. Chúng ta chưa bao giờ biết sống thực. Tôi có làm bài thơ "Sống Thực" để đọc cho quý vị nghe:

Bây giờ có mặt thương nhau
Nếu không tận hưởng về sau hận tình
Nhiệm mầu cảnh vật đẹp xinh
Đâu cần tìm kiếm quanh mình thiếu chi
Xin đừng mơ mộng nghĩ suy
Sống sao cho thật, đẹp tình với nhau
Đời người như giấc chiêm bao
Bạc tiền giàu có chắc nào bền lâu!
Lặng yên quán chiếu thật sâu
Tịnh tâm chánh niệm còn đâu vui bằng?
Gắng công thực tập siêng năng
Trở về hơi thở vết nhăn không còn

Trở lại thân này, suy cho cùng cái thân này cũng chỉ là vay mượn xài đỡ tạm thời gian rồi hoàn trả lại, tức trả trở về cái nguyên quán của nó. Tứ đại trả về cho tứ đại. Cho nên người xưa có câu nói: Sinh ký tử quy là vậy. Nghĩa là sống gửi thác về. Ta bà chỉ là cõi tạm, giống như khách sạn dừng chân, thế thôi. Có gì bền chắc đâu mà phải chấp chặt cho mình đau khổ. Hiểu như vậy, mới thấy thân này không phải là thân của ta. Đó chẳng qua là một sự tổng hợp các bộ phận để có ra hình hài này. Giống như các bộ phận của

một chiếc xe hơi vậy thôi. Xe, chẳng qua cũng chỉ là một danh từ giả lập, tạm gọi là chiếc xe, nhưng thực chất trong đó không có cái gì là chiếc xe cả. Vì nó giả dối nên mới có sự chống trái nhau. Chứ nó thật thì vật nào đứng nguyên vị trí của vật đó, thì có gì là chống trái? Nếu phân tích cho cùng thì thân này chỉ là hư giả có gì bền chắc đâu mà bảo thủ chấp chặt? Gọi là con người chăng qua cũng chỉ là một "Sát hữu thú" vậy thôi. Sát hữu thú nghĩa là một chỉnh thể chỉ có tên gọi nhưng thực chất của nó thì trống rỗng. Nói rõ hơn con người chỉ là một tổng thể giả hợp, không có gì là mình cả.

"Vô thường lão bệnh, bất dữ nhơn kỳ".
Vô thường già bệnh, chẳng hẹn cùng người!

Câu này có nghĩa là sinh già bệnh chết không hẹn cùng ai cả. Đã nói là vô thường thì làm sao hẹn trước được? Thưa có phải vậy không? chữ kỳ là chỉ cho thời gian. Thời gian thì lại càng không hẹn cùng người. Vì vô thường nên nó luôn luôn thay đổi từng sát na. Phút trước phút sau không giống nhau rồi. Từng tế bào của chúng ta nó luôn luôn thay đổi, tế bào này chết đi, để tế bào kia sinh trưởng. Cứ thế theo dòng thời gian mà nó thay đổi liên miên. Chính vì sự thay đổi đó, cho nên chúng ta mới có già, bệnh, chết. Câu này, là Tổ nhằm thức nhắc chúng ta, nên ý thức đến sự vô thường và sự thay đổi của thời gian không chờ đợi ai. Nhất là con người sinh ra, không mấy chốc chỉ thoáng qua rồi đầu bạc. Đúng là: "xuân xanh mới đó bạc đầu rồi đây". Trong Cung Oán Ngâm Khúc, Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều cũng cảnh nhắc chúng ta. Ông nói:

"*Kìa thế cục in như giấc mộng*
Máy huyền vi mở đóng khôn lường!
Vẻ chi ăn uống sự thường
Cũng còn tiền định khá thương, lọ là!"

là các pháp từ xưa tới nay, tướng của nó thường tự vắng lặng. Sở dĩ nó không vắng lặng là tại mình khuấy động làm cho các pháp mất đi thể tánh thanh tịnh vắng lặng của nó. Đúng là: Hoa bất mê nhơn, nhơ tự mê. Hoa nào có mê hoặc con người, chỉ có con người đắm nhiễm hoa đó thôi. Như vậy, tại mình hay tại cảnh? Tổ Tăng Xán cũng nói:

Dục thú Nhất thừa
Bất ố lục trần
Lục trần bất ố
Hoàn đồng chánh giác

Nghĩa là:

Muốn hướng đến Phật thừa
Thì đừng có ghét lục trần
Lục trần không có ghét
Thì hoàn đồng Chánh giác.

Sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) chúng không có lỗi gì cả. Bản thân của chúng không có mê hoặc làm nhiễm ai cả, tại mình say mê đắm nhiễm rồi đổ lỗi cho chúng đó thôi. Lỗi là tại vì mình khởi tâm phân biệt nên mới có tốt xấu, thương ghét. Cảnh thì không có buồn vui mà buồn vui là do mình gắn cho cảnh. Cụ Tiên Điền Nguyễn Du cũng nói: "Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu, người buồn cảnh có vui đâu bao giờ" (Truyện Kiều). Kinh Pháp Hoa cũng có câu: "Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ". Nghĩa là, pháp nào nó đứng nguyên vị trí của nó, tướng thế gian là tướng thường trụ. Ta còn nhớ hai thầy Sa di cãi nhau về phướng động hay gió động. Một người cho là phướng động, một người cho là gió động. Hai bên cãi nhau kịch liệt. Bấy giờ Lục Tổ đến nói: Không phải phướng động, cũng không phải gió động, mà tại tâm của nhân giả động. Vì tâm động nên mới thấy phướng và

giải thoát. Đây là câu nói vượt ngoài cái tầm suy luận hiểu biết của mình. Ta nên nhớ, lời Tổ dạy ở đây là tông chỉ (chơn tâm) vượt ngoài phương tiện. Tổ chỉ bày một cách rốt ráo không còn phải theo thứ lớp phương tiện nữa.

Thử tắc phá tam giới, nhị thập ngũ hữu. Nội ngoại chư pháp tận tri bất thật, tùng tâm biến khởi, tất thị giả danh. Bất dụng tương tâm thấu bạc, đản tình bất phụ vật, vật khởi ngại nhân.
Đây là phá ba cõi và hai mươi lăm loài. Trong ngoài các pháp đều biết không thật. Từ tâm biến khởi đều là giả danh. Chẳng cần đem tâm nương gá, chỉ lòng không gá vật thì vật đâu chướng ngại được người.

Người nào đã thể nhập được bản tâm rồi, thì mới thực sự phá ba cõi và hai mươi lăm loài. Vì tất cả chúng sanh trong ba cõi đều là hư giả không thật. Nói 25 loài bao gồm: cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Về cõi Dục gồm có: 4 châu, 4 ác thú, 6 cõi trời dục. Cõi Sắc gồm có: Tứ thiền cộng với 3 cõi trời: Trời Phạm vương, Trời vô tưởng và Trời ngũ tịnh cư. Cõi Vô sắc có "Tứ không", chung lại là có 25 loài chúng sanh. Theo chủ trương của Thiền tông, hành giả phải ra khỏi ba cõi ngay trong đời này, không phải đợi tới kiếp sau. Phải hằng quán các pháp đều là hư giả, ngũ uẩn giai không, tất cả chỉ là giả danh, do tâm biến hiện. Câu nói: "Nhứt thiết duy tâm, vạn pháp duy thức" là ý nghĩa này. Ta bà chỉ là quán trọ dừng chân, mà tất cả chúng ta là những hành khách vãng lai. Đã là khách vãng lai, thì có gì phải bận tâm vướng mắc. Không ai ngu dại gì đi mò trăng dưới nước hay bắt bóng trong gương. Vì tất cả chỉ là ảo ảnh. Tổ nói chẳng cần đem tâm gá vật, vật là vật mà tâm là tâm. Trong Kinh Pháp Hoa có câu nói rất hay: "Chư pháp tùng bổn lai, thường tự tịch diệt tướng". Nghĩa

Ông nói tiếp:

"Đời những kẻ thiên ma bách chiết
Hình thì còn, bụng chết đòi nao
Thảo nào khi mới chôn nhau
Đã mang tiếng khóc bưng đầu mà ra"

"Khóc vì nỗi thiết tha sự thế
Ai bày trò bãi bể nương dâu?!
Trắng răng đến thuở bạc đầu
Tử, sinh, kinh, cụ làm nau mấy lần?"

Ông nhìn cuộc đời này chẳng khác nào như một giấc mộng. Sự mở hay đóng thuộc về cơ trời huyền bí mà con người không thể nào biết trước được. Đến như sự sinh hoạt ăn uống của con người cũng không ai biết trước được sẽ xảy ra như thế nào? Có khi đang ăn cơm vui vẻ với gia đình rồi ngã gục xuống mâm cơm nhắm mắt xuôi tay mà không ai cấp cứu kịp thời được. Rõ ràng cái chết đến với con người rất nhanh. Đây là một chuyện thật đã xảy ra ở xóm tôi. Hôm đó là một bữa cơm đoàn tụ gia đình, ông chủ nhà đang ăn rồi ngã lăn ra chết. Vô thường làm sao hẹn trước? Đúng là trắng răng đến thuở bạc đầu, tử, sinh, kinh cụ làm nau mấy lần?

Việc sống chết nào ai biết trước?
Sớm thấy còn chiều lại mất không hay
Vô thường nháy mắt kinh thay!
Kíp mau tỉnh ngộ hằng ngày nhớ tu

Nếu luận về chân lý vô thường sâu hơn, thì ngoài việc cảnh tỉnh con người nên nghĩ tới vô thường, đời người chóng qua mau để lo tu hành làm lành lánh dữ. Phải hằng nhớ lời Phật dạy: ***"không làm các điều ác, vâng làm các***

điều lành và luôn giữ tâm ý mình cho trong sạch". Được vậy, thì cuộc sống của chúng ta mới thực sự có ý nghĩa. Nghĩa là chúng ta sẽ có được hạnh phúc ngay trong cuộc đời này. Đó là Phật Tổ thức nhắc chúng ta về lý vô thường sinh diệt để mình ý thức lo tu. Có thật hành thì mới được lợi ích. Nói thế, như có vẻ bi quan, vì cái gì cũng vô thường hết, hoàn cảnh vô thường, thân vô thường, tâm vô thường, cuộc sống này cũng vô thường. Thế thì, giáo lý vô thường có phải ru ngủ đưa người ta đến chỗ bi quan yếm thế tuyệt vọng không? Thưa dứt khoát là không. Đó chỉ là nói về mặt tiêu cực, mà vô thường không phải chỉ có về mặt tiêu cực không thôi, mà nó còn có ở mặt tích cực nữa. Con người và vạn vật nhờ có vô thường cho nên mới tiến bộ. Vì vô thường là luôn luôn có sự thay đổi, nhờ thay đổi mà con người mới sáng tạo nhiều thứ máy móc tiện nghi tinh vi để cung ứng cho đời sống con người. Bất cứ ngành nghề nào trong xã hội cũng đều có sự thay đổi mới có thể tiến bộ được. Còn như cứ đứng yên định hình một chỗ thì làm gì con người có thể tiến bộ? Như một đứa bé muôn đời nó không lớn lên, thì thử hỏi cuộc sống của đứa bé đó như thế nào? Về mặt sinh lý cũng như tâm lý, không có gì thay đổi cả. Cho nên, đứng về mặt tích cực thì vô thường giúp ích cho con người thăng tiến mãi không dừng. Và chính nó mang lại cho con người có một đời sống lạc quan yêu đời, chẳng những thế mà còn đưa con người tiến bộ xa hơn nữa theo trào lưu tiến hóa của nhơn loại. Như thế, vô thường không phải chỉ có mang một ý nghĩa tiêu cực vậy.

"Triêu tồn tịch vong, sát na dị thế".
Sớm còn tối mất, chợt qua đời khác

Câu này Tổ lại nhắc nhở chúng ta phải ý thức vô thường nhanh chóng. Điều này ta thấy rất rõ xảy ra hằng ngày. Có

Người có căn lành Phật pháp sâu dày trong nhiều đời nhiều kiếp, khi hội đủ cơ duyên thì họ mới có thể thầm khế nhận được cái diệu chỉ này. Nghĩa là họ nhận lại cái bản tâm của họ. Như trường hợp đức Lục Tổ Huệ Năng chẳng hạn. Riêng đối với chúng ta là những người sơ cơ học đạo thì làm sao một sớm một chiều mà lãnh hội diệu chỉ một cách thấu đáo tường tận cho được? Cố nhiên là chúng ta phải bền tâm tu học lâu dài, khi nào đến một cơ duyên thuần thục thì chúng ta cũng có thể tỏ ngộ được. Đối với tông chỉ mà Tổ nói ở đây, nếu chúng ta hiểu một cách nông cạn hơn, theo trình độ học Phật sơ cơ của chúng ta, thì ta cũng có thể hiểu thế này:

Tông thú hay tông chỉ là chỉ cho bản tâm mà mỗi người chúng ta đều sẵn có. Kinh Niết Bàn Phật dạy: "Nhứt thiết chúng sinh giai hữu Phật tánh". Phật nói, tất cả chúng sinh đều sẵn có tánh giác. Vì sẵn có tánh giác nên ai tu cũng thành Phật được cả. Nói theo Khởi Tín Luận thì gọi đó là Bản giác. Trong Tam nhân Phật tánh, thì gọi tánh giác là chánh nhân Phật tánh. Vì có chánh nhân, nên cần phải có duyên nhân, tức điều kiện tu tập làm cho chánh nhân Phật tánh phát triển. Dụ như trong gạo sẵn có chất cơm, nhưng phải nấu thì mới thành cơm. Trong quá trình nấu cũng phải hợp lý đúng cách thì mới có cơm ngon để ăn. Nếu không hợp lý đúng cách thì cơm đó có thể nhão, khô, hoặc sình hay song. Sự tu hành của chúng ta cũng vậy. Phải hợp với chân lý đúng pháp thì mới đạt được kết quả tốt. Vì vậy mà ở đây, Tổ bảo chúng ta phải dụng tâm chín chắn là thế. Tuy Phật tánh sẵn có, mà hành giả không chịu nỗ lực gắng công tu tập, thì có cũng như không. Cho nên điều kiện huân tu thật hết sức quan trọng. Tổ nói rất rõ: *Nếu trong ấy đạt được chánh nhân, đó chính là thềm bực*

dạy mình, nếu chưa khế ngộ được nguồn chơn thì phải chịu khó học hỏi tham vấn với các bậc tiên tri. Đồng thời, cũng nên gần gũi với các thầy hiền bạn tốt. Tổ lại nhắc cho chúng ta phải nương thầy hiền bạn tốt. Tại sao Tổ Qui Sơn cứ nhắc nhở chúng ta nhiều lần về vấn đề này? Bởi vì qua kinh nghiệm của Tổ, Tổ đã trải qua từng sống ở trong chúng và gần gũi với các bậc Minh Sư, như Luật sư Pháp Thường và Tổ Bá Trượng v.v... Tổ Bá Trượng là bậc Thầy khai ngộ mở bày con mắt trí tuệ sáng đạo cho Tổ. Đó là những bậc Thiện tri thức lương đóng kỳ tài mà Tổ đã từng thân cận học hỏi trau dồi trí đức.

Kế tiếp, Tổ lại nói: *"Tông này khó đạt được chỗ nhiệm mầu, cần phải dụng tâm chín chắn"*. Tông này là ý Tổ muốn chỉ Thiền tông. Vì Thiền tông chỉ thẳng con đường tắt, tức con đường chim bay, không quanh co theo thứ lớp, ngay đó mà trực nhận. Chính vì chỗ này rất khó cho người học đạo. Cho nên đối với người mới học đạo, đến chỗ tông chỉ siêu việt mà Tổ nêu ra ở đây thật không phải dễ nhận. Chính vì thế, nên Tổ nhắc nhở chúng ta cần phải dụng tâm chín chắn. Chỉ cần sai một ly là đi một ngàn dặm. Tuy nhiên, nói thế không phải ai cũng không thể đạt được cái diệu chỉ siêu việt này.

Có người mới bước chân vào đạo mà muốn thấy rõ bản tâm, bản tánh của mình liền, thì thử hỏi làm sao thấy được? Bởi bản tâm hay pháp thân không hình không tướng. Đã là không hình không tướng mà mình muốn thấy, muốn biết, thì có khác nào chúng ta biến cái thực thể đó trở thành cái đối tượng có hình có tướng mất rồi. Thử hỏi làm sao con mắt thấy được con mắt? Muốn thấy được con mắt của mình là phải nhờ có gương soi. Thế thì, đừng bao giờ có ý niệm là muốn thấy pháp thân hay bản tâm mình. Vì pháp thân hay bản tâm chính là mình.

người sáng thấy còn đi tới đi lui, nhưng tối lại thì đã trở thành người thiên cổ. Có lần về Việt Nam, tôi đã chứng kiến một việc xảy ra không khác gì lời Tổ dạy ở đây. Tôi còn nhớ, hôm đó là một buổi chiều, mặt trời chưa chen lặn. Ánh sáng còn chiếu soi thấy rất rõ cảnh vật đang xảy ra. Trong xóm, gần nhà tôi tạm trú, có một người đàn ông khoảng hơn 40 tuổi, trông ông có vẻ lực lưỡng khỏe mạnh lắm. Buổi chiều hôm đó ông ở trần mặc quần đùi. Ở Việt Nam trời rất nóng bức quý vị cũng biết. Tôi thấy ông đi qua nhà của một người bạn, chỉ cách nhau một con lộ. Nhà ông ở xéo xéo nhà người bạn. Chỉ cần băng qua lộ bước vài bước là tới. Tuy tôi không có quen biết tiếp xúc chuyện trò với ông lần nào, nhưng ở chung trong xóm nên tới lui thường hay gặp mặt. Mỗi lần gặp mặt chỉ gật đầu chào hỏi mà thôi. Buổi chiều hôm đó, không ngờ tôi thấy ông ta đó là lần cuối cùng. Khoảng một giờ khuya, ông làm mệt bảo bà vợ kêu xe honda đi ra bệnh viện huyện. Nhưng kêu lần đầu bà vợ còn say ngủ, nên bà không chịu đi. Bà còn bảo ông nằm ngủ đi, giờ này khuya khoắc khuya lơ mà kêu xe cái gì, ráng sức chịu đựng sáng rồi sẽ tính. Khoảng 3 giờ khuya, ông chịu hết nổi, hối thúc bà vợ phải kêu xe mau, nếu không thì ông sẽ chết. Bấy giờ, bà vợ mới quýnh quáng lên kêu xe chở ra bệnh viện huyện để cấp cứu. Nhưng ngặt nỗi không có tiền, phải ghé vô nhà người em để mượn tiền đóng lệ phí nhập viện. Thế là, chưa vô bệnh viện, thì than ôi! ông đã trút hơi thở cuối cùng! Có phải chiều thấy còn, tối lại mất hay không? Mạng sống của con người chỉ trong một hơi thở, thở ra mà không thở vào thì ô hô! đã hóa ra người thiên cổ.

Lại thêm một câu chuyện nữa, năm đã lâu, lúc tôi còn nhỏ, tôi nghe mẹ tôi kể lại. Cũng ở trong xóm tôi, có hai ông bà sống rất êm ấm hạnh phúc. Hai ông bà này chưa già lắm

khoảng ngoài 50 tuổi. Ông bà chỉ có hai đứa con, chúng nó đã có gia đình và ra ở riêng. Cho nên, chỉ còn lại có hai ông bà sớm tối hủ hỉ với nhau. Một hôm, vào một buổi chiều, trời mưa rất lớn, ông ở trần mặc quần đùi dầm mưa hứng nước đổ vào các mái, lu, khạp, cái nào cũng đầy hết. Tướng ông còn vạm vỡ lực lưỡng mạnh khỏe lắm. Tối lại, vì mệt nên ông ngủ sớm. Còn bà vợ thì lui cui thức làm bánh sáng đem ra chợ bán. Ai cũng khen cặp vợ chồng này hiền lành và tốt bụng. Ông rất hiền từ hay giúp đỡ người khác khi có hoạn nạn. Cho nên bà con trong xóm ai cũng thương mến ông. Thường lệ, sáng nào bà cũng mang bánh ra chợ huyện để bán. Xong, bà về, lo nấu cơm nước. Hôm đó, sau khi bán xong bà về lo cơm nước cho buổi ăn trưa. Nấu xong, trời cũng đã trưa. Bà mới kêu ông thức dậy để dùng cơm. Kêu đôi ba lần không nghe ông cục kịch nhúc nhích ừ hử gì cả. Bà cứ nghĩ, ông làm mệt nên ngủ say. Bà vội đến giường ngủ dỡ mùng lên, thì ôi thôi! Ông đã chết tự bao giờ rồi! Mình mẩy ông lạnh ngắt tái xanh như tàu lá chuối. Đúng là, "sớm thấy còn, tối mất không hay". Còn và còn nhiều câu chuyện tương tợ như thế này.

Tôi có đứa cháu trai con của người anh thứ ba, tên của nó là Thông. Thông đã lập gia đình cách nay khá lâu. Vợ của Thông tên Kiệp. Kiệp bị bệnh nặng và mất cũng mấy năm nay. Thông vẫn song một mình làm gà trống nuôi con. Các đứa con của Thông nay đều khôn lớn và đã có gia đình. Ba đứa con gái lấy chồng lập nghiệp ở Đài Loan. Hôm đó, khoảng 8 giờ tối ở Úc, tức 4 giờ chiều ở Việt Nam. Thông điện thoại cho tôi và nói chuyện rất vui vẻ. Thông rất hiền hậu và vui tính. Ai có ngờ đâu buổi chuyện trò hôm đó giữa tôi và Thông là buổi cuối cùng. Buổi chiều cháu còn mạnh khỏe, nhưng tối lại cháu đã lặng lẽ

sẵn có của mình. Cái thể tánh thanh tịnh sáng suốt đó, nó không là gì cả. Chỉ cần khế hợp với bản tánh chân như là được. Cái tinh yếu của đạo là gì? Là cái thực thể vượt ngoài đối đãi nhị nguyên. Nghĩa là không còn bị dính kẹt vào thời gian và không gian. Nhận rõ như thế, thì chính đó là nguồn chơn xuất hiện. Cho nên, không còn dính kẹt vào phương tiện ngay đó là giải thoát rồi. Đâu cần phải lặn lội mệt mỏi tìm cầu ở đâu nữa. Càng tìm cầu thì càng xa tít nguồn chơn. Người học đạo phải ngay đó mà nhận lại cái bản tâm chơn thật của mình. Thấy rõ vạn pháp giai không, duyên sinh như huyễn, thì có gì mà phải bận tâm dính mắc. Tâm cảnh không đến với nhau ngay đó là giải thoát rồi. "Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền" là thế ấy. Đừng chạy tìm cầu bên ngoài nữa. Đạo không có ở đâu bên ngoài để cho chúng ta tìm cầu. Còn có khái niệm tìm cầu là ta đã đánh mất thực tại rồi. Thực tại nhiệm mầu chỉ có thế ấy đó thôi. Thực tại là thực tại xin đừng gắn cho thực tại bất cứ những nhãn hiệu khái niệm gì khác. Cứ để thực tại trần trụi như thuở nào, không cần ai phải chăm sóc đánh giá làm cho thực tại bị biến thể mất chất đi.

Bác vấn tiên tri, thân cận thiện hữu. Thử Tông nan đắc kỳ diệu, thiết tu tử tế dụng tâm, khả trung đốn ngộ chánh nhân, tiện thị xuất trần giai tiệm.
Rộng hỏi tiên tri, gần gũi bạn tốt. Tông này khó đạt được chỗ nhiệm mầu, cần phải dụng tâm chín chắn. Nếu trong ấy đạt được chánh nhân, đó chính là thềm bực giải thoát.

Tiên tri nói ở đây không có nghĩa là người đó có thần thông biết được hết những chuyện xảy ra ở quá khứ, vị lai. Mà tiên tri chỉ là người học rộng hiểu nhiều, nghiên cứu Phật pháp quảng bác thâm sâu và có nhiều kinh nghiệm trong việc học hỏi trước mình đó thôi. Cho nên Tổ mới

giáo lý thì thuộc về tà giáo ngoại đạo rồi. Chẳng qua là Tổ muốn cho người ta đừng có quá bám chấp vào văn tự chữ nghĩa hình thức, mà quên đi cái thể tánh chân thật hằng hữu đó thôi. Tất cả hình thức, tất cả pháp môn, chỉ là phương tiện. Có một cái thực thể vượt ngoài phương tiện, mà người tu hành cần phải nhận rõ, đó là chỉ thẳng trong tâm mỗi người thấy tánh thành Phật. Câu "kiến tánh thành Phật", ta cũng cần phải hiểu rõ. Không phải thấy tánh là thành Phật liền, mà còn cần phải trải qua một quá trình tu tập. Nghĩa là hằng sống với chơn thể đó. Kiến tánh là thấy rõ bản tâm mình, không bị kẹt vào đối đãi. Mọi hiện tượng đều là hư giả huyễn có, như trăng dưới nước, như bóng trong gương, như hoa đốm giữa hư không... tất cả chỉ là hư ảo huyễn vọng không thật. Cái đau khổ của con người là do vọng chấp vào những thứ hư ảo huyễn vọng này mà tạo nghiệp thọ khổ phải chịu trầm luân vĩnh kiếp trong sinh tử.

Nương phương tiện để đạt được cứu cánh. Lên bờ rồi còn vác chiếc thuyền trên vai làm chi nữa. Đó là một hành vi cố chấp kém thông minh tất không được lợi lạc gì. Chiếc thuyền là phương tiện để cho chúng ta qua sông. Khi qua sông rồi thì ta hãy bỏ chiếc thuyền đó đi. Cũng vậy, tất cả pháp môn chỉ là phương tiện. Đã là phương tiện thì ta không nên cố chấp làm gì. Càng cố chấp ta càng rơi vào trạng huống đau khổ. Nói cách khác, tất cả kinh điển Phật nói mục đích nhắm tới là cốt để chỉ rõ bản tâm. Khác nào như ngón tay chỉ mặt trăng. Người học đạo chỉ nương ngón tay để nhìn thấy mặt trăng. Khi thấy mặt trăng rồi thì nên quên ngón tay đi. Nghĩa là khi đạt được cứu cánh rồi thì không nên chấp phương tiện làm gì nữa. Người thấy tánh rồi thì mọi phương tiện đều phải buông bỏ. Người ngộ đạo chỉ là nhận lại cái thể tánh sáng suốt thanh tịnh

ra đi. Cháu ra đi trong nhà tuyệt nhiên không ai hay biết. Vì cháu không có dấu hiệu bệnh đau gì cả. Được tin Thông mất, tôi thực sự sung sốt bang hoàng vội viết vài câu thơ để tưởng niệm một đứa cháu hiền hòa. Với danh đề là "Tin Buồn".

Nói chuyện với Thông buổi tối hôm
Sáng ra thức giấc nhận tin buồn
Rằng Thông đã mất trong đêm đó
Chớp nhoáng vô thường khổ cháu con!

Thông đã đi rồi bỏ cháu con
Đứa thì buồn tủi, đứa than van
Đài Loan mấy đứa về không được
Đầu đội khăn tang lệ ướt tràn!

Đời người cơn mộng có khác chi
Cháu con buồn khóc tiễn cha đi
Một cõi xa xăm trời vĩnh biệt!
Đau lòng nuốt tủi cảnh chia ly

Hiện nay, chứng bệnh đột quỵ chết cũng khá nhiều. Tôi có làm bài thơ nói về đời người sống chết như trở bàn tay, vô thường nhanh chóng.

Đời người một thoáng qua!
Mới trẻ đã thấy già
Như cây cằn khô rễ
Phút chốc đã lìa xa!

Đời người phí phạm qua
Nếu không biết quay về
Nương tựa vào hơi thở
Chánh niệm ở trong ta

Đời người sống bôn ba
Từ trẻ cho đến già
Không phút giây an tỉnh
Khác gì một bóng ma

Đời người khó kiếm ra
Ý thức khổ đời ta
Phút giây hằng trân quý
Tu hành thoát lụy sa

Hơi thở nào cho ta
Một cuộc sống an bình
Hơi thở của chánh niệm
Tâm bình sen nở ra.

"Thí như xuân sương, hiểu lộ, thúc hốt tức vô; ngạn thọ tĩnh đẳng khởi năng trường cửu".
Thí như sương mùa xuân đóng trên đầu ngọn cỏ, chợt có liền không, như cây trên bờ dây dưới giếng đâu được lâu dài!

Trong câu này, ta thấy Tổ nêu ra hai thí dụ rất cụ thể. Thí dụ thứ nhứt, Tổ nói, vô thường đến với con người không khác gì những hạt sương mai chợt có, liền không. Đời người sống chết cũng như thế. Hạt sương thì tan biến bất thường. Sáng ra, ta thấy những hạt sương long lanh óng ánh trên đầu ngọn cỏ, nhưng khi nắng lên, thì những hạt sương lóng lánh kia tan biến ngay. Đời người giống y như những hạt sương không có gì bảo đảm. Xin thưa với quý vị, những món hàng máy móc mà mình mua ở siêu thị, hay những tiệm bán đồ điện tử, máy nào cũng có thời lượng bảo đảm cả. Nghĩa là khi mình xài nửa chừng mà bị hư hao thì người chủ sẽ đổi lại cái máy mới cho mình. Đó

pháp tu nào còn nằm trong danh ngôn sắc tướng đối đãi đều là phương tiện cả. Như pháp môn niệm Phật, quán từ bi, quán nhân duyên, quán bất tịnh v.v... Khi Tổ Bồ đề đạt ma sang Trung Quốc vào thời đại nhà Lương như đã nói, Ngài thấy phần nhiều người tu hành bị kẹt trên văn tự bám chấp vào phương tiện ngữ ngôn mà không chịu tiến xa hơn để nhận rõ cứu cánh. Từ đó Ngài mới dõng dạc tuyên bố:

Bất lập văn tự
Giáo ngoại biệt truyền
Trực chỉ nhân tâm
Kiến tánh thành Phật

Ta nên chú ý câu: "Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật". Trực chỉ là chỉ thẳng không có quanh co vòng vo tam quốc. Nhân tâm là lòng người. Có người nói là trực chỉ chân tâm. Thiết nghĩ, nói trực chỉ chân tâm, e rằng không đúng lắm. Bởi chân tâm làm sao chỉ thẳng được? Chân tâm làm gì có hình tướng mà chỉ thẳng? Có chỉ được là chỉ cái gì có hình có tướng, còn cái không hình không tướng, không sinh không diệt làm sao mà chỉ? Trong nhà thiền có câu nói: "Đập cỏ rắn sợ, đập nước cá đau đầu". Không thể đập thẳng con rắn và cũng không thể đập thẳng con cá, mà chỉ có thể đập cỏ và đập nước thôi. Câu nói này ngụ ý rằng, chúng ta không thể chỉ thẳng chân tâm được. Chỉ có thể chỉ được cái vọng tâm, bởi vì vọng tâm là những hiện tượng có hình, tướng, có sinh, có diệt. Theo tôi hiểu là như thế. Có vị nào có ý kiến khác không? Không ai có ý kiến thì chúng ta sẽ tìm hiểu tiếp theo.

Tu mà còn quá nặng hình thức thì không thể nào thông đạt được đạo quả. Tuy nói là truyền ngoài giáo lý, nhưng thật ra không có gì là ngoài giáo lý Phật dạy cả. Nếu ngoài

chi môn, tâm khế huyền tân, nghiên cơ tinh yếu, quyết trạch thâm áo, khởi ngộ chân nguyên.

Nếu muốn tham thiền học đạo, là môn vượt ngoài phương tiện. Thì trong phải hợp với mé huyền, và phải nghiên cứu tường tận cái tinh yếu của đạo. Chọn lựa được chỗ thâm sâu rồi mới có thể khai ngộ được nguồn chơn (tức bản tâm thanh tịnh của mỗi chúng ta)

Thiền là một pháp tu chung của đạo Phật, không dành riêng cho bất cứ người nào. Ai cũng có khả năng tu thiền được cả. Thiền là gì? Thiền nói cho đủ là Thiền na (dhyyana) cách dịch cũ là Tư duy tu. Cách dịch mới là tĩnh lự. Nghĩa là hằng tỉnh thức và tư duy một vấn đề nào đó. Thiền là một nghệ thuật sống mang lại hạnh phúc thực tế cho con người. Tham thiền học đạo là nói chung cho những người tu học Phật. Không chỉ dành riêng cho người xuất gia, mà tất cả mọi người trên hành tinh này đều có thể thực tập hành thiền. Vì thiền là một nhu cầu nhằm giải quyết cởi trói những gút mắc căng thẳng trong cuộc sống. Nói rõ hơn, thiền là một nghệ thuật kiến chiếu sâu vào thể tánh của mỗi con người. Tham thiền học đạo là điều kiện tiên quyết mà tất cả chúng ta đều phải có. Nếu chúng ta muốn cởi trói mọi triền phược để được giải thoát. **Thiền đưa chúng ta vượt thoát mọi hệ lụy khổ đau của cuộc đời đầy sóng gió tang thương dâu bể này. Nó vượt ngoài** những phương tiện thường tình. Thiền có khả năng khai phóng tất cả nguồn năng lực nội tại. Nó đưa chúng ta thẳng đến đầu nguồn của cuộc sống.

Ở đây, Tổ Qui Sơn nói rõ những ai muốn tham thiền học đạo, thì phải vượt ngoài những môn phương tiện. Tất cả pháp môn Phật dạy nói chung đều là phương tiện. Phàm

là trong thời gian hạn định còn bảo đảm. Còn như con người chúng ta lấy gì làm bảo đảm?! Ai dám bảo đảm cho mình? Mình không tự bảo đảm mình được, thì thử hỏi trên đời này có một quyền năng nào bảo đảm duy trì mạng sống cho mình được không? Đó là cái thí dụ thứ nhứt về những hạt sương mai.

Đến cái thí dụ thứ hai, là một hình ảnh gây cho chúng ta không thể không chú ý. Tổ nêu ra hình ảnh của một cái cây dựa trên bờ vực thẳm. Ngạn là bờ, thọ là cây. Tĩnh là giếng, đằng là sợi dây. Khởi năng trường cửu, nghĩa là không có lâu dài. Trong Kinh Đại Tập có nêu ra một thí dụ. Chuyện kể rằng: "Xưa có một người sợ hai con voi say, nắm dây chuyền xuống giếng, dưới có ba con rồng phun lửa dơ móng. Người kia liền đeo theo cái sợi dây tòn ten ở giữa chừng, trên có hai con chuột đen và trắng chúng cắn sợi dây gần đứt. Bốn bên có 4 con rắn thò đầu ra le lưỡi muốn mổ. Người kia ngó lên, thì hai con voi nó đã đứng chực sẵn trên miệng giếng. Người kia lo rầu về sự không khỏi chết. Bấy giờ, bỗng có bầy ong bay qua nhiễu 5 giọt mật vào miệng, người kia nút mật ấy, rồi quên hết cả sự sợ sệt, nguy hiểm". Đó là ví dụ, bây giờ hợp pháp lại, ta thấy rất hay. Hai con voi say là dụ cho sinh tử. Sợi dây tòn ten là dụ cho mạng căn. Vào dưới giếng là dụ cho "Vô Thường". Hai con chuột đen và trắng là dụ cho ngày và đêm. Bốn con rắn là dụ cho bốn đại. Ba con rồng là dụ cho ba độc (tham, sân, si). Năm giọt mật là dụ cho năm món dục lạc: Tài, sắc, danh, thực, thùy. Hay: sắc, thinh, hương, vị, xúc. Về năm món dục lạc này người ta mải mê lo thụ hưởng mà quên luôn cả mạng sống của mình!

Qua những thí dụ và hợp pháp nói trên, thật đáng cho chúng ta suy gẫm. Mạng sống của con người nó mỏng

manh giống như sợi chỉ mành treo chuông. Quý vị thử nghĩ, cái chuông to bao lớn, như cái đại hồng chung nặng cả mấy chục tấn (tùy theo kích thước lớn nhỏ) còn sợi chỉ thì nó nhỏ xíu, làm sao treo nổi cái chuông to tổ bố? Thân mạng của chúng ta hiện giờ nó cũng giống như sợi chỉ mành treo chuông, hay như đèn treo trước gió, không biết nó đứt, nó tắt lúc nào. Nói thế, để chúng ta ý thức đến sự vô thường nhanh chóng mà nỗ lực chuyên tâm tu hành. Bản chất của con người là thích hưởng thụ khoái lạc. Miễn sao hưởng thụ khoái lạc cho sung sướng cái bản thân, thì dù cho họ có chết họ cũng đành cam chịu! Vì vậy, mà chư Phật, Tổ nói chúng sinh đang chìm đắm trong si mê vọng chấp là thế. Vì sống trong vòng vô minh vọng chấp nên chúng sinh cứ mãi tạo những nghiệp nhân bất thiện để rồi chuốc lấy những hệ quả khổ đau!

"Niệm niệm tấn tốc, nhất sát na gian, chuyển tức tức thị lai sanh. Hà nãi yến nhiên không quá"!
Niệm niệm qua nhanh, chỉ trong một sát na, là đã chuyển qua đời khác. Đã thế, sao đành lặng lẽ ngồi yên phí phạm thời gian luống qua vô ích!

Câu này, Tổ muốn nhắc nhở cho mình biết, mỗi niệm mỗi niệm chóng qua mau. Niệm tức là vọng niệm sinh diệt, niệm này sinh, niệm kia diệt nó qua mau như dòng nước chảy xiết. Niệm trước chưa dứt thì niệm sau nối sinh, khác nào như từng lượn sóng đuổi theo nhau không dừng. Niệm khởi là có tướng, vì có tướng nên mới có sinh diệt. Những niệm vọng khởi này, chỉ các bậc có huệ nhãn thì mới nhận thấy rõ được. Còn như phàm phu chúng ta, niệm thô còn chưa nhận ra, nói chi là niệm tế. Kiếp sống của một đời người, chỉ trong một thoáng qua hay như trong một sát na (đơn vị ngắn nhứt của thời gian), là đã chuyển qua đời

qua. Bây giờ chúng ta sẽ đi vào bài học.

Chánh Văn:

Nhược dục tham thiền học đạo, đốn siêu phương tiện chi môn, tâm khế huyền tân, nghiên cơ tinh yếu, quyết trạch thâm áo, khởi ngộ chân nguyên.

Bác vấn tiên tri, thân cận thiện hữu. Thử Tông nan đắc kỳ diệu, thiết tu tử tế dụng tâm, khả trung đốn ngộ chánh nhân, tiện thị xuất trần giai tiệm.

Thử tắc phá tam giới, nhị thập ngũ hữu. Nội ngoại chư pháp tận tri bất thật, tùng tâm biến khởi, tất thị giả danh. Bất dụng tương tâm thấu bạc, đản tình bất phụ vật, vật khởi ngại nhân.

Dịch Nghĩa:

Nếu muốn tham thiền học đạo, là môn vượt ngoài phương tiện. Thì trong phải hợp với mé huyền, và phải nghiên cứu tường tận cái tinh yếu của đạo. Chọn lựa được chỗ thâm sâu rồi mới có thể khai ngộ được nguồn chơn (tức bản tâm thanh tịnh của mỗi chúng ta)

Rộng hỏi tiên tri, gần gũi bạn tốt. Tông này khó đạt được chỗ nhiệm mầu, cần phải dụng tâm chín chắn. Nếu trong ấy đạt được chánh nhân, đó chính là thềm bực giải thoát.

Đây là phá ba cõi và hai mươi lăm loài. Trong ngoài các pháp đều biết không thật. Từ tâm biến khởi đều là giả danh. Chẳng cần đem tâm nương gá, chỉ lòng không gá vật thì vật đâu chướng ngại được người.

Giảng Giải:

Nhược dục tham thiền học đạo, đốn siêu phương tiện

X. **PHÁP TU THAM THIỀN ĐỐN NGỘ**

Hôm nay, chúng ta tiếp tục học bài thứ mười, nói về pháp tu vượt ngoài phương tiện. Trong đạo Phật có phân ra Quyền giáo và Thật giáo. Nói theo Kinh Đại Bát Niết Bàn, thì gọi là Bán tự giáo và Mãn tự giáo. Quyền giáo là thứ giáo lý nằm trong phạm trù duyên sinh phương tiện. Thật giáo là thứ giáo lý vượt ngoài phương tiện. Quyền giáo dụ như ngón tay chỉ mặt trăng. Thật giáo dụ như mặt trăng trên nền trời. Phương tiện là thứ giáo lý biện chứng, nhằm chỉ rõ biện minh cho cứu cánh. Nương phương tiện để đạt cứu cánh, nương ngón tay để thấy mặt trăng. Không nên vội chấp cho ngón tay là mặt trăng. Chấp như thế muôn đời vạn kiếp không bao giờ thấy được mặt trăng. Phương tiện cũng gọi là Tích môn, cứu cánh cũng gọi là Bản môn. Nói cách khác dễ hiểu hơn, phương tiện là thứ giáo lý nằm trong phạm trù Tục đế. Cứu cánh hay Bản môn vượt lên trên giáo lý Tục đế, gọi là Chơn đế. Học Phật ta phải nắm vững những thứ giáo lý này. Thiền, mà Tổ Qui Sơn nói ở đây cố nhiên là Thiền tông hay còn gọi là Tổ sư thiền. Thiền này đã được truyền thừa từ đức Phật Thích Ca Mâu Ni truyền cho Ngài Ca Diếp và cứ thế truyền mãi cho đến Tổ Bồ đề đạt ma, là vị Tổ thứ 28 ở Ấn Độ. Khi Tổ Bồ đề đạt ma sang Trung Hoa vào thời đại nhà Lương, tức vua Lương Võ Đế. Ông vua này rất tin tưởng Phật pháp và chính bản thân ông cũng đã rất am hiểu Phật pháp. Ông đã từng thăng tòa giảng kinh thuyết pháp. Khi Tổ Bồ đề đạt ma từ Ấn Độ sang có hội kiến với ông, và có xảy ra một giai thoại giữa hai vị này rất đặc biệt kỳ thú. Đây là một giai thoại nói rõ sự khác biệt giữa "công đức" và "phước đức". Câu chuyện này ai cũng biết, nên tôi xin được lướt

khác rồi. Vô thường nhanh chóng như thế, sao ta lại lặng lẽ ngồi yên để phí phạm thời gian trôi qua một cách vô ích?! Lời Tổ vừa than thở và cũng vừa thức nhắc chúng ta phải ý thức đến từng niệm qua nhanh, chỉ trong thời gian ngắn nhất là mạng sống chúng ta không còn. Trong một niệm có 90 sát na. Trong một sát na có 900 lần sinh diệt. Chữ "Tức" có nghĩa là hơi thở, hơi thở ra mà không thở vào, thì ô hô! mạng sống ngang đó không còn, đã chuyển qua đời khác rồi. Chính hơi thở là mạng sống, chứ không phải mạng sống là tính theo thời gian. Về điểm này, ta thấy Tổ đã xác nhận là có đời sau. Tuy Tổ không nói rõ là thân này có "Tiền ấm, Trung ấm, và Hậu ấm". Ở đây, Tổ không nói đến thân Trung ấm, tức cái thân sau khi chết. Mà Tổ chỉ nói cái thân đời sau, tức Hậu ấm thân. Thế thì, chết không phải là hết. Vấn đề này, ở phần sau, Tổ sẽ cho chúng ta biết rõ hơn về vấn đề sau khi bỏ báo thân này thì thần thức của chúng ta sẽ như thế nào? Tuy ở đây, không có nói đến thân Trung ấm, nhưng thân tiền ấm và thân hậu ấm là đã bao gồm trong đó đã có thân trung ấm hay trung hữu rồi.

II. BỎ TỤC VÀO ĐẠO

Kính thưa đại chúng,

Hôm nay, chúng ta học tiếp bài thứ hai. Bài này rất ngắn chỉ có mấy câu thôi, quý vị cố gắng học thuộc lòng. Ngày xưa, Thầy dạy bắt buộc chúng tôi phải học thuộc lòng và trả bài. Mình học thuộc sau này có nhiều cái lợi lắm. Thứ nhứt, là mình nhớ tự ngầm nhắc nhở mình. Thứ hai, sau này mình có đi giảng dạy, thì mình nhớ nêu ra dẫn chứng lời Tổ dạy trong khi thuyết giảng cho người khác nghe. Vì thế, tôi thành thật khuyên các tăng ni trẻ nên học thuộc lòng. Tuy tôi không bắt trả bài, nhưng quý vị phải tự ý thức học thuộc lòng càng tốt. Vì mình học cho mình chớ không phải học cho người khác. Bây giờ chúng ta sẽ bắt đầu đi vào bài học.

Chánh Văn:

Phụ mẫu bất cúng cam chỉ, lục thân cố dĩ khí ly, bất năng an quốc trị bang, gia nghiệp đốn quyên kế tự. Miễn ly hương đảng, thế phát bẩm sư. Nội cần khắc niệm chi công, ngoại hoằng bất tranh chi đức. Huýnh thoát trần thế, ký kỳ xuất ly.

Dịch Nghĩa:

Đối với cha mẹ, không dâng món ngon vật lạ, với "lục thân" cũng quyết chí xa lìa. Không thể an nước trị dân, nghiệp nhà trọn không nối dõi, xa làng biệt xóm, cắt tóc theo Thầy. Trong, thì hằng nhớ nghĩ công phu, ngoài, rộng mở đức hạnh hòa kính, thoát hẳn trần thế, mong cầu giải thoát.

Những ai có tâm muốn rửa lòng nuôi đức, ẩn tích mai danh, chứa nhóm tinh thần thì phải xa nơi huyên náo. Chỗ huyên náo là những nơi ồn ào náo nhiệt phức tạp, không thích hợp cho những người muốn gội tâm nuôi đức. Nghĩa là họ chỉ muốn tìm những chỗ vắng vẻ u tịch, nơi thâm sâu cùng cốc ít người lai vãng, để họ tiện bề di dưỡng tinh thần tịnh hóa thân tâm. Vì hạng người này họ đã chán ngấy cái trò háo danh hám lợi. Họ không muốn tạo dựng cho mình chùa to Phật Lớn, đệ tử đông nhiều... để tranh giành tìm cách chơi khâm miệt thị hại nhau. Họ chỉ muốn độc cư ẩn tu cho thân tâm của họ được thanh nhàn, tránh những điều danh lợi phiền phức của thế gian. Đó là con đường mà họ đã chọn và họ cảm thấy rất hạnh phúc, không một chút hối hận việc chọn lựa của mình. Đây là con đường riêng dành cho những bậc chân tu lánh xa trần tục. Họ sống một mình trong rừng núi hoang vu làm bạn với các loài thú dữ. Đây là hạnh nguyện lớn của các bậc chân tu mà thời nào cũng có. Ta hết lòng kính phục đê đầu đảnh lễ hạng người này. Tuy nhiên, đó chỉ là thời gian ẩn tu, chớ không phải là họ bi quan lẫn trốn cuộc đời. Đó là thời gian rèn luyện tu tâm dưỡng tánh để có được đầy đủ đạo lực, để rồi một ngày đẹp trời nào đó, họ sẽ hạ sơn dấn thân đi vào cuộc đời để hoằng pháp lợi sinh. Vì thế, ta không nên vội kết luận hàm hồ cho những bậc chơn tu này là bi quan yếm thế. Sau đây chúng ta sẽ nghe Tổ dạy tiếp.

tùy thời, tùy lúc và tùy hoàn cảnh. Không phải cái gì cũng nói thẳng thừng như ruột ngựa. Người đời có câu nói nghe cũng hay hay: "Thẳng thắng thật thà thường thua thiệt. Lọc lừa lươn lẹo lại leo lên". Một câu toàn chữ T và một câu toàn chữ L. Hai câu đối nhau thực tế cuộc đời là như vậy đó! Tại sao thẳng thắng thật thà thường thua thiệt? Chính vì chỗ thua thiệt mà có lắm người không dám nói lên sự thật. Vì có nhiều lý do, đại khái không ngoài những lý do sau đây:

- Hèn nhát sợ hãi, mang tai tiếng và hệ lụy đến thân mình.
- Lo sợ vì sẽ bị trả thù.
- Nể nang những kẻ có thế lực.
- Biểu đồng tình, đồng lõa với tội ác.

Đó là những lý do mà người ta e dè rụt rè nhút nhát không dám nói lên sự thật. Tuy nhiên, ta thấy trong xã hội cũng có người họ rất can đảm bất chấp hậu quả, họ không sợ quyết nói lên sự thật. Đây là hạng người có đức tánh trượng phu nam nhi chi chí mà ta phải hết lòng kính phục họ. Ngược lại, cũng có kẻ rất tiểu nhân hèn hạ, hại người sau lưng hoặc tìm cách trả thù một cách rất độc ác đê tiện bỉ ổi.

Ta thấy lời của Tổ nói ra toàn là những lời khuyến nhắc chỉ giáo rất trung thực. Tuy nhiên, đối với những người có tâm cầu tiến tu học, thì họ rất thích nghe. Ngược lại, đối với những kẻ có tâm giả tu mua danh trục lợi, thì họ cảm thấy khó chịu, vì trái với cái lỗ tai của họ. Họ là hạng người "ăn cơm Phật chuyên đốt râu thầy chùa". Họ không bao giờ biết hổ thẹn với chính mình. Họ là hạng người "miễn sao có lợi thì làm, chẳng màng tội lỗi bị giam bị cầm".

Giảng Giải:

"Phụ mẫu bất cúng cam chỉ, lục thân cố dĩ khí ly".
Đối với cha mẹ, không dâng món ngon vật lạ, và sáu thân cũng quyết chí xa lìa.

Như Quý vị đã biết, Tổ Qui Sơn là người Trung Hoa, mà người Trung Hoa ở vào thời đại phong kiến quân chủ, tức vào thời đại nhà Đường. Nhà Đường cách chúng ta khá xa hơn cả ngàn năm. Trong thời đại đó đối với đất nước Trung Hoa, họ rất chú trọng về lễ giáo. Cái thời đại phong kiến người ta gọi là: "Quân, Sư, Phụ". Trên là vua, kế đó là thầy và cuối cùng là cha. Đối với Nho giáo, họ rất coi trọng vấn đề lễ nghĩa lắm. Họ coi cha mẹ như là trời đất. Bởi vì công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ như là trời cao biển rộng. Vì thế sách Nho có câu: *"Phụ hề sanh ngã, mẫu hề cúc ngã, ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao, dục báo thâm ân, hiệu thiên võng cực".* Nghĩa là cha sanh ta, mẹ lại nuôi ta, thương thay cha mẹ, sinh ta khó nhọc, muốn báo đáp thâm ân của cha mẹ, ví như vói lên trời cao không cùng! Còn trong nhà Phật có câu: "Phụ mẫu tại đường, như Phật tại thế". Nghĩa là, cha mẹ còn sinh tiền, khác nào như Phật còn ở đời vậy.

Trong ca dao Việt Nam chúng ta thì có những câu đề cao công ơn sanh thành giáo dưỡng của cha mẹ rất là lớn lao. Tiêu biểu như:

Công cha nặng lắm cha ơi!
Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang
Chín tháng cưu mang nhờ đức mẹ
Ba năm bồng ẵm cảm ơn cha

Hoặc là:

Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển đông
Núi cao bể rộng mênh mông
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!

Trong kho tàng văn chương Việt Nam của chúng ta còn có rất nhiều những câu ca dao, hay những áng văn chương tuyệt tác luôn đề cao chữ hiếu. Thế nên, đối với người con, chúng ta phải nhớ công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. Rồi quay sang trong Đạo Phật của chúng ta, thì có rất nhiều những bộ kinh mà Phật luôn đề cao công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. Như Kinh Báo Hiếu Phụ Mẫu Ân, Kinh Vu Lan bồn, Kinh Tâm Địa Quán v.v... Quý vị đọc Kinh Báo Hiếu Phụ Mẫu Ân, trong đó có câu: "Vai trái cõng cha, vai mặt cõng mẹ, chạy giáp vòng hòn núi Tu Di, dù trải qua đến trăm ngàn kiếp như vậy, muốn báo đáp thâm ân cho cha mẹ cũng không thể nào báo đáp cho hết được". Thế thì, quý vị thấy công lao của cha mẹ lớn lao biết là ngần nào! Quả thật không gì có thể so sánh được.

Đó là tôi nói về phần đề cao công ơn sanh thành giáo dưỡng của cha mẹ. Còn bây giờ, tôi xin nói đến theo quan niệm báo hiếu của Nho giáo như thế nào? Theo Nho giáo, bổn phận làm con muốn báo hiếu cho cha mẹ, tức là phải phụng dưỡng sớm hôm ấm lạnh quạt nồng. Đồng thời, cũng phải thường xuyên lo thức ăn, thức uống chăm sóc cho cha mẹ. Khi cha mẹ về già đau yếu bệnh hoạn, thì người con phải cung phụng vật chất thuốc thang cho cha mẹ đầy đủ. Về tinh thần, thì phải làm cho cha mẹ luôn luôn vui vẻ, không nên làm cho cha mẹ phiền lòng. Đó là

các vị minh quân thì hay bàn bạc việc quốc gia đại sự với những vị quan cận thần trung cang nghĩa khí. Vì là minh quân, nên thích nghe những điều thẳng thắn trung trực, không thích nghe những lời xàm tấu nịnh thần. Chính vì thế mà đất nước ngày càng hưng thạnh bền bỉ vững chắc. Tuy lời ngay trái tai khó nghe mà toàn là lời nói thật. Xuất phát từ trái tim yêu nước thương dân và một trí óc minh mẫn xây dựng quê hương đất nước. Tuy nói thô mà là lời thật, còn hơn nói ngọt mà thâm độc vô cùng. Ta rất sợ những kẻ: "Bề ngoài thơn thớt nói cười, mà trong nham hiểm giết người không dao". Những kẻ này ta phải tránh xa, bằng không thì dễ bị lãnh đạn lắm. Ai cũng biết câu tục ngữ: "Thẳng mực tàu đau lòng gỗ". Có người, bản tánh của họ dù có thế nào đi chăng nữa; dù có đứng trước cái chết, họ cũng vẫn nói thật, không bao giờ uốn cong cái lưỡi để lấy lòng thiên hạ. Những kẻ a dua ton hót nịnh bợ, tuy họ được lòng người nghe, nhưng đối với xã hội người ta rất khinh bỉ xem họ như là loại rơm rác. Người xưa có câu nói: "Cây ngay không sợ chết đứng". Dù trời có sập xuống bảo họ nói sai sự thật, họ cũng cương quyết không bao giờ nói. Họ là những người tôn trọng bảo vệ chánh nghĩa. Họ không phải hạng người uốn cong theo chiều gió. Dù lưỡi không xương nhưng lập trường của họ rất vững chắc. Họ không phải thứ lưỡi không xương uốn theo chiều gió để được hưởng lợi lộc, họ không cần những thứ lợi lộc dơ bẩn đó. Họ cương quyết dù chết họ cũng không phản bội lại lương tâm chính nghĩa của họ. Đó là con đường họ đã chọn. "Dù ai nói ngả nói nghiêng, lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân". Đó là câu ca dao nói về lòng kiên định, sự tự chủ của bản thân mang đến giá trị tư tưởng sâu sắc và giàu ý nghĩa nhân sinh.

Song có điều tuy nói thật, nói thẳng, nhưng cũng phải biết

thân thiết là điều mà ta cần phải hết sức lưu ý. Chúng ta không nên giao du thân thiết kết hợp bạn bè một cách cẩu thả vô ý thức được. Một khi ta đã bị tiêm nhiễm tánh xấu ác của người bạn xấu rồi, thì dễ tạo thành nghiệp ác, cố nhiên là ta sẽ thọ quả báo nhãn tiền. Vì gây nhân ác tránh sao khỏi bị quả báo ác? Đã thế, Tổ nói, sau khi chết sẽ bị sa đọa trầm luân đau khổ. Tổ còn cảnh báo chúng ta một khi mất thân này rồi muôn kiếp khó gặp lại. Sách có câu: "Thiên niên thiết thọ khai hoa dị, nhất thất nhơn thân vạn kiếp nan". Nghĩa là, ngàn năm cây sắt trổ bông còn dễ, một khi mất thân này rồi muôn kiếp khó được lại. Thế nên, ta phải cẩn thận không nên tạo nghiệp ác mà phải chịu đọa lạc trầm luân vĩnh kiếp trong vòng sinh tử khổ đau triền miên không biết đến ngày nào mới được ra khỏi!

Trung ngôn nghịch nhĩ, khởi bất minh tâm giả tai? Tiện năng tháo tâm dục đức, hối tích thao danh, uẩn tố tinh thần. huyên hiêu chỉ tuyệt.
Lời ngay trái tai, đâu chẳng ghi lòng đó sao? Có thế, mới hay rửa lòng nuôi đức, ẩn tích mai danh, chứa nhóm tinh thần xa nơi ồn náo.

Xưa nay lời nói ngay thẳng bao giờ cũng trái với lỗ tai người nghe. Ở đời, người ta thích những kẻ ton hót vuốt ve nịnh bợ hơn là lời nói trung thực thẳng thắng. Bởi lời nói thẳng dễ bị mích lòng hờn giận xa nhau. Nhưng mà chính lời nói ngay thẳng mới là lời chân thật trung thực nhứt. Đọc sách xưa, ta thấy có ông vua nào mà chịu nghe những lời trung thực can gián của các ông quan cận thần trung nghĩa đâu, mà toàn thích nghe những lời ton hót êm tai của những kẻ nịnh thần đội mão cần xé. Chính vì thế, mà nước mất nhà tan, bởi do những kẻ nịnh thần ton hót. Chỉ có hôn quân mới thích nghe những lời ton hót êm tai đó thôi, còn

nói báo đáp theo hiếu đạo của Nho gia khi cha mẹ còn sống. Còn khi cha mẹ chết thì phải làm sao? Phải cư tang, ngày xưa phải cư tang tới ba năm, còn bây giờ khoảng 49 ngày là có người đã xả tang rồi. Ngày xưa, để tang lâu lắm, rồi phải cúng giỗ, có nhiều gia đình cúng giỗ liên miên, hết giỗ này tới giỗ kia, thành ra đối với nhà Nho thì họ chú trọng về vấn đề lễ nghi hình thức nhiều lắm. Đối với Phật giáo thì nên báo ân như thế nào? Khi cha mẹ còn sống, bổn phận làm con thì cũng phải lo phụng dưỡng vật chất cho cha mẹ, lo cho cha mẹ từng miếng ăn giấc ngủ... Khi cha mẹ tuổi già sức yếu, thì con cái cũng phải tới lui trông nom săn sóc thăm viếng, sớm tối cận kề phụng dưỡng lúc cha mẹ ốm đau. Về mặt tinh thần, thì phải khuyên cha mẹ hết lòng tin kính Tam bảo, nhân quả và sớm tối phải chuyên cần niệm Phật. Còn khi quá vãng thì phải lo vấn đề cầu siêu bạt độ cúng thất thời gian 49 ngày. Đó là chúng tôi nêu ra đại khái theo phong tục tập quán xưa nay của người Phật tử báo hiếu cho phải đạo làm con. Tuy nhiên, ở đây, chúng ta thấy Tổ dạy: ***" Phụ mẫu bất cúng cảm chỉ"***. Nghĩa là đối với cha mẹ thì người xuất gia không dâng món ngon vật lạ nữa rồi, lục thân cũng phải xa lìa. Tôi xin giải thích thêm. Không khéo thì chúng ta lại hiểu lầm ý Tổ.

Chữ cam là ngọt, chữ chỉ là ngon. Ở đây, mình gọi là món ngon vật lạ. Nếu mình dâng thức ăn ngon ngọt, mà cha mẹ già lại thêm mắc phải chứng bệnh tiểu đường, mà mình cứ dâng cho cha mẹ ăn những thức ăn ngọt ngào như thế, thì e rằng chẳng khác nào mình cho cha mẹ chết sớm. Ngon thì được, còn ngọt thì không nên. Nếu có, thì cũng chỉ chút ít đó thôi. Nếu như mình có được thức ăn nào lạ miệng, thì mình dâng cho cha mẹ dùng. Lẽ ra, bổn phận làm con thì chúng ta cần phải báo hiếu dâng món ngon vật lạ cho cha mẹ. Nhưng nay, chúng ta đã xuất gia rồi, cố nhiên là chúng

ta không còn được cận kề sớm hôm phụng dưỡng cho cha mẹ nữa, vì xuất gia rồi là phải rời bỏ ngôi nhà thế tục. Do đó, mà việc dâng món ngon vật lạ cho cha mẹ không còn như trước kia. Tuy nhiên, nếu khi cha mẹ già yếu, không có người chăm sóc phụng dưỡng, thì dù mình đã xuất gia, nhưng việc phụng dưỡng cho cha mẹ, mình cũng không thể bỏ được. Xưa kia, có nhiều vị tuy đã xuất gia hành đạo rồi, mà vẫn phải cưu mang cha mẹ bên cạnh để dưỡng nuôi, cho đến khi cha mẹ lìa đời mới thôi. Bởi vì công ơn sanh thành giáo dưỡng của cha mẹ sánh tợ non cao trời biển. Bổn phận làm con thì mình phải lo báo đáp cho tròn chữ hiếu. Không phải xuất gia rồi, mình không còn nhớ gì đến công ơn sanh thành giáo dưỡng của cha mẹ. Đó là một quan niệm sai lầm rất lớn. Ở đây, điểm cốt yếu là Tổ muốn nhắc nhở mình không nên sanh tâm ái kiến thường tình như người thế gian. Còn việc phụng dưỡng chăm sóc cho cha mẹ, thì bất luận là xuất gia hay tại gia đều phải chăm lo phụng dưỡng cả. Bởi vì hiếu đạo là cội gốc đạo đức nhân bản của con người. Tôi thấy có nhiều Thầy, nhiều Sư Cô, khi cha mẹ già yếu bệnh hoạn, không có người lo lắng chăm sóc cơm cháo thuốc men, các vị đó đều đem cha mẹ về chùa để trông nom săn sóc. Đó cũng là một cơ hội tốt để mình có dịp trả hiếu. Như vậy, cũng không có gì là sai trái lỗi đạo cả. Thưa có phải vậy không? Đó là nói dưỡng nuôi cha mẹ bằng vật chất. Còn tinh thần thì sao? Như trên đã nói, cố nhiên, là mình phải khuyên cha mẹ tin kính Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng, nhất là phải tin chắc vào lý nhân quả, và phải gắng công chuyên cần ăn chay, niệm Phật tu hành giữ giới v.v...Nhất là nên khuyên cha mẹ chí thành niệm Phật để cầu vãng sanh Cực lạc.

Rồi đến sáu thân, theo bên Nho giáo thì người ta cho rằng: sáu thân gồm có: cha mẹ, anh em, vợ, con, gọi chung là

nói ác và hành động ác. Ba nghiệp của họ toàn gây tạo những điều ác. Nhất là tư tưởng của họ ngày tăng dần ác tri kiến. Từ đó họ sanh ra nhiều tư tưởng xấu ác. Đó là mầm mống của biết bao cuộc chiến tranh gây ra. Khổng Tử nói: "Dữ thiện nhân cư, như nhập chi lan, chi thất, cửu nhi bất văn kỳ hương, tức dữ chi hóa hỷ; dữ bất thiện nhơn cư, như nhập bào ngư chi từ, cửu nhi bất văn kỳ sú, diệc dữ chi hóa hỷ". Nghĩa là, ở chung với người hiền lành như vào nhà có loại cỏ thơm, lâu ngày mình không còn nghe mùi thơm của nó là vì mình đã đồng hóa với mùi thơm rồi. Ngược lại, mình sống chung với kẻ bất thiện, khác nào như mình đi vào hàng cá ươn, mới đầu còn nghe mùi tanh hôi, nhưng lâu dần mình không còn nghe mùi tanh hôi của nó, vì mình đã đồng hóa với mùi tanh hôi rồi vậy.

Qua đó cho chúng ta thấy gần với người bạn tốt thì ta sẽ tốt theo. Trái lại, gần với người bạn xấu ác thì lâu ngày ta cũng sẽ trở thành kẻ xấu ác. Bởi vì trong mỗi người chúng ta ai cũng sẵn có hai loại hạt giống lành và dữ, xấu và tốt. Tuy có rất nhiều loại hạt giống, nhưng đại biểu ta chỉ nêu ra hai loại hạt giống chính trong mỗi tâm thức của chúng ta. Chính vì ai cũng có sẵn hai loại hạt giống này nên dễ bị tiêm nhiễm. Do đó cho nên, khi giao du với bạn bè ta phải hết sức cẩn thận. Vì xã hội này bạn xấu thì nhiều như trấu, còn bạn tốt chỉ đếm trên đầu ngón tay. Lác đác lưa thưa như lá mùa thu trên cành. Thế nào là bạn xấu? Cứ nhìn vào cách hành xử và lối sống của họ, thì ta cũng có thể biết được phần nào về cá tính của họ. Ta nên nhớ câu: "Tâm ư trung, xuất hành ư ngoại". Nghĩa là trong tâm như thế nào thì nó hiện ra bên ngoài như thế ấy. Cái tâm xấu xa độc ác đê tiện, thì nó hiện ra hành động và lời nói cũng xấu xa đê tiện. Điều này thật khó che giấu với con mắt kinh nghiệm của người đời. Nên việc chọn bạn để giao du

Thân phụ thiện giả, như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y, thời thời hữu nhuận.
Gần gũi người lành như đi trong sương móc, tuy không thấy ướt áo, mà dần dần thấm nhuần.

Vấn đề giao tiếp bạn bè cũng rất quan trọng. Giao du với bạn bè cũng tác động ảnh hưởng qua lại với nhau. Ảnh hưởng tánh xấu hoặc tánh tốt đều có. Tục ngữ có câu: "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng". Nghĩa là gần đâu thì bị tiêm nhiễm đó. Nếu gần gũi người bạn tốt, thì giống như ta đi trong sương mù. Buổi sáng sớm ta thấy sương sa dày đặc, đi ra ngoài, mới đầu không cảm thấy ướt áo, nhưng đi lâu dần thì sương thấm lạnh. Tổ nêu ra một hình ảnh cụ thể để cho chúng ta dễ hình dung trong sự giao du với bạn bè. Gần bạn tốt, có thể mới đầu ta chưa có ảnh hưởng đức tánh tốt của bạn, nhưng gần gũi lâu ngày thì ít nhiều đều có ảnh hưởng. Ngược lại, gần với người bạn xấu cũng vậy. Sư huân tập tiêm nhiễm phải nói rất là hệ trọng cho nên Tổ mới nói:

Hiệp tập ác giả, trưởng ác tri kiến, hiểu tịch tạo ác, tức mục giao báo, một hậu trầm luân. Nhất thất nhơn thân, vạn kiếp bất phục.
Gần gũi kẻ ác, thêm ác tri kiến, sớm tối tạo ác, trước mắt chịu quả báo, chết rồi phải trầm luân. Một phen mất đi thân người, muôn kiếp khó tìm lại được.

Giao du qua lại với kẻ ác, trước sau gì mình cũng bị tiêm nhiễm tăng trưởng sự hiểu biết tà kiến. Điều này ta thấy rất rõ sự giao tiếp trong xã hội. Nhất là những người sống chung qua lại thân thiết với nhau trong một tập thể thật khó tránh khỏi sự tác động ảnh hưởng. Gần với kẻ ác thì mình trở thành một người ác khi nào không hay biết. Lời

lục thân. Đây là những người trong thân bằng quyến thuộc của chúng ta. Thế rồi, khi xuất gia mình cũng phải xa lìa những người thân thuộc của mình. Chữ khí là bỏ, chữ ly là lìa. Nghĩa là phải lìa bỏ không còn vướng mắc trong tình nghĩa ái ân kiến chấp. Vì còn vướng mắc theo ái kiến thường tình, thì thử hỏi làm sao giải thoát cho được? Tóm lại, người xuất gia có ba điều nên nhớ.

Một, khi đã xuất gia rồi thì không còn được gần gũi cận kề để sớm hôm lo phụng dưỡng chăm sóc cho cha mẹ, trừ khi cha mẹ già yếu mà không có người trực tiếp chăm sóc, thì người xuất gia cũng phải lo chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ.

Hai, khi cha mẹ mất, người xuất gia không có để tang. Vì trước khi thế phát xuất gia, người con đã lạy cha mẹ ba lạy, coi như là đã đền trả công ơn sanh thành giáo dưỡng của cha mẹ rồi.

Ba, Người con trai xuất gia rồi thì không còn nghĩ tới việc nối dõi tông đường trong dòng họ nữa.

Chúng tôi còn nhớ một bài thơ của một ni cô nào đó đã viết gởi về cho cha mẹ rất là cảm động. Bài thơ chứa đựng đầy tình cảm yêu thương của một người con gái xuất gia khi phải lìa xa cha mẹ. Vì quá cảm xúc khi đọc bài thơ đó, nên tôi quyết học thuộc lòng, dù đã trải qua hơn sáu mươi năm rồi, nhưng tôi vẫn còn nhớ rất rõ. Bài thơ khá dài, tôi xin đọc cho quý vị nghe. Cảm động lắm!

Nay con tạm đôi lời thỏ thẻ
Chúc mẹ hiền sức khỏe kiện khang
Mẹ vui cho trẻ nhập tràng
Xuất gia giải thoát tìm đàng Tây phương
Lòng con trẻ nguyện nương cửa Phật

Xa cõi đời vật chất phù hoa
Không ham danh lợi cửa nhà
Lên đường giải thoát xuất gia tu hành
Nên con mới cam đành xa mẹ
Ơn sanh thành con trẻ nào quên
Ngày nay con muốn đáp đền
Ly gia cắt ái bước lên Đạo tràng
Con thương mẹ băng ngàn tầm đạo
Chịu nhọc nhằn kết tạo phước duyên
Con tu hồi hướng mẹ hiền
Cửu huyền thất tổ thoát miền thảnh thơi
Mẹ ơi! rồi cũng có tư riêng nhà cửa
Tạo gia đình chất chứa lòng tham
Đời con phải chịu khổ tâm
Bị dây xiềng xích muôn năm buộc ràng
Đâu có được theo làm nuôi mẹ
Xuất gia rồi con phải ra đi
Của tiền vật chất ích chi
Năm nhà cướp mất còn gì mà ham
Con khuyên mẹ đừng tham gia thất
Của tiền nhiều vật chất trói trăn
Lòng tham bỏ mất bổn ta căn
Ngày nay mới biết ăn năn trở về
Gởi thân Phật hầu kề ánh sáng
Quyết tu hành chẳng quản khó khăn
Dù cho cực khổ nhọc nhằn
Xả thân tầm đạo chẳng màng thị phi
Tay cắt tóc đoạn ly thế sự
Phủi nợ trần hai chữ tình duyên
Đem thân nương chốn cửa thiền
Đặng nhờ giới luật vững yên tu hành
Làm thân gái nữ sanh ngoại tộc
Đâu được gần bảo bọc như trai

(Tiếp theo bài học thứ chín)

Kính thưa đại chúng,

Hôm nay, chúng ta học tiếp thêm một đoạn nữa của bài thứ chín. Bài này nói về quyết tâm cầu đạo của người xuất gia. Thật ra đoạn nào cũng quan trọng cả. Bởi đoạn nào Tổ cũng răn nhắc người xuất gia chúng ta một cách rất nhiệt tình thống thiết. Tuy nhiên, mỗi một đoạn văn dù ngắn hay dài cũng đều có ý nghĩa nội hàm khác nhau. Nên nhớ bài và đoạn là do chúng tôi chia ra. Toàn luận không có chia ra như vậy. Bây giờ chúng ta tiếp tục đi vào bài học.

Chánh Văn:

Thân phụ thiện giả, như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y, thời thời hữu nhuận. Hiệp tập ác giả, trưởng ác tri kiến, hiểu tịch tạo ác, tức mục giao báo, một hậu tram luân, nhất that nhơn thân, vạn kiếp bất phục. Trung ngôn nghịch nhĩ, khởi bất minh tâm giả tai? Tiện năng tháo tâm dục đức, hối tích thao danh, uẩn tố tinh thần. Huyên hiêu chỉ tuyệt.

Dịch Nghĩa:

Gần gũi người lành như đi trong sương móc, tuy không thấy ướt áo, mà dần dần thấm nhuần. Gần gũi kẻ ác, them ác tri kiến, sớm tối tạo ác, trước mắt chịu quả báo, chết rồi phải tram luân. Một phen mất đi thân người, muôn kiếp khó tìm lại được. Lời thẳng trái tai, há chẳng ghi long đó sao? Có thế, mới hay rửa long nuôi đức, ẩn tích mai danh, chứa nhóm tinh thần xa lánh ồn náo.

mang, có phước cùng hưởng. Đó mới thực sự là người bạn chí thân chí cốt, chí tình. Ở thế gian này đốt đuốc đi tìm người bạn thâm giao như Bá Nha Tử Kỳ, quả thật không bao giờ có. Thạch Trung Anh đã từng nói: "Ở cõi đời này, chưa có ai thực sự là bạn của ta, mà tất cả chỉ là những người quen biết xã giao với ta mà thôi". Câu nói đó chứng tỏ rằng muốn có một người bạn chí tình chí cốt, sống chết có nhau, không phải là chuyện dễ tìm dễ kiếm. Bạn như Thạch Sanh thì hiếm thấy, chớ như Lý Thông thì nhiều như trấu. Tổ lại dạy thêm, tới đâu, ở đâu, điều trước tiên là phải chọn bạn mà chơi. Dĩ nhiên, không ai chọn cho mình một người bạn xấu ác bao giờ. Mà ai cũng chọn cho mình một người bạn lương thiện tốt đẹp cả. Bạn xấu, chỉ hại mình chớ không giúp được gì cho mình. Ngược lại, bạn tốt là người hay chỉ bảo hoặc trao đổi những điều hay lẽ phải. Họ giúp cho mình tăng trưởng thêm sự hiểu biết và nhiều kinh nghiệm tốt đẹp trong việc tu học. Những gì mình chưa nghe thì họ nói cho mình nghe. Cố nhiên là họ chỉ nói trong việc khai thông trí tuệ cho mình. Họ không bao giờ nói những việc thị phi hơn thua tranh chấp ở đời. Vì những việc này mình cũng không cần thiết phải nghe. Câu kết luận ở đoạn văn này, Tổ nói: *"Sanh ta ra là nhờ công ơn của cha mẹ, làm nên thân ta là nhờ công ơn của thầy bạn"*. Một lời dạy thật là chí tình chí lý. Nếu không có cha mẹ thì làm gì có mình? Thế thì công ơn của cha mẹ rất là lớn lao như trời cao bể cả không sao nói hết được. Cha mẹ chỉ ban cho ta một cái hình hài vóc huyễn này, nhưng ta được nên người phải nói phần lớn là nhờ vào công ơn dạy dỗ thức nhắc của thầy bạn. Cho nên ơn nghĩa của thầy bạn đối với chúng ta cũng khá lớn lao. Vì thầy bạn là những người nuôi lớn pháp thân huệ mạng của ta. Vì thế nên ta phải hết lòng kính trọng phụng hành. Dưới đây Tổ lại nói thêm về việc tác hại ảnh hưởng của bạn.

Cũng không nuôi dưỡng hằng ngày
Thôi thà xa cách ngày mai đáp đền
Thân sống thác như tên nháy mắt
Dứt hơi rồi một khắc ra ma
Không còn quyến thuộc mẹ cha
Nên con mới chịu cách xa mẫu từ
Nghĩ đến đó lòng như dao cắt
Nhìn mẹ cha quặn thắt tim gan
Nhớ hồi thai nghén mẹ mang
Nhớ khi sanh sản muôn ngàn đau thương
Chịu cay đắng nằm giường ô uế
Nếu chẳng may thân thể không còn
Hằng ngày cực khổ với con
Nhịn ăn mất ngủ lo còn trước sau
Con bệnh hoạn mẹ mau lo chạy
Tìm danh y nào ngại khổ công
Mẹ khó nhọc vẫn vui lòng
Mỗi ngày hai buổi mặn nồng nuôi con
Ơn cha mẹ như non cao cả
Gắng tu trì đền trả công lao
Đặng lo báo đáp về sau
Linh hồn cha mẹ được vào Tây phương
Lời thành thật em thường khuyên nhủ
Phận nam nhi bảo thủ mẹ già
Đó là anh chị ở nhà
Hiếu tâm gìn giữ mẹ cha kính nhường
Em lăn lóc vào nương cửa Phật
Nhờ ơn Thầy tiếp dắt con thơ
Độ con qua đến bến bờ
Lên thuyền Bát nhã kịp giờ học tu
(mọi người vỗ tay tán thưởng thật lớn)

Nghe qua, quý vị cảm thấy thế nào? Quá cảm động phải

không quý vị? Tôi thấy có vị không cầm được nước mắt. Bài thơ rất hay cho nên tôi không bao giờ quên. Nội dung bài thơ vừa chứa chan tràn đầy tình cảm của một người con gái khi từ giã cha mẹ anh chị em, cắt tóc đi tu, vừa nói lên cái tâm quyết, cái ý chí cao thượng của người xuất gia. Quý sư cô nào học thuộc lòng, tôi sẽ tặng cho một phần thưởng.

Đúng là:

Xuất gia xuất giá cũng đồng đi
Hai nẻo khác nhau mới lạ kỳ
Xuất giá theo chồng muộn khổ lụy
Xuất gia theo Phật hết sầu bi.

Kính thưa đại chúng,

Đến câu thứ hai gọi là:

"Bất năng an quốc trị bang, gia nghiệp đốn quyên kế tự".
Không thể an nước trị dân, nghiệp nhà nối dòng dứt bỏ.

Xin đại chúng chú ý câu: ***"Bất năng an quốc trị bang".*** *Bất năng* là không có thể, *an quốc trị bang* có nghĩa là an nước trị dân. Ý nghĩa của câu này, là Tổ muốn nhắc nhở người xuất gia chúng ta về mặt trị quốc an dân, mang tính cách chính trị, đều phải từ bỏ. Vì đã đi xuất gia rồi, ta không nên tham gia hoạt động chính trị. Việc này, chúng tôi sẽ nói rõ hơn ở phần sau. Trong nhà Phật có nói đến bốn ân nặng, thường gọi là Tứ trọng ân: Ơn cha mẹ, ơn quốc gia xã hội, ơn Thầy Tổ và ơn đàn na thí chủ, nói rộng ra là ơn tất cả chúng sinh. Như vậy đối với quốc gia xã hội đó cũng là một công ơn rất lớn đối với chúng ta. Ơn

kim trong bọc không thể giấu hoài được, có ngày cũng phải lòi ra đó thôi.

Viễn hành yếu giả lương bằng, sác sác (sổ sổ) thanh ư nhĩ mục. Trụ chỉ tất tu trạch bạn, thời thời văn ư vị văn. Cố vân, sanh ngã giả phụ mẫu, thành ngã giả băng hữu.
Đi xa cần nương bạn lành để thường gạn lọc tai mắt. Trú ở cần nên chọn bạn, thường được nghe điều chưa nghe. Nên nói: sanh ta ra là nhờ công ơn của cha mẹ, làm nên thân ta là nhờ công ơn thầy bạn.

Sống ở đời không ai là không có bạn. Tùy theo cá tánh giao du của mỗi người mà có nhiều bạn hay ít bạn. Bạn có hai hạng: bạn tốt và bạn xấu. Bạn tốt là bạn giao tiếp với ta một cách thẳng thắng thật thà chân tình. Khi ta gặp hoàn cảnh khó khăn thì bạn tận tình giúp đỡ. Bạn xấu là khi giao tiếp với ta họ không chân thiết thật tình. Họ có ý đồ tính toán lợi dụng. Khi ta gặp việc rắc rối hoạn nạn khó khăn, thì họ ngoãnh mặt làm ngơ, giả vờ không hề hay biết. Thật đúng với câu ca dao: "Khi vui thì vỗ tay vào, đến khi hoạn nạn thì nào có ai". Tổ dạy chúng ta khi rời xa thầy tổ thì phải nương bạn lành. Bạn lành là người bạn tốt thường hay thức nhắc giúp đỡ cho ta. Thường gạn lọc tai mắt có nghĩa là người bạn tốt hay chỉ bảo cho ta những gì mà ta chưa hiểu. Có đôi khi ta hay vội tin người một cách mù quáng mà ta không hề hay biết. Khi đó chính nhờ người bạn hiền lương tốt bụng thức nhắc ta, nên ta không bị sa vào hố sâu tội lỗi. Nhờ đó mà tai mắt của chúng ta trở nên trong sáng hơn. Cho nên việc giao du với bạn người xưa khuyên ta nên chọn bạn mà chơi. Không phải ai cũng là bạn của mình. Nếu là bạn thực sự thì phải sống chết có nhau. Buồn vui chia sẻ cho nhau. Có họa cùng

Lời nói ra như hoa thơm bay ngào ngạt
Lời nói ra gây tươi mát đến người nghe
Lời nói ra chân thật với bạn bè
Không sáo ngữ, không lập phe bằng những lời giả dối.

Nếu chúng ta cẩn trọng được lời nói của mình, thì chúng ta sẽ tránh được nhiều điều rắc rối phiền phức. Khi luận bàn về đạo lý thì chúng ta phải thật lòng trao đổi chia sẻ với nhau. Không nên có thái độ tranh cãi hơn thua với nhau. Phải noi theo gương mẫu của người xưa để có được những phát ngôn chuẩn mực. Người xưa nói ít mà làm nhiều. Ngược lại, bây giờ chúng ta nói nhiều mà làm ít, thậm chí cũng chẳng làm gì cả. Xã hội ngày nay người ta thi đua nhau nói dối. Kẻ nào khéo nói dối dựng chuyện đặt điều, chuyện có nói không, chuyện không nói có, đổi trắng thành đen, đổi đen thành trắng v.v... càng nói dối chừng nào người ta lại càng thích nghe nhiều chừng đó. Biết rằng đó là những lời nói dối xảo trá ngụy biện vậy mà họ vẫn thích nghe. Còn người nói thật thì họ không thèm đếm xỉa để ý tới. Đó là một hiện tượng thật quá đau lòng cho xã hội ngày nay! Có người vì đồng tiền mà họ bất chấp mọi thủ đoạn độc ác. Cũng vì đồng tiền mà họ không ngớt lời mắng nhiếc chửi bới thậm tệ với nhau mà không sợ mang khẩu nghiệp tội lỗi.

Đó là nói người đời ít nhiều đều có nói dối. Có người còn nói thời này mà không biết nói dối thì chỉ có nước ngồi gậm xương khô thôi, chớ chẳng có gì mà ăn. Ngược lại, người tu chúng ta nhất là người xuất gia thì phải có khác. Mình phải vượt trội hơn họ thì mới thực sự là người làm gương mẫu: "hình dung đỉnh đạc, ý chí cao nhàn". Có thế thì mới có thể cảm hóa người ta quay về với đạo lý giác ngộ. Dù có gian dối đến mức độ nào, cuối cùng thì kẻ nói dối lường gạt thiên hạ cũng lòi mặt nạ ra mà thôi. Bởi cây

trọng đại này, dù là người xuất gia hay tại gia tất cả chúng ta phải luôn hằng tâm ghi nhớ. Thời xưa, các vị quân thần phải trung quân ái quốc. Nghĩa là phải trung thành với vua, và phải hiếu với dân. Mỗi công dân đều phải có một tinh thần yêu nước. Cho nên có câu: "Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách". Nghĩa là khi nước nhà an bình hay loạn lạc, thì người dân phải có trách nhiệm bảo vệ và phát triển đất nước. Phải làm cho nước giàu dân mạnh. Đó là bổn phận trách vụ của tất cả người dân. Theo Nho giáo, quân thần bất sự nhị quân. Nghĩa là quân thần không thờ hai vua.

Khi trong nước có chiến tranh loạn lạc thì người thanh niên phải đi lính, tham gia vào trong quân đội để tùng quân dẹp giặc. Ngược lại, người xuất gia thì không có phò vua giúp nước, cũng không đi lính dẹp giặc và cũng không có tham gia hoạt động chính trị. Tuy nhiên, đó là không có trực tiếp, nhưng các vị xuất gia có gián tiếp không? Có gián tiếp làm lợi ích cho quốc gia dân tộc không? Gián tiếp bằng cách nào? Quý vị tìm ra cách gián tiếp làm sao? Tuy rằng người xuất gia không có trực tiếp làm chính trị như người đời, nhưng vẫn có làm chính sự. Chúng ta thử đọc lại lịch sử Phật giáo Việt Nam thì chúng ta sẽ thấy có nhiều vị Thiền Sư, tham gia vào chính sự. Chẳng hạn như đời nhà Đinh thì có Khuông Việt Thái Sư. Nhà Lý thì có Thiền Sư Vạn Hạnh, người đã từng đóng vai trò cố vấn chỉ đạo cho nhà Lý và đưa Lý Công Uẩn lên ngôi. Đó là mở đầu khai sáng triều đại nhà Lý, một triều đại huy hoàng kéo dài hơn hai trăm năm làm vẻ vang cho Phật giáo và dân tộc. Tuy phò vua giúp nước, nhưng tuyệt đối, các ngài không tham gia vào con đường chính trị. Khi nhà vua hay trong triều đình cần hỏi ý kiến, thì các ngài không ngần ngại sẽ đóng góp ý kiến nhằm để bảo vệ duy

trì và phát triển đất nước. Xong rồi, các ngài lui về thiền thất an trú chuyên tu, chứ các ngài không tham gia vào guồng máy chính trị, để có được chức vụ này hay bổng lộc kia. Chủ trương của các ngài, là người xuất gia phải đứng ngoài vòng thế sự và đứng trên các thể chế chính trị, chỉ đứng là đứng trong lòng dân tộc mà thôi. Đó mới thực sự đúng theo tinh thần lập trường của Phật giáo từ xưa tới nay. Chúng ta cần phải phân biệt cho rõ giữa "Chính trị" và "Chính sự", vì đây là hai lĩnh vực rất khác nhau. Đó là chúng tôi nói về thời xưa. Chẳng hạn như vua Văn Đế đời nhà Tống nói với ông "Hà Thượng Chi" rằng: "Nếu mà cõi nước của trẫm đây, toàn đem giáo lý của họ "Thích" giáo hóa dân gian, thời Trẫm đây ngồi mà hưởng cảnh thái bình vậy" (Sa Di Luật Giải, trang 433).

Lý do tại sao vậy? Bởi vì nếu như quý Tăng, Ni mà đi giảng đạo thuyết pháp khuyên tất cả những người dân gìn giữ ngũ giới và tu hành thập thiện làm mười điều lành, thì như vậy trong quốc gia đâu có chuyện gì xảy ra giặc giã, trộm cướp hay giết hại lẫn nhau. Thế thì, cả nước đều được song trong cảnh thái bình thịnh vượng.

Điều này, ta thấy rất rõ trong triều đại nhà Trần. Thái Thượng Hoàng Trần Nhân Tông, sau khi xuất gia, Ngài đã đi giảng dạy khuyên dân chúng tu hành thập thiện. Nhờ đó mà nước nhà chung hưởng cảnh thái bình hoan lạc. Thành thử ra, tuy mình không có trực tiếp làm chính trị, nhưng mình đi hoằng pháp hướng dẫn mọi người ăn chay, niệm Phật, giữ giới tu hành, làm lành lánh dữ, như thế không phải là mình gián tiếp đóng góp vào công việc làm cho ích nước lợi dân đó sao? Hiện tại, ta thấy chư Tăng, Ni cũng đang tích cực lăn xả làm những công việc từ thiện xã hội giúp cho đồng bào, cho dân chúng Phật tử, đặc biệt nhất là

sinh. Thế nên, chúng ta là người xuất gia tu theo đạo giác ngộ, cố nhiên là chúng ta phải nói lời chân thật. Nhất là khi giảng kinh thuyết pháp thì phải nói đúng theo lời Phật Tổ dạy trong kinh điển. Điều này ta phải hết sức cẩn thận. Quý vị còn nhớ câu chuyện ông già chồn trong thời của Tổ Bá Trượng không? Chỉ vì trả lời sai trái với nhân quả mà phải chịu đọa lạc năm trăm kiếp làm chồn. Có người hỏi: "Bậc đại tu hành có rơi vào nhân quả không?" Ông trả lời không. Chính vì câu trả lời này mà ông phải lãnh lấy một hậu quả tai hại như thế. Khi gặp Tổ Bá Trượng, ông trình bày duyên cớ đầu đuôi câu chuyện đó, thì Tổ bảo ông hãy lặp lại câu hỏi đó đi. Ông hỏi: "bậc đại tu hành có rơi vào nhân quả không?" Tổ trả lời là "không mê lầm (bất muội) nhân quả". Chỉ một câu trả lời đó mà cứu được hết kiếp làm chồn của ông. Ông yêu cầu Tổ nên hỏa táng ông như một lễ tang của một vị tăng. Tổ hứa và làm đúng theo lời yêu cầu của ông. Câu chuyện này, quý hynh đệ đều biết, nên tôi chỉ kể đại khái văn tắt thôi. Nhân nêu ra lời nói phải chân thật, tôi có làm bài thơ nói về lời nói như sau:

Lời nói ra phải là vàng là ngọc
Lời nói ra chớ nọc độc phun người
Lời nói ra phải lợi ích vui tươi
Phải thiết lập truyền thông trong tinh thần cởi mở
Lời nói ra như sen vàng tươi nở
Lời nói ra như phóng ngọc hào quang
Lời nói ra phải xuất phát tận tâm can
Cùng xây dựng trong tinh thần yêu thương đoàn kết
Lời nói ra không bao giờ thêu dệt
Lời nói ra thêm bạn chẳng thêm thù
Lời nói ra như trăng sáng giữa mùa thu
Như hoa nở giữa sương mù thanh thoát

trọng nhiều hơn. Vì người xuất gia ngoài việc tu học đúng theo lộ trình này ra, chúng ta còn phải có trách nhiệm hướng dẫn người Phật tử tại gia thực hiện theo đúng con đường "Tam vô lậu học" này. Nói cách khác người xuất gia ngoài việc tự lợi ra, còn phải có trách nhiệm lợi tha. Muốn thế, thì người xuất gia phải nỗ lực quyết tâm tìm hiểu học hỏi và thật hành nghiêm túc về ba môn học này. Có thế thì mới thực sự mang lại lợi ích cho mình và người. Đồng thời, cũng thật xứng đáng làm gương mẫu cho người sau noi theo. Đó là điều mà người xuất gia phải luôn để tâm xét nghĩ và nỗ lực thật hành thì mới có chút phần tương ưng vậy.

Xuất ngôn tu thiệp ư điển chương, đàm thuyết nãi bàng ư kê cổ. Hình nghi đỉnh đạc, ý chí cao nhàn.
Nói ra phải hợp với kinh điển, luận bàn phải noi theo gương mẫu người xưa, hình dung đỉnh đạc, ý chí cao nhàn.

Tục ngữ có câu: Nhứt ngôn ký xuất, tứ mã nan truy. Nghĩa là một lời thốt ra bốn con ngựa theo không kịp. Ngày xưa người ta chế tác một chiếc xe có bốn con ngựa kéo. Vì thế mới có câu nói đó. Câu nói này như ngầm nhắc chúng ta khi phát ngôn phải hết sức cẩn thận, không nên phát ngôn bừa bãi. Nhất là đối với người xuất gia người ta rất tin tưởng vào lời nói của mình. Vì thế, mà lời nói của mình phải là lời ái ngữ chân thật. Sở dĩ đức Phật có tướng lưỡi rộng dài như trong Kinh A Di Đà diễn tả, mỗi khi Phật le lưỡi ra là trùm khắp cả Tam thiên đại thiên thế giới. Ý nói, Phật đã trải qua nhiều đời, nhiều kiếp Ngài không bao giờ nói dối. Do đó, nên người ta gọi Ngài là đấng Chơn thiệt ngữ. Đó là một hình ảnh biểu trưng cho lời nói của đức Phật là lời nói chân thật và không bao giờ dối gạt chúng

trong những trận thiên tai bão lụt hay động đất đã gây ra nhiều thiệt hại sinh mạng con người và tài vật từ trước tới nay. Ngoài ra, chư Tăng Ni còn tích cực đóng góp qua nhiều phương diện giáo dục khác nữa. Như vậy, Tăng, Ni đâu phải là những người ăn không ngồi rồi, hay ngồi nhà mát ăn bát vàng, như có một số người ác ý chỉ trích. Đó là chúng tôi giảng sơ câu: ***"Bất năng an quốc trị bang***".

Bây giờ chúng ta tìm hiểu câu: ***Gia nghiệp đốn quyên kế tự.*** Nghĩa là, nghiệp nhà trọn không nối dõi. Gia nghiệp đây là chỉ cho nghiệp nhà. Chữ "đốn quyên" tức là dừng lại. Chữ Kế là tiếp nối, Chữ Tự là thừa tự tức nối dõi dòng họ. Người xuất gia bên nam thì không còn việc nối dõi tông đường được nữa. Điều này ai cũng đều biết lý do tại sao như thế. Bởi người xuất gia là phải đoạn dục khử ái. Văn hóa của người Trung Hoa họ rất coi trọng phái nam, khinh thường phái nữ. Gọi là nam trọng, nữ khinh. Vì thế, nên mới có câu: "Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô ". Chỉ cần sanh một người con trai là đủ, còn hơn sinh mười đứa con gái cũng như không. Vì sinh con trai là cốt để nối dõi tông đường, nếu mà đi tu thì tuyệt tự sao? Vậy cho nên đối với người xuất gia thì không có lập gia đình, không có nối dõi tông đường.

Đây chỉ nói những người đồng chơn xuất gia, ấu niên xuất gia, hay thanh niên xuất gia, chứ không có nói đến những người trung niên xuất gia. Vì trung niên, hay lão niên xuất gia, những người này họ có gia đình, sinh con đẻ cái rồi mới đi tu. Ở đây, chỉ nói đồng chơn xuất gia, ấu niên xuất gia, hoặc là thanh niên xuất gia thôi. Cố nhiên, những vị này thì không có nối dõi tông đường. Chúng ta phải phân biệt cho rõ ràng, không thì dễ hiểu lầm ngộ nhận là hễ người nào xuất gia thì cũng đều đốn quyên kế tự hết. Hiểu

như thế là không đúng. Có những người xuất gia, sáu thân quyết đã xa lìa rồi, vậy mà vẫn còn có người lại kết tình cha mẹ, chị em, anh em, xin con ở đâu về nuôi, thế thì bỏ cái này lại vướng mắc vào cái kia. Như thế thì thử hỏi làm sao giải thoát cho được? Cố nhiên, ít nhiều gì cũng bị ràng buộc trong hệ lụy tình cảm ái kiến. Điều này, đại chúng có thấy như vậy không? Và đại chúng nghĩ sao về vấn đề này? Có những thầy, những sư cô lại nhận nuôi các em mồ côi hoặc trong hoàn cảnh bất khả kháng nào đó, tập trung các em ở một nơi để chăm lo nuôi dưỡng. Việc làm này, đứng về mặt từ thiện xã hội thì rất quý tốt, nhưng đứng về mặt tu hành giải thoát xuất ly sinh tử, thì không tốt lắm. Bởi khi đã nuôi dưỡng chăm sóc các em mến tay mến chân, thì không làm sao tránh khỏi tình cảm thương mến? Thay vì thể hiện lòng từ bi nay lại trở thành tình thương ái kiến. Đó là bỏ đằng này lại nắm bắt đằng kia. Khi đã thương yêu trìu mến các em xem như con của mình, dù mình không có tác tạo ra chúng, nhưng đó cũng là một hệ lụy của tình cảm ái kiến không sao tránh khỏi. Xin đừng lầm lẫn tình thương giữa từ bi và ái kiến. Có thể ban đầu là vì lòng từ bi thâu nhận các em, nhưng dần dà nó sẽ trở thành tình thương ái kiến khi nào chính mình cũng không hề hay biết. Cho nên, những ai có tấm lòng từ bi muốn dang cánh tay ra ôm ấp cứu hộ các em, thì hãy cẩn thận coi chừng đừng biến lòng từ bi trở thành ái kiến thì rất là nguy hiểm! Bởi bản chất phàm phu của chúng ta phải thật tình mà nói còn nhiều lắm, chưa có thể tự tin tâm mình được đâu. Phật nói, khi nào chứng quả A la hán mới có thể tự tin tâm mình. Vì lúc đó **"Kiến, Tư"** hoặc phiền não không còn. Vì thế nên việc ái nhiễm thật khó tránh khỏi.

Phật dạy người xuất gia là phải đoạn dục khử ái, có thế thì mới thấu rõ nguồn tâm. Ngay từ ngữ "xuất gia" đã nói lên

Khi xuất gia mình đã tự hẹn với lòng là phải quyết tâm tu học và luôn trau dồi giới hạnh. Nghĩa là hạnh giải phải tương ưng, không thể nói một nơi rồi làm một ngã. Ngôn hạnh chống trái nhau thì làm sao có thể cảm hóa được người khác? Thế nên lời nói và việc làm phải đi đôi với nhau. Có như thế thì mới xứng đáng làm "rường cột" trong ngôi nhà Phật pháp. Quý vị có hiểu hai chữ rường cột không? Rường là cây xà ngang thường gọi là cây đòn dông để thả kèo. Cột thì có cột cái cột con. Một cái nhà muốn được bền bỉ vững chắc thì phải có kèo, cột và cây đòn dông. Đây là ba vật liệu chính yếu để có được một ngôi nhà. Vì những loại này nó có đủ sức để chống đỡ một ngôi nhà. Cũng thế, người xuất gia phải hội đủ những yếu tố phẩm hạnh tài đức vẹn toàn mới có thể làm rường cột cho ngôi nhà Phật pháp. Đây là Tổ nhắc nhở người xuất gia chúng ta phải hằng ghi nhớ bổn phận và trách nhiệm của mình. Bổn phận của mình là gì? Là phải nỗ lực chuyên cần trong việc tu hành để mong cầu được giác ngộ giải thoát. Đó mới chỉ là phần tự lợi thôi. Ngoài việc tự lợi ra, người xuất gia còn phải nghĩ đến công hạnh lợi tha. Tự lợi và lợi tha hay tự giác và giác tha, đó chính là bổn phận trách nhiệm lớn lao của người xuất gia. Nếu mình không làm được như vậy, thì việc xuất gia của mình sẽ trở thành vô nghĩa. Vì thế mà Phật, Tổ thường khuyến nhắc chúng ta phải nỗ lực tinh cần trong việc tu học. Phải hằng tâm niệm và thật hành ba môn học quan trọng đó là **"Giới, Định, Huệ"** hay **"Niệm, Định, Tuệ".** Vì ba môn học này nó có công năng đưa hành giả thẳng tiến trên con đường giác ngộ giải thoát. Do đó, nên bất cứ người học Phật nào cũng phải đi qua lộ trình thiết yếu này. Con đường này không luận là người xuất gia hay tại gia, tất cả đều phải hết lòng để tâm nghiên cứu học hỏi và thực nghiệm. Tuy nhiên, đối với người xuất gia vấn đề này phải được chú

Đúng là Ngài ra đi vì lý tưởng cao đẹp nhằm mang lại lợi lạc hạnh phúc cho tất cả chúng sinh. Noi theo tấm gương của Ngài có biết bao người từ giã gia đình quyến thuộc, cũng chỉ vì lý tưởng cao đẹp giác ngộ và giải thoát. Xuất gia học đạo quyết tìm ra chân lý nhằm mang lại lợi ích cho mình và cho tất cả chúng sinh. Đó là một lý tưởng cao đẹp quá tuyệt vời. Không phải xuất gia để tìm nơi an nhàn lẫn trốn cho khỏe tấm thân, ai khổ mặc ai. Người nào có tâm niệm xuất gia như thế, thì coi như là phản bội lại cái chí nguyện sơ tâm xuất gia của mình. Có người dần dà theo thời gian mà quên mất đi cái bổn phận của mình. Do vậy, nên ở đây, Tổ mới nhắc nhở chúng ta phải nhớ lại cái vai trò trách nhiệm bổn phận của mình. Ta nên nhớ, người xuất gia là đầu tàu của lịch sử, là trưởng nam, trưởng nữ của lịch sử truyền thừa, là chúng trung tôn của đấng Điều Ngự. Vì thế nên sớm tối phải tư duy và thường phải tự hỏi lại chính mình. Tại sao mình đi tu? Và đi tu để làm gì? Mục đích ban đầu của mình ra sao? Phải trả lời cho được những câu hỏi này một cách dứt khoát rõ ràng, thì đó là chúng ta mới có ý thức vươn lên trên con đường tu tập để được giác ngộ giải thoát. Phải trân quý thời gian đừng để thời giờ trôi qua một cách vô ích. Phải tinh tấn quyết tâm đạt cho kỳ được cái mục đích nhắm tới tối hậu của mình là: **"Giác ngộ và giải thoát".**

Tâm kỳ Phật pháp đống lương, dụng tác hậu lai quy cảnh. Thường dĩ như thử, vị năng thiểu phần tương ưng.

Lòng tự hẹn làm rường cột cho Phật pháp, gương mẫu cho đời sau.

Thường xét nghĩ như thế mà còn chưa có thể được chút phần tương ưng.

cái ý nghĩa giải thoát tất cả mọi sự ràng buộc rồi. Thật sự mà nói, việc làm từ thiện xã hội, tuy đó là một công hạnh của Bồ tát, nhưng theo tôi, thì đối với người xuất gia chúng ta không mấy thích hợp lắm. Nhất là những việc làm có liên hệ đến tiền bạc vật chất, thật khó tránh khỏi tai tiếng thị phi của người đời. Vì đây là vấn đề rất nhạy cảm. Dù mình có trong sạch đến đâu cũng khó tránh khỏi việc nghi kỵ của người khác. Mình có thể nói, miễn mình trong sạch thì thôi, còn ai nghĩ sao tội họ chịu. Xin thưa, không khéo thì coi chừng chúng ta mang tội phá kiến. Vì mình mà gây ra sự hiểu sai lầm của họ. Ở đây, mình chỉ muốn xoáy sâu vào cái ý nghĩa xuất gia mà thôi. Mà người xuất gia thì cần phải xa lìa phiền não. Muốn tránh những phiền phức, theo tôi, tốt nhất vấn đề này hãy để cho người cư sĩ họ làm, còn người xuất gia chúng ta chỉ có thể đóng vai trò cố vấn gián tiếp mà thôi. Chúng ta nên tránh những gì có liên quan đến tiền tài danh vọng, vì những thứ này là miếng mồi ngon béo bở của người đời. Vì thế nên họ hay quan tâm để ý theo dõi dòm ngó chúng ta lắm. Thôi thì, tránh nhân thì không có quả. Thật tình mà nói việc làm này không mấy phù hợp với người xuất gia. Đây chỉ là theo thiển nghĩ nhận xét của riêng cá nhân tôi thôi. Dĩ nhiên, mỗi người sẽ có những ý nghĩ và quan niệm nhận xét khác nhau. Ai cũng có quyền quan niệm nhận xét theo lối suy tư của mình. Ở đây, không đặt vấn đề đúng hay sai, nên làm hay không nên làm, mà chỉ là góp chút thành ý đó thôi. Mong quý vị suy xét mà thông cảm cho.

Bây giờ, chúng ta sẽ tìm hiểu câu: ***"Miến ly hương đảng, thế phát bẩm sư".*** Chữ "miến ly" miến là xa, ly là lìa, hương đảng là làng xóm hay xóm làng cũng vậy. Xa lìa làng xóm hay là xa lìa thế tục, ý nói là xa lìa những bạn bè

thân thích, những cảnh cũ kỷ niệm xa xưa ở nơi làng xã quê quán của mình. Thế phát tức là cạo tóc, bẩm là vâng, sư là thầy, bẩm sư là vâng theo lời Thầy. Chúng tôi có giải thích từ ngữ bẩm sư là vâng theo lời Thầy. Chữ bẩm là vâng mệnh, kẻ dưới thưa việc gì với người trên xưng là bẩm. Phật nói rằng cạo tóc là cạo bỏ cái hình nghi của thế tục, là dẹp bỏ sự trang sức trau chuốt của người đời. Trong nhà Phật nói râu tóc và móng tay để dài ấy là cái tướng ông ác Tỳ kheo phá giới. Vì vậy trong luật không cho để móng tay dài tới một hạt lúa. Cái thứ hai là tóc không để dài, râu tóc móng tay để dài là cái tướng ông ác Tỳ kheo, chứ không phải là ông thiện Tỳ kheo. Có những câu thơ mà chúng tôi viết như thế này:

Nay con cạo tóc theo Thầy
Trau dồi đức hạnh thân này xá chi
Theo Thầy học đạo Từ bi
Những lời Thầy dạy con ghi vào lòng
Ơn Thầy cao cả núi sông
Con nguyền tu học để mong đáp đền.

Người ta thường nói: "Cái răng cái tóc, là gốc con người". Thế mà, quý Sư cô dám cạo bỏ mái tóc, kể ra cũng đã can đảm gan dạ lắm rồi.

Tôi còn nhớ một bài thơ của một thi nhân nào đó đã viết:

Cạo đầu tuy xấu chút mà hay
Ra gió không lo tóc phủ mày
Dầu lược không màng vò chẳng rối
Bụi gàu có dính phủi liền bay
Mén con còn chỗ đâu đeo cặp
Chí đực bắt mắn khỏi mượn ai

Qua bốn điều kiện mà Thái tử đưa ra, không điều kiện nào mà vua Tịnh Phạn có thể giải quyết và làm cho Thái tử thỏa mãn được cả. Tuy vậy, nhưng vua cha cũng quyết định tìm đủ mọi phương cách để ngăn cản chí xuất trần mãnh liệt của Thái tử. Thế rồi, cuối cùng Thái tử cũng vượt thành xuất gia. Nửa đêm Thái tử trốn vua cha ra đi cùng với tên giữ ngựa là Sa Nặc (Channa). Hai thầy trò một người một ngựa từ giã kinh thành đến dòng sông Anoma thì dừng lại. Theo sách xưa cho rằng, sông Anoma nằm cách thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ) khoảng 36 dặm (58km) về hướng tây nam thuộc làng Anupiya, xứ Malla. Chính nơi đây, Thái tử rút gươm cắt tóc và phát nguyện: *"Tôi cắt bỏ mớ tóc này để phát nguyện đoạn hết phiền não và tập chướng"*. Xong rồi, Thái tử giao chiếc áo cẩm bào cho Channa và nói rằng: "ngươi hãy về tâu lại với phụ vương ta, xin mọi người hãy gắng chờ đợi sự chia ly này cho đến ngày ta đắc đạo". Sa nặc cầm chiếc áo cẩm bào với đôi tay run rẩy và với giọng nói ngập ngừng: "Kính mong Thái tử hãy bảo trọng, tôi sẽ về tâu lại với nhà vua". Thế là, Sa nặc rơi nước mắt từ giã quay trở về. Bấy giờ, Thái tử một mình đi hút vào trong núi rừng sâu thẳm...

Để diễn tả sự ra đi này, người ta có sáng tác một bản nhạc để ca ngợi cung kính tôn vinh Thái tử. Tôi không nhớ rõ hết bài hát, tôi chỉ còn nhớ loáng thoáng một vài câu như sau:

" Ngài ra đi, vì chúng sinh
Ra đi từ ly vợ hiền con yêu dấu
Ra đi biệt cách ngai vàng cùng bóng cha.
Ngài ra đi một đêm thâu
Ra đi nguyện đem cho đời bao vui sướng
Ra đi giải thoát luân hồi cho chúng sinh.
Ngài ra đi trong ánh đau muôn người triền miên
Nhịp cầu giang, Ngài ra đi theo ánh đạo mầu..."

chưa được chút phần tương ưng. Nói ra phải hợp với kinh điển, luận bàn phải noi theo gương mẫu người xưa, hình dung đỉnh đạt, ý chí cao nhàn.

Đi xa cần nương bạn lành để thường gạn lọc tai mắt. Trú ở cần nên chọn bạn, thường được nghe điều chưa nghe. Nên nói: sanh ta là cha mẹ, tác thành nên ta là bạn bè.

Giảng Giải:

Từ thân quyết chí phi tri, ý dục đẳng siêu hà sở. Hiểu tịch tư thôn, khởi khả thiên diên quá thời.
Từ giã thân quyến, quyết chí mặc áo nhuộm là ý muốn vượt đến chỗ nào? Sớm tối lo nghĩ, đâu thể dần dà để thời giờ qua mất.

Câu này là Tổ nhắc lại bổn phận của người xuất gia chúng ta. Nhắc lại cái sơ tâm mong muốn được xuất gia của mình. Cái sơ tâm ban đầu của chúng ta phải nói rất là mạnh mẽ. Chúng ta quyết tâm từ bỏ ông bà cha mẹ thân bằng quyến thuộc kể cả bạn bè thân thiết. Chí nguyện của chúng ta không ai có thể ngăn cản được. Có người khi phát tâm xuất gia xin đôi ba lần với cha mẹ mà cha mẹ khư khư nhất quyết không cho, nên họ cương quyết phải bỏ nhà trốn đi. Họ lý luận rằng, xưa kia Thái tử Tất Đạt Đa, xin vua cha đôi lần mà vua cha cũng vẫn không cho. Bắt buộc Ngài phải đưa ra bốn điều kiện, nếu vua cha giải quyết được bốn điều kiện này, thì Thái tử sẽ ở lại trong cung nối tiếp vua cha trị vì thiên hạ. Bốn điều kiện đó là:

Làm sao cho con trẻ mãi không già.
Làm sao cho con mạnh hoài không đau.
Làm sao cho con sống hoài không chết.
Làm sao cho mọi người hết khổ được vui.

Mỗi tháng khỏi lo tiền đóng góp
Muốn tu giải thoát ở ngày mai

Đó là câu cắt tóc thế phát bẩm sư. Sau khi xuất gia mình phải nương theo Thầy để học hỏi. Trong Luật có nói thời gian 5 năm đầu không được xa Thầy. Những gì Thầy dạy mình phải ghi nhớ để cố gắng thật hành. Có câu nói: "Cung kính bất như phụng mạng". Cung kính không bằng vâng lời. Mình có vâng lời làm theo thì mới có lợi ích.

Bây giờ, chúng ta sẽ tìm hiểu câu kế tiếp: "***Nội cần khắc niệm chi công, ngoại hoằng bất tranh chi đức.*** "Chữ nội là trong, chữ cần là siêng năng, chữ khắc là ghi đậm, niệm là nhớ, công là công phu. Tức là ở bên trong nội tâm của mình phải thường nhớ nghĩ công phu. Nhớ nghĩ công phu là gì? Tức câu này muốn nói về cái niệm huệ, nhớ nghĩ công phu là mình phải nhớ cái pháp môn mình tu ở bên trong. Ta nên nhớ, cái chủ yếu quan trọng của đạo Phật là hướng nội, hướng về bên trong. Cho nên Đức Phật ngày xưa ngồi dưới gốc cây bồ đề bao nhiêu ngày? 49 ngày tư duy quán sát, nhìn lại trong tâm của mình. Đạo Phật là đạo nội quan chứ không phải ngoại quan. Không phải nhìn ra ngoài, luôn luôn là phải nhìn lại mình. Ngày xưa, khi vua Trần Nhân Tông chưa xuất gia, có lần Ngài hỏi Tuệ Trung Thượng Sĩ, thế nào là yếu chỉ của người tu thiền? Tuệ Trung trả lời: "***Phản quan tự kỷ bổn phận sự, bất tùng tha đắc".*** Ngài trả lời một cách thẳng thừng khẳng quyết rất rõ ràng về yếu chỉ của người tu thiền hay không phải tu thiền cũng đều phải như thế, không thể làm khác được. Cốt yếu của người tu nói chung, là phải quán chiếu lại nội tâm mình. Không nên tìm cầu ở bên ngoài. Đó là phận sự gốc của người tu. Nghe câu nói này mà nhà vua liền lãnh hội yếu chỉ.

Đại đa số người tu thời nay, là hay nhìn ra ngoài, ít có ai chịu nhìn lại chính mình. Nhìn ra ngoài chỉ thấy lỗi người ta không, cho nên Đức Lục Tổ Huệ Năng nói rằng: *"Bằng thật người tu đạo thì không thấy lỗi thế gian, mình thấy lỗi người khác thì lỗi mình đã đến bên rồi"*. Vì vậy cho nên người nào cứ hay bươi móc tìm lỗi bên ngoài của người ta, thì quyết chắc người đó không có tu hành gì cả. Tu là phải nhìn kỹ lại tâm mình, mới thấy tâm mình còn quá nhiều: **"tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ kiến".** Đó là những món căn bản phiền não mà mình cần phải nỗ lực dẹp trừ. Ngoài ra, còn có 20 món tùy phiền não như: **"phẩn, hận, phú, não, tật, xan, cuống, siễm, hại, kiêu, vô tàm, vô quý, trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, thất niệm, phóng dật, tán loạn, bất chánh tri".** Ngoài những thứ này ra, trong tâm mình còn có những trạng thái tâm lý gọi là thất tình lục dục. Thất tình là **"mừng, giận, thương, sợ, buồn, ghét, muốn".** Còn lục dục: "**sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp".** Có nhìn lại, mình mới nhận diện và chuyển hóa những lũ phiền não tiêu cực này. Còn nhìn ra ngoài cứ thấy lỗi người khác rồi phê bình, chỉ trích nói xấu, thế thì chỉ mang thêm khẩu nghiệp tội lỗi mà thôi! Người như thế, thật sự chẳng có tu hành gì cả. Nội cần là phải siêng năng nhìn lại bên trong, để hằng ghi nhớ pháp môn mình đang tu. Như người niệm Phật phải chuyên hành trì niệm Phật. Người tu thiền phải thấy rõ những vọng niệm dấy khởi. Khi chuyên cần hành trì như thế, thì đâu có thấy lỗi ai. Thưa có phải vậy không? Sở dĩ mình còn thấy lỗi bên ngoài là vì mình thiếu nội cần, tức không có quán chiếu lại nội tâm mình. Nếu mình hằng quán chiếu lại tâm mình, thì có phải mình hạnh phúc lắm không? Cho nên tu là phải buông xả đừng dính kẹt vào các tướng. Phải hằng thực tập cái nhìn Vô tướng. Vô tướng là không dính kẹt vào hữu tướng. Còn

IX. QUYẾT TÂM CẦU ĐẠO CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Hôm nay, chúng ta bước sang qua bài thứ chín. Đề mục của bài thứ chín này, chúng ta thấy khá quan trọng đối với người xuất gia của chúng ta. Bản nguyện của người xuất gia là mong cầu được giác ngộ giải thoát. Muốn thế, thì chúng ta cần phải có sự quyết tâm dõng mãnh, một ý chí xung thiên, thì mới mong đạt được kết quả tốt đẹp như ý muốn. Như thường lệ, bây giờ chúng ta đi vào bài học.

Chánh Văn:

Từ thân quyết chí phi truy, ý dục đẳng siêu hà sở. Hiểu tịch tư thổn, khởi khả thiên diên quá thời. Tâm kỳ Phật pháp đống lương, dụng tác hậu lai quy cảnh. Thường dĩ như thử, vị năng thiểu phần tương ưng. Xuất ngôn tu thiệp ư điển chương, đàm thuyết nãi bàng ư kê cổ. Hình nghi đỉnh đạc. ý chí cao nhàn.

Viễn hành yếu giả lương bằng, sác sác (sổ sổ) thanh ư nhĩ mục. Trụ chỉ tất tu trạch bạn, thời thời văn ư vị văn. Cố vân: "sanh ngã giả phụ mẫu, thành ngã giả bằng hữu".

Dịch Nghĩa:

Từ giã thân quyến, quyết chí mặc áo nhuộm là ý muốn vượt đến chỗ nào? Sớm tối lo nghĩ, đâu thể dần dà để thời giờ qua mất. Lòng tự hẹn làm rường cột cho Phật pháp, gương mẫu cho đời sau. Thường xét nghĩ như thế mà còn

Khởi khả nhất sanh không quá, ức diệc lai nghiệp vô ti".
Chẳng những đời nay luống qua, đời sau cũng sẽ vô ích.

Đời này chúng ta cứ để thời gian luống trôi qua, cố nhiên kết quả đời sau cũng vô ích. Như chúng ta đã biết, yếu tố hiện tại là quyết định cho tương lai. Chất liệu hiện tại không có, đừng hòng có một tương lai sáng lạn tốt đẹp. Vì vậy, chất liệu hiện tại rất quan trọng. Một em học sinh muốn có văn bằng học vị tiến sĩ ở tương lai, mà hiện tại em cứ một bề lêu lổng rong chơi với bè bạn không lo học hành, thử hỏi bằng tiến sĩ có với em không? Muốn xây một căn nhà lầu khang trang rộng lớn, mà hiện tại trong tay không có gì hết, thế thì căn nhà đó có hay không? Hay chỉ có trong ảo tưởng, ảo giác mà thôi. Làm gì có thật được, khi mà trong tay không có tiền bạc và mọi thứ khác. Cũng vậy, hiện đời này việc tu học của mình lôi thôi chẳng có ra hồn gì, thì đời sau của mình thử hỏi có được tươi sáng lợi ích gì không? Cho nên nhân tố trong hiện tại thật tối ư quan trọng. Tương lai cũng như quá khứ đều nằm trong giây phút hiện tại. Vì trong hiện tại đã có quá khứ và tương lai rồi. Khi ta gieo hạt cam xuống đất, ta thấy cây cam và trái cam đã có trong hạt cam rồi. Chỉ cần những trợ duyên thuận lợi tốt thì hạt cam sẽ nẩy mầm và tươi tốt. Hạt cam là chánh nhân, nó còn đòi hỏi phải có những thứ khác giúp cho nó như: người chăm sóc, đất, nước, phân, ánh sáng mặt trời, không khí v.v... Một khi đã hội tụ đầy đủ những điều kiện như thế trong hiện tại, thì tương lai ta sẽ có những quả cam ngon ngọt để thưởng thức. Điều này là một sự thật không còn phải nghi ngờ gì nữa cả. Cũng vậy, nếu như trong hiện tại chúng ta nỗ lực bền bỉ tu học tốt, thì bảo đảm tương lai của chúng ta sẽ kết quả rất tốt đẹp. Vì nhân với quả tương xứng với nhau vậy.

dính kẹt vào hữu tướng là còn phát sinh phiền não. Nói rõ hơn là không dính kẹt vào những chuyện thị phi và cũng không dính kẹt vào những việc cầu khẩn van xin ông này bà nọ. Nghĩa là không có mê tín dị đoan tin tưởng vào những thứ huyễn hoặc hoang đường không có lý lẽ.

Quý vị có còn nhớ bài hát "Buông Xả" không? Đâu quý vị nào nhớ hát cho đại chúng nghe. Bài hát này tôi viết cho Đạo tràng Quang Minh ca trong những buổi sinh hoạt. Không ai ca để tôi ca cho quý vị nghe:

Buông xả tâm an vui
Buông xả miệng mỉm cười
Buông xả lòng tươi mát
Buông xả thấm tình người

Buông xả có gì hơn
Buông xả hết giận hờn
Buông xả niềm an thoát
Buông xả trở về nguồn.

Thật vậy, có buông xả thì ta mới trở về nguồn tâm của ta. Còn dính kẹt vào hữu tướng thì làm sao trở về nguồn tâm được? Trong kinh thường nói bố thí Ba la mật. Thế nào là bố thí Ba la mật? Đâu ai giải thích thử xem. Giải thích cho đại chúng nghe. Bố thí Ba la mật không còn nằm trong phạm trù bố thí theo nghĩa thông thường nữa. Như tài thí, pháp thí và vô úy thí. Mà bố thí Ba la mật là đến chỗ hoàn hảo rốt ráo. Nghĩa là buông xả hoàn toàn. Buông xả hoàn toàn là sao? Nghĩa là buông xả hai đầu, không dính kẹt vào đối đãi. Tức không dính mắc vào hai đầu. Đó là nghĩa sâu của hai chữ bố thí. Ta còn nhớ, khi Thượng tọa Minh đuổi theo kịp Lục Tổ Huệ Năng, với mục đích là để lấy y

bát lại. Nhưng lúc đó Huệ Minh dỡ y bát không lên, thấy có gì nhiệm mầu quá, nên mới gọi Lục Tổ. Lúc đó, Lục Tổ chưa xuất gia, nên ông gọi nhân giả, nhân giả. Lục Tổ nghe gọi liền xuất hiện và hỏi ông đến đây để cầu cái gì? Ông nói chỉ cầu pháp không cầu y bát. Tổ nói, nếu vậy thì ông hãy bình tâm trong giây lát, tôi sẽ vì ông mà nói. Bấy giờ, Tổ liền dõng dạc nói: "Đừng nghĩ thiện, đừng nghĩ ác, chính ngay giây phút đó cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh? Ngay câu nói này ông liền tỏ ngộ.... Rõ ràng câu nói của Lục Tổ là phải buông bỏ hai bên, chính ngay cái chỗ không khởi niệm nghĩ hai bên, đó là Bản lai diện mục của chúng ta. Thượng tọa Minh ngộ là ngộ cái chỗ không thấy hai bên. Chỗ đó bên thiền tông gọi là kiến tánh. Vậy quý vị có ai kiến tánh chưa? Đại chúng cười, vì chưa ai kiến tánh cả. Như vậy, câu: "Nội cần khắc niệm chi công", ta phải hằng khắc sâu trong tâm khảm. Phải cố gắng hành trì bằng cách hằng quán chiếu lại nội tâm mình. Phải hành thâm Bát nhã ba la mật đa, mới soi thấy năm uẩn đều không. Có thấy được tánh "KHÔNG" của vạn pháp, thì ta mới vượt qua tất cả mọi khổ nạn. Bằng không, thì ta mãi mãi đắm chìm trong biển đời đầy đau khổ hệ lụy. Đó là chúng ta tìm hiểu sơ qua câu: ***"Nội cần khắc niệm chi công".*** Về điểm này, tôi cần nói thêm: Ngày xưa, vua Trần Thái Tông là một ông vua đầu nhà Trần, tức Trần Cảnh, khi ông còn tại vị, chung quanh ông có biết bao nhiêu là cung phi mỹ nữ, toàn là những mỹ nhân sắc nước hương trời nhan sắc đẹp tuyệt trần, ấy thế mà, ông nói:

"Đầu da sọ trâm cài lược giắt
Túi da hôi ướp xạ xông hương
Cắt lụa là che đậy máu tanh
Giồi son phấn át thùng phân thúi"

tuổi già sức yếu, nên trong chúng thương kính không muốn cho Ngài phải lao lực. Một hôm, chúng tăng đem cất giấu hết những dụng cụ lao tác, Tổ kiếm không được nên suốt ngày hôm đó Tổ nhịn đói không ăn gì cả. Thấy vậy, chúng tăng hoảng sợ mới đến lễ bái thưa thật với Ngài để thành tâm sám hối. Từ đó mới có câu châm ngôn: "*Một ngày không làm, một ngày không ăn*". Câu nói này đã được truyền tụng trong các thiền môn của Phật giáo Bắc tông, từ thời của Tổ cho đến nay và có thể mãi mãi về sau. Chúng ta nên lấy đó làm một tấm gương. Trong chúng có người tới giờ chấp tác, họ thường hay lánh nặng tìm nhẹ. Có người thì kiếm chuyện né tránh không chịu đi làm với đại chúng. Đó là một tệ hại bất hòa mà ta cần phải tránh.

Hằng ngày chúng ta đã thọ dụng quá nhiều của Đàn na thí chủ, cũng như thọ ân của tất cả muôn loài chúng sinh, nên ta phải hết lòng cố công tu hành tài bồi phước huệ mà còn chưa đáp trả hết công ơn, nói chi là ngồi sửng khoanh tay không làm gì hết ư?! Như thế, thì nợ đó ai mang? Và ai sẽ phải trả? Cố nhiên là chúng ta phải mang và chúng ta phải trả. Nhưng trả với hình thức nào? Có phải mang lông đội sừng hay không? Hay là phải làm kẻ tôi tớ lao lực ngày đêm để đền trả nợ trước. Đó là những điều mà bắt buộc chúng ta là những người thọ ân phải suy gẫm. Suy gẫm nghiền ngẫm thật kỹ để chúng ta nỗ lực gia công tu hành và làm những điều phước thiện cho xứng đáng những gì mà chúng ta đã thọ nhận. Nếu không, thì một khi đã mất thân người này, không biết chúng ta có còn được cái thân tốt đẹp và nhân duyên tu học thù thắng như ngày hôm nay nữa không?! Đó là điều mà Tổ nhắc nhở chúng ta, mỗi người hãy tự tư duy thẩm xét.

cũng có thể biết được cái nhân quá khứ. Biết vậy, chúng ta nên cố gắng tu hành hạnh nhẫn nhục để hiện tại và tương lai đều được tướng hảo quang minh tốt đẹp.

Ta thấy không riêng gì người bình thường yêu thích tướng hảo sáng láng của người khác, mà ngay cả ngài A Nan khi nhìn thấy tướng hảo của Phật Ngài cũng khởi tâm yêu thích và xin theo Phật xuất gia. Điều này trong Kinh Lăng Nghiêm đã nói rất rõ. Nhân đó mà Phật mới chỉ rõ cái thấy sai lầm để cho ngài A Nan thức tỉnh. Rõ ràng ai cũng vậy, hễ thấy người nào có tướng hảo đẹp đẽ dễ coi thì sanh tâm cảm mến ngay. Nếu nói theo đời thì phái nam hay phái nữ cũng đều như vậy. Bởi ai cũng thích ngắm nhìn cái nét đẹp của người khác. Huống gì người tu có được tướng hảo quang minh, cố nhiên là ai cũng thích ngắm nhìn. Và chính cái phước tướng đó cũng dễ dàng cảm hóa người khác.

Tiện nghĩ đoan nhiên củng thủ, bất quí thốn âm. Sự nghiệp bất cần, công quả vô nhân khắc tựu.
Lại chỉ biết ngồi sửng khoanh tay, chẳng tiếc thì giờ. Đạo nghiệp không nỗ lực chuyên cần thì công quả do đâu thành tựu?

Nói ngồi sửng khoanh tay là sao? Nghĩa là chỉ biết ngồi đó ngu ngơ lơ láo không quan tâm luyến tiếc thời gian. Người xưa rất quý trọng thời giờ, họ tiếc từng tấc bóng. Một đời tu hành, đạo nghiệp chưa thông, làm sao có thể ngồi không thụ hưởng cho qua ngày đoạn tháng? Có biết bao vị Tổ Sư, các ngài dành hết thời giờ cho việc tu tập. Các ngài không dám lơ là để thời gian trôi qua một cách vô ích! Ngài Hiếp Tôn Giả suốt đời lưng không dính chiếu. Tổ Bá Trượng thì chủ trương "Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực". Nghĩa là một ngày không làm, một ngày không ăn. Vì thấy Tổ

Ông vua mà còn nói được như vậy, thì quả thật không phải là ông vua tầm thường. Ai cũng biết, vua Trần Thái Tông là người đã chứng đạt lý thiền, có thể nói ông là một vị Thiền Sư cư sĩ.

Là một ông vua sống trong ngai vàng điện ngọc, có biết bao cung phi mỹ nữ hầu hạ, thế mà ông nói được như vậy, thì thật là đáng kính phục. Thời xưa, gọi là trâm cài lược giắt. Ta còn nhớ, khi Thuý Kiều bước sang qua nhà trọ của Kim Trọng bị rớt cây trâm cài. Cô gái xưa hay trang điểm bằng trâm cài lược giắt. Người thường thấy vậy cho là đẹp, nhưng đối với con mắt của vua Trần Thái Tông, thì ông không nhìn vào mái tóc đẹp, mà ông nhìn thấu suốt vào cái da sọ đầu. Dĩ nhiên, trong đó chỉ là một bộ não bầy nhầy chứ có đẹp gì đâu! Đến thân của người phụ nữ, thì ông thấy đó chỉ là cái túi da hôi: "*Túi da hôi ướp xạ xông hương"*. Rồi đến đồ trang sức bề ngoài quần này áo nọ, ông nói: *"Cắt lụa là che đậy máu tanh"*. Nhìn bên ngoài chỉ bao bọc một lớp da, nhưng trong đó chỉ là máu mủ tanh hôi. *"Dồi son phấn át thùng phân thúi"*. Câu này đối với phái nữ ở ngoài đời nghe làm sao chịu nổi?! Đó là ông nói lên tất cả sự thật. Một sự thật đã được phơi bày lột trần qua tuệ nhãn của một con người đạt đạo. Quả thật, không gì có thể che giấu dưới tuệ nhãn của ông. Đức Phật cũng nói thân này là: "cách nang xú uế". Nghĩa là cái túi da đựng toàn đồ nhơ uế. Đồ dơ uế là gì? Là 9 cái ống cống ngày đêm đều tuôn chảy ra những chất hôi tanh dơ dáy bất tịnh. Quý vị có biết 9 cái ống cống không? Ai cũng có 9 cái ống cống này hết. Chín cái ống cống gồm có: hai lỗ mũi, hai lỗ tai, hai lỗ ghèn, tiền môn, hậu môn, lỗ miệng. Chín cái ống cống này tuy nó không sạch, nhưng thiếu chúng nó thì cũng không được. Chỉ có hai lỗ ghèn, có hay không có cũng không sao. Còn lại 7 cái lỗ kia không thể

thiếu lỗ nào được cả. Đến như trong thân thì toàn là những chất máu mủ hôi tanh. Những bộ phận trong con người mình không có thứ nào sạch cả. Đại chúng có còn nhớ Tứ Niệm Xứ Quán không? Trong Tứ Niệm Xứ, có một pháp quán, gọi là pháp Quán Bất Tịnh. Tôi có làm bài thơ về Quán Bất Tịnh để đọc cho đại chúng nghe:

Có chi là sạch ở hởi thân!
Phèo phổi ruột gan máu thịt gân
Mũi dãi tanh hôi đường cửu khiếu
Nhớp nhúa ra vào tợ ổ phân
Thế gian lắm kẻ thương yêu tiếc
Thượng sĩ xuất trần chẳng đoái thân
Ai người tỉnh giác "Chợn thường quán"
Bất tịnh từ đầu đến chí chân

Phép quán bất tịnh này, không phải chỉ có quán về cái thân ô uế không thôi, mà chúng ta còn cần phải quán đến tám cái bất an nữa. Tám cái bất an gọi là "Bát bất ô uế" gồm có: *"Bất nhân, bất nghĩa, bất lương, bất chánh, bất bình, bất an, bất mãn và bất như ý"*. Tám cái ô uế này, mỗi người chúng ta thử quán sát lại chính mình xem có rơi vào trạng huống bát bất này không? Bất nhân là không có lòng từ bi thương người, thương vật, nhẫn tâm làm tổn hại đến kẻ khác. Bất nghĩa là con người ăn ở đối xử không tình không nghĩa, phản bội lại những kẻ thi ân cho mình, là những người hay giúp đỡ mình. Đây là hạng người ăn cháo đá bát, quẹt mỏ như gà, vô ân phản bội. Từ bất nghĩa đưa đến bất lương. Bất lương là con người không có lương tâm, họ chỉ biết lương bổng mà thôi. Bất chánh là con người ăn ở không có đức, lòng dạ của họ không ngay thẳng v.v... Từ đó suy ra các bất kia cũng đều xấu xa tồi tệ như thế.

rằng, trong nhiều đời mình không có tu hành tài bồi phước trí nhiều, nên nay ngoại hình của mình không được tốt đẹp lắm. Tuy nhiên, tuy thiếu phước tướng nhưng không đến nỗi phải khó coi. Vì mình cũng có đầy đủ sáu căn hỗ dung. Người có phước tướng cũng dễ chinh phục gây được cảm tình với người khác. Mặc dù chưa nói gì hết, nhưng nhìn thấy thân hình tướng hảo trang nghiêm của họ, tự nhiên mình có cảm tình với họ ngay. Không biết quý huynh đệ nào có cảm giác như thế không? Tôi nghĩ ít nhiều ai cũng có. Người có tướng hảo mà người đời thường hay gọi là bảnh bao đẹp trai, khi nhìn họ cái cảm giác đầu tiên là mình có cảm tình với họ ngay. Đồng thời, mình cũng muốn tiếp xúc lân la gần gũi chuyện trò với họ. Đó là cái cảm giác thương mến một con người có đầy đủ phước tướng. Xin chớ vội hiểu lầm là đồng tính luyến ái.

Tôi thấy có nhiều thầy cũng có được tướng hảo trang nghiêm này. Được vậy, cũng nhờ do phước báo của nhiều đời trước mà họ đã trồng sâu căn lành. Nhất là chuyên tu thật hành hạnh nhẫn nhục. Không nói đâu xa, hiện tại người nào mà họ tu hạnh nhẫn nhục, ít có sân hận hay buồn phiền ai, nhìn gương mặt của người đó hiện rõ nét vui tươi hoan hỷ thật dễ thương mến. Gặp việc khó khăn cách mấy, họ cũng bình tĩnh tươi cười. Họ không có nổi cáu sân si quạu quọ với bất cứ ai. Dù đó là một nghịch cảnh, nghịch duyên rất khó khăn dễ làm cho mình tức giận, nhưng họ thì không. Bởi họ đang thật hành tu hạnh nhẫn nhục. Do đó mà gương mặt của họ lúc nào cũng hoan hỷ tươi mát thật dễ coi. Nhân đã như thế, thì chắc chắn quả báo đời sau của họ cũng sẽ được tướng hảo trang nghiêm đó thôi. Nhìn cái nhân hiện tại để biết được quả báo tương lai. Ngược lại, nhìn cái quả hiện tại, ta

trở thành lười biếng. Vì thế mới có câu nói: "nhất niên Phật tại tiền, nhị niên Phật thăng thiên, từ tam niên trở đi không còn thấy Phật nữa. Người xuất gia hay xuất sĩ là phải đi ngược dòng đời. Người đời họ u mê thì mình phải tỉnh táo. Đọc lịch sử đức Phật, ta thấy có một truyền thuyết nói rằng, trước khi đến cội cây Tất bát la để ngồi tư duy thiền quán, đức Phật đã thả cái bát xuống dòng sông Ni liên thiền và nói rằng: "Nếu cái bát này trôi ngược dòng, thì Ngài sẽ đắc đạo". Lạ thay! Quả thật cái bát đã trôi ngược dòng. Qua truyền thuyết đó thật, giả thế nào thì mình không biết, nhưng chúng ta thấy nó mang một ý nghĩa triết lý tiêu biểu thật thâm trầm lý thú. Với thâm ý đề nói lên người tu hành muốn được giác ngộ giải thoát thì phải lội ngược dòng đời. Quyết không đắm nhiễm buông trôi theo dòng đời lôi cuốn để thụ hưởng những vật dục trụy lạc ở thế gian.

Huống nãi đường đường tăng tướng, dung mạo khả quan. Giai thị túc thực thiện căn, cảm tư dị báo.
Huống nữa đường đường tăng tướng, dung mạo dễ xem. Sở dĩ được như thế là do đời trước đã gieo trồng căn lành, nên đời này mới cảm quả báo thế ấy.

Câu này Tổ nói rõ phước tướng của một con người, nhất là đối với người xuất gia. Một người có đầy đủ sáu căn, phước tướng trang nghiêm mặt mày sáng rỡ đẹp người, ai trông thấy cũng có cảm tình dễ thương dễ mến. Được như vậy, rõ ràng đâu phải chỉ tu một đời mà được. Người được đầy đủ phước tướng như thế, tất phải do trồng sâu căn lành trong nhiều đời nhiều kiếp mới được. Đức Phật do tu nhiều đời, tích tụ nhiều phước trí trang nghiêm, nên Ngài mới có được đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Nhìn lại mình thì chẳng có được một cái tướng tốt nào. Chứng tỏ

Ngoài phép quán bất tịnh và bát bất ra, còn có nhiều phép quán khác nữa. Như quán vô thường, quán nhân duyên, quán vô ngã, quán từ bi v.v... Trong hệ giáo lý Nguyên Thủy có một phép quán gọi là "Ngũ đình tâm quán". Đây là năm phép quán để dừng các vọng tưởng, tức đoạn trừ các phiền não mê hoặc làm cho chúng sinh phải chịu nhiều hệ lụy khổ đau. Người tu chúng ta phải thường xuyên vận dụng trí tuệ bát nhã để quán các pháp. Phải thấy cho được tự tánh của các pháp là không. Trong Tâm Kinh dạy chúng ta là phải "chiếu kiến ngũ uẩn giai không". Có thấy năm uẩn là không, thì mình mới có thể vượt qua mọi khổ ách. Tuy năm uẩn là không thật, nhưng ngoài năm uẩn ra, tìm cái chơn thật cũng không có. Trong Chứng Đạo Ca ngài Vĩnh Gia Huyền Giác có nói:

"*Vô minh thật tánh tức Phật tánh*
Huyễn hóa không thân tức pháp thân".

Tuy vô minh không phải là Phật tánh, nhưng rời vô minh cũng không có Phật tánh. Tuy sóng không phải là nước, nhưng rời sóng ra cũng không có nước. Như vậy, toàn sóng chính là nước, mà toàn nước cũng chính là sóng. Sóng và nước không thể ly khai ra được. Cũng vậy, giữa vô minh và Phật tánh, cũng không thể tách rời ra được. Chính vì điểm này, mà trong Kinh Duy Ma Cật có nêu ra "Pháp Môn Không Hai". Đây là một pháp môn vượt ngoài đối đãi, không còn bị dính kẹt vào các pháp đối đãi nhị nguyên. Cho nên giữa vô minh và Phật tánh, chúng ta nói một là sai mà nói hai thì không đúng. Vì thế mà trong kinh mới nói: "Phiền não tức Bồ đề, sinh tử tức Niết bàn" là ý này vậy. Tất cả những ý này là do chúng ta nương vào những lời Phật Tổ dạy mà chúng ta tư duy thiền quán. Tuy nhiên, Trong khế kinh có nói: "Những vị ra đời không gặp

Phật, rồi họ tự quán hoa rơi lá rụng, tức quán cái lý vô thường, vô ngã mà được ngộ đạo. Các vị đó được gọi là Bích Chi Phật hay Độc Giác". Bây giờ mình cũng thấy hoa rơi lá rụng, mà mình có ngộ đạo gì đâu? Như thế, đủ thấy rằng nghiệp lực của chúng ta thật quá sâu dày, căn lành thì quá cạn mỏng, chủng duyên Phật pháp thì cũng chẳng trồng sâu, cho nên mình cũng thấy mọi hiện tượng xảy ra trước mắt, nhưng mình chẳng có thức tỉnh tỏ ngộ gì cả. Bởi vậy, chúng ta cần phải nỗ lực công phu huân tu nhiều hơn nữa.

Như đã nói, đời người sống chết chỉ trong hơi thở. Không thể đem thời gian ra mà đo đạt. Phật hỏi các vị Tỳ kheo: "con người ta sống được bao lâu?" Có vị thì nói: vài năm, có vị thì nói, vài tháng, vài ngày, trong bữa ăn... Phật hỏi vị cuối cùng, Thầy đó nói: "chỉ trong một hơi thở". Thở ra, mà không thở vào, thì mạng sống không còn. Phật khen, ông mới thật là người Kiến Đạo. Kiến đạo là thấy được lẽ thật. Còn các vị kia chỉ ước lượng theo thời gian mà nói. Cho nên Phật nói các vị đó chưa thấy đạo. Nghĩa là chưa thấy được cái chơn lý của sự sống.

Giờ đây, chúng ta tiếp tục tìm hiểu câu kế: "***Ngoại hoằng bất tranh chi đức".*** Hai câu này như là hai câu đối rất hay. "***Nội cần khắc niệm chi công"***. Bên trong là hằng quán chiếu lại tâm mình, còn bên ngoài thì phải mở rộng cái đức hạnh hòa kính. Khi sống trong chúng như thế này, thì mỗi người cần phải giữ gìn sáu phép "Lục hòa". Trong sáu phép Lục hòa, có một phép hòa gọi là "khẩu hòa vô tránh". Nghĩa là chúng ta không nên tranh cãi hơn thua với nhau. Là một tăng thân ta phải sống trong tinh thần hòa hợp. Vì sống chung trong chúng cần phải có sự an lạc. Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh có viết một tác phẩm với

chịu nỗ lực tinh tấn tu hành, cả đời cứ lơ lơ láo láo qua ngày đoạn tháng như thế, thì thử hỏi làm sao mà đạt đạo cho được? Càng nghĩ tới mình càng cảm thấy thật là hổ thẹn cho chính mình!

Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương có một bài kinh Phật dạy người tu hành phải mặc áo giáp tinh tấn. Tôi xin trích dẫn đọc nguyên văn âm Hán Việt.

Phật ngôn: "Phù vi đạo giả du mộc tại thủy, tầm lưu nhi hành, bất xúc lưỡng ngạn, bất vi nhơn thủ, bất vi quỷ thần sở giá, bất vi hồi lưu sở trụ, diệc bất hủ bại, ngô bảo thử mộc quyết định nhập hải. Học đạo chi nhơn, bất vi tình dục sở hoặc, bất vi chúng tà sở nhiễu, tinh tấn vô vi, ngô bảo thử nhơn, tất đắc đạo hỷ".

Phật dạy: "Xét ra, người hành đạo cũng như khúc gỗ trôi trên mặt nước, theo dòng mà đi, chẳng tấp vào hai bên bờ, chẳng bị người vớt, chẳng bị quỷ thần ngăn trở, chẳng bị nước xoáy làm đứng lại, cũng chẳng bị mục nát. Ta cam đoan rằng, khúc gỗ đó quyết định sẽ ra đến biển. Còn người học đạo, nếu chẳng bị tình dục làm mê hoặc, chẳng bị các thứ tà ngoại làm nhiễu loạn, tinh tấn tu pháp vô vi, ta quyết chắc rằng người đó tất sẽ đắc đạo".

Trên đường tu học đạo không gì bằng tinh tấn. Nhưng tinh tấn phải giữ chừng mực và bền bỉ. Không phải lúc đầu tinh tấn dữ tợn rồi lần lần lui sụt. Giống như người khảy đàn. Dây đàn căng thẳng quá thì dễ bị đứt, còn dùn quá thì không kêu. Chỉ cần lên dây ở mức độ trung bình không dùn không thẳng thì âm thanh sẽ kêu thanh tao lảnh lót. Sự tu hành tinh tấn cũng thế. Có người lúc đầu tinh tấn dữ lắm giống như dây đàn căng thẳng, từ từ lùi dần, cuối cùng

làm tiêu hao của Đàn na tín thí chớ không có ích lợi gì cho đạo pháp. Thật là đáng xấu hổ lắm thay!

Tích niên hành xứ, thốn bộ bất di, hoảng hốt nhất sanh, tương hà bằng thị.
Chỗ đi năm trước, tấc bước không rời, lơ láo một đời, lấy chi nương tựa.

Tích niên là năm xưa, hành xứ là chỗ đi, tức chỗ đi năm xưa hay năm trước. Thốn bộ bất di là tấc bước không rời. Hai câu này có nghĩa là chúng ta chưa chịu từ bỏ những thứ tập khí xấu lâu đời. chúng ta cứ mải mê đắm nhiễm theo trần tục không chịu viễn ly. Cứ theo dòng vô minh tham ái mà tạo nghiệp. Trôi nổi theo dòng đời không chút hồi tâm hối cải. Đúng là "vọng trần dị tập, chánh đạo nan huân". Huân tập theo thói hư tật xấu ở đời thì rất dễ, bởi những hạt giống xấu ác này nó có đầy ấp trong tâm thức của chúng ta. Tâm thức nói ở đây tức là Tàng thức. Tàng thức là thức nào quý huynh đệ có biết không? Đó là thức A lại da, hay còn gọi là thức thứ tám. Thức này nó có công năng chứa tất cả mọi hạt giống. Như đất có khả năng chứa đựng tất cả mọi hạt giống gieo xuống. Và đất có công năng làm cho những hạt giống đó sinh trưởng. Tàng thức của chúng ta cũng như thế. Do huân tập những tập khí xấu ác lâu đời nên nó hiện hành thành những thói hư tật xấu. Thay vì đoạn trừ những tập khí xấu ác, chúng ta lại làm nô lệ cho những thứ phiền não xấu ác đó sai khiến chúng ta. Chúng ta chỉ biết lơ láo một đời tạo bao nhiêu nghiệp khổ. Đã thế thì làm sao để người ta nương tựa với mình được?! Lơ láo là không quan tâm trong việc tu học. Cả đời tu xuất gia mà chỉ lo những chuyện không đâu, không dính dáng gì tới việc tu hành giác ngộ giải thoát cả. Có phải là đáng tội nghiệp thương xót cho chúng ta lắm không? Không

danh đề quyển sách là "Sống Chung An Lạc". Một tác phẩm khác là "Thông Điệp Tình Huynh Đệ". Tôi nghĩ, đại chúng nên tìm đọc hai tác phẩm này, để mình thấy cái giá trị lớn lao của tình huynh đệ và nhất là được sống chung trong một khung cảnh, một môi trường như thế này. Sự hòa kính yêu thương đối với người xuất gia, phải nói rất là hệ trọng. Chúng ta là huynh đệ với nhau, thì phải biết trân quý yêu thương, hòa kính nhau, không vì lý do gì mà gây ra làm xích mích mâu thuẫn rạn nứt tình huynh đệ. Có thể nói, trên đời này không gì quý hơn tình huynh đệ. Có thắt chặt tình huynh đệ thì Tăng đoàn mới vững mạnh lâu dài. Ngay cả chữ "Tăng" đã nói lên hết ý nghĩa của sự đoàn kết, hòa hợp, yêu thương, thanh tịnh và hỷ xả rồi. Đời sống của một tăng thân là một đời sống vô cùng quý giá. Quý giá là được sự bảo hộ che chở của năng lượng tăng thân. Khác nào như là một lá bùa hộ mạng an toàn cho chúng ta. Câu nói: "Hổ ly sơn hổ bại, tăng ly chúng tăng tàn". Thiết nghĩ, lời nói này của người xưa, như là một tiếng chuông cảnh tỉnh báo động. Và thời nào cũng thế, lời dạy này không bao giờ sai trái. Cọp, tuy là hung bạo dữ tợn, nhưng khi rời khỏi núi xuống đồng bằng, thì trước sau gì nó cũng bị người ta giết xẻ thịt phanh thây. Mạnh chi thì mạnh, nhưng làm sao qua được cái trí khôn lanh mưu kế xảo quyệt của người đời? Họ tìm đủ cách thế để giết chết. Cũng thế, tăng dù có tài giỏi đến đâu mà sớm rời khỏi trong chúng, thì sớm muộn gì vị tăng đó cũng bị tàn đời. Đó là cả một quá trình kinh nghiệm của người xưa. Thế nên, chúng ta còn được sống chung trong chúng như thế này, phải nói cũng là một phúc duyên hy hữu trọng đại. Cho nên, muốn có được một đoàn thể tu học lâu dài, thì mỗi người nên ý thức yêu thương hòa kính nhau. Nghĩa là trên kính dưới nhường, xem tình huynh đệ như thủ túc. Bởi vì, Tăng ngoài cái ý nghĩa hòa hợp, yêu

thương ra, nó còn có cái nghĩa thanh tịnh nữa. Hòa hợp và thanh tịnh là hai đức tánh rất cần thiết ở trong chúng. Nếu ai cũng giữ được hai đức tánh cao đẹp này, thì bảo đảm đời sống tu học của chúng ta sẽ an lạc và hạnh phúc. Không phải hạnh phúc nhỏ mà hạnh phúc rất lớn. Mong rằng, quý huynh đệ chúng ta mỗi người nên giữ sự hòa kính, yêu thương, tận tình giúp đỡ lẫn nhau, thì tôi tin rằng Hòa Thượng chắc chắn rất đổi vui mừng.

Tôi còn nhớ, sau năm 1975, lúc đó chúng tôi còn tu học ở Viện Cao Đẳng Phật Học Huệ Nghiêm, cố Hòa thượng Thích Bửu Huệ thường hay nhắc nhở chúng tôi bằng một câu nói súc tích ngắn gọn: "Huệ Nghiêm là cốt nhục". Câu nói này như là một "Thông Điệp" hằng nhắc nhở chúng tôi phải luôn yêu thương nhau trong thâm tình cốt nhục. Dù mai này mỗi người một ngã, nhưng cái thâm tình cốt nhục đó vẫn ghi nhớ mãi trong lòng. Chính nhờ câu nói này, mà huynh đệ chúng tôi luôn mãi yêu thương nhau và quý kính nhau. Tuy nhiên, câu nói này chỉ có giá trị giới hạn trong một khung cảnh của môi trường sống, trong tình thế hiện hữu của một ngôi trường Phật Học, trong khi ngoài xã hội đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nghi ngờ và đã đánh mất niềm tin nơi con người.

Riêng trong Giáo hội đã có sự rạn nứt phân hóa trầm trọng trong nội bộ. Chính trong hoàn cảnh và bối cảnh đó, mà lời thức nhắc của cố Hòa Thượng Bửu Huệ như là một tiếng chuông cảnh báo cho chúng tôi. Huynh đệ phải sống trong tinh thần hòa hợp yêu thương và phải biết trân quý kính trọng nhường nhịn nhau. Chỉ có thế, mới duy trì sự hòa kính yêu thương gắn bó trong thâm tình huynh đệ nhiều hơn. Nếu nói rộng ra, không chỉ riêng gì "Huệ Nghiêm Cốt Nhục", mà phải nói là "Linh Sơn Cốt Nhục".

bốn ân và cứu giúp ba cõi.

Nhược bất như thử, lạm xí tăng luân, ngôn hạnh hoang sơ, hư triêm tín thí.
Nếu chẳng như thế, xen lẫn trong chúng tăng, ngôn hạnh hoang sơ, luống hao của tín thí.

Câu này Tổ quở trách kể ra cũng khá nặng ký. Nặng ký cho những ai hình thể thì giống ông thầy mà tâm địa thì lại còn ác độc hơn người đời. Họ dùng nhiều thủ đoạn mánh khóe mưu mô xảo quyệt toan tính đủ điều nhằm để hại kẻ khác. Hạng người này rõ ràng là họ đội lốt áo thầy tu ở xen lẫn trong hàng tăng chúng, Tổ gọi họ là "lạm xí tăng luân". Chữ lạm hay lãm có nghĩa là trà trộn, chữ xí có nghĩa là lộn lạo. Họ ở lộn lạo trà trộn xen lẫn trong tăng đoàn, kỳ thật họ chẳng có thiết thiệt tu hành gì cả. Hạng người này phải nói thật đáng kinh tởm ghê sợ! Nhiều khi họ ở trong tăng chúng mà mình không hề hay biết. Vì họ có ý đồ nên họ giả bộ đóng kịch diễn trò rất khéo. Họ có thể qua mặt mọi người để họ tiện bề thực hiện cái ý đồ lợi dụng của họ. Đây là hạng người lợi dụng tăng đoàn hầu để mua danh trục lợi. Họ không phải là người chân chánh xuất gia. Nên ngôn từ và hạnh kiểm của họ không có đi đôi với nhau. Hạnh thì oai nghi không có, lời nói thì không phù hợp với chánh pháp. Họ mượn y phục của Phật, lợi dụng giáo pháp hành động gây ra nhiều tội lỗi. Hạng người này trong kinh hay gọi là: "điểu thử tăng". Quý vị có biết điểu thử tăng là gì không? Điểu là con chim, thử là con chuột, tức ông thầy chim chuột. Khi xòe cánh ra nói tôi là chim, lúc xếp cánh lại nói tôi là chuột. Nghĩa là chim không phải chim, chuột không phải chuột. Nói rõ ra là ông thầy nửa tăng, nửa tục. Lạm xí tăng luân là vậy đó. Tổ nói hạng người này ở trong tăng chúng chỉ

dòng Thánh là vì Thánh có nhiều cấp bậc. Trong pháp tu của Đại thừa có chia ra nhiều cấp bậc Hiền Thánh. Quả vị Thánh cuối cùng đó là quả vị Phật. Ngược lại pháp tu của hàng Nhị thừa, quả vị tu chứng của họ cũng có khác nhau. Quả vị cuối cùng của hàng Thanh Văn là A la hán. Còn quả vị của hàng Duyên Giác thì gọi là Độc giác hay Bích Chi Phật. Dòng Thánh phải luôn luôn làm cho hưng thạnh không nên để đoạn tuyệt. Mình cố gắng tu hành là mình đang làm cái việc tiếp nối hưng thạnh dòng Thánh. Trong lúc mình nỗ lực huân tu trên con đường giác ngộ giải thoát, có phải là mình đang thắp sáng ngọn đuốc chánh pháp cho chính mình và soi sáng cho tha nhân không? Tất nhiên là chúng ta đang soi sáng cho cả hai. Quan trọng nhất là phải tự quán chiếu soi sáng cho chính mình trước. Khi nào mình có được an lạc hạnh phúc, thì mình mới đem cái an lạc hạnh phúc đó để chia sẻ với mọi người. Trong đạo Phật gọi đó là tự giác, giác tha hay tự lợi và lợi tha. Vận dụng trí tuệ bát nhã hằng soi sáng như thế, có phải là hàng phục ma quân chưa? Cái gì mà nó làm cho mình bị chướng ngại, tâm thường bị dao động trên bước đường tu, đều gọi chung là ma chướng cả. Trong người mình có nhiều thứ ma, gọi là những con ma phiền não. Nhưng mình đã có sẵn cây đuốc trí tuệ hằng chiếu sáng thì bọn ma đó không thể nào khuấy rối phá phách gì mình được. Quý vị nên nhớ, cái đêm cuối mà đức Phật sắp sửa thành đạo, bọn ma quân nó hiện ra quậy phá Phật đủ mọi cách. Thế nhưng, Phật chỉ dùng ba thứ tuyệt chiêu để trị chúng nó: Áo giáp tinh tấn, cây cung thiền định và mũi tên trí tuệ. Dùng ba loại vũ khí tinh nhuệ này làm cho bọn ma quân phải khiếp đảm kinh hồn và tháo chạy hết. Thế thì, đó là một cuộc chiến thắng vẻ vang vĩ đại nhất trong lịch sử nhơn loại. Vượt thắng mọi thứ ma chướng thì mình mới là kẻ chiến thắng huy hoàng và như thế thì mới có thể đền trả

Nhắc lại sự kiện này với thâm ý của chúng tôi là để nói lên cái giá trị cao đẹp của tình huynh đệ đối với hàng ngũ Tăng đoàn của chúng ta.

Chúng ta thường hay có sự phân chia địa vị và ngôi thứ hạ lạp cao thấp, nhất là vấn đề giới luật. Kẻ giới cao khinh thường người giới thấp, người giữ giới trong sạch thì chê bai coi thường kẻ giới luật không nghiêm. Người cho mình là toàn hảo, chê kẻ kia có nhiều khuyết điểm v.v... Đành rằng, vấn đề tuổi tác hạ lạp đời và đạo chúng ta cần phải có sự tôn ti trật tự. Nhưng đôi khi chính vì những điều này mà làm cho tình huynh đệ bị ngăn cách chia rẽ như một cái hố sâu. Đó là chưa nói đến vấn đề kết bè lập phái, nhóm này, nhóm nọ. chê bai công kích triệt hạ lẫn nhau. Đôi khi họ coi nhau như là kẻ thù không đội trời chung. Tệ nạn này, ngẫm lại ít nhiều gì trong Tăng đoàn thời nào cũng có.

Nhân đây, tôi xin đọc một đoạn trong tác phẩm "Thông Điệp Tình Huynh Đệ" của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh cho quý vị nghe. Trong tiết mục "Nhận ra người anh em", Thiền Sư viết: "Khi chúng ta gặp người anh em ngoài đường, thì trước hết đó là một người anh em mặc chiếc áo tu. Mỗi khi tôi thấy một người mặc áo tràng hay áo nhật bình thì tự nhiên trong trái tim tôi có một niềm thương dâng lên. Tôi không biết người này thuộc chùa nào, theo tổ chức nào, chỉ thấy mặc áo nhật bình hay áo tràng thì đã thấy rõ ràng đó là người anh em của mình rồi. Có thể người đó giới hạnh rất vững chãi, có thể người đó giới hạnh không đàng hoàng, nhưng người đó vẫn là anh em của mình, là người trong đại gia đình xuất gia của mình. Nếu người đó giới hạnh đàng hoàng thì mình mừng cho người đó. Nếu người đó giới hạnh không đàng hoàng thì

mình sẽ tìm cách giúp người đó tu tập cho đàng hoàng. Mình không nói người này đàng hoàng thì tôi chấp nhận, còn người kia không đàng hoàng thì tôi không chấp nhận. Tình anh em, tình huynh đệ là như vậy.

Không phải chỉ khi người kia toàn hảo thì mình mới chấp nhận là người anh em mà khi người kia có những khuyết điểm, mình cũng chấp nhận là người anh em, và mình phải để tâm tư, thì giờ, công sức ra để giúp cho người đó. Đối với người anh em, đừng bao giờ có thái độ khinh thường, chối bỏ, hay phủ nhận. Người anh em mặc áo nâu, áo vàng, hay áo lam thì cũng vẫn là người anh em. Điều này là sự thực tập của chúng ta".

Đọc những lời Hòa Thượng viết, tôi cảm thấy trái tim của Hòa Thượng thật là rộng mở bao dung như trái tim mặt trời. Người có một tấm lòng thật là quý giá cao thượng. Muốn ôm tất cả tình huynh đệ vào mình, không phân biệt người đó ở tông phái nào, chỉ cần mặc chiếc áo tu sĩ vào mình, nói rõ ra là chiếc áo của người khất sĩ thì xem đó như là người anh em của mình. Chúng ta nên thực tập cho mình phải có trái tim rộng mở bao dung như thế. Đó là trái tim thương yêu của một vị Bồ tát hiện thế. Tất cả chúng ta là anh em với nhau không vì bất cứ điều gì mà phải chia cách làm mất đi tình yêu thương đoàn kết của chúng ta. Chúng ta là những chiếc đũa chung hợp tạo thành một bó đũa, không ai có thể bẻ gãy bó đũa của chúng ta. Hơn thế nữa, chúng ta đừng quên đạo Phật có một truyền thống bao dung rất cao đẹp. Tuyệt đối đạo Phật không có cái nhìn kỳ thị với bất cứ ai và với bất cứ đoàn thể, chủng tộc nào. Đạo Phật nhìn tất cả đều là huynh đệ, vì tất cả đều có chung một tánh giác.

kiểm lại xem phiền não mình còn nhiều hay ít? Nếu còn nhiều thì phải cố gắng huân tu chuyển hóa chúng nhiều hơn. Mình mang hình thức xuất gia đầu tròn áo vuông mà trong tâm chưa xuất gia chút nào thì đó là cái lỗi rất lớn, không thể tha thứ được. Tổ nhắc nhở người xuất gia chúng ta phải khác hơn người đời về hình thức lẫn nội dung. Nghĩa là cả hai thân và tâm đều phải khác hẳn. Như thế mới xứng đáng và xứng danh là người xuất gia.

Nếu mình chưa có khác với họ hoàn toàn thì chúng ta phải chịu khó cố gắng huân tu nhiều hơn. Đó là nói nghĩa thông thường, còn luận về nghĩa sâu hơn là tâm người đời thường loạn tưởng, ngược lại tâm người xuất gia hay người tu nói chung thì phải có chánh niệm, chánh định. Còn loạn tưởng là còn điên đảo. Mà còn điên đảo là còn đau khổ. Cho nên bốn chữ Tổ nói ở đây mình phải nỗ lực huân tu cả đời cũng chưa xong. Mỗi ngày mình cần phải huân tu cho con trâu hoang của mình càng lúc càng trắng dần. Con trâu hoang này bản thể của nó vốn là trắng. Tại vì mình không khéo giữ kỹ nên từ trắng nó trở thành đen. Bây giờ mình phải cố gắng tu hành cho nó từ từ trắng trở lại. Trắng cho đến khi nào không còn một vết đen tí xíu nào nữa mới thôi. Con trâu trắng hoàn toàn và khi đó trâu và chăn không còn nữa (năng sở câu vong), trong kinh gọi đó là viên giác. Trong Thập Mục Ngưu Đồ, người ta vẽ một vòng tròn, biểu trưng cho thể tánh viên giác. Muốn thế, thì hằng ngày thậm chí hằng giây hằng phút chúng ta phải luôn luôn cảnh giác chăn giữ con trâu hoang này. Trâu ai nấy chăn và phải chăn giữ cho thật kỹ lưỡng thì mới mong có sự khác biệt với người thế gian. ***Mỗi người phải gắng sức tự chăn lấy nhe!***

Có thế, thì mới có khả năng nối thạnh dòng Thánh. Nói

Tôn chỉ cao thượng của người xuất gia là phải phát tâm rộng lớn vượt ngoài Tam giới. Đó là nghĩa của cụm từ "phát túc siêu phương". Chữ phương nghĩa hẹp là chỉ cho địa phương còn nghĩa rộng là chỉ cho Tam giới. Vì xuất gia có ba nghĩa mà nghĩa thứ ba là xuất Tam giới gia, tức ra khỏi ba cõi: "Dục, Sắc và Vô Sắc". Quý vị còn nhớ, ở trước, tôi đã có giải thích qua ba cõi này rồi, nên ở đây tôi khỏi phải giải thích lại.

Cụm từ "tâm hình dị tục", bốn chữ này quý huynh đệ phải hết sức chú ý, vì nó rất quan trọng, lời Tổ dạy rất súc tích cô đọng. Về hình thức pháp phục của người xuất gia thì ai cũng thấy rõ là khác hơn người đời. Không những khác về hình thức pháp phục mà trong tâm cũng phải khác hẳn. Khác như thế nào? Đâu vị nào nói rõ giữa tâm người xuất gia và tâm người đời khác nhau như thế nào? Cái khác thông thường là người đời họ nặng về cái gì, thì người xuất gia phải đi ngược lại không nặng về cái đó. Người đời họ cố chấp bảo thủ đủ thứ chuyện trên đời, ngược lại, người xuất gia là phải buông bỏ hết tất cả. Như người đời họ còn quá nặng tham trước về ngũ dục lạc, trái lại người xuất gia quyết không đắm nhiễm những thứ đó. Hay như người đời họ còn quá nặng tham, sân, si v.v... đối với người xuất gia thì phải đoạn tuyệt cái gốc vô minh si mê này. Chính những thứ này mà nó sanh ra những thứ nhánh nhóc phiền não khác. Đó là đơn cử ba thứ phiền não độc tố gốc đó thôi. Nói chung là phải khác hẳn những gì mà người thế gian đang mê say đắm nhiễm. Nếu không khác một cách hoàn toàn thì ít ra cũng phải khác hơn nhiều. Người đời họ nóng giận, thử hỏi người xuất gia có còn nóng giận không? Nếu có, thì đâu có khác gì họ. Có thể có nhưng cường độ nóng giận của người xuất gia tất nhiên là phải nhẹ hơn nhiều. Nhẹ hay nặng hơn, đâu quý vị thử

Đề cập đến những chiếc áo của người xuất gia, tôi có làm bài thơ với danh đề là "Yêu Ba Màu Áo". Để tôi đọc cho quý vị nghe.

Tôi yêu chiếc áo màu nâu
Mặc vào mát mẻ khỏi âu lo sầu
Đường về cõi Phật tiến sâu
Lòng không vướng bận nghèo giàu thế gian
Tôi yêu chiếc áo màu vàng
Mặc vào thanh thoát lòng càng thiết tha
Noi gương Phật Tổ Thích Ca
Sống đời đạm bạc ca sa thanh nhàn
Tôi yêu chiếc áo màu lam
Dịu hiền thanh bạch chẳng ham đua đòi
Diệt lòng ích kỷ nhỏ nhoi
Rộng lòng nhân ái vạn loài yêu thương.

Bài thơ này nhạc sĩ Nguyễn Bính ở Việt Nam đã phổ thành nhạc do ca sĩ Đông Quân ca.

Câu cuối cùng là: **"Quýnh thoát trần thế, ký kỳ xuất ly".**
Xa lánh đời trần, trông cầu ra khỏi.

Chữ quýnh thoát có nghĩa là ra khỏi, tức ra khỏi ngôi nhà thế tục. Trần thế, là cõi đời trần tục. Ký kỳ là hẹn ngày để ra khỏi ba cõi. Câu này như là một lời tuyên thệ kiên quyết sẽ có ngày ra khỏi ba cõi. Nhất là ở cõi dục này. Hiện chúng ta đang sống trong cõi dục, tức lòng nhiều ham muốn. Dục có dục thiện và dục ác hay dục nhiễm. Dục thiện là mong muốn thực hiện những điều lành. Như mong cầu được thành Phật hay mong cầu được vãng sanh về thế giới Cực lạc. Dục thiện cũng có nhiều đẳng cấp cao thấp khác nhau. Như một học sinh cũng mong muốn kỳ thi này

mình sẽ được đậu cao. Một nhà thể thao thì luôn luôn mong muốn cho mình có được sức khỏe cường tráng. Một bác sĩ thì luôn mong muốn mình sẽ trị cho nhiều người khỏi bệnh. Một ca sĩ luôn mong muốn cho mình có được đầy chất giọng ca hay thu hút được nhiều khán thính giả yêu thương mến mộ. Một nhà chuyên thật hành từ thiện thì mong muốn cho mọi người có được đời sống an vui hạnh phúc v.v... Đó là nói những người có khuynh hướng mong muốn thực hiện những điều lợi ích cho mình và người. Tất cả được gọi chung là dục thiện. Ngược lại, gọi là dục ác. Dục có: "thực dục, dâm dục và ái dục". Những loại dục này nó có khuynh hướng nghiêng nặng về dục nhiễm. Dâm dục và ái dục, hai dục này nhằm đưa con người đi vào cái hướng trầm luân sa đọa. Cho nên người thật sự tu hành, thì nên ý thức và quyết tâm ra khỏi những loại dục ác hay dục nhiễm này. Ngoài ra, nó còn nhiều loại dục khác, như ngũ dục lạc bao gồm: "Tài, Sắc, Danh, Thực, Thùy". Đó là năm loại dục thô. Ngoài năm loại dục thô này ra, nó còn có năm thứ dục tế: "Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc". Đây là những loại dục mà hầu hết nhơn loại đang bị đắm chìm trong đó. Là con người ai cũng mong muốn tận hưởng cho hết những khoái lạc của cuộc đời. Vì say mê đắm chìm trong ngũ dục nên con người không phút giây nào được an lạc giải thoát. Đối với người chơn tu, thì họ cương quyết phải thoát khỏi vòng cương tỏa hệ lụy này. Vì "công danh cái thế màng sương sớm, phú quý vinh hoa giấc mộng tràng" (Thiền Sư Minh Chánh).

Hai chữ Quýnh (huýnh) thoát, tức xa lánh, chúng ta chớ vội hiểu lầm, cho rằng đạo Phật chủ trương người tu là phải xa lánh trần thế. Ta tự hỏi làm sao xa lánh? Và xa lánh bằng cách nào? Nếu xa lánh hoàn toàn với trần thế, thì thử hỏi lòng từ bi của đạo Phật có còn nữa hay không? Và như thế thì vô tình đưa đạo Phật vào con đường bi quan yếm

dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu. Nhược bất như thử, lạm xí tăng luân, ngôn hạnh hoang sơ, hư triêm tín thí. Tích niên hành xứ, thốn bộ bất di, hoảng hốt nhất sanh, tương hà bằng thị. Huống nãi đường đường tăng tướng, dung mạo khả quan. Giai thị túc thực thiện căn, cảm tư dị báo. Tiện nghĩ đoan nhiên củng thủ, bất quí thốn âm. Sự nghiệp bất cần, công quả vô nhân khắc tựu. Khởi khả nhất sanh không quá, ức diệc lai nghiệp vô ti".

Dịch Nghĩa:

Phàm người xuất gia là cất bước đến phương trời cao rộng, tâm hình khác tục, nối thạnh dòng Thánh, hàng phục quân ma, nhằm đền trả bốn ân, cứu giúp ba cõi. Nếu chẳng như thế, xen lẫn trong chúng tăng, ngôn hạnh hoang sơ, luống hao của tín thí. Chỗ đi năm trước, tấc bước không rời, lơ láo một đời, lấy chi nương tựa. Huống nữa đường đường tăng tướng (sáu căn đầy đủ) dung mạo dễ xem. Sở dĩ được như thế là do đời trước đã gieo trồng căn lành nên đời này mới cảm quả báo thế ấy. Lại chỉ biết ngồi sửng khoanh tay, chẳng tiếc thì giờ. Đạo nghiệp không nỗ lực chuyên cần thì công quả do đâu thành tựu? Chẳng những đời nay luống qua, đời sau cũng sẽ vô ích.

Giảng Giải:

Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long Thánh chủng, chấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu.

Phàm người xuất gia là cất bước đến phương trời cao rộng, tâm hình khác tục, nối thạnh dòng Thánh, hàng phục ma quân, nhằm đền trả bốn ân, cứu giúp ba cõi.

VIII. HÀNH TRANG CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Kính thưa đại chúng,

Hôm nay, chúng ta bắt đầu học qua bài thứ tám, với chủ đề là Hành trang của người xuất gia. Hành trang của người xuất gia việc đầu tiên là phải lập hạnh. Có lập hạnh vững chắc thì con đường tu học của chúng ta mới được vững vàng. Nhìn lại, từ chư Phật cho đến các vị Tổ sư tất cả đều có lập hạnh nguyện. Đức Phật Di Đà có 48 điều đại nguyện. Đức Bồ tát Quán Thế Âm có 12 điều đại nguyện. Đức Phật Dược Sư cũng có 12 điều đại nguyện. Đức Bồ tát Địa Tạng phát đại nguyện rộng lớn, khi nào trong địa ngục không còn có một chúng sinh nào bị đọa lạc trong đó, thì chừng ấy Ngài mới thành Phật. Ngài A Nan phát nguyện sẽ vào trong cõi đời ngũ trược ác thế trước tiên để hóa độ chúng sinh. Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni của chúng ta Ngài cũng đã phát đại nguyện: "Nếu Ta ngồi dưới cội cây Tất bát la này mà không thành Phật, thì dù cho thịt nát xương tan, Ta quyết định sẽ không rời khỏi chỗ ngồi này". Các Ngài nhờ phát đại nguyện và lập hạnh kiên cố nên các Ngài đều thành công và chứng được đạo quả viên mãn. Do đó, là người xuất gia chúng ta cũng cần phải lập hạnh nguyện trước tiên. Bây giờ chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu những lời Tổ dạy. Tổ nói về chí nguyện cao cả siêu việt của người xuất gia. Như thường lệ, bây giờ chúng ta đi vào bài học.

Chánh Văn:
"Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long Thánh chủng, chấn nhiếp ma quân,

thế. Bởi vì xa lánh trần thế, thì làm sao độ họ? Mà chủ trương của đạo Phật là phải nhập thế độ sanh kia mà! Chỗ này chúng ta cần phải biện biệt cho rõ, chứ không thì cũng dễ hiểu lầm. Ở đây, nói xa lánh không có nghĩa là ẩn trốn hay thu hình ích kỷ. Xa lánh nói ở đây ta phải hiểu là xa lánh những thứ dục nhiễm ở thế gian. Bởi những thứ này nó làm cho con người luôn đau khổ. Nói rõ hơn, đối với người thiệt tu thì phải xa lánh hẳn ngũ dục lạc, bởi những thứ này nó sẽ làm cho con người luôn bị đắm chìm trong sinh tử khổ đau. Thế thì, phải mau mau thoát khỏi cái vòng luân hồi ái nhiễm khổ đau này.

III. VÌ DANH LỢI LỖI ĐẠO

Kính thưa đại chúng,

Hôm nay chúng ta tiếp tục học bài thứ ba. Nôi dung của bài thứ ba này, Tổ nhắc nhở đánh thức chúng ta đừng chạy theo danh lợi phù hư của thế gian mà có lỗi với đạo pháp. Vì hiện chúng ta đang tu học noi gương Phật Tổ đi theo con đường chánh giáo giác ngộ giải thoát. Vì thế, nên qua mỗi bài học chúng ta cần nên ôn lại trước khi chúng ta tiếp tục bài mới. Chúng ta vẫn theo nguyên tắc lệ thường là theo thứ tự từng phần: đọc phần chánh văn, dịch nghĩa và giảng giải từng câu. Bây giờ, chúng ta bắt đầu đi vào bài học.

Chánh Văn:

Hà nãi tài đăng giới phẩm, tiện ngôn ngã thị Tỳ kheo. Đàn việt sở tu, khiết dụng thường trụ, bất giải thổn tư lai xứ, vị ngôn pháp nhĩ hiệp cúng. Khiết liễu tụ đầu huyên huyên, đãn thuyết nhơn gian tạp thoại. Nhiên tắt nhất kỳ sấn lạc, bất tri lạc thị khổ nhân. Nẵng kiếp tuần trần, vị thường phản tỉnh. Thời quang yểm một, tuế ngoạt sa đà, thọ dụng ân phồn, thí lợi nồng hậu. Động kinh niên tải, bất nghĩ khí ly. Tích tụ tư đa, bảo trì huyễn chất. Đạo sư hữu sắc, giới húc Tỳ kheo, tiến đạo nghiêm thân, tam thường bất túc. Nhân đa ư thử, đam vị bất hưu, nhật vãng nguyệt lai, táp nhiên bạch thủ. Hậu học vị văn chỉ thú, ưng tu bác vấn tiên tri, tương vị xuất gia quý cầu y thực.
Dịch Nghĩa:

thấy có người họ có chức vụ địa vị cao trong xã hội, nhưng họ rất khiêm tốn. Khi vào trong phòng hội họp họ ngồi ở hàng ghế sau, và lẽ dĩ nhiên là ban tổ chức sẽ mời họ lên ngồi ở hàng ghế trước. Ngược lại có người chức vụ địa vị thấp mà thích ngồi ở hàng ghế trước, thế thì người ta xin lỗi mời người đó lùi lại ở hàng ghế sau. Như vậy có phải là quê lắm không? Thật là nhục nhã đối với những người khách chung quanh. Ông bà mình có câu nói: "ăn coi nồi, ngồi coi hướng". Một lời dạy thật là chí lý. Người có đức tánh khiêm tốn, lúc nào họ cũng khéo biết kính trên nhường dưới. Người như thế ai lại chẳng thương, chẳng mến. Về đức tánh khiêm cung này, có rất nhiều tấm gương để cho chúng ta học hỏi. Tiêu biểu như ngài Thường Bất Khinh Bồ tát ở trong Kinh Pháp Hoa đã diễn tả. Ngài gặp ai cũng cung kính chào và nói câu: "Tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài sẽ thành Phật". Người có tài đức cao lại càng hạ thấp mình xuống. Mình hãy để cho người ta tôn kính mình, chớ mình đừng có thái độ tự cao bắt người khác phải tôn kính mình. Điều này không những trái với đạo đức con người mà còn làm cho người ta lại càng khinh bỉ mình hơn. Đây là điều mà tôi mong đại chúng nên lưu ý.

ngầm nhắc nhở khuyên bảo người ta chớ nên kiêu ngạo. Đừng thấy mình giỏi mà khinh khi miệt thị kẻ khác. Mình giỏi có người giỏi hơn. Đó là một bài học mà chúng ta cần phải ghi nhớ. Hằng ngày, trong khi đối nhân xử thế, tiếp kỷ xử vật, mình phải khiêm cung với mọi người. Khiêm cung không có nghĩa là "tự ty mặc cảm". Tự ty mặc cảm là thấy mình thấp hèn, không có ý chí vươn lên. Còn khiêm cung ở đây là tự hạ thấp mình xuống, thì người ta sẽ nâng cao mình lên. Đó là một cách hành xử khôn ngoan vừa khiêm tốn dẹp trừ bản ngã cống cao, mà cũng vừa nói lên cái văn minh lịch sự tối thiểu của con người. Cho nên câu kế tiếp Tổ mới nói là phải dẹp bỏ tánh kiêu căng ngã mạn.

Nhược bất quyên căng, thành nan luân hoán".
Nếu không bỏ tánh kiêu căng, thì thật khó mong chuyển đổi.

Người thực sự tu hành thì phải dẹp trừ tánh ngã mạn. Người có tâm cống cao ngã mạn thì thật khó chuyển hóa họ. Vì cái gì họ cũng cho là giỏi hơn tất cả mọi người. Do bản tánh cao ngạo hiu hiu tự đắc, mục hạ vô nhơn, nên không ai thích giao du gần gũi thân thiết với họ. Người có tánh kiêu căng hách dịch, tự cao, tự đại, thì họ thường hay khinh khi xem thường người khác. Người có tánh cao ngạo như thế, thật không có ai ưa họ cả. Ngã mạn là một trong những món căn bản phiền não. Nó thuộc về loại "Tư hoặc" phiền não nên thật khó trừ khó đoạn. Người tu hành phải đến địa vị "Tu Đạo" mới có thể đoạn trừ. Người muốn tu tiến thì trước hết phải khiêm cung với mọi người. Mình hãy tự hạ thấp mình xuống. Khổng Tử có nói: "đặt mình ngồi sau, tức mình ngồi trước". Câu nói này hàm chứa ý nghĩa gì? Điều này không có gì khó hiểu cả. Tôi

Sao lại vừa mới lên giới phẩm, liền xưng Ta là Tỳ kheo. Dùng của Thí chủ ăn của Thường trụ không biết xét nghĩ của ấy từ đâu đem đến, lại nói càng: lẽ (đương nhiên) phải hiến cúng. Ăn rồi dụm đầu ồn náo, chỉ nói toàn chuyện tạp thế gian. Song, một thuở đua vui, không biết vui ấy là nhân của khổ! Nhiều kiếp theo trần, chưa từng tỉnh lại. Thời giờ mất mát, năm tháng dần dà. Thọ dụng càng nhiều, thí chủ càng lợi. Hết năm này sang năm khác chẳng chịu trừ bỏ. Chất chứa càng nhiều, chỉ để giữ gìn thân huyễn. Đấng đạo sư có lời dạy, răn nhắc Tỳ kheo: "Tiến đạo nghiêm thân, ba việc thường chớ đủ, không nên quá đủ". Người nay phần nhiều mê đắm không thôi, ngày lại tháng qua thoạt nhiên đầu bạc. Kẻ hậu học chưa nghe chỉ thú, phải nên rộng học bậc tiên tri. Chớ nói xuất gia trọng cầu ăn mặc.

Giảng Giải:

Hà nãi tài đăng giới phẩm, tiện ngôn ngã thị Tỳ kheo
Sao vừa mới lên giới phẩm, liền xưng Ta là Tỳ kheo.

Câu này, phải nói Tổ quở trách chúng ta rất nặng, khác nào như đánh một đòn roi chí tử. Vừa quở trách lòng kiêu ngạo tự cao, tự đại, mà cũng vừa chỉ thẳng vào cái bản ngã của con người. Vì bản ngã nên mới ngạo nghễ khinh người. Lẽ ra, chúng ta thọ giới phẩm cao là để tu hành và cũng để tiện bề giáo hóa chúng sinh. Giới luật của Phật chế ra là để chúng ta ngăn ngừa những điều phi pháp xấu ác. Đọc lại lịch sử của Tăng đoàn, ta thấy trong đó có ghi là 12 năm đầu Phật không có chế giới. Vì trong thời gian này, Tăng chúng tu học rất nghiêm minh, không có ai gây ra những điều phi pháp lỗi lầm bất chánh. Đến năm thứ 13, trong chúng mới có xảy ra những việc không hay, tạo

những điều phi pháp hữu lậu, từ đó Phật mới chế giới ngăn cấm. Thí như chiếc áo đã rách không còn lành lặn như xưa nữa, nên rách đâu thì phải vá đó. Nhờ có giữ Giới Phật chế, nên Định mới phát sinh. Hễ có định tất nhiên là có Huệ. "Giới, Định, Huệ", hay "Niệm, Định, Tuệ", là con đường mà tất cả chúng ta dù tại gia hay xuất gia cũng đều phải đi trên con đường đó. Chỉ có con đường đó mới đưa chúng ta đến đích giác ngộ và giải thoát mà thôi. Ngoài ra, không còn có một con đường nào khác. Có thể nói một cách khẳng quyết rằng, toàn thể hệ thống giáo điển của Phật giáo đều được xây dựng trên nền tảng của "Tam vô lậu học", tức **"Giới, Định, Huệ"** Vậy.

Tỳ kheo chỉ là một danh xưng theo giới phẩm. Vì trong giới luật của Phật chế có nhiều phẩm loại: Ngũ giới, Sa di giới, Tỳ kheo giới, Bồ tát giới v.v... Công năng của giới là phòng phi chỉ ác. Nghĩa là ngăn ngừa những tệ nạn xấu ác. Chữ Tỳ kheo, tiếng Phạn gọi là Bhikkhu nó có 3 nghĩa: "khất sĩ, bố ma và phá ác". Nhân tu là Tỳ kheo mà quả chứng là A la hán. Vì thế, bất luận ai khi đã đúng tuổi theo luật định, nghĩa là sau khi thọ giới Sa di, từ 20 tuổi trở lên thì được quyền thọ giới Tỳ kheo. Giới này còn gọi là Đại giới (giới lớn) hay Cụ túc giới.

Đàn việt sở tu, khiết dụng thường trụ, bất giải thổn tư lai xứ, vị ngôn pháp nhĩ hiệp cúng.
Dùng của Thí chủ ăn của Thường trụ không biết xét nghĩ của ấy từ đâu đem đến, lại nói càng: lẽ (đương nhiên) phải hiến cúng.

Đàn nói cho đủ là đàn na, tức chỉ cho người dâng cúng; Việt, có nghĩa là vượt qua. Hai chữ này có nghĩa là người cúng thí hay bố thí sẽ vượt qua thoát khỏi cảnh khổ nghèo

thấy biết của mình hạn hẹp nhằm để khuyên bảo nhắc nhở cho người sau. Không những chỉ nhắc nhở cho những người đương thời của Tổ, mà Tổ còn muốn để cho người sau ghi nhớ mà hành trì. Đức tánh khiêm cung là một đức tánh tốt. Đối với mọi người luôn khiêm nhường coi mình thấp hơn mọi người. Mặc dù mình giỏi hơn người, nhưng vẫn coi mình dở hơn. Tuy nhiên, chúng ta nên nhớ rằng, mình giỏi còn có người giỏi hơn. Người ta thường nói: "quả quýt dày, có móng tay nhọn". Hay "núi cao hơn núi, người cao hơn người". "Có tài mà cậy chi tài, chữ tài liền với chữ tai một vần" (Truyện Kiều).

Có câu chuyện hài hước thế này, không biết quý huynh đệ có nghe chưa? Chuyện kể rằng: Trong thời Pháp thuộc, có một vị Giáo Sĩ đi ngang qua ngôi chùa, thấy trong chùa không có ai, vì hôm đó thầy trụ trì đi vắng. Trước sân chùa có hàng cây dâm bụt. Vị Giáo Sĩ đó liền lấy giấy viết hai câu có tánh cách trêu đùa châm biếm mỉa mai:

"*Trước cửa chùa có cây dâm bụt*
Bụt không dâm, sao nói Bụt dâm?"

Viết xong, ông dán trước cửa chùa. Vị trụ trì về thấy vậy ngài chỉ mỉm cười, không nói gì hết. Hôm nọ, ông đi ngang qua nhà thờ, thấy phía sau nhà thờ người ta có đúc tượng một con dê bằng đá. Ông cũng viết lại hai câu để trả đủa:

"*Sau nhà thờ có con dê chúa,*
Chúa không dê, sao nói Chúa dê?"

Đúng là: "cao nhơn tắc hữu cao nhơn trị". Đại khái câu chuyện đó tuy có tánh cách khôi hài một chút, nhưng

đối với họ phải chạy đua theo thời gian để kiếm tiền. Còn người xuất gia chúng ta coi thời gian còn quý hơn ngọc ngà châu báu. Vì chúng ta còn sống trong vòng tương đối thì phải lợi dụng thời gian để đầu tư cho sự nghiệp tu học của chúng ta. Tục đế là phải như vậy. Còn chơn đế thì không còn bị vướng kẹt lệ thuộc vào thời gian và không gian. Như Thiền Ông Thiền Lão đã từng nói:

"*Thúy trúc huỳnh hoa phi ngoại cảnh*
Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chơn".

Nghĩa là:

"*Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác*
Trăng trong mây trắng hiện toàn chơn".

Hay:

"*Đản tri kim nhật nguyệt*
Thùy thức cựu xuân thu"

Nghĩa là:

Sống ngày nay chỉ biết ngày nay
Còn xuân thu trước ai hay làm gì.

Cái thấy của Thiền Sư là cái thấy không còn bị kẹt vào thời gian và không gian. Ngược lại, cái thấy của chúng ta luôn bị kẹt vào thời gian và không gian.

Lược thân quảng kiến, dĩ hiểu hậu lai.
Thế nên, lược bày chỗ thấy cạn hẹp của mình để khuyên bảo người sau.

Qua câu này, ta thấy lòng từ bi của Tổ thật là tràn đầy rộng lớn. Dù vậy, nhưng Tổ tỏ ra rất khiêm cung. Chỉ nói là chỗ

đói. Câu "***Đàn việt sở tu, khiết dụng thường trụ".*** Ta phải hết sức chú ý câu này. Trước hết, ta phải tìm hiểu ý nghĩa của hai chữ Thường trụ. Thường trụ gồm có 4 nghĩa:

1. Thường trụ thường trụ: Thường trụ tại sao phải lặp lại hai lần, tức là nói thường trụ được rồi mà phải thêm thường trụ nữa. Chữ thường là luôn luôn, chữ trụ là ở, là nơi chốn. Thường trụ là để cho thường trụ, tức là ý nghĩa của thường trụ là như thế này: những cái tài sản như phòng nhà, hoa quả, ruộng vườn v.v... đó là thuộc của chùa mình đang ở thì chỉ có những người ở trong ngôi chùa đó mới được quyền thọ dụng, nhưng không được đem những tài sản này dời đi chỗ khác hoặc là đem đi bán cho người khác. Tất cả những tài vật của trong chùa B, thì chỉ có những vị ở trong chùa B được quyền hưởng dụng mà thôi. Tuyệt đối, không được mang đi hoặc đem bán cho ai đó đều là sai phạm, đó là ý nghĩa "Thường trụ thường trụ".

2. Thập phương thường trụ: Là những vật dụng ở trong chùa, chư Tăng, Ni ở nơi khác đến, được quyền sử dụng. Tuy nhiên, không được mang tài vật của chùa này đem qua chùa khác và cũng không được quyền cho hay bán hoặc chia chát cho ai. Chẳng hạn như những vật dụng của chùa Phước Huệ như phòng ốc, đồ xài, cây trái v.v... Tôi và các thầy từ chùa Quang Minh ở Melbourne lên, được quyền sử dụng những đồ vật của chùa Phước Huệ, nhưng tuyệt đối không được mang đi nơi khác. Nếu muốn, thì phải thưa hỏi với thầy trụ trì hoặc thầy Phó trụ trì, khi được quý vị đó đồng ý cho phép thì mới được mang đi.

3. Hiện tiền hiện tiền: Tức là của cúng dường chỉ chư

Tăng có mặt hiện tiền được thọ dụng. Thí dụ Phật tử người ta đem phẩm vật đến cúng dường thì những Tăng, Ni có mặt mới được quyền hưởng dụng gọi là hiện tiền Tăng. Nói cụ thể hơn, như buổi lễ cúng dường trai Tăng, thì các vị Tăng hoặc Ni hiện có mặt trong buổi lễ cúng dường trai Tăng lúc đó, thì những vị này mới được quyền thọ dụng phẩm vật Phật tử cúng dường, còn các vị Tăng, Ni khác, dù ở trong chùa trai Tăng đó mà vắng mặt thì cũng không được thọ dụng. Vì thí chủ họ cúng dường cho những vị có mặt đó thôi. Ngoại trừ, vị Tăng hay Ni đó được Tăng sai đi làm công việc Phật sự ở đâu đó, mà vị thí chủ muốn cúng dường cho vị đó thì được, bằng không như thế thì không được.

4. Thập phương hiện tiền: Trong trường hợp 5 chúng xuất gia Tỳ kheo Tăng, Tỳ kheo Ni, Sa di Tăng, Sa di Ni, Thức xoa ma na là 5 chúng. Khi có một vị Tăng viên tịch, thì những vật dụng cá nhân của vị đó, khi chưa được chúng Tăng làm phép Yết Ma thì chư Tăng không được tẩu tán đồ vật của vị đó đi nơi khác và tuyệt đối cũng không được chia ra cho trong chúng xài. Cho đến khi nào đại chúng họp lại làm phép Yết ma xong, khi đó tài sản của vị đó muốn cúng dường hoặc chia chát cho ai thì tùy ý. Tuy nhiên, phải do vị Tăng có chức vụ lớn trong chùa đứng ra sắp xếp cho công bằng là được. Nếu không có thể chia ra, thì tài sản đó cũng có thể cống hiến cho Giáo hội. Đó gọi là Thập phương hiện tiền.

Trở lại vấn đề nói trên, đây là lời nhắc nhở của Tổ trong khi chúng ta thọ dụng tiêu xài của Đàn na thí chủ, không một chút hổ thẹn hối tiếc. Cứ cho rằng của kia đem đến mình tha hồ thọ dụng. Bởi vì mình cứ nghĩ rằng, mình là người thọ giới lớn có quyền thọ dụng mọi thứ mà không

giáo lý, song ít kẻ hành trì đúng pháp, huống chi là chứng đạo.

Tổ Qui Sơn ra đời nhằm đời nhà Đường. Tính từ khi Phật diệt độ cho tới Tổ ra đời là khoảng gần một nghìn tám trăm năm. Khoảng cách gần hai nghìn năm. Cho nên Tổ mới than ra đời nhằm gần cuối đời tượng pháp, cách Phật rất xa là vậy.

Lười biếng là một loại tâm hành tiêu cực xưa nay ai cũng có. Thân tâm đều lười biếng. Nếu lười biếng theo nghĩa bóng thì cũng nên lười biếng. Nghĩa là thân không tạo tác bất cứ điều gì, hoàn toàn cho thân nghỉ ngơi tịnh dưỡng. Tâm thì không nghĩ nhớ bất cứ điều gì hãy để cho tâm yên tịnh. Thỉnh thoảng, ta cũng cần có một thời gian lười biếng như vậy. Nếu như không có nhiều thời gian thì nên giữ lười biếng trong một ngày cũng tốt. Nghe đâu bên Làng Mai trong tuần có một ngày làm biếng. Đó là một cách làm biếng rất tốt cho thân tâm của ta. Làm biếng như thế đối với chúng ta thật không phải dễ dàng. Làm biếng không làm gì hết cứ rểu rểu đi chơi tán dóc tán hưu thì làm biếng cái kiểu đó thật quá dễ dàng. Ai mà chẳng thích làm biếng như vậy. Còn làm biếng mà giữ thân tâm cho thật trong sạch, nhất là trong tâm không suy nghĩ điều gì hết, luôn sống trong chánh niệm, chánh quán, đó mới thật là làm biếng hiếm có. Trong chúng mình đây có vị nào làm biếng được như vậy không? Nếu được thì trình cho Hòa Thượng biết rồi tha hồ mà làm biếng. Còn không được như vậy thì làm ơn cố gắng siêng năng tu học. Xin mọi người đừng phí uổng thời gian một cách vô ích. Hãy tận dụng thời gian cho sự tu tập của chúng ta. Người ta thường nói thời giờ là vàng bạc. Đối với thế gian người ta quý thời gian là vì họ muốn hái ra thật nhiều tiền. Cho nên

– Chánh pháp 500 năm, tượng pháp 500 năm, là thuyết của kinh Đại Thừa Tam Tụ Sám Hối.

- Chánh pháp 1.000 năm, tượng pháp 500 năm, là thuyết của kinh Bi Hoa.

- Chánh pháp 500 năm, tượng pháp 1.000 năm, là thuyết của các kinh: Đại Tập Nguyệt Tạng, Hiền Kiếp, Ma Ha Ma Gia.

Xưa nay, chư Tổ Sư đều thống nhất: Thuyết chánh pháp 500 năm, tượng pháp 1.000 năm và y cứ theo kinh Đại Bi thêm vào phần mạt pháp 10.000 năm.

Thật ra, ba thời kỳ của Phật pháp các kinh nêu ra như vậy, nhưng có vị cho rằng chánh hay mạt là tùy ở nơi tâm mình. Nếu như ở thời kỳ chánh pháp mà người ta không biết tu hành, thì vẫn là mạt pháp. Ngược lại, nếu ở trong thời kỳ mạt pháp mà người ta tinh tấn nỗ lực tu hành, thì cũng như ở trong thời kỳ chánh pháp vậy.

Sao gọi là chánh, tượng và mạt pháp? Chữ chánh có nghĩa là "chứng". Trong thời kỳ này, Đức Thế Tôn tuy đã nhập diệt, nhưng pháp nghi chưa cải: có giáo lý, có kẻ hành trì, có nhiều người chứng quả.

Nói tượng pháp, vì tượng có nghĩa là "tương tợ", tức là mường tượng na ná hơi giống nhau. Trong thời kỳ này đạo hóa chỉ còn mường tượng, pháp nghi lệch lạc. Tuy có giáo lý, có hành trì, nhưng rất ít có người chứng đạo.

Còn nói mạt pháp, chữ mạt có nghĩa là cuối hay rốt sau như ngọn ngành. Thời này, nhơn tâm ly tán, tà thuyết hưng khởi, đạo hóa suy vi, pháp nhược ma cường. Tuy có

cần phải e dè tiết kiệm. Lẽ ra, người xuất gia phải hằng nghĩ đến cái bản nguyện cao cả của mình là mong cầu giải thoát. Nếu xuất gia chỉ vì lợi dưỡng thì đó là phản bội lại cái ý chí bản nguyện sơ tâm của mình. Chưa nói đến mình thọ dụng càng nhiều thì người tín thí càng có lợi lớn. Trong khi đó, vì mình tiêu hao của thường trụ của Tam bảo một cách phung phí vô cớ nên mắc tội rất lớn. Nếu chỉ biết thọ dụng hưởng thụ không tu, thì mình sẽ mắc nợ đàn na thí chủ rất nặng. Chưa hết, Tổ lại tiếp tục nhắc nhở quở trách chúng ta: ***"Bất giải thổn tư lai xứ, vị ngôn pháp nhĩ hiệp cúng".*** Nghĩa là, không biết xét nghĩ của đó từ đâu đem đến, lại còn nói lẽ tự nhiên phải dâng cúng cho mình. Nói ra điều đó thật tình không biết xấu hổ chút nào! Nếu là người thật tu, nghe Tổ quở như thế thật cảm thấy quá hổ thẹn đau lòng! Người phát ngôn như thế, rõ ràng là họ không có một chút tự trọng lương tâm không chút hổ thẹn. Điều này, chúng ta cần phải suy xét cho thấu đáo không nên nói càng bướng mà mang trọng tội. Phật còn dạy những người xuất gia khi ăn phải nhớ đến ba muỗng cơm đầu và năm điều quán tưởng. Ba muỗng cơm đầu gồm có:

- Muỗng cơm thứ nhứt: Nguyện đoạn tất cả các điều ác.
- Muỗng cơm thứ nhì: Nguyện tu tất cả các điều lành.
- Muỗng cơm thứ ba: Nguyện độ tất cả chúng sinh.

Có thể nói ba muỗng cơm này đã tóm thâu tất cả nguồn giáo lý của đạo Phật. Đoạn trừ các điều ác, tu tất cả điều lành và nguyện độ tất cả chúng sanh, kinh điển nào cũng phải dạy như thế. Thêm một điều nữa là phải giữ tâm ý mình cho được trong sạch. Đó là những lời của chư Phật dạy.

Sau đó, chúng ta tiếp tục thầm tưởng năm phép quán:

- Kể công nhiều ít so chỗ kia đem đến.
- Xét đức hạnh của mình đủ hay thiếu mà thọ của cúng dường.
- Ngừa tâm xa lìa tội lỗi tham, sân, si là cội gốc.
- Chính là vị thuốc hay để chữa lành bịnh khô gầy.
- Vì thành đạo nghiệp nên mới thọ cơm này.

- Phép quán thứ nhứt, khi bưng bát cơm lên, ta phải quán xét biết bao công lao mồ hôi khó nhọc của người nông phu. Họ làm lụng vất vả cực khổ chân lắm tay bùn hì hục ở ngoài đồng ruộng. Từ khi gieo mạ cho đến khi có được hạt lúa đem về nhà, trải qua biết bao nhiêu công lao khổ cực. Rồi đến công lao của những người làm bếp thức khuya dậy sớm xắt gọt nấu nướng. Ta ngồi không, người ta làm đổ bao mồ hôi nước mắt mới có được hạt cơm và những thức ăn này. Vậy ta nỡ lòng nào không nghĩ đến công lao của họ. Khi quán tưởng như thế, để ta thấy rằng cái giá trị của hạt cơm đánh đổi biết bao nhiêu công lao khó nhọc mới có. Do đó, khi ăn ta cần phải gìn giữ chánh niệm và cố gắng nỗ lực tu hành mới mong tiêu hóa của Đàn na tín thí.

- Phép quán thứ hai, ta lại càng thêm xấu hổ. Ta phải thành thật tự xét lại mình, có được bao nhiêu đức hạnh. Đức hạnh có ra từ đâu? Bình nhựt, nếu ta sống thả trôi buông lung phóng túng, không giữ giới, tham thiền, niệm Phật, tụng kinh bái sám, và làm tất cả việc lành, phụng sự Tam bảo, thì thử hỏi, ta có xứng đáng thọ dụng những thức ăn này không? Dù ta có tu hành đạo cao đức trọng đến đâu đi nữa, thì ta cũng vẫn phải quán tưởng để nỗ lực tiến tu, như thế mới có thể tiêu của Đàn na thí chủ. Thọ dụng càng nhiều, người cúng họ càng thêm lợi lớn. Ngược lại, phước của ta càng ngày càng kém cỏi, nếu ta không

hết. Phật dạy chúng ta phải có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp v.v... nhưng chúng ta có làm đúng như vậy không? Hay là chúng ta làm ngược lại hoàn toàn. Thử kiểm định lại chúng ta có thực sự chánh kiến chưa? Hay là chúng ta đang nặng về tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp v.v... Nói một cách nghiêm khắc hơn, là phần lớn chúng ta đã rơi vào tà kiến. Mỗi người hãy bình tâm tự xét lại hành vi của mình thì đủ biết. Nếu phải liệt kê ra thì không biết bao nhiêu là thứ tà kiến. Cái tà kiến tiêu biểu phổ cập nhất hiện nay là nhiều người còn tin vào các đấng thần linh, huyễn hoặc hoang đường, mê tín dị đoan. Nếu phân tích kỹ ra thì không biết bao nhiêu thứ tà kiến. Thân kiến, biên kiến là những thứ tà kiến hạng nặng. Chính vì chỗ người tu mà còn quá nặng về tà kiến nên Tổ mới cảm thấy rất đau lòng! Chính vì chỗ rất đau lòng đó mà Tổ không tiếc lời nhắc nhở khuyên bảo người xuất gia chúng ta. Sau đây, Tổ còn than thở một cách thống thiết và cảnh tỉnh chúng ta.

Sở hận đồng sanh tượng quý, khứ thánh thời diêu,
Phật pháp sanh sơ, nhân đa giải đãi.
Tủi vì sanh vào thời mạt pháp, cách Hiền Thánh đã xa,
Phật pháp lôi thôi người tu đa số biếng nhác.

Tổ tự thán trách sanh nhằm cuối đời tượng pháp, cách Phật rất xa, Phật pháp lơ là, nhiều người lười biếng. Thông thường, ta thấy trong kinh sách có nói đến giáo pháp của Phật có chia ra làm ba thời kỳ: Thời kỳ Chánh pháp, thời kỳ Tượng pháp và thời kỳ Mạt pháp. Mỗi thời kỳ ước định về thời gian có khác nhau. Đại khái có bốn thuyết:

- Chánh pháp 1.000 năm, tượng pháp 1.000 năm, mạt pháp 1.000 năm, là thuyết của Kinh Đại Bi.

Dịch Nghĩa:

Cảm thương than thở, đau xót cực lòng, đâu thể im lời, nên cùng nhau nhắc nhở. Tủi vì sanh vào thời mạt pháp, cách Hiền Thánh đã xa, Phật pháp lôi thôi người tu đa số being nhác. Thế nên lược bày chỗ thấy cạn hẹp của mình để khuyên bảo người sau. Nếu không bỏ tánh kiêu căng, thì that khó mong chuyển đổi.

Giảng Giải:

Cảm thương thán nhạ, ai tai thiết tâm, khởi khả giảm ngôn, đệ tương cảnh sách.
Cảm thương than thở, đau xót cực long, đâu thể im lời, nên cùng nhau nhắc nhở.

Phải nói đoạn văn này là lời nhắc nhở khuyên tu của Tổ rất là tha thiết nhiệt tình. Tổ đã than thở thật là chua xót đau lòng não nuột! Thời của Tổ, tức vào thời đại nhà Đường cách chúng ta hiện nay đã trải qua có hơn ngàn năm. Người xưa, phần nhiều các ngài đều tu hành rất tinh tấn, chỉ có một số ít tu hành lôi thôi mà Tổ còn than trách như thế. Nếu như Tổ sống trong thời đại 4.0 hiện nay, không biết Tổ còn than trách đến mức độ nào! Vì xót thương cho thời mạt pháp có những vị tăng, ni chỉ biết tham lam danh lợi mà quên đi đạo nghiệp giác ngộ giải thoát của mình. Việc tu hành trong thời đại này, phải thành thật mà nói chúng ta đã lai căn mất gốc rất nhiều. Nhìn lại, thời của Phật, của Tổ, ta thấy mình đã đi lệch lạc quá xa. Có thể nói mình học lời Phật Tổ dạy một đường, mình lại làm một ngã. Xét kỹ thật không dính dáng gì với đạo lý giác ngộ giải thoát được bao nhiêu. Nếu căn cứ vào Bát chánh đạo mà suy xét, phần nhiều chúng ta đi ngược lại

gắng sức tu hành, thì làm sao tránh khỏi cảnh mang lông đội sừng đền trả nợ cho Đàn na thí chủ!

- Phép quán thứ ba, ta càng thấy mình mang nhiều tội lỗi. Tội lỗi từ đâu có? Từ tâm ta mà ra. Tức từ cái tâm vọng tưởng tạo bao nhiêu ác nghiệp. Vì mất chánh niệm nên bao nhiêu thứ phiền não tham, sân, si mạn, nghi, ác kiến... dấy khởi lên. Những thứ phiền não này là nguồn gốc gây ra khổ đau cho chúng ta. Trừ nhân thì không có quả, ngăn ngừa cái tâm tham lam, vì ham ăn món ngon vật lạ. Và phải ngừa cái tâm sân hận vì món ăn sơ sài quá dở. Phép quán này, không những chỉ quán trong bữa ăn thôi, thiết nghĩ, ta còn cần phải hằng quán xét thường xuyên để ngăn ngừa mọi thứ mong cầu ham muốn khác. Có thế, thì rất có lợi ích cho việc tu hành của chúng ta.

- Phép quán thứ tư, ta cần nên chú ý thận trọng. Ta xem món ăn dù ngon hay dở, dù hợp khẩu vị hay không, tất cả đối với ta chỉ là vị thuốc hay để chữa lành bệnh khô gầy yếu đuối mà thôi. Ăn uống chỉ là vay mượn tứ đại bên ngoài để nuôi dưỡng bồi bổ tứ đại trong thân ta, cho được khỏe mạnh mà tấn tu đạo nghiệp. Nếu ta cố tâm tham đắm, thì đó là mắc phải cái chứng bệnh tham ăn. “Miếng ăn là miếng tồi tàn, mất ăn một miếng lộn gan lên đầu” (ca dao). Thật là xấu hổ biết bao!

- Phép quán thứ năm, đối với người xuất gia thật là quan trọng. Phép quán này dạy ta nâng cao phẩm hạnh đời sống đạo đức, vượt qua những lối sống hưởng thụ thường tình của thế gian. Ngồi đây thọ dụng những hạt cơm này, những thức ăn công lao khó nhọc của biết bao người đây, ta chỉ có một mục đích duy nhất là tạm mượn nó để sớm thành tựu đạo nghiệp. Cái đạo nghiệp mà khi mình mới

vào chùa, là mình đã mong muốn chóng được đạt thành. Nếu không đạt được mục tiêu này, thì than ôi! Của tín thí dâng cúng làm sao tiêu dùng?! Cho nên mỗi khi thọ thực ta phải kính cẩn quán tưởng năm phép quán. Phải quán một cách tha thiết sâu sắc, chớ không được làm qua loa cho có lệ. Đa số người tu hành hiện nay, phải thành thật mà nói, chúng ta làm cho có lệ đó thôi, chớ không có thật tâm tha thiết quán tưởng. Trong lúc thọ thực, buổi ăn nào chúng ta cũng phải giữ chánh niệm một cách nghiêm túc.

"Khiết liễu tụ đầu huyên huyên, đãn thuyết nhân gian tạp thoại"
Ăn rồi dụm đầu ồn náo, chỉ nói toàn chuyện tạp thế gian.

Tổ quở câu này, đa số chúng ta đều mắc phải bệnh này. Có đúng không? Ăn rồi, không có việc gì làm, nhất là sau giờ thọ thực chiều, chúng ta hay dụm đầu lại, bàn luận những chuyện thị phi phù phiếm không dính dáng ăn nhập gì với kinh điển cả. Có khi nào quý vị chùm nhum lại bàn về giáo lý Phật Tổ chỉ dạy trong kinh điển không? Hay là bàn tán những chuyện tào lao tạp nhạp bù khú thời sự của thế gian. Đây là cái bệnh của phái nào nặng nhất? Quý vị thử nói xem. Có phải phái nữ nặng nhiều nhất không? Phái nam cũng không thua kém gì nhiều. Đã xuất gia rồi, nhất là quý vị mới xuất gia vào chùa, cái tập khí ở ngoài đời còn nặng lắm, chưa có thể dứt hẳn được. Tu rồi, chúng ta nên bỏ bớt những tập khí xấu đó. Bớt nói chuyện thiên hạ, đừng có phê bình chỉ trích nói xấu người khác. Nghĩ lại xem, mình có trong sạch hết không mà hay chê trách nói xấu người khác. Đúng như lời người xưa đã nói: "Chưn mình còn lắm lê mê, mà đi xách đuốc lại rê chưn người". Chưn mình còn dính tèm lem tuốt luốt mà không chịu soi rọi lại mình, mà thích đi soi rọi chưn người khác. Như thế, có khác nào

VII. NHẮC NHỞ KHUYÊN TU

Kính thưa đại chúng,

Hôm nay, chúng ta bước sang qua bài học thứ bảy, với chủ đề lớn là Nhắc Nhở Khuyên Tu. Tổ vừa nhắc nhở chúng ta, đồng thời cũng vừa khuyến khích chúng ta tu hành. Bây giờ, chúng ta nghe được những lời nhắc nhở của Tổ, phải nói là chúng ta cũng có một duyên lành rất lớn. Nhất là chúng ta ít nhiều đều có nhân duyên với Tổ nên mới được nghe lời Tổ dạy, tuy gián tiếp qua văn tự chữ nghĩa, nhưng chúng ta cũng cảm thấy rất ấm lòng. Sống giữa cõi đời đầy hỗn loan nhiễu nhương phức tạp, vậy mà chúng ta cũng có chút ít phúc duyên nên mới xuất gia tu học như thế này. Đồng thời, chúng ta cũng có duyên lành với nhau trong nhiều đời nên nay mới được sống chung trong môi trường cùng tu cùng học, thật là một điều rất hy hữu. Vậy thì, chúng ta mỗi người hãy cố gắng nghe lời Tổ nhắc nhở mà tấn tu đạo nghiệp để có được kết quả tốt đẹp. Như thường lệ, bây giờ chúng ta đi vào bài học.

Chánh Văn:

"Cảm thương thán nhạ, ai tai thiết tâm, khởi khả giảm ngôn, đệ tương cảnh sách. Sở hận đồng sanh tượng quý, khứ thánh thời diêu, Phật pháp sanh sơ, nhân đa giải đãi, lược thân quảng kiến dĩ hiểu hậu lai. Nhược bất quyên căng, thành nan luân hoán".

Dịch nghĩa:

Việc sinh tử kể sao cho cùng số...
Tử rồi sinh, sinh tử lững lờ trôi
Bổn sư ta vô lượng kiếp phát tâm lành
Làm tiên nhẫn nhục, tu hành từ thời Nhiên Đăng cổ Phật
(Như Huyễn Thiền Sư)

Đã thế có gì phải lo sợ. Chúng ta đã trải qua sống chết không biết bao nhiêu lần, đâu phải chỉ mới có lần đầu mà chúng ta lo sợ. Tuy nhiên, khi nghĩ đến cái chết, đối với những người biết chút ít tu hành, am hiểu chút ít lời Phật, Tổ dạy, chắc không ai không khỏi giựt mình! Không ai muốn mình phải trôi lăn mãi trong vòng sinh tử khổ đau. Không muốn thì chúng ta phải tìm cách thoát ra. Thoát ra bằng cách nào? Đây là một câu hỏi đặt ra để mỗi người chúng ta tự tìm phương giải đáp.

con lươn mà đi chê con lịch. Nhìn lại con nào cũng nhớt nhợt cả. Những người hay thích bàn chuyện thị phi, phải nói người đó chẳng biết tu hành là gì. Nếu có tu, thì cũng chỉ là phô trương cái hình thức bề ngoài để giựt le lấy lệ mà thôi. Chứ trong thâm tâm của họ chẳng có tu hành gì cả. Người that tu là phải hang quán chiếu nhìn kỹ lại mình. Sao mình không noi gương đức Lục Tổ Huệ Năng, Ngài nói với Sa di Thần Hội: "Ta thấy là thấy cái lỗi của ta, còn ta không thấy là không thấy cái lỗi lầm của người khác". Câu nói này Lục Tổ đã trả lời dứt khoát với Sa di Thần Hội. Sa di Thần Hội năm đó chỉ mới khoảng 13 tuổi. Tuy tuổi còn trẻ mà ngài rất thông minh. Câu nói của Lục Tổ chẳng khác nào nhà mình rác rến đầy hết, không lo dọn quét mà cứ xách chổi đi quét nhà thiên hạ. Nhà người ta đâu có cần mình dọn quét. Mình hãy lo dọn quét cho sạch sẽ nhà mình đi. Tức là mình phải hằng quán chiếu lại tâm mình để gạn lọc tiêu trừ phiền não. Có như vậy, thì tâm mình mới an lạc. Quý vị còn nhớ bài thơ tôi viết **"Quét Lá Sân Lòng**" không? Ai nhớ đọc cho đại chúng nghe thử. Không ai nhớ hết, thôi thì để tôi đọc cho quý vị nghe nhe!

Tôi lo quét lá sân lòng
Tôi không quét lá bao đồng thế gian
Lá lòng còn quá ngổn ngang
Ngày đêm lo quét mới an tâm lòng
Bao giờ hết lá thong dong
Chỉ còn sân trống mới hòng thảnh thơi
Bấy giờ mới thật vui chơi
Bấy giờ mới thật thảnh thơi an nhàn

Tôi đề nghị quý vị nên học thuộc lòng bài thơ này. Hằng ngày, chúng ta cố gắng lo dọn quét rác rến phiền não trong tâm mình. Khi nào rác rến phiền não không còn, thì chừng

đó mình mới thực sự thảnh thơi. Thảnh thơi có nghĩa là mình được tự do tự tại. Mình không còn bị các thứ phiền não kiết sử trói buộc nữa. Chừng đó mới thực sự là giải thoát. Thời xưa, có hai anh em Bàn Đà và Bàn Đặc. Thầy Bàn Đặc thì không được thông minh như người anh của mình là Bàn Đà. Vì kém thông minh đầu óc không được minh mẫn, nhớ trước quên sau. Một hôm ông buồn lắm, tu hành mà ngu dốt như thế này chỉ là tốn hao của Đàn na tín thí mà thôi. Thấy thế nên Bàn Đà tìm cách khuyên lơn an ủi người em của mình. Và rồi, người anh lên bạch trình với Đức Phật. Đức Phật chỉ dạy cho Bàn Đặc hai chữ tảo tuệ. Tảo là quét, tuệ là chổi. Khổ thay! Ông nhớ chữ quét thì quên chữ chổi. Hễ nhớ chữ chổi thì quên chữ quét. Bàn Đặc cố tình tập trung tâm ý vào hai chữ đó. Nhờ đó, không bao lâu ông chứng quả A la hán. Chỉ đem hết tâm ý tập trung vào hai chữ "CHỔI QUÉT" mà đạt được kết quả tốt đẹp như thế. Còn chúng ta không ai dốt tệ đến nỗi như ông ta. Thế thì, mình phải hơn ông ta mới phải. Nhưng nhìn lại mình có hơn gì ông ta hay không? Hay là ỷ mình thông minh học giỏi rồi nghĩ nhớ lung tung để tâm phóng túng chạy theo vật dục thế gian mà quên đi sự thúc liễm thân tâm tu hành của mình cho có kết quả tốt đẹp.

"Nhiên tắc nhất kỳ sấn lạc, bất tri lạc thị khổ nhân"
Song, một thuở đua vui, không biết vui ấy là nhân của khổ!

Thật vậy, qua lời dạy này, chúng ta nghiền ngẫm cho thật kỹ quả thật là như thế. Thú vui vô ý thức là những thú vui chỉ mở đường cho đau khổ. Đó là những thú vui trụy lạc sa đọa. Ngược lại, những thú vui có ý thức lành mạnh, như là những thú vui nghiêng nặng về phần tâm linh như tụng kinh, niệm Phật, tham thiền, quán tưởng v.v... Đó là những thú vui mang lại niềm vui nhẹ nhàng an thoát cho tâm hồn

không thể theo ý mình muốn mà được. Có người đau yếu bịnh hoạn trầm kha cứ rề rề hoài, tới lui khó khăn, ngồi lên nằm xuống phải có người giúp đỡ, thế thì, cũng muốn chết phứt đi cho rồi, nhưng có chết được đâu. Vì nghiệp trần chưa mãn nên cũng khó vứt áo ra đi! Nhưng khi bệnh nặng nằm thở thoi thóp thì lại sợ chết. Đó có phải là mâu thuẫn lắm không?! Ta nên ý thức rằng mạng sống con người không thể lấy thời gian mà đo đạt được, nó chỉ trong hơi thở tích tắc mà thôi. Thở vào mà không thở ra, ngang đó coi như mạng sống không còn.

Nhơn thiên tam hữu, ứng vị miễn chi. Như thị thọ thân, phi luân kiếp số.
Ba cõi trời người chưa thoát khỏi, thì cứ như vậy mà thọ thân số kiếp không thể tính bàn.

Ba cõi như trước chúng tôi đã có nói qua, tức cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Ở đây, không cần phải lặp lại. Chúng sinh ở trong ba cõi, đối với con đường sinh tử thật khó trốn thoát. Còn tạo nghiệp dù lành hay dữ cũng đều phải chịu luân hồi trong ba cõi. Nếu là nghiệp lành thì sinh ở cõi lành để hưởng phước. Trái lại nếu tạo nghiệp ác, thì sinh ở cõi ác để trả quả báo. Thế là mãi sinh tử trong vòng luân hồi không lối thoát. Cứ thế mà thọ hết báo thân này đến báo thân khác số kiếp không lường. Sinh tử, tử sinh không bao giờ cùng. Trong Chứng Đạo Ca của ngài Vĩnh Gia Huyền Giác, thi ca 19 có nói:

Kỷ hồi tử, kỷ hồi sinh
Sinh tử du du vô định chỉ
Ngã sư đắc kiến Nhiên Đăng Phật
Đa kiếp tằng vi Nhẫn Nhục Tiên.

Mạng sống của con người chỉ trong một hơi thở. Thở ra mà không thở vào thì cuộc đời ngang đó đã chấm dứt. Sơ Tổ Trúc Lâm đâu chẳng từng than:

"Thế số nhất tức mặc
Thời tình lưỡng hải ngân
Ma cung hồn quản thậm
Phật quốc bất thắng xuân"

Bốn câu này Hòa thượng Thích Thanh Từ dịch như sau:

Số đời một hơi thở
Lòng người hai biển vàng
Cung ma dồn quá lắm
Cõi Phật vui nào hơn!

Đã là vô thường thì luôn luôn thay đổi làm sao dừng lại được, nên Tổ nói niệm niệm bất đình. Nó thay đổi chuyển biến nhanh chóng từng sát na, tức đơn vị ngắn nhứt của thời gian. Đã thay đổi chuyển biến nhanh chóng như thế thì làm sao kéo dài mạng sống cho được? Hơn nữa thời gian cũng không chờ đợi ai hết. Là con người ai cũng ham sống sợ chết. Ai cũng muốn mình được sống lâu. Nhưng càng sống lâu thì lại càng thêm đau khổ. Nhất là khi bước qua cái tuổi thất thập cổ lai hy, thì thân thể suy nhược, hơi tàn sức kiệt, đau yếu liên miên, thế thì không ai lại muốn sống lâu cả. Vì sống lâu có hưởng được gì nữa đâu? Ăn không biết ngon, ngủ không yên giấc. Người xưa nói: "Đa thọ đa nhục". Chỉ gói gọn có bốn chữ thôi mà nó đã nói lên hết cái cực khổ khó nhọc của người già yếu. Nghĩ con người cũng mâu thuẫn lắm. Một mặt thì cũng muốn sống lâu, nhưng một mặt sống lâu thì lại lo lắng sợ khổ. Thế nhưng, người ta quên rằng mạng sống của con người

chúng ta. Bằng trái lại, cứ một bề chạy theo dục vọng vui theo danh lợi phù hoa hư ảo của thế gian, thì cái vui đó chỉ là cái vui tạm bợ nhất thời và cũng chỉ là cái vui trong đau khổ đó thôi! Vui đó rồi khổ đó. *"Vui trong tham dục vui rồi khổ, khổ để tu hành khổ hóa vui"*. Chúng ta thấy có lắm người ở ngoài đời họ sống buông thả phóng túng tha hóa trụy lạc, đắm chìm trong năm món dục lạc của thế gian, đó chính là cái nguyên nhân gây ra đau khổ. Điều này, cứ nhìn vào cuộc sống thực tế của những người luôn sống buông lung tâm ý, kết quả không có người nào là không chuốc lấy đau thương khổ lụy. Một người nghiện ngập hút chích, xì ke ma túy, khi hút chích vào họ cảm thấy cả tâm hồn và thể xác của họ đều khoái cảm lâng lâng sung sướng tột độ lên tới mấy tầng mây xanh. Đó là một thú vui mà họ hưởng thụ không thể nào diễn tả hết được. Lúc đó, họ đang quay cuồng hưởng thụ trong cơn say mê đắm đuối, quên hết mọi thứ trong cuộc đời này. Dù trời có sập xuống họ cũng không hề hay biết. Tuy nhiên, khi giải quyết cơn ghiền đó rồi, sau đó thì sao? Nếu cơn ghiền lại đến mà họ không có thể giải quyết cấp thời để thỏa mãn cơn ghiền, thì hậu quả sẽ ra sao? Có phải họ bị cơn ghiền nó hành hạ vật vã thân tâm của họ rất đau khổ thê thảm phải không?! Có biết bao nhiêu người đã lâm vào cái thảm cảnh đau khổ ngút ngàn ác nghiệt này. Có người vì cơn ghiền quá nặng nên hút chích quá liều lượng rồi đưa đến cái chết vô cùng bi thảm! Đó là cái thú đau thương mà chỉ có những người trong cuộc mới có thể cảm nhận được sự đau khổ cùng cực đó thôi! Người ta nói, vui trong chốc lát mà khổ sầu ngàn năm là vậy đó! Cũng có lắm người sau khi nếm mùi đau khổ cùng cực của thể xác và tâm hồn, họ quyết tâm cai nghiện để tái tạo lại cuộc đời như một con người mới. Nhưng phải là người có đầy đủ ý chí nghị lực mạnh mẽ và phải có một quyết tâm cao độ, thì họ mới

vượt thoát khỏi cái hệ lụy khổ đau tràn ngập này.

Rồi đến những người đam mê bài bạc như đánh bài, kéo máy v.v... kết quả thì sao? Lắm người tan nhà nát cửa, trở thành thân tàn ma dại, lang thang như con ma đói không cửa không nhà. Đó là một hậu quả của sự mua vui trong canh bạc. Nói chung, những ai đi vào con đường nghiện ngập, một đời sống tha hóa trụy lạc, không kềm chế được bản thân, tiêu thụ quá mức những thứ có hại cho thân tâm, cố nhiên, người đó phải lãnh lấy cái hậu quả rất là đau đớn khổ sở. Không những đau khổ cho riêng bản thân mình, mà kéo theo làm liên lụy đau khổ cho cả gia đình và xã hội nữa. Đây là một tệ nạn cực kỳ nguy hiểm đã xảy ra trước mắt hằng ngày trong xã hội. Đó là nói những người có đời sống bê tha trụy lạc ở ngoài đời. Còn trong đạo thì sao? Tổ cảnh báo cho chúng ta biết, những người tu hành mà có đời sống buông lung phóng túng, đam mê dục lạc thế gian, vướng phải nợ nần chồng chất, thì cũng chuốc lấy cái hậu quả bi đát tang thương sa đọa! Bởi chính cái nhân đua vui không thúc liễm thân tâm đó mà phải lãnh lấy cái hậu quả khổ đau cùng cực như thế. Cho nên đối với người xuất gia có tuệ giác, tất nhiên, chúng ta là phải lánh xa ngũ dục như tránh xa hầm lửa. Vì chính ngũ dục lạc làm cho chúng ta bị đê mê thất điên bát đảo. Càng thích hưởng thụ khoái lạc, thì đó là nhân tố của sự sa đọa. Cho nên chính cái danh lợi làm cho chúng ta phải bị mờ mắt rồi phải chịu quay cuồng đắm chìm trong vòng sinh tử hệ lụy khổ đau!

Chí nguyện của người xuất gia chúng ta không phải tầm thường, mà nó rất là cao thượng. Không vì những thứ danh lợi tầm thường đó mà làm mất đi cái phẩm hạnh thanh bạch cao cả thượng hoằng, hạ hóa của người xuất gia. Tổ nhắc nhở khuyến cáo chúng ta đừng vì chút danh lợi ruỗng

thường gọi đến tên mình. Thế thì có lo sợ cho lắm cũng không thoát khỏi. Đã thế thì lo sợ làm gì? Phải chi chỉ có một mình mình đứng trong hàng ngũ đó thì mình lo sợ là phải. Đằng này hàng hàng lớp lớp già trẻ bé lớn không thiếu một mạng nào cùng đứng chung trong hàng ngũ chờ đợi. Đã là chờ đợi thì dĩ nhiên có kẻ trước người sau, nhưng chỉ sớm hay muộn mà thôi. Chắc chắn là con quỷ vô thường không bỏ sót một ai. Kẻ trước người sau lần lượt mà ra tòa để "chánh án vô thường" tuyên án tử hình. Thế thì ta vui mới phải có chi mà phải lo sợ. Có lo sợ cho lắm cũng không thoát khỏi. Ta yên chí, chết chỉ là khởi đầu cho một cuộc sống mới. Cuộc sống đó có thể tốt hoặc xấu, tùy theo nghiệp nhân mà chúng ta đã gây tạo trong hiện tại. Điều quan trọng là ta hãy chuẩn bị cho mình mọi thứ chu đáo tốt đẹp trước khi từ giã cõi đời. Khi quỷ vô thường có gọi tên mình nhập ngũ thì mình sẽ sẵn sàng vui vẻ lên đường. Vì mọi hành trang tư lương mình đã chuẩn bị sẵn sàng hết rồi không còn lo sợ chi cả. Như mình biết mùa đông thế nào cũng tới. Vì đó là một quy trình luật định của thiên nhiên. Biết mùa đông lạnh buốt, thì mình phải chuẩn bị những thứ để chống lại cái lạnh ác nghiệt của mùa đông. Như lò sưởi, mền dày, áo ấm v.v... Khi đã chuẩn bị sẵn sàng hết rồi thì mùa đông có tới chúng ta cũng chẳng có lo sợ gì. Chẳng những không lo sợ mà chúng ta còn vui vẻ để đón nhận mùa đông. Cũng thế, cái chết đến với chúng ta, ta sẵn sàng đón nhận. Ta phải thường xuyên quán chiếu thân này là hư giả tạm bợ, vì nó là vô thường là duyên sinh như huyễn. Nó y như là lằn điện chớp có đó rồi không. Đúng là:

Dép dưới giường lên giường vội biệt
Sống ngày nay đâu dễ biết ngày mai
Mạng người hô hấp kinh thay
Nghĩ cơn vĩnh biệt tiền đài mà đau!

Thế nên người tu hành cần phải kiểm soát kỹ từng tâm niệm của mình. Nhất là khi phát ra hành động ở nơi thân và miệng. Khi đã phát ra ở nơi thân thì tạo thành nghiệp lành hoặc nghiệp dữ ở nơi thân. Đến ở nơi miệng cũng thế. Nếu hằng ngày mình tạo nhiều nghiệp lành thì khi giờ phút lâm chung cố nhiên tâm mình không tán loạn. Bằng trái lại, tạo nhiều nghiệp ác thì tâm mình hốt hoảng tán loạn bất an. Tâm tán loạn tức theo tình lôi cuốn, giờ phút lâm chung bị nghiệp kéo lôi. Người có chánh niệm trong giờ phút lâm chung thì chắc chắn sẽ không bị tình đời lôi cuốn, nên có thể chuyển nghiệp lại được. Muốn biết giờ phút lâm chung thần thức thác sanh về cảnh giới nào, thì hãy nghiệm ngay trong đời sống hiện tại. Bởi nghiệp nhân hiện tại là định hướng cho quả báo ở tương lai. Điều này một mảy may không hề sai chạy. Thế thì, chúng ta phải sống sao cho hiện tại tốt, thì chắc chắn tương lai của chúng ta cũng phải tốt đẹp thôi. Nhân quả báo ứng sáng tỏ như ban ngày không có gì phải nghi ngờ cả.

Vô thường sát quỷ, niệm niệm bất đình, mạng bất khả diên, thời bất khả đãi.
Vô thường sát hại, niệm niệm không dừng, mạng sống không thể kéo dài, thời gian không thể chờ đợi.

Vô thường sát quỷ là con quỷ dữ vô thường. Tại sao gọi vô thường là con quỷ dữ? Bởi vì nó hay cướp đoạt mạng sống con người không chừa ai hết. Sát là giết, nó giết tất cả sinh mạng con người trên thế gian này. Nên gọi nó là con quỷ dữ. Khi chúng ta vừa mới chào đời, thì mỗi người đã tự mang vào mình cái bản án tử hình hết rồi, chỉ còn chờ ngày con quỷ vô thường này nó tuyên án đem ra xử trảm mà thôi. Tất cả chúng ta đều đi vào hàng ngũ giống như những tên tử tội. Ai cũng phải sắp hàng để chờ quỷ vô

mục mà phải bị lỗi đạo. Đó là điều mà người Phật tử xuất gia chúng ta phải hằng khắc cốt ghi tâm. Thời nay, có lắm người xuất gia, đang đi vào cái quỹ đạo của danh lợi mà đánh đổi cái giá trị phẩm hạnh thiêng liêng cao đẹp của mình. Vì muốn cho mình nổi tiếng để mọi người biết tới mà cung phụng cúng dường nhiều, chỉ vì lợi dưỡng mà làm mất thanh danh cao đẹp của bản thân mình và của Tăng đoàn. Điều này ta thấy rất rõ những sự việc đã và đang xảy ra gây ồn ào lùm sùm trên cộng đồng mạng. Vẫn biết "mía sâu có đốt, nhà dột có nơi, nhưng một người làm xấu thì cả bọn mang nhơ, một người làm tốt thì cả bọn được nhờ. Con sâu làm sầu nồi canh". Đúng với câu: "Tốt lá tốt nem, tốt em tốt chị". Ngược lại, xấu lá xấu nem, xấu em thì cũng xấu chị. Làm sao không ảnh hưởng tới chị chớ?

Thực tế là như thế. Những dư luận gần đây đã nói lên rất rõ điều này. Chúng ta nên nhớ rằng thời đại mới này, thời đại của sự truyền thông toàn cầu hóa, không gì có thể bưng bít che giấu thiên hạ được. Cái tốt, cái xấu gì mọi người cũng đều biết đến. Tâm lý con người thích bươi móc truy tìm cái xấu để chỉ trích phê bình hơn là cái tốt. Tuy rằng, hữu xạ tự nhiên hương, mình cũng không cần phải phô trương cái hay cái đẹp của mình làm gì. Vì như thế, mắc vào cái lỗi phô trương bản ngã. Mà người tu thì cần phải diệt trừ cái bản ngã. Phải luôn chuyển hóa cái xấu thành cái tốt, cái dở thành cái hay, cái tà thành cái chánh. Đó mới chính là người thật sự tu hành vậy.

Nẵng kiếp tuần trần, vị thường phản tỉnh.
Nhiều kiếp theo trần, chưa từng tỉnh lại.

Lời dạy này quả đúng với tâm cảnh của chúng ta. Chúng

ta không phải chỉ chạy theo trần cảnh trong đời này thôi, mà đã trải qua nhiều đời nhiều kiếp rồi, chúng ta mải phan duyên rong ruổi theo trần cảnh chưa bao giờ có phút giây phản tỉnh hồi đầu nhìn kỹ lại mình. Phản tỉnh là tỉnh giác nhìn kỹ lại mình. Nhìn lại cái tâm phan duyên vọng động rong ruổi theo trần cảnh. Chính vì chạy theo trần cảnh gây tạo nhiều ác nghiệp nên mãi lang thang trôi nổi trong biển sinh tử luân hồi. Khi nghĩ đến lời của Tổ dạy đây, tôi có viết một vài câu thơ qua cái cảm xúc của chính mình. Bài thơ với danh đề là **"Về Nhà":**

Lang thang mấy độ luân hồi
Trải bao kiếp sống mây trôi chiều buồn!
Biển đời nước mắt trao tuôn
Đùa vui theo sóng quên nguồn suối trong
Làm thân chiếc lá giữa dòng
Nào hay lá rụng cội tòng giữa đêm
Trời xanh én lượn êm đềm
Ngàn sao lấp lánh vẫn yên bầu trời
Thuyền chèo bạc nước mù khơi
Tìm về "Bến Cũ" thảnh thơi an nhàn
Chuyện đời trả lại trần gian
Một mình lặng bước thênh thang về nhà

Trải qua không biết bao nhiêu kiếp ta cứ mãi đi lang thang loanh quanh lẩn quẩn trong sáu nẻo luân hồi. Không biết đến bao giờ mới thực sự chấm dứt. Vì nghiệp lực ràng buộc lôi cuốn mà ta mới có mặt ở cõi đời này, nếu như đời này mà mình không chịu hồi tâm thức tỉnh để thiết thực tu hành, thì vòng luân hồi lẩn quẩn đó khó mà thoát ra. Được thân này cũng không phải dễ dàng. Nếu mình không biết lợi dụng thân này để tu tập, thì con đường sinh tử khổ đau chắc chắn là khó thoát khỏi. Muốn thoát khỏi vòng luân

Nếu tạo nghiệp thiện nặng thì chiêu cảm đến môi trường lành để hưởng quả báo tốt. Do đó nên chúng ta cố gắng tạo nhiều nghiệp lành. Sách Nho có câu: "Nhất nhật hành thiện, thiện du bất túc, nhất nhật hành ác, ác tự hữu dư". Nghĩa là một ngày làm điều lành, điều lành còn chưa đủ; một ngày làm điều ác, điều ác có thừa. Xin chớ có khinh thường điều lành nhỏ hoặc điều ác nhỏ. Từ những điều lành nhỏ chung lại thành những điều lành lớn. Cũng vậy, nếu ta tạo nhiều điều ác nhỏ, chung lại thành nhiều điều ác lớn. Nghiệp lành ngày càng tăng lên thì gọi đó là tích lũy nghiệp thiện lớn. Ngược lại, nghiệp ác ngày càng tăng lên thì gọi đó là tích lũy nghiệp ác lớn. Chúng ta không nên xem thường điều lành hay điều ác nhỏ. Như một giọt nước ta thấy chẳng có gì, nhưng nếu nó cứ rỉ giọt lâu dài thì sẽ tràn đầy lu khạp. Giống như người kháp rượu, từng giọt rượu nhiều xuống trong bình, mới đầu thấy không có gì, nhưng lâu dần thì rượu đầy cả vò. Như mỗi ngày chúng ta niệm một câu Phật thì thấy rất ít, nhưng nếu niệm thường xuyên nhiều lần nhân lên thì tất nhiên sẽ rất nhiều. Giống như người mót lúa, họ mót từng bông lúa. Ngày xưa, khi chưa có máy gặt người ta gặt lúa bằng vòng hái. Đương nhiên khi gặt cố nhiên không thể nào tránh khỏi bông lúa đổ. Người gặt thì gặt trước người mót lúa thì đi sau. Chủ không cho người mót đi sát bên người gặt. Vì chủ sợ đổ lúa nhiều. Cái cảnh chồng gặt trước vợ mót sau, nên không lâu mót đầy cả thúng. Khi chủ phát giác thì không cho người vợ theo sau chồng mót lúa nữa. Ở đây, chúng tôi muốn nói mình làm điều lành giống như mình mót từng bông lúa. Hay như bỏ ống tiền cắc vậy. Cứ mỗi ngày bỏ vào ống 10 cent, 20 cent hoặc 50 cent ... lâu ngày chầy tháng thì ống sẽ đầy thôi. Tích thiểu thành đa, góp gió thành bão là vậy.

Tâm chúng sanh cũng vẽ đủ muôn màu
Vẽ muôn ngàn ra cảnh khổ vui đau
Vẽ đủ thứ nghiệp dữ lành đều có
Vẽ sướng khổ hay tột cùng khốn khó
Vẽ Thánh phàm cũng tự nó mà ra
Tạo điều lành thì hưởng phước báo hằng sa
Gây nhân ác thì phải chịu muôn đường khổ lụy
Nhân với quả như bóng theo hình khắp chỗ
Bóng hình kia không thể đổ cho ai
Gây nhân lành trong cuộc sống hằng ngày
Hưởng quả tốt trải dài trong cuộc sống

Cho nên, mọi pháp môn tu, chủ yếu đều nhắm thẳng vào tâm để chuyển tâm ác thành tâm thiện, chuyển tâm tà thành tâm chánh... Hiện đời nếu mình tạo nghiệp nhân lành, thì hạnh phúc sẽ có mặt với mình liền, bằng ngược lại, gây nhân ác thì đau khổ cũng có mặt với mình ngay lập tức. Một người làm việc phi pháp như buôn bán nha phiến chẳng hạn, thì cái quả tù tội nó có mặt ngay trong khi họ buôn bán phân phối. Luật pháp không dung tha cho những ai gây ra nghiệp ác. Vì thế, chúng ta phải ý thức trong mọi hành động, nói năng, suy nghĩ của chúng ta. Câu kế tiếp Tổ dạy rõ hơn về sự chiêu cảm của nghiệp lành dữ đã gây.

Như nhơn phụ trái cường giả tiên khiên, tâm tự đa đoan trọng xứ thiên trụy.
Như kẻ mắc nợ, ai mạnh kéo trước, trong tâm nhiều mối, nặng đâu sa đó.

Câu này Tổ nói rõ nghiệp quả phải mang. Như người mắc nợ (phụ trái) chủ nợ nào mạnh thì lôi trước. Nếu tạo nghiệp ác nặng thì phải chiêu cảm thọ nhận quả báo nặng.

hồi sinh tử khổ đau, thì mỗi người chúng ta cần phải cố gắng nỗ lực huân tu nhiều hơn. Phải làm sao đời này đừng buông lung tâm ý chạy theo trần cảnh nữa mà phải hằng tỉnh giác để dừng vọng nghiệp tạo tác. Có thế, thì sự tu hành của chúng ta mới có được lợi ích thiết thực vậy.

Thời quang yểm một, tuế nguyệt sa đà.
Thời giờ mất mát, năm tháng dần dà.

Thời giờ trôi qua rất nhanh. Không nên dần dà theo năm tháng. Tuổi đời của chúng ta mỗi ngày mỗi thêm chồng chất. Thoáng chốc mà đã gần hết năm rồi. Thời gian cứ lặng lẽ âm thầm trôi mãi. Nhìn lại con người của chúng ta mới đó mà nay đã già nua cằn cỗi. Đúng là: "xuân xanh mới đó, bạc đầu rồi đây". Ý thức đến sự vô thường nhanh chóng đừng để thời gian trôi qua một cách vô ích! Thời gian không bao giờ trở lại với chúng ta. Chúng ta có thể quay ngược kim đồng hồ thì dễ, nhưng không thể quay ngược thời gian. Cho nên Tổ khuyên chúng ta nên ý thức quý tiếc thời giờ đừng để nó trôi qua mất mát một cách vô ích. Ba tháng an cư trôi qua nhanh lắm. Vì vậy, mỗi người chúng ta cần phải nỗ lực gắng công tu hành. Tôi thấy trong chúng mình, có người cũng siêng năng tinh tấn tu học, nhưng cũng có người vẫn còn chênh mãng giải đãi trong việc tu học. Nhất là các vị trọng tuổi nên quý tiếc thời gian nhiều hơn. Tổ đem thời gian để nhắc nhở chúng ta. Trong thời công phu chiều, có bài "Thị Nhựt" rất hay. Tôi thích bài đó lắm. Chắc quý huynh đệ ai cũng đều thuộc nằm lòng bài đó hết. Bài đó nguyên văn chữ Hán như thế này. Tôi chỉ đọc âm Hán Việt thôi, chớ tôi không có viết chữ Hán.

Thị nhựt dĩ quá, mạng diệc tùy giảm
Như thiểu thủy ngư, tư hữu hà lạc.

Đại chúng đương cần tinh tấn
Như cứu đầu nhiên, đản niệm vô thường
Thận vật, phóng dật!

Tạm dịch:

Ngày nay đã qua, mạng sống giảm dần
Như cá cạn nước, nào có vui chi!
Đại chúng nên cần tinh tấn
Như lửa cháy đầu, phải nhớ vô thường
Dè vặt, chớ có buông lung!

Dịch ra văn vần:

Ngày nay ngày đã qua rồi
Mạng căn huyết mạch lần hồi khô khao
Dường như cá cạn ở ao
Khổ thêm thì có chút nào vui đâu!
Cần tu tợ lửa cháy đầu
Đừng cho sái buổi đi châu Đế vương
Thân này mỏng mảnh vô thường
Sớm còn tối mất tìm phương cứu mình

Đúng vậy. Chúng ta hãy gấp rút tìm phương cứu mình. Mình không cứu được mình, thì không ai có thể cứu giúp được mình cả. Đừng bao giờ ỷ lại nương cậy vào người khác. Kể cả Phật, Bồ tát cũng không thể cứu giúp được mình. Các Ngài chỉ có thể cứu mình bằng cách giảng dạy trong kinh điển cho mình tìm hiểu rồi thật hành đó thôi. Có hiểu có hành thì mới cứu được mình. Đó là một thực tế của cuộc đời, không phải là chuyện mơ hồ viễn vông hoang đường. Đời này mình không tự cứu mình, thì thử hỏi ai có thể cứu mình đây? Chỗ khác Tổ Qui Sơn cũng có dạy: "Kim sanh tiện tu quyết đoán, tưởng liệu bất do biệt

bát thức tâm vương. Thức này còn được gọi là tàng thức, tức thức chứa cất tất cả mọi hạt giống được huân vào, nên nó còn có tên là Nhứt thiết chủng. Những hạt giống còn gọi là nghiệp, là tập khí hay phiền não mà hằng ngày do sáu thức kia huân tập vào trong cái kho tàng thức này. Nói rõ hơn là sáu thức (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) gây tạo các nghiệp lành dữ và rồi dẫn dắt thức thứ tám thọ sanh trong sáu đường: trời, người, a tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Đại chúng phải hết sức lưu ý về điểm này. Nghiệp lành dữ đều do ba nghiệp thân, ngữ, ý của chúng ta tạo ra. Trong ba nghiệp thì ý nghiệp rất quan trọng. Chính nó là nguyên động lực thúc đẩy thân và miệng tạo thành nghiệp lành hay nghiệp ác. Vì thế mà trong kinh hay nói: tất cả đều do tâm tạo. Cụ thể như trong Kinh Pháp Cú ở Phẩm Song Yếu mở đầu Phật nói rất rõ: *"Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, thì sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe. Ngược lại, nếu đem tâm thanh tịnh tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, thì sự vui sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình".*

Qua đó, chúng ta thấy tất cả khổ vui đều do tâm ta tạo ra tất cả. Tâm của chúng ta như nhà họa sĩ vẽ ra thiên hình vạn trạng. Tôi có làm bài thơ Tâm như Họa Sĩ.

Tâm của ta như anh chàng họa sĩ
Vẽ muôn màu đủ loại sắc thế gian
Vẽ thiên đường và địa ngục trần gian
Chàng vẽ mãi vẽ rồi lại thích
Cứ ngắm nghía bức tranh mình đã vẽ

lành. Ngược lại người nào có nét mặt nhăn nhó khó coi như là đang lo sợ điều gì đó, thì ta biết người đó khó được thác sanh về cảnh giới an lành. Vì gương mặt của họ hiện ra cho chúng ta thấy rất rõ điều đó. Lý do, ta thấy cũng dễ hiểu. Nếu là người nào hiện đời tu tạo nhiều điều phước thiện, thì chắc chắn là người đó sẽ sanh vào cảnh giới an vui. Vì căn cứ theo luật nhân quả mà chúng ta đoán định như thế. Ngược lại, nếu người nào hiện đời này tạo nhiều nghiệp ác, thì người đó sẽ chiêu cảm vào cảnh giới xấu để trả cái quả báo ác mà người đó đã gây. Tức đọa vào cảnh giới xấu xa như địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, tùy theo chỗ tạo nghiệp nặng nhẹ của họ. Nói một cách nghiêm khắc hơn, tùy theo nghiệp nhân đã gây tạo thiện hay ác mà phải chiêu cảm có quả báo tốt hoặc xấu. Vì thế nên câu kế tiếp Tổ nói:

Hộc xuyên tước phi thức tâm tùy nghiệp.
Lụa thủng chim bay, tâm thức theo nghiệp.

Tổ nêu ra một hình ảnh ví dụ cho chúng ta thấy rất cụ thể về tùy nghiệp chiêu cảm. Chữ "Hộc xuyên" dụ như cái hũ trên miệng hũ có tấm lụa mỏng (hộc) bịt miệng lại, trong hũ có con chim. Khi tấm lụa bị thủng đi, thì con chim bay ra (tước phi) tùy chỗ nó thích. Cái hũ bịt miệng là dụ cho xác thân tứ đại của chúng ta. Lụa mỏng là dụ cho mạng căn, chim bay là dụ cho thần thức. Khi thân xác hư hoại tan rã ra thì thần thức đi theo nghiệp. Như đã nói, nghiệp là một hành động lặp đi lặp lại nhiều lần thành thói quen. Thói quen thì có thói quen tốt hoặc thói quen xấu. Thói quen nặng thì gọi là cực trọng nghiệp, nói nôm na là ghiền nặng. Nghiệp thì có nghiệp thiện và nghiệp ác. Tùy chỗ tạo nghiệp thiện, ác mà chiêu cảm nhận lấy quả báo. Nói tâm thức tức nói đến thức A lại da, là thức thứ tám trong

nhơn". Nghĩa là, đời này mình phải tự giải quyết cho chính mình, đừng có nương nhờ ỷ lại vào người khác. Muốn cứu mình thì ta phải nỗ lực gắng sức tu hành theo lời Phật Tổ chỉ dạy. Chỉ có con đường **"Giới, Định, Huệ"** hay **"Niệm, Định, Tuệ"** mới có thể cứu thoát mình thôi.

Thọ dụng ân phồn, thí lợi nồng hậu.
Thọ dụng càng nhiều, thí chủ càng được lợi.

Đọc câu này, chúng ta cảm thấy rất xấu hổ! Xấu hổ là vì mình tu hành chưa có được đức độ bao nhiêu mà lại thọ dụng của người thí chủ nhiều quá, tất sẽ mang nợ họ nhiều. Người tu hành thời nay, đa số là hay buông lung tâm ý, theo cảnh theo duyên mà tạo nghiệp. So với việc tu hành của người xưa, thì mình thật là hổ thẹn vô cùng! Thuở xưa, Ngài Huệ Hưu Pháp Sư đi một đôi giày, gặp chỗ đất mềm thì đi chơn không. Ngài thường dạy trong đại chúng rằng: "Các ngươi, các món thực dụng, chưa đói mà ăn, chưa lạnh mà mặc, chưa nhơ mà tắm, chưa buồn ngủ mà đi ngủ. Đạo nhãn chưa sáng, tâm Hữu lậu chưa hết thế nào tiêu đặng?" Quý huynh đệ còn nhớ trong 33 vị Tổ Ấn Hoa do Thiền Sư Thích Thanh Từ biên soạn, trong đó có câu chuyện nói về trong vườn của ông trưởng giả mọc lên một loại nấm ngon kỳ đặc. Tuy nhiên, loại nấm này chỉ có ông trưởng giả và người con trai thứ dùng được mà thôi. Trong gia đình không ai dùng được cả. Đó là một chuyện rất lạ, mà hai cha con cứ mãi thắc mắc nhưng không biết rõ nguyên nhân vì sao? Người cha mới nói với đứa con trai ước gì có ai thông hiểu mà giải thích cho cha con mình hiểu.

Một hôm, có vị Bồ tát đến nhà, vị Bồ tát đó là Tổ Ca Na Đề Bà, hai cha con rất vui mừng mới đem việc này ra hỏi.

Ngài dạy: "Khi xưa lúc ông hai mươi tuổi thường mời một vị Tỳ kheo về nhà cúng dường. Vị Tỳ kheo ấy tuy có chút ít giới hạnh mà con mắt pháp chưa sáng, tâm không thấu lý, luống nhận sự cúng dường của ông. Song vị Tỳ kheo ấy có chút ít tu hành nên khỏi sa vào đường ác, vẫn phải làm cây sanh nấm này để trả nợ cho ông. Xưa, khi vị Tỳ kheo ấy đến nhà ông, trong nhà chỉ có ông và người con trai thứ này thành kính cúng dường, còn bao nhiêu người khác thấy thế đều không vui. Vì thế, nên nấm hiện nay chỉ có hai cha con ông được hưởng dụng mà thôi. Ngài lại hỏi: Ông nay được bao nhiêu tuổi? Trưởng giả thưa: Tôi được 79 tuổi. Thế là đến khi ông được 81 tuổi thì nấm này sẽ không còn mọc nữa" (33 vị Tổ Thiền Tông – trang 82 – TS Thích Thanh Từ).

Lại trong Kinh Vị Tằng Hữu Thuyết Nhân Duyên, có kể câu chuyện bà hoàng hậu cúng dường cho năm thầy Tỳ kheo, những vị này thọ dụng vật phẩm cúng dường của bà, nhưng vì tu hành lôi thôi, giới hạnh không đầy đủ, nên phải tái sanh làm năm người khiêng kiệu cho bà để đền trả nợ trước. Qua hai mẫu chuyện ngắn đó nghe qua chúng ta cảm thấy giựt mình. Cho nên giới đức của mình kém khuyết mà thọ dụng của thí chủ nhiều quá, coi chừng giống như các vị Tỳ kheo kể trên. Thật là đáng kinh sợ! Nhân quả không thể nào tránh khỏi. Thế nên, chúng ta phải cố gắng tu hành, nếu không, thì sẽ mắc nợ của Đàn na thí chủ vậy. Mình giống như viên đá, còn thí chủ giống như con dao. Con dao của họ cứ đem mài hoài trên viên đá của mình, cố nhiên lâu ngày viên đá phải mòn dần. Nếu là viên đá non xèo thì lại còn mòn khuyết nhanh hơn nữa. Trong khi đó, con dao của họ càng mài lại càng sắc bén. Cho nên mình phải làm sao cho viên đá của mình ngày càng phải già dặn hơn. Nghĩa là, nếu chúng ta tu hành

tạo nghiệp lành thì ít mà tạo nghiệp ác thì nhiều. Nhiều nhất phải nói là cái khẩu nghiệp. Người xưa có câu nói: "họa tùng khẩu xuất, bệnh tùng khẩu nhập". Họa từ miệng ra, bệnh từ miệng vào. Lời nói này xưa nay quả thật không sai chút nào. Người nào mà nặng về ác khẩu thì thường hay mang họa vào thân. Tục ngữ có câu: "con ếch chết vì lỗ miệng". Quán chiếu lại đời mình ai cũng có những sai trái lỗi lầm. Thường người lớn tuổi hay sống về quá khứ. Ôn nhớ lại những việc làm sai trái đã qua rồi tự hận trách mình. Sao lúc nhỏ mình không sớm lo tu để đợi đến già thì quá trễ? Tuổi già thần trí không còn minh mẫn, nhựa sống khô cằn, nhớ lại thật là hối tiếc cho cái tuổi thanh xuân. Do thiếu nhân duyên căn lành Phật pháp, nên đành phải chịu vậy thôi. Điều quan trọng bây giờ là chúng ta phải cố gắng nỗ lực trong việc tu hành. Đối với các vị trọng tuổi nên chuyên tâm niệm Phật thật nhiều, đừng để thời gian luống trôi qua một cách vô ích! Dù đã trễ nhưng còn hơn không.

Lâm hành huy hoắc, phạ phố chương hoàng.
"*Khi sắp rời bỏ cuộc đời sự sống tan rã nhanh chóng, trong lòng khiếp sợ kinh hoàng.*

Đây là trạng thái của người sắp chết. Tứ chi bủn rủn rã rời. Tinh thần thì hốt hoảng lo toan không an. Tất cả những nghiệp lành dữ đã gây tạo từ trong quá khứ nó hiện về như một thước phim chiếu lại. Nếu hiện đời người nào đã gây tạo nhiều nghiệp lành như: niệm Phật, tụng kinh, bố thí, cúng dường v.v... thì trong tâm người đó cảm thấy có được niềm vui. Nhìn trên gương mặt của người sắp chết ta cũng có thể đoán biết được phần nào về việc ra đi của họ. Nếu thấy gương mặt của họ hiện ra nét mặt an vui bình thản, thì ta biết người đó thác sanh về cảnh giới an

Trong thời gian trị bệnh ông luôn quán chiếu đến tự thân và cuộc đời. Nhờ có một chút ít căn lành nên ông hồi tâm chuyển ý hướng thiện và rồi quyết tâm buông bỏ hết mọi thứ, chỉ một bề chuyên tâm niệm Phật mà thôi. Nhờ đó mà khi ông nhắm mắt từ giã cuộc đời này ra đi một cách thanh thản nhẹ nhàng. Chúng ta nên nhớ, con người khi họ thức tỉnh ăn năn thì cái năng lực hướng về sự giải thoát rất mạnh. Mạnh hơn lúc bình thường gấp trăm ngàn lần. Dù cho con người có cực ác đến đâu, nhưng cái căn lành thiện tâm của họ cũng vẫn sẵn có. Chỉ cần gặp một thiện duyên cơ hội nào đó đánh thức họ, thì họ sẽ bừng tỉnh ngay và cường độ phát tâm của họ rất là mạnh mẽ. Thật đúng với câu: "Phóng hạ đồ đao lập địa thành Phật". Nghĩa là chỉ cần buông con dao xuống, lập tức thành Phật ngay. Nói buông con dao, tức là buông cái tâm hung dữ ác độc, chỉ còn lại hoàn toàn tâm thiện. Đó là tâm tốt tức tâm Phật vậy. Chớ không phải là thành Phật quả liền. Chúng ta chớ vội hiểu lầm điều này. Như Phật độ cho anh chàng Vô Não, bỏ tâm ác độc, hướng về tâm Phật. Ông ta xin Phật xuất gia tu hành và trở thành một vị A la hán gương mẫu. Bởi trong tâm thức của mỗi người chúng ta đều có hai loại hạt giống thiện và ác. Đó là hai loại hạt giống tiêu biểu đối đãi. Nhờ có sẵn hạt giống thiện, nên khi buông bỏ hạt giống ác, thì hạt giống thiện mới hồi tâm ăn năn cải hối. Nếu không có hạt giống thiện thì làm gì có chuyện hồi tâm chuyển ý? Và như thế, thì không thể nào chuyển ác thành thiện, chuyển phiền não thành Bồ đề được. Vì nhờ có hạt giống lành nên chúng ta tu hành phát huy tâm thiện đến cùng cực thì mới thành Phật được.

Trở lại lời dạy trên, lúc trẻ không lo tu đến già hối hận, hầu như đại đa số chúng ta ít nhiều đều mắc phải cái trạng huống này. Đến già nhìn lại khoảng đời qua, chúng ta đã

đàng hoàng, giới đức nghiêm trang, làm những việc lợi ích cho chúng sinh, quyết không mong cầu lợi dưỡng, thế thì, chẳng những không mắc nợ nần mà mình còn trở thành một thửa ruộng tốt để cho chúng sinh gieo giống phước điền. Điều quan trọng là mình phải nỗ lực huân tu và tu tạo những điều phước lành, tài bồi phước trí trang nghiêm, thì lo gì đến việc nợ nần phải đền trả. Chỉ sợ mình tu lôi thôi không đàng hoàng, kém phước đức, không làm gì lợi ích cho chúng sinh, mà lại thọ dụng của tín thí nhiều quá, thì việc mắc nợ của thí chủ là điều khó tránh khỏi. Noi tấm gương xưa của chư Phật Tổ để chúng ta tránh vấp phải những lỗi lầm sai trái đó. Ta nên nhớ hai câu trong Chứng Đạo Ca của Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác đã nói: *"Liễu, tức nghiệp chướng bổn lai không, vị liễu ưng tu hoàn túc trái"*. Nghĩa là, ngộ rồi thì nghiệp chướng xưa nay vốn là không, còn nếu như chưa ngộ thì nợ xưa đành phải trả!

"Động kinh niên tải, bất nghĩ khí ly, tích tụ tư đa, bảo trì huyễn chất"

Hết năm này sang năm khác, chẳng chịu trừ bỏ. Chất chứa càng nhiều chỉ để giữ gìn thân huyễn.

Trải qua nhiều năm, mà chẳng chịu suy nghĩ lìa bỏ. Chữ khí là vứt bỏ, không một chút luyến tiếc. Chữ ly là dứt khoát xa lìa hẳn. Tổ trách chúng ta ở trong chùa lâu năm, mà vẫn không chịu lìa bỏ việc thọ dụng hưởng thụ quá nhiều. Có người hưởng thụ vật chất còn hơn người đời. Cái gì cũng muốn sang trọng hơn người khác. Lắm khi còn tranh đua hơn thua với nhau về việc hưởng thụ. Những thứ vật dụng thiết bị thường sử dụng cho bản thân, phải là những thứ đắt giá. Xe hơi, đồng hồ, máy điện toán, điện thoại cầm tay v.v... cái gì cũng phải thứ xịn, phải là hàng cao cấp nhứt, đáng giá nhứt mới chịu. Đây là một tệ

hại của người tu còn nghiêng nặng hưởng thụ quá nhiều vật chất. Trong khi đó, tinh thần tu tập thì lại thờ ơ xao lãng không quan tâm đến. Tất cả những thứ hưởng thụ đó nhằm để lòe mắt thiên hạ và cũng chỉ phô trương cái bản ngã huyễn chất hư ảo đó thôi! Nhiều người thật tâm tu hành thì ít, mà thích tích trữ tiền bạc của cải vật chất thì nhiều. Nhiều khi nhìn lại mình thật cảm thấy hổ thẹn vô cùng, vì mình không còn là một con người thực sự khất sĩ nữa! Khất sĩ là người ăn xin của thiên hạ. Mà nay trái ngược lại thiên hạ nhiều khi phải ăn xin của mình. Điều này là một sự thật không thể chối cãi. Có nhiều khi đồ vật dụng mình xài thừa thải, quăng ra cho thiên hạ tiêu dùng. Thế thì, mình còn là người khất sĩ, thực chất có phải là khất sĩ nữa hay không? Quý huynh đệ suy xét kỹ xem mình còn đúng danh nghĩa là một người đi xin ăn nữa hay không? Xin lỗi, người xuất gia chúng ta hiện nay phải thành thật mà nói đã biến chất quá nhiều rồi. Nói chúng ta dĩ nhiên trong đó cũng có tôi nữa. Chính đó là mục tiêu để cho người ta nhắm vào mình để họ phê bình chỉ trích. Chúng ta cần phải xét lại sự tiêu xài và cách sử dụng tài vật của chúng ta. Tuy chúng ta không giống Phật Tổ một trăm phần trăm, nhưng ít ra, mình cũng phải giống đôi phần mới phải. Người ta thường nói con nhà công không giống lông cũng phải giống cánh, không lẽ không giống chút nào sao? Câu nói này, theo Hòa thượng Thích Từ Thông giảng trong "Ngón Tay Chỉ Trăng", ngài cho rằng phải nói con nhà công mới đúng. Ngài nói, có nhiều người lầm nhận cho rằng: con nhà tông không giống lông cũng giống cánh. Nhà tông nào? Có phải tông phái của mình không? Trong đạo Phật mà dùng hai chữ "tông phái" là vô tình chúng ta đã tự hạ thấp đạo Phật rồi. Nếu như mình tu theo Phật, theo Tổ mà không giống chút gì của Phật, của Tổ, thì sao mệnh danh là con là cháu của các Ngài? Bởi

cắn nhựa sống mới tự giận trách mình. Khi đó nhìn lại đời mình đã gây ra lắm điều tội lỗi. Tâm lý này đại đa số chúng ta đều mắc phải. Sự hối tiếc hay giận trách nào cũng là điều quá muộn màng. Tôi biết có một người giàu có sang trọng, tiện nghi đời sống vật chất có thừa. Suốt cả cuộc đời ông bươn chải lo toan trong công việc kinh doanh. Ông chưa một lần bị thất bại. Lắm lúc ông rất tự hào hãnh diện cho chính bản thân ông. Do đó, nên ông có những thái độ ngạo mạn khinh người nhất là đối với các bạn đồng nghiệp. Có thể nói con đường công danh sự nghiệp của ông rất thuận lợi như diều gặp gió. Một gia đình giàu có nổi tiếng nhứt xứ ở quê tôi.

Bỗng một ngày nọ, khi ông tuổi già sức yếu lại mang chứng bệnh nan y. Suốt thời gian điều trị ở bệnh viện, nằm chèo queo co quắp một mình, bấy giờ ông mới ngẫm ra một điều mà người xưa nói không sai: "Sang cho mấy cũng rồi một kiếp, giàu đến đâu cũng chỉ hưởng một đời. Kiếp tử sinh đeo đuổi với con người, thân tứ đại lấy đâu mà làm chắc...?" Những lời này khi xưa trong lúc còn hăng say trên trường danh lợi, tạo sự nghiệp vẻ vang thì ông chưa từng nghĩ tới. Cho đến khi ngã bệnh nặng nằm một mình, ông mới nhớ lại và nhận ra một điều: *"Tất cả đều là hư ảo huyễn mộng, không khác nào như một giấc chiêm bao"*. Ông tự nhủ: tiền nhiều, của cải tài sản giàu có đến đâu chăng nữa, thì cũng không làm sao mua được sức khỏe? Không ai tránh khỏi cái chết. Ông tự hối hận, dù cho mình có thành công sự nghiệp vẻ vang đến đâu, thì cũng không sao tránh khỏi cái già, bệnh và chết. Ông tự hỏi, khi ngã bệnh nặng như thế này, có ai thay thế cho mình được không? Hay là bao nhiêu tội lỗi nghiệp quả mà mình đã gây ra, giờ đây chỉ có mỗi một mình phải tự gánh chịu nhận lấy.

giả kêu, bây giờ mới giả kêu đã trễ quá rồi". Thật là đáng tội nghiệp biết bao!

Một câu chuyện ngụ ngôn nhằm thức nhắc chúng ta phải cố gắng nỗ lực tu hành trong lúc mình còn mạnh khỏe. Đừng đợi đến già hết xí quách rồi mới lo tu. Đừng đợi nước tới trôn rồi mới lo nhảy không còn kịp nữa đâu! Vì vô thường không chờ đợi ai. Người xưa có nói: "Khuyên tu niệm thì hẹn mai hẹn mốt, quỷ sứ đòi thì khóc một khóc hai". Hay: "mạc đãi lão lai phương niệm Phật, cô phần đa thị thiếu niên nhơn". Nghĩa là đừng đợi đến già mới lo niệm Phật, thiếu chi mồ trẻ đã qua đời. Chúng ta ra ngoài nghĩa trang mà xem, có biết bao người trẻ đã chết. Sách có câu: "Việc gì làm được hôm nay, chớ nên để đến ngày mai mới làm". Tu thì tu ngay bây giờ chớ đừng có chần chừ dần dà hẹn lần hẹn lửa sẽ không còn kịp nữa đâu! Tổ nói, đừng đợi đến lúc khát nước khô cổ họng rồi mới lo đi đào giếng. Đây là lời thức nhắc thật thấm thía tha thiết của Tổ. Chúng ta hay có cái bệnh cứ hẹn lần hẹn lửa, nhưng làm sao hẹn được với con quỷ vô thường? Tu hành tạo những điều phước lành là chúng ta khôn ngoan trong việc đầu tư phước báo cho mình. Một việc đầu tư vào "ngân hàng phước thiện" thì chắc chắn tiền lời của chúng ta sẽ gia tăng gấp bội. Nghĩa là phước báo của chúng ta không thể nào tính hết được. Phước báo này không ai có thể chiếm đoạt hay cướp giựt của chúng ta được. Đó là một ngân hàng bảo đảm chắc chắn nhất không hề mất mát đi đâu cả.

Tự hận tảo bất dự tu, niên vãng đa chư quá cữu.
Hận mình sớm chẳng lo tu, đến lúc tuổi già nhiều điều tội lỗi

Chính vì lúc trẻ không chịu lo tu học, đến khi tuổi già khô

Phật là đấng hoàn toàn giác ngộ kia mà! Ít ra mình cũng phải có giác ngộ đôi phần phải không? Không giác ngộ sao mình đi tu? Mỗi người tuy không có giác ngộ hay tỉnh thức nhiều, nhưng cũng có tỉnh giác chút ít. Thưa có phải vậy không? Ta thử tìm hiểu câu kế tiếp:

"**Đạo Sư hữu sắc, giới húc Tỳ kheo, tiến đạo nghiêm thân, tam thường bất túc".**
Đấng đạo Sư có lời dạy, răn nhắc Tỳ kheo: "Tiến đạo nghiêm thân, ba việc thường chớ đủ".

Chữ Đạo Sư ở đây là chỉ cho đức Phật, là một bậc Thầy giác ngộ hoàn toàn. Đạo Sư là ông Thầy dẫn đường, chỉ đường cho người ta đi đúng theo chánh pháp, không bị lầm đường lạc lối. Nói rõ hơn đức Phật là một bậc Thầy cho cả trời người. Vì là một bậc Thầy giác ngộ sáng suốt, nên những lời dạy bảo của Ngài, tất nhiên là phải phù hợp với chân lý. Nhất là đối với trong năm chúng xuất gia của Ngài. Năm chúng đó là Tỳ kheo tăng, Tỳ kheo ni, Thức xoa ma na, Sa di tăng và Sa di ni. Nói gọn là hai chúng tại gia và xuất gia. Ở đây, Tổ nói, Phật nhắm thẳng vào các vị Tỳ kheo mà răn nhắc dạy bảo. Đời sống của người xuất gia nói chung, là phải hạn chế trong việc tiêu xài thụ hưởng. Ta thấy, Phật nêu ra ba việc rất rõ ràng: "***Ăn, mặc và ngủ nghỉ".*** Đó gọi là Tam thường bất túc. Bất túc là không nên quá đầy đủ, dư thừa. Người xuất gia muốn tiến đạo nghiêm thân là phải khéo biết sử dụng ba việc nói trên chỉ thiếu chứ không được dư. Ngược lại, phần nhiều người xuất gia thời nay, đã không còn giữ gìn nếp sống kỷ cương thiểu dục tri túc như xưa nữa. Sở dĩ Tổ nêu ra lời Phật dạy để cảnh tỉnh răn nhắc các thầy Tỳ kheo, cố nhiên là đã có xảy ra việc tiêu xài phung phí hưởng thụ quá đà này. Thời Tổ cách chúng ta hơn ngàn năm mà còn như thế,

thì trách gì thời nay còn tiêu xài hưởng thụ vật chất đến mức độ nào! Đã là khất sĩ tu hạnh xuất thế, cố nhiên là phải thật hành phạm hạnh, phải tinh cần thúc liễm thân tâm, không nên chạy theo vật dục hưởng thụ như người thế gian. Người thế gian, họ phải luôn bươn chải vất vả tất tả ngược xuôi lo toan cho cuộc sống. Họ tranh đua với nhau về tiền tài danh lợi. Người nào cũng muốn mình phải giàu có sung sướng hơn kẻ khác. Họ tất bật ngược xuôi, sớm tối lo toan, cực khổ trăm bề, tất cả cũng chỉ vì cơm áo gạo tiền. Cuộc sống của họ hối hả hấp tấp vội vả không bao giờ có được thời gian rảnh rỗi thảnh thơi. Ai cũng muốn làm giàu phải có tài sản tiền bạc nhiều hơn kẻ khác. Cứ thế mà chạy đua tranh nhau từng ly từng tí, không ai chịu thua ai. Đó là một cuộc sống bon chen lao mình vào con đường khổ lụy. Ngược lại, người xuất gia nói chung là người tu, Phật dạy phải ít muốn biết đủ. Phải có một đời sống tiết chế đơn giản. Mục đích của người xuất gia là phải giác ngộ giải thoát. Muốn thế, thì phải từ bỏ mọi thứ vật chất phù hoa, mọi nhu cầu hưởng thụ. Phải có một đời sống đơn giản chừng mực như Phật, Tổ khi xưa. Có thế, thì mới tương hợp với con đường tu học giải thoát của người xuất gia vậy.

Nhân đa ư thử, đam vị bất hưu, nhật vãng nguyệt lai, táp nhiên bạch thủ.
Người nay phần nhiều mê đắm không thôi, ngày lại tháng qua thoạt nhiên đầu bạc.

Không riêng gì người đời mà ngay cả người biết tu hành chút ít vẫn còn ham thích ba việc ăn, mặc và ngủ nghỉ không thôi. Nhưng người ta quên rằng hưởng thụ không lâu thì già nua lại đến. Thời gian trôi qua như tên bắn, bấy giờ nhìn lại đầu tóc bạc phơ. Người đời nội việc ăn không

khao khát. Quật là đào, Tỉnh là cái giếng. Hề vi là làm sao? Nghĩa là đợi đến lúc khát nước rồi mới lo đi đào giếng thì làm sao còn kịp nữa? Trong Kinh Bách Dụ có kể câu chuyện giả tiếng kêu của con chim oan ương. Đây là một câu chuyện ngụ ngôn, nghĩa là ý tại ngôn ngoại. Chuyện kể rằng: "Thuở xưa, có một quốc gia đến ngày lễ khánh tiết các hàng phụ nữ dùng thứ hoa quý đẹp tên là ưu bát la hoa (hoa sen) để giắt trên đầu, làm món đồ trang điểm tuyệt diệu.

Bấy giờ có một người đàn ông nghèo thương vợ vô cùng; ngày lễ khánh tiết gần đến, các phụ nữ đều đã dự bị thứ hoa đẹp ấy để trang điểm. Nhưng rất tiếc bà vợ của anh nghèo này, cũng muốn trang điểm để hãnh diện với các bạn phụ nữ khác. Vì thế, nên bà ta mới than cùng ông chồng, anh làm thế nào em không biết, miễn sao có hoa sen cho em để em trang điểm cho đẹp là được rồi. Nếu không, thì chúng mình sẽ ly dị. Anh chàng nghe vợ nói như thế liền hoảng sợ mau mau tìm cách nào để cho có được thứ hoa sen đó. Anh nghĩ cách, mình có biệt tài giả được tiếng kêu của con chim oan ương. Nếu như có ai phát hiện mình là kẻ trộm hái hoa thì lập tức liền giả tiếng kêu của con chim ấy. Chỉ có kế đó mới là vẹn toàn nhất. Nghĩ thế anh liền rón rén lén vào cung vua để hái trộm hoa sen. Vì trong cung vua có một cái ao sen lớn đến mùa hoa nở tuyệt đẹp. Không may cho anh ta khi nghe tiếng động người giữ ao sen liền lên tiếng hỏi: Ai trong ao đó? Anh ta hốt hoảng bối rối sợ hãi quá, nên quên giả tiếng kêu con chim oan ương, anh vội lên tiếng tôi là chim oan ương. Người giữ ao nghe tiếng nói biết tiếng người bèn đến ao bắt anh giải đến vua trị tội. Trên đường đi đến cung vua, anh giả tiếng kêu của chim oan ương giọng in không khác một tí. Người giữa ao cười nhạt và nói: "Hồi nãy không

Điều quan trọng hơn nữa, trong giờ phút người sắp ra đi, tốt nhứt là chúng ta nên nhắc lại những nghiệp lành mà hằng ngày họ đã tu tạo. Đồng thời đem những lời Phật Tổ chỉ dạy về những cảnh giới y báo chánh báo trang nghiêm ở cõi Tây phương Cực lạc để cho họ phát khởi tín tâm ưa thích. Nếu là người tu theo pháp môn Tịnh độ, tôi nghĩ mình nhắc nhở như vậy có lẽ tốt hơn là mình tụng kinh hay trì chú. Vì hơn lúc nào hết, lúc này bệnh nhân rất cần sự hỗ trợ niệm Phật của mình. Họ chỉ có thể cảm nhận được bằng cái tâm thức của họ. Mình có tụng kinh trì chú gì họ cũng không hiểu và cảm nhận được đâu. Tốt nhất là mình có thể truyền đạt cho họ bằng cái tâm chánh niệm hiện tiền của mình. Truyền cảm bằng cái tâm tốt đẹp nhất hết lòng hướng về họ. Còn mình tụng kinh hay trì chú lúc này thật sự họ cũng không có hiểu được gì. Bình nhật tụng kinh họ còn không hiểu, nói chi đến giờ phút hấp hối sắp lâm chung thì thử hỏi làm sao họ có thể hiểu được ý kinh? Như thế, thiết nghĩ, không có tác dụng lắm trong lúc người bệnh đang trong tình trạng hấp hối sắp từ giã cõi đời. Chỉ cần giúp cho họ ra đi không khởi tâm tán loạn nhớ nghĩ lung tung và nhất là khởi tâm luyến ái trần duyên, thân bằng quyến thuộc và tài sản. Theo tôi, như thế là quá đủ để người bệnh ra đi một cách thảnh thơi nhẹ nhàng.

Tùng tư thủy tri hối quá, lâm khát quật tỉnh hề vi?
Bấy giờ mới biết hối hận ăn năn, đợi khát mới lo đào giếng sao kịp?

Đọc qua câu này chúng ta cảm thấy thật là buồn cho thân phận chúng ta. Tùng tư có nghĩa là từ đây mình có thể dịch là bấy giờ. Thủy tri là mới biết, hối quá là hối hận ăn năn cái lỗi lầm không chịu tu học. Lâm là đến, Khát là

thôi là cũng đủ thắm mệt lắm rồi. Họ đâu có chịu ăn đơn giản. Họ phải tìm kiếm món ngon vật lạ để cung phụng làm thỏa mãn cho xác thân. Ăn thì đòi hỏi phải có cao lương sơn hào hải vị. Càng đòi hỏi nhiều thì càng khổ lụy nhiều. Bất cứ thức ăn dù có ngon đến mấy khi qua khỏi cổ rồi, thì ôi thôi! Nó sẽ bài tiết ra những chất hôi nhơ mà chính chủ nhân của nó cũng không chịu nổi mùi hôi thúi. Đến mặc cũng vậy. Họ tranh đua nhau nay quần này mai áo nọ. Cứ thế mà thay đổi luôn luôn. Có những bộ đồ họ chỉ mặc một lần rồi cho vào tủ cất mua sắm cái khác. Cứ thế, một thời gian nhìn lại trong tủ không còn chỗ chứa cất quần áo nữa. Thế là, họ mang ra đem cho xã hội. Còn ngủ thì phải nệm ấm chăn êm. Có thể nói suốt cả cuộc đời nhìn lại chỉ có ăn sang, mặc đẹp và ngủ kỹ mà thôi. Cả một cuộc đời chỉ biết hưởng thụ làm nô lệ cho những thứ ấy. Sống mà như thế, thì thật là uổng phí cho một đời người! Sống đâu phải chỉ có biết hưởng thụ cho riêng mình. Sống mà ích kỷ như thế, thì cuộc sống thật là vô vị chán chường. Giá trị của một đời người chỉ biết chôn vùi trong việc hưởng thụ đó thôi sao?! Nếu thế, thì còn gì là giá trị đáng sống của một con người. Làm người, phải có cái gì cao đẹp hơn, giá trị hơn, và lợi ích hơn, không lẽ suốt đời chỉ biết có ba việc đó thôi sao? Đành rằng, việc hưởng thụ là bản chất cố hữu của con người, nhưng đối với người biết tu hành, nhất là người xuất gia thì phải khác hơn người đời. Người đời, có lắm người họ khéo tiết chế sự ăn mặc và có một đời sống rất giản đơn. Họ khéo biết áp dụng lời Phật Tổ dạy: "Tri túc thường túc, chung thân bất nhục". Nghĩa là họ là người ít muốn biết đủ, nên trọn đời không phải cần lao nhọc nhằn vất vả. Vì họ nghĩ rằng, đời này không có gì là chắc chắn bền lâu. Họ luôn ý thức đến sự vô thường và kiếp sống con người rất mỏng manh, khác nào như chỉ mành treo chuông. Họ biết rằng:

"sang cho mấy cũng rồi một kiếp, mà giàu đến đâu cũng chỉ hưởng một đời". Việc sống chết nó luôn đeo đuổi với con người. Thân này luôn thay đổi sống chết như trở bàn tay. Lật qua thì còn, lật lại thì mất. Già, bịnh, chết luôn đeo đuổi con người. Ý thức như thế, nên họ hạn chế giảm bớt sự tiêu thụ vật chất. Hễ mình biết đủ thì nó đủ, còn không biết đủ thì không bao giờ đủ cả. Riêng người xuất gia thì đời sống phải đạm bạc thô sơ đơn giản. Noi gương đời sống của Phật của Tổ, các Ngài có một cuộc sống cực kỳ đơn giản. Chính cái cực kỳ đơn giản đó, cho nên các Ngài mới có được cực kỳ hạnh phúc. Còn nếu như cuộc sống mà cứ mãi so sánh tranh đua hơn thua với nhau về việc hưởng thụ thì lại càng đau khổ nhiều hơn. Đối với người xuất gia tuyệt đối là không đam mê vào ba việc nói trên, mà phải biết hạn chế tối đa trong việc tiêu dùng. Có thế, thì mới xứng hợp lời Tổ dạy là "tâm hình dị tục". Tâm và thân phải khác hơn người đời. Đó là lời thức nhắc cảnh tỉnh của Tổ, nhất là trong thời đại khoa học điện tử máy móc của 4.0 này.

Hậu học vị văn chỉ thú, ưng tu bác vấn tiên tri, tương vị xuất gia quý cầu y thực.
Kẻ hậu học chưa nghe chỉ thú, phải nên học hỏi bậc tiên tri, chớ nói xuất gia trọng cầu ăn mặc.

Hậu học, tức là nói những người học sau. Đối với chư Phật, chư Tổ hay các bậc tiền bối nói chung, so với chúng ta thì chúng ta là kẻ hậu học. Vị văn là chưa từng nghe. Chỉ thú là hướng đến cái tông chỉ, mà tông chỉ của đạo Phật là giác ngộ và giải thoát. Tức là phải thấu suốt cái nguồn tâm, rõ thông được bản tánh, thì gọi đó là tông chỉ. Ta cần nên nhớ rõ điều này. Nếu rời cái tông chỉ này ra thì không còn là đạo Phật nữa. Nói chi thì nói, giảng gì thì

chiêu cảm lãnh lấy quả báo. Có người vì quá nặng nợ trần duyên, luyến ái đủ thứ nên khi mất, họ thật khó mà siêu thoát được. Vì hiện đời họ đã không siêu thoát rồi. Thế nên, người xưa có nói: Niệm bất nhứt bất sanh Tịnh độ, ái bất nhiễm bất sanh Ta bà. Vì thế, chúng ta cần hỗ trợ giúp cho bệnh nhân không nên sanh tâm luyến ái bất cứ thứ gì.

Xin nhắc lại lời của Tổ Khuê Phong dạy: "Làm việc có nghĩa là tâm tỉnh ngộ, làm việc vô nghĩa là tâm tán loạn". Làm việc có nghĩa là mình làm những điều lành, điều tốt giúp ích cho người. Người có tâm tỉnh ngộ thì không gây tạo những điều bất lợi cho mình và người. Nói rõ hơn là không gây tạo những điều ác nghiệp. Nếu như gây tạo những điều ác thì tâm mình luôn luôn bất an. Ngược lại, khi mình làm một điều lành như giúp cho người ta được vui vẻ, hạnh phúc thì mình cũng cảm thấy cõi lòng của mình cũng ấm áp an lạc nhẹ nhàng. Đây là một lẽ thật.

Lời dạy này, chúng ta cần phải lưu tâm học hỏi và làm theo. Hằng ngày, mình tạo nhiều điều lành, với tâm tỉnh ngộ, thì lúc nào mình cũng cảm thấy an vui hạnh phúc cả. Bằng ngược lại, thì mình sẽ cảm thấy bất an. Giả như mình làm phiền ai đó gây cho người ta khó chịu bực mình, tất nhiên mình cũng cảm thấy áy náy chẳng có gì vui sướng. Cho nên, người nào khéo biết gìn giữ ở nơi ba nghiệp cho trong sạch, thì khi nhắm mắt lìa đời, họ không có gì phải thắc mắc lo âu sợ hãi. Con đường phía trước của họ rất sáng sủa, đầy hoa thơm cỏ lạ hương vị ngọt ngào. Ngược lại, thì đường trước của họ mờ mờ mịt mịt không biết đi về đâu! Đó là một lời thức nhắc của Tổ mà chúng ta cần phải khắc sâu ghi nhớ. Ghi nhớ để mỗi người hãy tự lo cho mình không phải vướng vào cái trạng huống mờ mịt như lời Tổ dạy ở đây.

phải làm điều gì khác. Hãy hết lòng cầu chúc người thân ra đi trong bình an và tự tại.

Tiền lộ mang mang, vị tri hà vãng.
Đường trước mịt mờ, chưa biết về đâu.

Đọc qua câu này, chúng ta cảm thấy vừa buồn và vừa lo sợ. Buồn là vì sự vụng tu của mình. Lo sợ là không biết sau khi tắt thở mình đi đâu. Đây là nói đối với những người lúc khỏe mạnh họ không biết tu hành. Còn đối với những người khéo biết tu hành thì họ vững tâm không có gì phải đắn đo lo âu sợ hãi. Vì họ biết rõ con đường chắc chắn là họ sẽ tới. Như hằng ngày họ thành tâm niệm Phật và luôn ý thức đến sự tu tập, nên khi nhắm mắt là họ đi theo con đường mà họ đã chọn vạch sẵn. Bởi họ tin chắc vào lý nhân quả Phật dạy. Nhân như thế nào thì quả sẽ như thế ấy. Hằng ngày họ đã gieo trồng hạt giống tốt, thì chắc chắn họ sẽ gặt hái cái quả báo tốt đẹp đó thôi. Như người sắp đi du lịch chẳng hạn, mọi điều kiện họ đã chuẩn bị sẵn sàng, như giấy thông hành, mua vé máy bay, địa chỉ nơi đến, đặt khách sạn, có người tiếp đón hướng dẫn, cảnh trí tham quan v.v... Một khi đã chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng hết rồi, thì bấy giờ họ chỉ còn yên tâm mà lên đường đó thôi. Đã thế, thì thử hỏi họ còn lo sợ điều gì nữa chớ? Cũng thế, người đã biết tu hành ăn chay, niệm Phật, giữ giới, tu tạo những điều phước lành, tránh xa những điều ác, hiện tại họ có đời sống an lành hạnh phúc, thế thì họ đã siêu thoát ngay trong cuộc đời này rồi. Đối với hạng người này, họ không có gì phải ưu tư phiền muộn lo lắng về đời sau của họ cả. Chỉ sợ là những người hiện đời không biết lo tu mải mê đeo đuổi theo danh lợi, tạo nhiều nghiệp bất thiện, tham trước cảnh trần, đối với hạng người này thì thật là đáng lo sợ! Vì khi mất họ sẽ theo nghiệp đã gây tạo mà

giảng, nhưng phải lấy cái tông chỉ giác ngộ và giải thoát làm cái tiêu đích nhắm tới. Ta cần phải lưu ý điều này.

Nếu như có điều gì mà ta chưa hiểu, chưa thông suốt thì ta phải học hỏi với các bậc tiền bối, họ là những người đã có dày dặn kinh nghiệm hiểu biết trước mình. Những vị đó gọi là các bậc tiên tri. Không phải tiên tri là đoán những việc kiết hung xảy ra ở quá khứ hoặc ở tương lai. Người có kinh nghiệm hiểu biết trước mình, thì mình nên tìm đến để thọ giáo học hỏi với những vị đó.

Khi mình học hỏi thì không luận là người đó nhỏ hay lớn, là phải như thế này, hay như thế kia. Ta nên nhớ, mình chỉ y pháp chớ bất y nhân. Chỉ y vào giáo pháp Phật dạy thôi, chớ không y vào người đó nói. Dù cho người đó có như thế nào, mình cũng không cần biết đến. Thí như, người đó tay của họ có bị cùi hủi hay bị lở lói gì đi chăng nữa, nhưng mà trong tay của họ có cầm cây đuốc sáng tỏ, thì mình chỉ nương vào ánh sáng của cây đuốc để đi tránh khỏi sụp hầm sụp hố đơn giản chỉ có thế thôi. Như mình biết trong thùng rác có một viên ngọc quý giá nằm trong đó, là người thông minh khôn khéo, thì mình chỉ thò tay vào lấy viên ngọc ra thôi, không phải vì thùng rác hôi thúi dơ bẩn mà mình lại bỏ viên ngọc quý giá đó. Cũng vậy " Y pháp bất y nhân " là người đó như thế nào mình không cần biết, giới hạnh của người đó ra sao mình cũng không cần quan tâm tới, miễn người đó nói giáo lý đúng với chánh pháp, đúng với chân lý là mình học hỏi. Ở đây, ý Tổ nói như vậy đó.

Tôi xin dẫn ra đây câu nói của Trang Tử. Ông nói rằng: "Người mà không học khác nào như một cục thịt chỉ biết đi và biết chạy, học mà không làm khác nào như bỏ của

báu trong túi rồi cột gút treo lên nóc nhà". Tương đồng với câu nói này, ngày xưa sư cụ Khánh Anh cũng có viết hai câu liễn treo ở trước cửa chùa Xá Lợi: "Tu mà không học là tu mù, học mà không tu là đãi sách". Người xưa cũng nói: "Nhân bất học bất tri lý, ngọc bất trác bất thành khí". Người mà không học thì không thông lý. Ngọc mà không dồi mài thì không thành đồ hữu dụng. Cho nên việc học và hành cả hai đều quan trọng. Nếu tu mà không học thì làm sao biết được đường lối tu hành. Vì thế nên học chỉ là bổ túc cho sự tu. Học như người có đôi mắt sáng nhìn xa thấy rộng; tu như người có cặp chân mạnh để đi tới nơi tới chốn. Tới mục đích mà mình nhằm tới.

Hẳn chúng ta còn nhớ thời xưa có một ông già 80 tuổi mà vẫn còn đội luật đi nghe. Già rồi mà vẫn còn phải học, giống như các sư cô trọng tuổi ở đây vậy. Già mà còn siêng năng học hỏi như thế nói chi là quý vị còn trẻ tuổi. Việc học hỏi không luận là già hay trẻ miễn sao người đó có ý chí bền bỉ và chịu khó nghiên tầm là được. Học là để cho mình mở mang thêm trí tuệ, không những cho hiện đời này mà còn đầu tư cho đời sau nữa. Ta thấy có nhiều vị vào đạo tuổi còn rất trẻ mà học hành rất thông minh. Học một hiểu mười, được thế là do đâu? Phải chăng là do vì họ đã học trong nhiều đời nhiều kiếp ở quá khứ, nên nay họ mới có được cái trí tuệ vượt bực như vậy. Trí nhớ của họ rất siêu việt. Trường hợp như ngài Cưu ma la thập, là một dịch giả nổi tiếng ở Trung Quốc. Sách sử ghi lại mỗi ngày, Ngài thuộc lòng cả hai ngàn bài kệ. Phải nói đó là trí thông minh xuất chúng. Ta tự hỏi: sao Ngài thông minh và trí nhớ siêu việt như vậy? Câu trả lời là do Ngài đã học Phật trải qua nhiều đời nhiều kiếp rồi, chớ không phải chỉ học trong đời này. Đến như ngài Huyền Trang ở vào thời đại nhà Đường Trung Quốc cách chúng ta hơn ngàn năm, Ngài

nỗi thống khổ lớn của con người. Đó là sanh, già, bệnh, chết. Bốn nỗi thống khổ này không ai tránh khỏi. Không tránh khỏi thì chúng ta phải đối diện chấp nhận. Chấp nhận để chúng ta bình thản vui sống, không cần phải suy tư lo lắng chi cho mệt óc. Cứ vui sống rõ biết trọn vẹn trong giây phút hiện tại. Chỉ có hiện tại mới giúp chúng ta thoát khỏi những ý niệm buồn, vui, thương, nhớ v.v... mà thôi.

Nhiều khi cơn đau nhức thống thiết cũng giúp cho người ta tập trung tâm ý vào chỗ đau nhức đó. Nhờ đó mà tâm thần đỡ phải bấn loạn nghĩ tưởng lung tung. Nếu cơn đau lên đến tột độ rồi bệnh nhân mất đi, đó cũng là điều tốt. Bởi vì khi ra đi trong cơn đau làm cho bệnh nhân không còn nghĩ nhớ chuyện gì khác. Đó cũng là một cận tử nghiệp tốt, trong khi tâm ý của bệnh nhân tập trung vào một chỗ không có tán loạn. Còn hơn lúc chết bình thường làm cho người sắp chết tâm ý của họ tán loạn nghĩ nhớ lung tung. Thế là cái chết đó tưởng là êm ái nhẹ nhàng, nhưng kỳ thật người chết ra đi trong tinh thần hốt hoảng bấn loạn. Như thế thì cận tử nghiệp của bệnh nhân đó quả thật không tốt đẹp chút nào. Cho nên lúc bệnh nhân sắp lâm chung, tốt nhất là người thân trong gia đình nên nói những lời tốt đẹp nhất. Đồng thời mọi người hướng về người bệnh mà tha thiết thành tâm niệm Phật cho họ. Như thế mới thực sự thương họ. Tuyệt đối, không nên tỏ ra thái độ bịn rịn thương tiếc hoặc khóc than làm cho tinh thần của bệnh nhân càng thêm rối loạn. Đó là điều tai hại chớ chẳng có lợi lạc gì cho bệnh nhân sắp lâm chung cả. Bởi giây phút này, bệnh nhân chỉ cảm nhận được bằng cái tâm ý tốt đẹp của mình. Mình chỉ cần cầu nguyện cho bệnh nhân ra đi một cách thanh thản nhẹ nhàng và sẽ sớm sanh về một cảnh giới an lành. Thế là đủ lắm rồi! không cần

chuyển. Duy Biểu Học cho chúng ta biết rõ về thuyết hằng chuyển này. Một cô bé tên A 3 tuổi, khi lớn lên cô bé đó trở thành 20 tuổi. Nhìn vào cô A 20 tuổi, ta thấy khác xa với cô bé A hồi còn 3 tuổi. Khác hoàn toàn về sinh lý cũng như tâm lý. Tuy nhiên, nếu không có cô bé A 3 tuổi thì không có cô A 20 tuổi. Vậy thì, cô A trước sau vẫn là một đó là HẰNG, nhưng khác về hình hài đó là CHUYỂN. Thuyết hằng chuyển là để phá cái thuyết ngoại đạo cho rằng con người có một linh hồn bất tử. Thế thì, chết chỉ là một sự thay đổi như mây tan đi để chuyển qua một hình thái khác đó là mưa. Mưa là tiếp nối của đám mây. Ta có thể nói mưa là hậu thân của đám mây. Thế thì, đám mây đó đâu có chết. Vì đám mây đó nó có tiền thân của nó. Tiền thân của nó là hơi nước ở các ao, hồ, sông, biển... Ai dám bảo đám mây đó hoàn toàn mất hẳn đi? Chỉ có kẻ vô minh cố chấp mới nói như vậy thôi. Người có trí huệ sáng suốt thì không ai nói như thế. Thế thì, chết chỉ là tùy theo duyên nghiệp mà chuyển biến qua một hình thái khác đó thôi. Có thể họ đang vui cười với chúng ta mà chúng ta không hề hay biết. Đó là cái nhìn của tuệ giác phải thấy rõ vô tướng của sự vật. Còn dính kẹt vào hữu tướng là ta còn triền miên đắm chìm trong đau khổ.

Nói về bệnh nằm liệt trên giường, nhớ lại có lần tôi về Việt Nam thăm mẹ tôi, vì lúc đó mẹ tôi bị bệnh khá nặng nên tôi đưa bà lên bệnh viện tỉnh để điều trị. Khi vào bệnh viện, tôi thấy nhiều bệnh nhân nằm la liệt trên giường. Có người đau nhức rên la oằn oại thống thiết rất là tội nghiệp. Mình nhìn thấy cảnh tượng đó thật xót xa đau lòng, nhưng không biết phải làm sao hơn! Vì nghiệp quả của ai thì người đó phải gánh chịu. Không ai thay thế cho ai được cả. Dù cho thân nhân ruột thịt có thương nhau cách mấy thì cũng đành phải chịu bó tay mà thôi. Bệnh là một trong bốn

cũng thông minh xuất chúng, thông suốt cả ba tạng kinh điển, nên người đời gọi Ngài là Tam Tạng Pháp Sư. Đối với những người như thế thì người ta hay gọi là thần đồng. Còn nhiều vị thông minh và trí nhớ xuất chúng như thế lắm. Thời Phật thì có Tôn giả A Nan, là người theo hầu Phật có biệt tài là đa văn đệ nhất. Chính Ngài là người trùng tuyên lại kinh tạng trong kỳ kết tập đầu. Những gì Phật nói Ngài thâu hết giống như một cái bình chứa nước, không rỉ ra một giọt nhỏ nào. Khi trùng tuyên những lời Phật dạy không sai sót một chữ. Điều đó đủ chứng minh rằng, Ngài đã học trong nhiều đời nhiều kiếp rồi. Theo sử ghi lại, Ngài và đức Phật đồng tu trong thời đức Phật Không Vương, nhưng Phật thì tinh tấn tu hành, còn Ngài thì chỉ thích học rộng nghe nhiều, kết quả là Phật thành Phật trước còn Ngài phải theo hầu Phật. Như vậy sự tìm tòi học hỏi của chúng ta hôm nay, không có mất mát đi đâu cả. Chúng ta hãy cố gắng chịu khó nỗ lực học hành không những có lợi ích cho đời này mà còn được lợi ích cho đời sau nữa.

Câu kế tiếp, là Tổ nhắc nhở chúng ta, không nên có ý mong cầu lợi dưỡng. Hạnh phúc của người xuất gia khác hơn người đời nhiều lắm. Hạnh phúc theo quan niệm của người đời, thì phải có nhà cao cửa rộng, vợ đẹp, con ngoan, của cải vật chất dư thừa, ăn ngon mặc đẹp v.v... đối với họ như thế là hạnh phúc lắm rồi! Nhưng thực tế, có thực sự là hạnh phúc không? Hay là chính những điều đó làm cho họ đau khổ thêm thôi. Bởi những nhu cầu vật chất không bao giờ cùng. Và sự mong cầu của họ cũng không bao giờ có giới hạn. Có voi đòi tiên, có một muốn mười, lòng tham của họ tăng theo cấp số nhân. Thế thì sự ăn ngon mặc đẹp hay nhà cao cửa rộng cũng không thể mang lại hạnh phúc cho họ. Có lắm người giàu sang tiền

kho bạc đụng, muốn gì có nấy, thế mà họ vẫn cảm thấy cô đơn lạc lõng giữa chợ đời. Họ thường đi dạo trong công viên tìm những thú vui với cây cảnh. Bởi vì họ nghĩ không ai hiểu được họ, kể cả vợ con của họ. Tối ngày họ lẩn thẩn như một kẻ mất hồn lang thang hết nơi này tới chỗ kia. Thế thì, vợ đẹp con xinh cũng chỉ là những sợi dây oan gia trói buộc. Đó là một sự ràng buộc, thực tế không có gì là hạnh phúc cả. Nếu thực sự là hạnh phúc, thì xưa kia Thái tử Sĩ đạt Ta không rời bỏ cung vua quốc thành thê tử mà đi tu. Nếu thực sự là hạnh phúc, thì không có những cuộc ly hôn, ly dị anh đi đường anh, tôi đi đường tôi, tình nghĩa đôi ta chỉ có thế thôi! Đã có không biết bao nhiêu những cặp vợ chồng tan nát đổ vỡ nào có hạnh phúc chi đâu! Hạnh phúc có chăng chỉ là trong ảo tưởng, chớ thực tế thì làm gì có hạnh phúc? Cơm không lành, canh không ngọt đã xảy ra hằng ngày trong gia đình. Có nhiều người vì con cái mà phải gượng sống, nhưng sống trong nỗi thống khổ niềm đau tuyệt vọng. Ngược lại, hạnh phúc của người xuất gia là chỉ sống đơn giản, không cần phải ăn ngon mặc đẹp. Nếp sống đạm bạc thô sơ có gì ăn nấy. Đến mặc cũng vậy, ngoài ba y ra, có gì mặc nấy. Không cần phải đòi hỏi quần nầy áo nọ. Người xuất gia mà còn có cái tâm mong cầu lợi dưỡng ăn sang mặc đẹp, thì đâu phải là hạnh nguyện của người xuất gia. Như thế, thì đâu có khác gì người đời. Điều này, tự mỗi người phải thành thật tự quán chiếu lại mình, có đúng như lời Tổ dạy tâm hình dị tục hay không? Xin mỗi người hãy tự lượng xét!

mải bồn chồn lo lắng bất an. Thế thì, thân và tâm cả hai đều phải chịu đau đớn khổ sở. Nghĩ đến đó, tốt nhất bây giờ còn mạnh khỏe thì mình ráng cố gắng nỗ lực tu hành, đừng đợi đến khi ngã bịnh nằm chèo queo một mình, chừng đó có muốn tu học cũng không còn kịp nữa! Cho nên, tôi thường nói, đối với người tu cái chết chúng ta không đáng sợ lắm, bởi chết là mẫu số chung không ai tránh khỏi, điều quan trọng là chúng ta có chuẩn bị cho mình cái chết đó chưa? Nếu đã chuẩn bị đâu đó chu đáo sẵn sàng rồi, thì không còn hoang mang lo sợ gì nữa cả. Tại sao? Vì chết đâu phải là hết. Chết chỉ là bắt đầu cho một cuộc sống mới, chỉ thay hình đổi dạng khác thôi. Dụ như khi ta gieo hạt bắp, vài ngày sau lên cây bắp non. Khi đó hạt bắp ta gieo không còn, vì nó đã tiềm tàng trong cây bắp rồi. Thế thì, nhìn vào cây bắp là ta thấy có hạt bắp trong đó. Ta nói, cây bắp là sự tiếp nối của hạt bắp. Như vậy, hạt bắp có thực sự mất không? Không. Một trăm lần không, một vạn lần không. Làm sao mà hạt bắp có thể mất hẳn đi được chớ? Cụ thể hơn, như bóng đèn điện xài lâu bị đứt, ta nói đứt bóng đèn, chớ không ai nói là đứt điện bao giờ. Thưa có phải vậy không? Điện thì vẫn hiện hữu kia mà. Chỉ cần ta thay bóng khác vào thì nó sẽ cháy sáng trở lại. Như vậy, chứng tỏ là dòng điện luôn luôn hiện hữu không có mất đi đâu cả. Vì điện hiện hữu nên thay bóng khác liền cháy. Cái chết của chúng ta cũng giống như đèn điện bị đứt bóng vậy. Thân tứ đại vì thiếu một điều kiện nào đó nên nó phải tan rã, như bóng đèn thiếu điều kiện nào đó nên nó bị đứt bóng. Chỉ đứt bóng thôi, chớ tuyệt nhiên là nguồn điện vẫn luân lưu cùng khắp không bao giờ bị đứt. Nguồn điện là dụ cho dòng sinh mạng của chúng ta. Hình tướng thì có thay đổi nhưng thể tánh thì không. Sóng thì có thay đổi khi có khi không, còn nước thì muôn đời cũng vẫn là nước. Nước là hằng mà sóng là

Một mai bịnh nằm trện giường, mọi thứ đau đớn đoanh vây bức bách. Sớm tối lo nghĩ, trong lòng lo sợ bồi hồi. Đường trước mịt mờ, chưa biết về đâu. Bấy giờ mới biết hối hận ăn năn, đợi khát đào giếng sao kịp? Hận mình sớm chẳng lo tu, đến lúc tuổi già nhiều điều tội lỗi. Khi sắp rời bỏ cuộc đời sự sống tan rã nhanh chóng, trong lòng khiếp sợ kinh hoàng. (giống như) lụa thủng chim bay, (cũng vậy) tâm thức theo nghiệp. Như kẻ mắc nợ, ai mạnh kéo trước, trong tâm nhiều mối, nặng đâu sa đó.Vô thường sát hại, niệm niệm không dừng, mạng sống không thể kéo dài, thời gian không thể chờ đợi. Ba cõi trời người chưa thoát khỏi, thì cứ như vậy thọ thân số kiếp không thể tính bàn.

Giảng Giải:

Nhất triêu ngọa tật tại sàng, chúng khổ oánh triền bức bách, hiểu tịch tư thốn, tâm lý hồi hoàng.
Một mai bịnh nằm trện giường, mọi thứ đau đớn đoanh vây bức bách. Sớm tối lo nghĩ, trong lòng lo sợ bồi hồi.

Hai câu đầu là nói cái khổ của thân bịnh. Hai câu kế là nói cái nỗi khổ lo lắng của tâm. Nhất triêu là một mai, tức buổi sáng sớm. Chữ triêu là sáng sớm. Ngọa là nằm, tật là bịnh, tại sàng là ở trên giường. Ý nói một hôm nào đó khi mình ngã bịnh nằm ở trên giường, lúc đó thì sao? Có phải các khổ đoanh vây ép ngặt mình không? Bấy giờ sớm tối (hiểu tịch) lo toan trong lòng thì hồi hợp lo âu sợ hãi. Hồi hợp lo sợ cái gì? Thứ nhứt là sợ chết, thứ hai là hoang mang không biết sau khi chết mình sẽ đi về đâu?! Nghĩ đến đó tinh thần hốt hoảng lo sợ bất an. Điều ta nên nhớ, lúc bịnh nặng bao nhiêu cái khổ nó đoanh vây ép ngặt. Thân thì đau nhức tứ chi bủn rủn rã rời. Còn tinh thần thì

IV. MỞ BÀY PHÉP TAM HỌC

Kính thưa đại chúng,

Hôm nay, chúng ta bước sang qua bài học thứ tư. Những bài học trước quý huynh đệ nên ôn lại cho nhớ. Bởi những lời Tổ dạy thức nhắc cho sự tu hành của chúng ta rất là quan trọng. Có thể nói mỗi lời mỗi chữ của Tổ dạy phát xuất từ tâm huyết của Tổ. Tổ đem hết tâm tư nguyện vọng của mình mà thố lộ trình bày cho người đương thời cũng như người đời sau như chúng ta hiện nay để học hỏi. Vì vậy, chúng ta phải hết lòng trân quý từng câu từng lời thức nhắc của Tổ. Như thường lệ bây giờ chúng ta bắt đầu đi vào bài học.

Chánh Văn:

Phật tiên chế luật khởi sáng phát mông. Quỹ tắc oai nghi, tịnh như băng tuyết. Chỉ trì tác phạm, thúc liễm sơ tâm, vi tế điều chương cách chư ổi tệ. Tỳ ni pháp tịch, tăng vị thao bồi, liễu nghĩa thượng thừa, khởi năng chân biệt. Khả tích nhất sanh không quá, hậu hối nan truy. Giáo lý vị thường thố hoài, huyền đạo vô nhơn khế ngộ.

Dịch Nghĩa:

Phật trước tiên chế luật để mở mang hạng sơ cơ. Phép tắc oai nghi, sạch như băng tuyết. "Chỉ trì tác phạm" để kềm thúc kẻ sơ tâm, điều luật chi ly để cải sửa những điều dở tệ. Trường giới luật chưa từng học hỏi thì liễu nghĩa

thượng thừa làm sao lãnh hội? Đáng tiếc! một đời luống qua, sau rồi ăn năn đâu kịp. Giáo lý chưa từng để lòng, đạo huyền nhân đâu khế ngộ?

Giảng Giải:

Phật tiên chế luật khởi sáng phát mông.
Phật trước tiên chế luật để mở mang hạng sơ cơ.

Sử ghi lại, sau ngày đức Phật thành đạo, thời gian 12 năm đầu, Ngài chưa chế giới, vì suốt trong thời gian đó trong đại chúng không có ai phạm lỗi lầm, nên Phật không có chế giới. Đến năm thứ 13, bắt đầu trong chúng có người phạm lỗi gây ra những điều phi pháp sai trái, nên Phật mới chế ra giới luật để ngăn ngừa. Như chiếc áo lành lặn thì đâu có ai chầm vá làm gì. Nhưng một khi đã bị rách rồi, thì người ta mới chầm vá, rách đâu thì vá đó. Đức Phật chế ra giới luật cũng giống như thế.

Giới luật tiếng Phạn gọi Vinaya (tỳ nại da) là hệ thống bao gồm các điều khoản đạo đức để cho cả hai giới xuất gia và tại gia hành trì. Đạo đức cũng chính là giới. Người có đạo đức là người có giữ giới.

Giới (Thi la): Tức chỉ trì, là những điều răn cấm hỗ trợ cho đời sống đạo đức. Giới còn gọi là Ba la đề mộc xoa, Trung Hoa dịch là Biệt giải thoát. Nghĩa là hành giả giữ được giới nào thì giải thoát giới đó. Giới có nhiều chủng loại, giới của người tại gia và giới của người xuất gia. Giới của người tại gia gồm có: Tam quy, Ngũ giới, Bát quan trai giới, Bồ tát giới. Còn giới của người xuất gia bên Tăng gồm có: 10 giới Sa di, 250 giới Tỳ kheo, và Bồ tát giới gồm 10 giới trọng và 48 giới khinh. Bên Ni, Sa di cũng giữ

VI. NGHIỆP QUẢ THỜI ĐẾN

Kính thưa đại chúng,

Hôm nay chúng ta học tiếp bài thứ sáu nói về nghiệp quả thời thục. Nghĩa là nghiệp quả đến lúc chín mùi. Đã có nghiệp nhân, cố nhiên là phải có nghiệp quả. Chính vì điều này, mà chúng ta phải cố gắng gây tạo nghiệp nhân lành. Bởi chúng ta tin chắc vào lý nhân quả. Vì nhân quả là một chân lý phổ biến. Chính nó chi phối tất cả mọi sự vật. Không có vật thể hay phi vật thể nào thoát khỏi nhân quả. Nhân quả rất công bằng không thiên vị một ai. Cho nên khi học bài này, đại chúng cố gắng theo dõi kỹ càng. Bây giờ chúng ta bắt đầu đi vào bài học.

Chánh Văn:

Nhất triêu ngọa tật tại sàng, chúng khổ oánh triền bức bách, hiểu tịch tư thổn tâm lý hồi hoàng. Tiền lộ mang mang vị tri hà vãng. Tùng tư thủy tri hối quá, lâm khát quật tỉnh hề vi. Tự hận tảo bất dự tu, niên vãng đa chư quá cữu. Lâm hành huy hoắc, phạ phố trường hoàng. Hộc xuyên tước phi, thức tâm tùy nghiệp. Như nhơn phụ trái cường giả tiên khiên, tâm tự đa đoan trọng xứ thiên truy. Vô thường sát quỷ, niệm niệm bất đình, mạng bất khả diên, thời bất khả đãi. Nhơn thiên tam hữu, ứng vị miễn chi. Như thị thọ thân, phi luân kiếp số.

Dịch Nghĩa:

nổi lên cao ngọn thì có thể thiêu đốt tất cả. Tất cả mọi sự xung đột gây nên chiến tranh đều bắt nguồn từ lòng sân hận của con người mà ra. Sở dĩ có sân hận cũng do lòng tham lam sâu nặng của con người. Lòng tham có ra là từ si mê và từ si mê mới phát khởi ra tâm sân hận mù quáng. Khi đã mù quáng rồi thì họ bất chấp mọi thủ đoạn ác độc tàn hại con người. Bởi thế mà trong Quy Nguyên Trực Chỉ có câu: "Nhất niệm sân tâm khởi, năng thiêu vạn khoảnh công đức chi sơn". Nghĩa là, một niệm sân nổi lên có thể làm thiêu rụi cả muôn khoảnh rừng công đức. Nếu người ta không kềm chế được lòng sân hận thì hậu quả không thể nào lường được. Nhẹ thì nói lời thô bạo mắng nhiếc, nặng thì có thể giết người. Dù nhẹ hay nặng tất cả đều phát nguyên từ lòng sân hận mà ra. Thế nên, đối với người xuất gia ta phải hết sức cẩn trọng và cố gắng tu tập để chuyển hóa cái tâm hành tiêu cực này.

10 giới, Thức xoa ma na học giới Tỳ kheo, Tỳ kheo ni 348 giới, Bồ tát giới cũng giống như bên Tăng. Giới có tướng giới và tánh giới. Thường hay nói chung là giới luật. Vậy luật là gì?

Luật gồm có chỉ trì và tác trì, được phiên âm là Tỳ ni, Tỳ nại da, hay Vinaya. Dịch là điều phục, điều phục những sự sai trái nơi thân, khẩu, ý. Cố nhiên là phải giữ gìn ba nghiệp thanh tịnh. Muốn được thanh tịnh thì hành giả phải diệt trừ phiền não. Như vậy, luật bao hàm cả giới, còn giới chỉ là một phần của luật mà thôi. Thế nên, trì giới là việc cá nhân của Tỳ kheo, còn trì luật là việc chung của cả cộng đồng trong Tăng đoàn.

Chữ "Mông" là nghĩa "tối tăm", tức những người chưa chứng địa vị thánh nhẫn lại đều gọi là tối tăm. Hàng sơ cơ là những người mới bước chân vào đạo. Những vị này chưa rành về giới luật nên cần phải nương thầy học hỏi. Trong Luật dạy, người xuất gia năm hạ về trước là phải ròng chuyên giới luật. Năm hạ về sau mới được thính giáo tham thiền. Thế thì, hàng sơ cơ cần phải chuyên học giới luật để mở mang trí tuệ. Luận về thứ lớp học hỏi xưa kia là như vậy. Nhưng thời nay, người xuất gia không còn giữ đúng theo phép tắc luật nghi đó nữa. Thời nay, các vị mới xuất gia vào chùa có thể nói họ học đủ thứ đủ môn. Vì thế, mà họ xem thường giới luật. Nhưng chúng ta đừng quên, giới luật là mạng mạch của Phật pháp, giới luật còn thì đạo pháp còn, giới luật diệt thì đạo pháp diệt. Mở đầu Kinh Di Giáo, trong phần Chánh Tôn, đối trị tà nghiệp, Đức Phật dạy: "*Tỳ kheo các ông! Sau khi ta nhập diệt, phải tôn trọng quý kính Ba la đề mộc xoa (giới luật) như đêm tối gặp ánh sáng, như người nghèo gặp của báu, phải biết pháp này là Thầy của các ông, dù ta có trụ ở đời, cũng*

không khác pháp này vậy”. Thế thì, ta thấy giới luật đối với người tu nói chung, người xuất gia nói riêng, thật tối ư quan trọng. Nếu ở trong chúng ai cũng ý thức gìn giữ đúng theo luật nghi phép tắc, thì bảo đảm trong chúng sẽ không có chuyện gì xảy ra. Nếu trái lại thì trong chúng khó được bảo đảm an toàn. Cho nên câu kế Tổ mới răn nhắc chúng ta.

Quỹ tắc oai nghi, tịnh như băng tuyết.
Phép tắc oai nghi, sạch như băng tuyết.

Oai nghi là hình dáng bề ngoài qua những hành động đi, đứng, nằm, ngồi. Vì thế người xuất gia cần phải gìn giữ trang nghiêm. Đó là tác phong cung cách đạo đức của người tu. Người xưa nói: “Có oai khá sợ, có nghi khá kính”. Người có oai nghi đi đứng tề chỉnh nghiêm trang ai trông thấy cũng hoan hỷ kính phục. Tất cả mọi hành động tới lui, nói năng, động tịnh, người xuất gia đều phải giữ gìn oai nghi cẩn trọng. Quả đúng với lời Tổ dạy: “Đường đường Tăng tướng diện mạo khả quan”. Nhờ gìn giữ giới luật mà tâm trong sạch như băng tuyết, một mảy trần không đắm nhiễm. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Giới là gốc của Vô thượng Bồ đề”. Luật nghi là điều mà không luận người tại gia hay xuất gia, sau khi thọ giới rồi cũng đều phải gìn giữ một cách trang nghiêm thanh tịnh. Nhưng ở đây, Tổ nhấn mạnh ở nơi người xuất gia nhiều hơn. Người xuất gia dù Sa di hay Tỳ kheo bên nam hay bên nữ, cũng đều phải trân quý tôn nghiêm giới luật. Người tu nhứt cử nhứt động đều phải có chánh niệm. Có chánh niệm thì mới có chánh định. Cho nên “Giới, Định, Huệ” là cột trụ, là xương sống của người tu. Đây là con đường lớn mà hầu hết người tu đều phải đi qua. Không đi con đường này thì chưa phải là người tu theo đạo Phật. Cần phải minh định

Hoặc bị khinh ngôn, tiện trách hậu sanh vô lễ, sân tâm phẫn khởi ngôn ngữ cai nhân.
Nếu có bị khinh chê, liền vội trách hậu sanh vô lễ. Tâm sân hận nổi lên la lối lớn tiếng nạt người.

Vì thiếu đức thiếu tài nên khi bị người khác chê trách liền nổi giận mắng trách người ta vô lễ. Đây là hạng người hẹp hòi cố chấp chỉ biết trách người mà không biết trách mình. Rõ ràng cho thấy người thiếu sự huân tu lại thêm ít học nên họ hay sanh tâm cao ngạo cố chấp. Từ đó phát sanh ra những trạng thái tâm lý mù quáng bất thường như sân hận, bực tức, cao có, gắt gỏng, khó chịu và thường hay bắt lỗi mắng nhiếc kẻ khác. Sở dĩ lòng sân hận nổi lên như thế, là bởi do tự ái tràn trề, nên họ mới phát ra loại quái ác ngữ thiếu phẩm chất của người tu. Hành động thô lỗ, nói năng không lễ độ, đâu phải tư cách của người xuất gia. Nếu là người có tu học đàng hoàng, thì không ai lại có những hành động và lời nói cọc cằn thô bạo như thế. Phải thành thật mà nói, đây là một ngôn hạnh xấu xa, một tệ hại lớn lao của người xuất gia. Tổ quở trách cái khuyết điểm nặng nề của người xuất gia cần nên chỉnh sửa lại. Sở dĩ có những tệ hại như thế là do hậu quả của việc lười biếng không chịu tu học mà ra. Trong lời Tổ dạy đây, chúng ta nên để ý đến hai chữ Sân và Phẫn. Sân thuộc về căn bản phiền não: Tham, Sân, Si, Mạn Nghi... Còn Phẫn thuộc về trong nhóm tùy phiền não hay chi mạt phiền não. Phẫn là đứng đầu của 20 món tùy phiền não: Phẫn, hận, phú não, tật, xan, cuống, siểm, hại, kiêu, vô tàm, vô qúy v.v... Sân dụ như lửa rơm cháy bốc ngọn lên cao, nổi nóng lên như lửa cháy phừng. Vì thế nên Kinh nói: “Nhứt niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai”. Nghĩa là, một niệm sân khởi lên, trăm nghìn cửa nghiệp chướng đều mở ra. Quý vị nên biết rằng, lửa sân của con người một khi nó

vô tình chúng ta truyền bá cái tà đạo, truyền bá cái tà kiến mà chúng ta không hề hay biết. Đó đúng là "Ăn cơm Phật đốt râu thầy chùa".

Thành thử, chúng ta thấy tâm cầu học là một điều hết sức cần thiết, cần thiết cho mình, cần thiết cho đạo, cần thiết cho sự nghiệp hành đạo và hóa đạo. Lại nữa, chúng ta học vì sợ thua người khác, thì khi không sợ thua người khác chúng ta không học hay sao? Thí dụ trong lớp có một người học rất giỏi mình luôn cố gắng học để khỏi thua người ấy, bỗng nhiên người ấy bỏ học, bây giờ đến lớp mình không sợ thua ai nữa nên không cần học nữa, cho nên cái tâm niệm học để khỏi thua người khác có cái tai hại như thế. Thành thử muốn học giỏi thì phải có tâm cầu học. Chính cái tâm ấy là tâm tha thiết mong cầu đạo giải thoát cho người xuất gia. Chính cái chánh nhân ấy thúc đẩy khích lệ chúng ta học giỏi để phục vụ cho đạo pháp. Các vị phải chăm chỉ chuyên cần, có tâm cầu học rồi, nhưng nếu không chăm chỉ chuyên cần chúng ta cũng không giỏi được. Đi học không chuyên cần đến lớp, không chăm chú nghe giảng bài, không ghi chép, về nhà không xem kỹ lại bài đã học, không làm bài tập, thì làm sao mà giỏi cho được? Chăm chỉ chuyên cần thật sự rất cần thiết đối với chúng ta".

Hòa thượng còn khuyến tấn về việc tu hành và kể lại thời gian tu học của Hòa thượng và các vị cùng lớp ăn uống rất khổ sở đạm bạc thô sơ, chớ không phải như bây giờ chúng ta ăn uống và tiện nghi quá đầy đủ hơn các ngài hồi đó nhiều lắm. Quý vị nào muốn biết rõ thêm, thì nên tìm quyển sách Thức Biến này mà đọc. Ở đây, chúng tôi chỉ đọc một đoạn nói về việc học mà thôi.

khẳng quyết chắc nịch như vậy. Chỉ có con đường này mới đưa hành giả đến chỗ giác ngộ và giải thoát đó thôi.

Chỉ trì tác phạm, thúc liễm sơ tâm.
Chỉ trì tác phạm" để kềm thúc kẻ sơ tâm,

Chỉ có nghĩa là dừng là ngăn ngừa; trì là gìn giữ. Tác là tạo tác tức phạm. Nói ngăn ngừa là ngăn ngừa ở nơi ba nghiệp: Thân, khẩu ý. Trong ba nghiệp này thì ý nghiệp là chủ động rất quan trọng. Dừng ba nghiệp lại không cho nó chạy rong theo duyên trần thời các nghiệp ác không sanh. Còn nói gìn giữ tức gìn giữ ý chí của mình cho bền chắc thời tâm không buông lung phóng túng. Phóng túng là tâm như con trâu hoang không người chăn giữ, nó nghênh ngang chạy nhảy tứ tung dẫm đạp lên lúa mạ của người. Người không gìn giữ giới luật cũng giống như thế. Đó là một nếp sống buông thả tha hóa trụy lạc. Tâm phan duyên theo trần cảnh không có gì kềm thúc. Nên Tổ nói là phải kềm thúc cái tâm ban đầu mới phát khởi. Thúc liễm, thúc là trói buộc, liễm là thâu lại. Như nói thâu nguyệt liễm hay đóng niên liễm. Chữ này trong chữ Hán có hai âm đọc, khi đọc liễm, lúc đọc liệm. Tùy theo câu văn mà người ta đọc có khác nhau. Đọc liễm có nghĩa là thâu ngắn lại. Đọc liệm là liệm cho người chết. Người mới chết, tắm rửa xong mặc y phục vào để chờ đưa vào quan tài, thì gọi đó là tiểu liệm. Còn khi để thi thể vào trong quan tài thì gọi là đại liệm. Nói thúc liễm là trói buộc lại. Nếu không gìn giữ thì tạo các nghiệp lành, dữ. Điều nên làm phải làm gọi là Tác trì; trái lại điều nên làm mà chẳng làm, là phạm giới. Điều chẳng nên làm thì chẳng làm, gọi là Chỉ trì. Trái lại điều chẳng nên làm mà làm là phạm giới. Cho nên người tu cần phải có chánh niệm, chánh quán trong khi tâm vừa mới phát khởi. Tâm vừa mới phát khởi thì gọi là sơ tâm.

Chúng ta cần phải hết sức cẩn trọng cái sơ tâm này. Biết rõ nó nghĩ lành hay nghĩ dữ. Đó là nói nghĩa sâu, còn nghĩa cạn là nói người mới phát tâm tu, cũng gọi là sơ tâm. Tiếp theo là Tổ dạy những điều luật chi ly hơn.

Vi tế điều chương, cách chư ổi tệ.
Điều luật chi ly để cải sửa những điều dở tệ.

Vi tế điều chương là nói về những phần giới luật chi ly nhỏ nhiệm. Như giới của người tại gia thì Phật chế có năm điều răn cấm. Năm giới này từ giới thứ nhứt là không được sát hại sinh vật cho đến giới thứ năm là không được uống rượu, dù một giọt nhỏ cũng không được thăm vào môi. Người Phật tử đã thọ năm giới này rồi thì cần phải gìn giữ cẩn thận đừng để cho sai phạm. Năm giới này còn gọi là năm nguyên lý đạo đức. Vì người có đạo đức là người có giữ giới. Nói cách khác nhờ có giữ giới nên mới có đạo đức. Tiến lên một bậc nữa, người xuất gia mới vào chùa tu học một thời gian, vị bổn sư thấy cần cho vị này đi thọ giới, gọi là giới Sa di. Thế thì, giới Sa di gồm có 10 giới. Mười giới này so với 5 giới của người Phật tử tại gia thì nó nhỏ nhiệm hơn. Rồi lên nữa, thì lại thọ giới Tỳ kheo. Tỳ kheo tăng, 250 giới, Tỳ kheo ni, thì 348 giới.

Còn người Phật tử tại gia, ngoài 5 giới căn bản ra còn có thể thọ Bát quan trai giới hoặc Bồ tát giới. Càng thọ nhiều giới thì lại càng chi ly nhỏ nhiệm hơn. Đó là nói cái nghĩa của vi tế điều chương. Còn cách chư ổi tệ là sao? Ổi tệ là những điều sai trái tồi tệ hư đốn, cần phải sửa đổi lại. Chữ cách nghĩa đen là lột da, nghĩa bóng là cải cách tức sửa đổi chỉnh đốn lại, như nói cách mạng v.v... Những điều giới chi ly nhỏ nhặt này, đối với người xuất gia cần phải gìn giữ cho nghiêm túc. Như giới của Tỳ kheo Tăng và Tỳ kheo

duyên lành mới gặp được. Đạo Phật là đạo giải thoát. Đức Phật là đấng giác ngộ thì giáo lý của Phật là kho tàng đạo lý giác ngộ. Nếu chúng ta không học thì làm sao chúng ta biết được giáo lý ấy? Nhiều khi vô tình chúng ta nói đạo Phật cao siêu lắm, nhưng nếu có người hỏi đạo Phật cao siêu ở chỗ nào? Thì chúng ta không làm sao đáp được. Đó là một khuyết điểm rất lớn và đáng buồn! Các anh em cũng thấy rõ trong hàng Tăng, Ni của chúng ta bây giờ có một số thường mắc phải cái bệnh hý luận, bàn các việc khác của thế gian thì lý luận rất là rạch ròi, nhưng khi đi vào giáo lý giáo pháp của Phật thì lúng túng, lập luận không vững vàng cụ thể. Bây giờ muốn tránh cái bệnh ấy chúng ta phải cố tâm cầu học thật sự để hiểu rõ giáo lý của Phật, hiểu rõ con đường tu hành, để có khả năng giáo hóa người khác một cách đúng đắn, chứ không phải chắp vá lấy nơi này một câu, lấy nơi khác một câu, làm kiến thức của mình. Nhiều khi chúng ta đem một câu của ngoại đạo mà cho là của đạo mình. Hiện tại có nhiều sách của ngoại đạo viết, họ dùng giáo lý của chúng ta để tô bồi ca ngợi chủ trương giáo lý của họ, hoặc là để chê bai chỉ trích chúng ta. Nếu chúng ta không học thì khi đọc những quyển sách ấy chúng ta vội cho đây là lời Phật nói, tất cả những lời họ nói chúng ta đều cho là Phật nói, cho là đúng rồi tin theo. Trước đây cũng có nhiều người cũng dịch Kinh Kim Cang viết về Bồ tát hạnh, Bồ tát đạo mà kỳ thật là người đâu đâu viết, người ngoại đạo viết, chứ không phải của người Phật giáo viết, họ viết như vậy để làm gì? Họ nêu những danh từ Phật giáo để hấp dẫn lôi cuốn người đọc, để làm người ta tưởng lầm là sách đạo Phật nên đua nhau đọc, nhưng thực chất không có gì là lạ, không có gì là đạo Phật cả. Nếu chúng ta không học chúng ta cũng tưởng là sách Phật, rồi chúng ta truyền bá cho tín đồ khuyên họ nên mua sách ấy mà đọc. Như vậy

chúng sanh đều sẵn có. Đây là ý tại ngôn ngoại, nghĩa là ý nghĩa sâu kín nằm ngoài lời nói. Người không học thì không biết cái ý nghĩa thâm sâu uyên áo này. Ngược lại, rời kinh ra dù chỉ là một chữ thôi mà giảng nói không nhằm ý kinh, thì cũng đồng với ma nói. Chỗ này chúng ta cần phải hết sức quan tâm lưu ý. Nếu giải thích không nhằm với kinh điển thì thật là đáng xấu hổ! Đó là cái lỗi do lười biếng không chịu tu học mà ra. Rõ ràng sức huân tu không có. Đạo hạnh, đạo lực cũng không. Bởi do lúc tuổi còn trẻ thì không chịu tìm tòi học hỏi, nên mới xảy ra cớ sự như thế. Đó là hậu quả của cái lỗi lười biếng bê tha không chịu lo tu học. Trong quyển sách với danh đề là "Thức Biến" do cố Hòa thượng Thích Thiện Siêu giảng giải và đã được các đệ tử môn đồ ghi lại trong đó có đoạn, Hòa thượng đã khuyến tấn việc học hành cho các tăng sinh. Tôi xin đọc nguyên văn một đoạn cho đại chúng nghe. Hòa thượng nói: "Bất kỳ ai đi học cũng đều muốn học giỏi. Vậy muốn học giỏi phải làm thế nào? Theo tôi nghĩ, phải có tâm cầu học, chúng ta phải thật sự có tâm cầu học, phải thành thật có tâm cầu học, vì thường chúng ta hay nghĩ học để khỏi thua người khác, đó chỉ là cái ý so sánh để khích lệ chúng ta học tập mà thôi. Cái chính là chúng ta phải ý thức chúng ta là một người xuất gia học Phật theo một đấng giáo chủ với một đạo lý thâm huyền, chúng ta phải có bổn phận tu đạo, hành đạo và hóa đạo. Nếu chúng ta không biết gì về giáo lý của Phật cả thì tự chúng ta tu không thành và chắc chắn không độ được ai cả. Khi chúng ta nói học để khỏi thua người khác, thì giả sử nếu không sợ thua người khác thì chúng ta không học hay sao? Cho nên học để khỏi thua người khác chỉ là một lý do chúng ta tự đặt ra để khuyến khích chúng ta thôi, không phải là lý do chính, lý do chính là tâm thành thật học đạo. Bởi vì như chúng ta biết đạo lý của Phật phải có

Ni, có những điều giới đối với thời đại này không còn thích hợp nữa. Nhất là 90 giới xả đọa và 100 pháp chúng học. Nếu như lọc lựa ra thì có nhiều điều giới không còn thích hợp nữa. Nhưng sửa đổi thì không ai dám sửa đổi. Vì tất cả đều phải tôn trọng những điều giới mà Phật đã chế ra. Có những điều giới của người Phật tử tại gia và người Phật tử xuất gia, rất khác nhau. Như năm giới của người Phật tử tại gia, trong giới thứ ba, Phật chỉ cấm không được tà dâm, vì người Phật tử tại gia có gia đình vợ con. Tà dâm là xâm phạm tiết hạnh hoặc ngoại tình với người khác phái. Người Phật tử đã có gia đình cưới hỏi chính thức rồi, thì không được tư tình lang chạ với người phụ nữ hay người đàn ông khác. Ngược lại, người xuất gia thì Phật cấm tuyệt là không được dâm dục. Vì dâm dục là cái nhân sinh tử luân hồi, nên người xuất gia phải dứt hẳn. Vì người xuất gia, tu hạnh xuất thế là phải thoát ra khỏi vòng sinh tử luân hồi khổ đau này. Cho nên, người xuất gia dù Sa di hay Tỳ kheo cũng đều phải giữ giới nghiêm ngặt nhiều hơn người tại gia. Đó là căn cứ vào giới luật Phật chế cho hai giới tại gia và xuất gia khác nhau vậy.

Tỳ ni pháp tịch, tằng vị thao bồi, liễu nghĩa thượng thừa khởi năng chân biệt.
Trường giới luật chưa từng học hỏi thì liễu nghĩa thượng thừa làm sao lãnh hội?

Tỳ ni là gì? Tỳ ni còn gọi là Tỳ nại gia là chỉ cho luật. Pháp là chỉ cho giáo pháp Phật dạy. Tịch là chiếc chiếu. Pháp tịch nghĩa là đại chúng nhóm họp lại để nghe pháp, thường mọi người đều ngồi dưới chiếu. Ngày xưa, thính chúng mỗi khi nghe pháp đều trải chiếu mà ngồi, chớ không có ngồi trên bồ đoàn hay ghế như bây giờ. Hiện nay, những người đến nghe pháp, một là ngồi trên bồ

đoàn, hai là ngồi trên ghế. Nếu là người chân yếu thì ngồi trên bồ đoàn chồng nhau cho khỏi tê đau chân. Hoặc là ngồi trên những chiếc ghế có lưng dựa thoải mái. Nhớ lại, năm 2012 chúng tôi đi qua Nhật Bản, đến tạm trú trong chùa Nhật Tân Cốc, nhìn thấy trên chánh điện họ đều trải chiếu bông liền nhau không có trải thảm, hay bồ đoàn hoặc ghế gì cả. Mọi người đều ngồi bẹp xuống chiếu. Đối với những người chân yếu thì thật là bất tiện cho họ. Nhưng "đáo giang tùy khúc, nhập gia tùy tục". Đó là điều mà người xưa đã răn nhắc khuyên bảo chúng ta như vậy.

Trường giới luật là nơi chuyên đào tạo về luật nghi, mà người muốn am hiểu về giới luật là phải đến đó học hỏi. Ngày nay, ở Viện Phật Học Huệ Nghiêm, Hòa thượng Thích Minh Thông đã mở ra những lớp chuyên dạy về giới luật. Có nhiều tăng ni sinh đã tốt nghiệp nơi trường dạy luật này. Đây là một trường luật nổi tiếng trong nước và hiện đang tiếp tục giảng dạy về môn giới luật. Nếu luật nghi không rành thì đối với giáo lý thượng thừa làm sao có thể thông hiểu được? Cho nên, Tổ khuyên nhắc chúng ta, trước tiên là phải chịu khó tìm những trường nào chuyên dạy về giới luật, thì nên đến đó để thụ huấn học hỏi. Vì giới luật rất quan trọng đối với người tu, dù tại gia hay xuất gia cũng vậy. Nhưng đối với người xuất gia thì Tổ Qui Sơn khuyên chúng ta phải cố gắng nghiên tầm luật học cho thấu đáo. Nếu không học luật thì không biết đâu mà hành luật. Giáo lý dù cho có thông suốt đến đâu mà người đó không rành về phép tắc luật nghi và cũng không thật hành theo giới luật, thì vị đó cũng chưa được gọi là người xuất gia tài đức vẹn toàn. Có học luật, giữ luật và hành luật thì người xuất gia chúng ta mới mong được giác ngộ giải thoát. Bằng không như thế, thì một đời luống qua, về sau có ăn năn hối tiếc cũng không còn kịp nữa rồi!

nghe pháp. Thật đã quá muộn màng lắm rồi! Đó là hậu quả của người xuất gia ở chùa cả đời thiếu tu, thiếu học. Chính vì chỗ thiếu học, nếu không muốn nói là thất học, cho nên không hiểu biết gì về Phật pháp cả. Do đó, nếu có ai thưa hỏi, thì chỉ còn có cách là xây mặt vào vách. Đó là nhân quả rất rõ ràng. Thế nên câu kế tiếp Tổ lại quở trách thêm:

Hậu học tư tuân, vô ngôn tiếp dẫn. Túng hữu đàm thuyết, bất thiệp điển chương.
Hậu học thưa hỏi, không biết lời chi hướng dẫn. Dẫu có giảng nói cũng không hợp với kinh điển.

Hậu học là người học sau mình. Tư tuân là thưa hỏi. Nghĩa là người sau thưa hỏi điều gì đó, thì mình không có lời nào để khuyến tấn dẫn dắt chỉ bảo người ta. Túng hữu là giả như, đàm thuyết là đàm thoại và nói năng cũng không nhằm vào kinh điển. Nếu có ai thưa hỏi, không nói thì người ta cho mình dốt, còn nói ra thì không ăn nhập gì với kinh điển. Nhiều khi sách của ngoại đạo, mình cũng đem ra giảng nói tuyên truyền khích lệ cho người khác đọc. Đó là điều rất tai hại thật nguy hiểm. Vì thế, nên kinh nói: "Y kinh giải nghĩa tam thế Phật oan, ly kinh nhứt tự tức đồng ma thuyết". Nghĩa là y cứ vào kinh mà giải nghĩa là oan cho ba đời chư Phật, còn rời kinh ra một chữ là đồng với ma nói. Quý vị hiểu sao về câu nói này? Nếu mình không học kỹ, đôi khi chúng ta giải thích kinh điển sai lầm. Trong kinh điển Đại thừa chúng ta thấy Phật nói có nhiều ẩn dụ. Tiêu biểu như trong Kinh Pháp Hoa, ở Phẩm Hiện Bảo Tháp thứ 11, Phật có nêu ra hình ảnh của một cái tháp báu lơ lửng ở hư không. Nếu như chúng ta không hiểu ý nghĩa của ẩn dụ này, mà căn cứ vào cái Bảo Tháp giải thích, thì đó là oan cho ba đời chư Phật. Bảo tháp chỉ là tượng trưng Phật mượn hình ảnh đó để chỉ cho "Phật Tri Kiến" mà mỗi

được. Kinh điển lời Phật Tổ dạy thì không đọc được, nhưng các sách ngoại đạo như coi bói, coi tuổi, coi ngày giờ cưới hỏi kiết hung v.v... thì họ lại thích đọc tìm hiểu cả giờ suốt buổi cũng không nhức đầu. Như vậy rõ ràng, người này chỉ có nhân duyên xuất gia ở chùa mà không có nhân duyên học hỏi Phật pháp. Vì chủng tử học hỏi Phật pháp của họ quá kém, nhưng họ lại có chủng tử thích đọc sách vở ngoại đạo. Họ thích xem coi tìm hiểu sách vở ngoại đạo lắm. Hạt giống mê tín của họ từ bao đời đã có sẵn.

Từ việc tìm hiểu những sách chuyên nói về khoa bói toán, rồi họ lại hành nghề bói toán. Một người xuất gia ở chùa, với chức vụ là trụ trì của một ngôi chùa, nhưng cả đời họ chưa bao giờ giảng dạy giáo lý cho ai, chỉ biết coi bói và xem ngày giờ tốt xấu lành dữ cho việc cưới hỏi, thậm chí còn coi tới ngày giờ tốt xấu khi thả tôm xuống hồ nữa. Chính vì không học hiểu Phật Pháp, mặc dù hình thức của họ là người xuất gia đầu tròn áo vuông, nhưng tâm thức của họ hoàn toàn là ngoại đạo. Họ lấy việc bói toán làm nghề nuôi sống. Phật tử ở quê vì thiếu học không hiểu biết nhân quả Phật dạy, lại gặp một vị xuất gia cũng không học hỏi hiểu biết giáo lý, thế thì thầy trò cùng nhau sa vào vòng mê tín dị đoan. Suốt ngày chỉ biết hành nghề bói toán kiết hung, lấy đó làm kế nuôi sống. Nuôi sống bằng cách tà mạng, tà nghiệp. Bản thân họ không tin nhân quả, thì trách gì người Phật tử tại gia?! Thật là uổng phí cả một cuộc đời tu hành luống công vô ích! Đến khi tuổi già hơi tàn sức kiệt, cơn bịnh hoành hành nằm dài một chỗ, tâm thần bấn loạn, hốt hoảng lo toan, tiền lộ mang mang, vị tri hà vãng? Nghĩa là đường trước mịt mờ chưa biết về đâu! Lúc bịnh nặng làm khổ hành hạ người chăm nuôi săn sóc cho mình. Bây giờ mới lo sợ nghĩ đến việc nghe kinh,

Cho nên câu kế tiếp Tổ dạy:

Khả tích nhất sanh không quá, hậu hối nan truy.
Đáng tiếc một đời luống qua, sau rồi ăn năn đâu kịp!

Đến đây, Tổ than thở thương tiếc cho chúng ta làm người xuất gia vào chùa mà tối ngày cứ đua đòi chạy theo sự ăn mặc và ngủ nghỉ cũng như bao nhiêu những thứ vật dục hào nhoáng hư tệ khác. Đã thế, thì thử hỏi làm sao xứng đáng là người xuất gia tu hạnh giải thoát? Luật nghi không hiểu, giáo lý không rành, đường lối tu hành thì mờ mịt, cứ ngày lại tháng qua, thả trôi theo dòng thời gian, thật uổng phí một đời tu, sau này có thức tỉnh ăn năn thì cũng đã quá muộn rồi!

Vì thế là người xuất gia, chúng ta phải ý thức vai trò bổn phận trách nhiệm của mình mà gắng công chuyên cần tu học. Có thế thì mới lợi ích cho mình và người. Vì sứ mệnh của người xuất gia là phải thượng hoằng hạ hóa. Nên có câu: "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự". Muốn làm sứ giả của Như Lai, thì phải thật hành theo công hạnh của Như Lai. Người xuất gia là đầu tàu của lịch sử, là chúng trung tôn của đấng Điều Ngự; là trưởng nam, trưởng nữ của lịch sử truyền thừa. Thế thì, trong lúc còn mạnh khỏe mà không chịu học hỏi, đến khi tuổi già sức yếu đau ốm liên miên, chừng đó có nghĩ đến việc tu học thì cũng đã quá muộn màng rồi! Chi bằng lúc còn khỏe mạnh, sức lực dồi dào, tinh thần minh mẫn, mỗi người nên nỗ lực tiến tu, thì dù sống 40 hay 50 tuổi, có chết đi thì cũng có giá trị. Ngược lại, nếu chỉ sống bê tha phóng túng, một bề mong cầu lợi dưỡng, ăn mặc phủ phê, tiền tiêu như nước... như thế, dù có kéo dài sự sống hơn trăm tuổi cũng chỉ là vô ích và cũng không có ý nghĩa gì. Chẳng những thế, mà còn mang thêm nhiều tội lỗi nặng nề!

Giáo lý vị thường thố hoài, huyền đạo vô nhơn khế ngộ.
Giáo lý chưa từng để lòng, đạo huyền nhân đâu khế ngộ?

Điều này là một sự thật. Giáo lý chưa từng học hỏi, huân tập, thì đạo lý nhiệm mầu siêu việt làm sao mà lãnh hội khế ngộ cho được? Ở đoạn trên, Tổ quở chúng ta không chịu học luật, giữ giới, đến đây, Tổ lại quở trách chúng ta không nỗ lực học hỏi kinh điển. Kinh điển là những lời Phật dạy, gọi là giáo lý, mà không học hỏi thì chỗ huyền đạo kia làm sao thấu hiểu khế ngộ? Vì thế, chúng ta cần phải tinh cần nỗ lực học hỏi. Giáo lý Phật dạy, nghĩa lý thậm thâm vi diệu, không phải học qua loa một đôi lần mà cho là đủ. Cái bịnh tự mãn, tự cao thì không bao giờ tiến bộ được. Có người theo học trường lớp Phật học căn bản đàng hoàng, nhưng không phải vì thế mà họ thông hiểu hết. Chỉ có thể hiểu được chút ít phần nào đó thôi. Ngoại trừ những bậc Thầy Tổ thông minh xuất chúng mới có thể tinh thông Tam tạng giáo điển. Như các Ngài Cưu ma la thập hay Ngài Huyền Trang v.v... Đó là những vị thông suốt Tam tạng nên gọi các Ngài là Tam tạng Pháp Sư.

Có những vị ngoài thời gian học hỏi ở nhà trường, sau khi tốt nghiệp, họ còn phải tiếp tục nghiên cứu qua ba tạng giáo điển. Ngoài việc nghiên cứu ra, họ còn phải tu tập thực nghiệm hành trì những gì mà họ đã học hỏi. Văn tự chữ nghĩa khác nào như một cái xác chết ướp khô, người học phải khéo nương văn tự như nương ngón tay để nhìn thấy mặt trăng. Văn tự chỉ là phương tiện để chúng ta nương đó mà tìm hiểu học hỏi. Nếu không có văn tự chữ nghĩa thì chúng ta biết nương vào đâu mà nghiên cứu tìm hiểu. Vì nhờ có văn tự chữ nghĩa nên chúng ta mới có thể hiểu được nguồn giáo lý Phật dạy. Nhưng ta cần phải ý

những người đệ tử mới xuất gia vào chùa. Có người khi xuất gia lại gặp một vị Thầy giới hạnh kiến giải Phật học không có, lấy việc ứng phó đạo tràng làm sự nghiệp sinh sống. Thế thì, cái sơ tâm của người xuất gia này không thể phát triển theo đường hướng tu tập để được giác ngộ giải thoát. Điều này cũng thật đáng buồn hơn đáng trách. Cho nên, noi gương người xưa, khi muốn xuất gia thì phải tìm vị minh sư để mình nương thân học hỏi. Đời tu của mình rất quan trọng. Bước đầu không có thầy hiền bạn tốt hướng dẫn chỉ bảo, thì đó là điều bất hạnh cho đời tu của mình. Tôi thành thật khuyên những ai có ý muốn tu hạnh xuất thế thì nên lựa chọn một bậc Thầy có đủ tài đức vẹn toàn để hướng dẫn dạy bảo cho mình trên bước đường tu học Phật pháp.

Bất giác lung chung lão hủ, xúc sự diện tường.
Chẳng hay lóng cóng yếu già, gặp việc xây mặt vào vách.

Cứ thế mà lếu láo cho qua ngày đoạn tháng, chỉ biết một bề lêu lổng rong chơi, không ai kềm thúc. Một đời sống phóng túng buông lung như thế, thì thử hỏi làm sao không dốt nát cho được? Đến khi tuổi già sức yếu, nhìn lại mái tóc đã bạc phơ, tay chân run rẩy, đi đứng tới lui khó khăn. Do vậy khi gặp việc thì xây mặt vào vách. Ngơ ngơ ngáo ngáo, thật chẳng ra thể thống gì. Đọc qua câu này, không biết trong chúng nghĩ sao, riêng tôi, tôi thấy có những vị xuất gia tu hành bị rơi vào tình huống hoàn cảnh này. Tôi đã chứng kiến tận mắt, chớ không phải nghe người khác kể lại. Một người cả cuộc đời tu hành của họ, kể từ khi xuất gia vào chùa, cho đến tuổi xế chiều và thậm chí đến ngày nhắm mắt, chưa bao giờ họ nghiên cứu tìm hiểu kinh điển. Mỗi khi họ cầm quyển kinh hay quyển sách, xem một hai trang thì họ than nói nhức đầu quá không đọc

Như tư tri kiến nghĩa là cái thấy biết như đây. Chữ tư là đây, thấy biết như thế này hay cái thấy biết như vậy. Vì thiếu sự năng nỗ học hỏi nên kiến thức nông cạn hẹp hòi. Do vì cái tâm ban đầu lười biếng (sơ tâm dung đọa) không chịu học hành, cũng chẳng đoái hoài quan tâm nghe lời Phật dạy, một bề rong ruổi tham đắm nhiễm trước theo thói đời, ham ăn mê ngủ, nên mới trở thành một con người quê mùa thô kệch. Đây là Tổ quở nặng những người xuất gia vào chùa mà không chịu cố gắng học hành, lại tập theo thói hư tật xấu, tham lam đắm nhiễm theo vật dục thế gian trần tục, mà quên đi cái bổn phận trách nhiệm của người xuất gia. Xuất gia đâu phải chỉ vào chùa tu là hết chuyện, mà cần phải tuân hành theo luật nghi và thời khóa quy chế của thiền môn. Đồng thời vai trò trọng trách của người xuất gia tối ư quan trọng. Đó là thượng hoằng hạ hóa, trên cầu thành Phật, dưới hóa độ chúng sanh. Vì thế, đối với người xuất gia khi mới vào chùa, cái tâm ban đầu rất là trọng yếu. Cái phát tâm ban đầu đó rất là mạnh mẽ. Nếu như được người Thầy có đủ tài đức hướng dẫn chỉ dạy tường tận đàng hoàng, thì con đường tiến đạo nghiêm thân của vị đó ắt sẽ có kết quả rất tốt đẹp. Ngược lại, cũng cái tâm ban đầu vào chùa đó, mà không được sự hướng dẫn dìu dắt nghiêm minh của một bậc Thầy có đức, có tài, thì họ cũng dễ bị rơi vào trạng huống buông lung phóng túng bê tha sa đọa. Vì thế, nếu huynh đệ nào sau này, mà có thâu nhận đệ tử xuất gia, khi họ mới vào chùa tu, thì quý vị phải dạy dỗ hướng dẫn chỉ bảo cho họ cặn kẽ đàng hoàng, thì người đó sẽ trở thành một pháp khí cho Phật pháp sau này. Tôi thấy, có nhiều vị thâu nhận đệ tử rồi, vì lu bu với những công việc Phật sự mà quên đi sự dạy dỗ chỉ bảo cho người đệ tử của mình. Cứ bỏ phế tùy họ học được cái gì thì học, tu được cái gì thì tu, người thầy không quan tâm để ý tới. Đó cũng là một tệ hại bất hạnh cho

thức, văn tự không phải là những món đồ cổ chưng bày trong bảo tàng viện, mà phải biến văn tự thành một thứ ngôn ngữ sống động. Trong kinh thường nêu ra có ba loại bát nhã: "Văn tự bát nhã, Quán chiếu bát nhã và Thật tướng bát nhã". Trước tiên, là phải nương vào văn tự chữ nghĩa. Sau đó là phải vận dụng trí tuệ bát nhã để quán chiếu thật sâu vào các pháp. Nhờ có quán chiếu sâu sắc vào hiện tượng nên chúng ta mới có thể chứng đạt được bản thể. Nói cách khác là chứng được thật tướng của vạn pháp. Thật tướng tức là vô tướng, là tướng "KHÔNG"của tất cả mọi hiện tượng.

Tóm lại, đã là người xuất gia ở chùa, thì cần phải siêng năng chịu khó học hỏi. Nếu không, thì chưa phải là người xuất gia đứng trong hàng ngũ Tăng già. Vì bổn phận và trách nhiệm của người xuất gia rất lớn lao. Không học hỏi, tự mình đã không hiểu biết, nói chi đến việc giúp người khác thông hiểu. Cho nên, Tổ khuyên chúng ta nên nỗ lực cần mẫn siêng năng học hỏi giáo lý. Vì hoằng pháp là trách vụ của người xuất gia. Có người xuất gia ở chùa, tối ngày chỉ biết làm công kia việc nọ, ai sai đâu làm đó, biểu gì làm nấy, nhưng họ chưa từng cầm quyển kinh, quyển sách để học. Thậm chí, có trường lớp mở ra, nhưng họ chưa bao giờ vào trong lớp để học. Hạng người như thế, thật đáng thương xót tội nghiệp! Thà cam tâm chịu dốt nát chớ không bao giờ có tâm mong cầu tìm hiểu học hỏi Phật pháp. Thật đáng thương xót tội nghiệp cho hạng người này biết bao!

V. LỖI KHÔNG TU HỌC

Kính thưa đại chúng,

Hôm nay chúng ta tiếp tục học bài học thứ năm. Chủ đề lớn của bài học này là Tổ quở trách lỗi không tu học. Có thể nói trọn bộ luận này, Tổ Qui Sơn luôn xoáy mạnh vào việc "hạnh và giải" của người xuất gia. Nếu nói rộng ra là cho cả người Phật tử tại gia. Bởi vì sự tu học và giữ gìn luật nghi là điều chính yếu nồng cốt của người tu. Như thường lệ, bây giờ chúng ta bắt đầu đi vào bài học.

Chánh Văn:

"Cập chí niên cao lạp trưởng, không phúc cao tâm, bất khẳng thân phụ lương bằng duy tri cứ ngạo. Vị am pháp luật, tập liễm toàn vô, hoặc đại ngữ cao thanh xuất ngôn vô độ. Bất kính thượng trung hạ tọa, Bà la môn tụ hội vô thù. Oản bát tác thanh thực tất tiên khởi. Khứ tựu oai giác, tăng thể toàn vô, khởi tọa chung chư động tha tâm niệm. Bất tồn ta ta quỹ tắc, tiểu tiểu uy nghi, tương hà thúc liễm hậu côn, tân học vô nhân phỏng hiệu".

Dịch Nghĩa:

Đến lúc tuổi đời đã cao, tuổi hạ cũng lớn mà bụng rỗng tâm cao, chẳng chịu nương gần bạn lành chỉ biết một bề kiêu ngạo. Chưa thông kinh luật, sự thúc liễm trọn không, hoặc lớn tiếng to lời nói năng vô độ. Chẳng kính thượng, trung, hạ tọa, khi tụ họp giống Bà la môn không khác.

thau lẫn lộn thật khó biện biệt ai thật, ai giả. Ai là người tu hành chơn chánh, và ai là người tu hành bất chánh. Tuy nhiên, với tuệ nhãn của người Phật tử, thì người ta cũng có thể nhận diện được ngay. Người thật tu thì họ không có đề cập hay kêu gọi tiền bạc mà không có lý do chánh đáng. Một lý do chánh đáng sáng tỏ như ban ngày không ai là không biết. Như trường hợp xây cất chùa hay những cơ sở từ thiện chẳng hạn. Việc làm này phải được rõ ràng minh bạch. Ngược lại, thì ta phải dè dặt cẩn thận, không nên nghe đâu chúc đó. Dù là công việc rõ ràng, nhưng ta cũng phải cẩn thận và biết rõ hạnh tu của vị đó. Niềm tin nào cũng cần phải có trí huệ đi kèm, nếu không, thì coi chừng đó chỉ là niềm tin mù quáng và tệ hại hơn nữa là giao trứng cho ác. Thời nay, ta phải hết sức cẩn thận không nên nghe lời đường mật của ai cả. Ngọt mật chết ruồi là chuyện thường xảy ra. Ta phải nhìn vào cung cách hành xử tu tập hằng ngày của họ. Muốn đánh giá một người tu thật hay tu giả, thì chúng ta nên sử dụng cây thước "Bát Phong" tức tám ngọn gió để đo. Tám ngọn gió đó là: "Lợi, Suy, Hủy, Dự, Xưng, Cơ, Khổ, Lạc". Nếu là người tu giả, thì chỉ cần một ngọn gió "LỢI" cũng đủ thổi họ trốc gốc rồi. Nếu là người thật tu thì dù cho có tám ngọn gió thổi đến một lượt, cũng không hề hấn ăn nhằm gì họ. Cụ thể, cho ta thấy là người thật tu họ không bao giờ vướng vào vấn đề danh lợi. Chính bản thân họ sẽ chứng minh cho điều đó.

Như tư chi kiến, cái vị sơ tâm dung đọa, thao thiết nhân tuần, nhẫm nhiễm nhân gian toại thành sơ dã.
Sở dĩ thấy biết như vậy, chỉ vì tâm ban đầu biếng nhác và theo thói ham ăn mê ngủ. Dần dà theo đời hóa thành thô kệch.

trong bọc lâu ngày thế nào nó cũng phải lòi ra thôi. Nếu là người chân tu thì dù bất cứ ở trong hoàn cảnh thuận, nghịch nào, họ cũng vẫn bình tâm tu hành không gì phải ưu tư nao núng. Tùy duyên thuận theo lý đạo mà tu, không cần phải phô trương khoe khoang hình thức. Điều quan trọng thiệt hay giả tự mình biết không thể lường gạt che giấu được mình. "Hành tàng hư thiệt tự gia tri, họa phước nhơn do cánh vấn thùy". Tu thiệt hay tu giả, tự mình biết, việc họa hay phước cũng do mình, không cần phải hỏi người khác. Nhân nào quả nấy không hề sai chạy. Ta nên nhớ kỹ điều này.

Vị văn Phật giáo hành trì, nhất hướng tình tồn thô tháo.
Chưa nghe lời Phật dạy để hành trì, cứ một bề giữ tánh thô tháo.

Sở dĩ họ có cái tâm ngã mạn cống cao khinh người như thế, là vì họ chưa nghe, và chưa học hiểu lời Phật dạy. Mà dẫu có nghe, có học hiểu đi chăng nữa, nhưng thực sự thì họ cũng chẳng có hành trì. Nếu có, thì cũng chỉ là nghe hiểu suông thôi. Chính vì thế, nên họ mới có những ngôn hạnh thô tháo. Tục ngữ có câu: "Chiếc áo không làm nên thầy tu". Nếu chỉ nhìn bề ngoài mà vội đánh giá cho là người tu hành chơn chánh, thì cũng dễ bị sai lầm lắm. Phần nhiều, người ta chỉ nhìn vào chiếc áo hình thức bề ngoài, chớ có mấy ai hiểu được nội dung bên trong của họ. Đời nay, kẻ xấu thường hay lợi dụng chiếc áo nhà tu để tiện bề moi tiền trục lợi thiên hạ. Vì khi họ mặc vào chiếc áo vàng thô sơ, để chứng tỏ mình tu hành kham khổ. Một hình thức lừa đảo gạt gẫm những người nhẹ dạ cả tin, dùng chiêu thức đó là dễ kiếm tiền hơn hết. Hạng người này cũng không thiếu gì trong xã hội hiện nay. Ở đời, vàng

Khua bát ồn ào, ăn rồi dậy trước. Đi đứng ngang càn, Tăng thể trọn không, ngồi đứng lăng xăng khiến người động niệm. Chẳng gìn mảy may phép tắc, chút chút oai nghi. Lấy gì thúc liễm hậu sanh, tân học nương đâu bắt chước?

Giảng Giải:

Cập chí niên cao lạp trưởng, khống phúc cao tâm.
Đến lúc tuổi đời đã cao, tuổi hạ cũng lớn mà bụng rỗng tâm cao.

Câu này, Tổ vừa nhắc nhở mà cũng vừa quở trách người xuất gia chúng ta. Niên cao là tuổi đời mỗi ngày mỗi chồng chất cao thêm, lạp trưởng là tuổi hạ cũng lớn dần. Đối với người xuất gia, không tính tuổi đời mà chỉ tính theo tuổi hạ, nên gọi là hạ lạp. Hạ là mùa hạ, tức mùa an cư kiết hạ của chư Tăng, Ni. Căn cứ theo luật Phật chế, mỗi năm đến mùa hạ, thì chư Tăng hoặc chư Ni tập trung về một trú xứ để kiết giới an cư ba tháng. Thời gian bắt đầu từ ngày 16 tháng tư âm lịch cho đến ngày 16 tháng bảy âm lịch. Trong ba tháng này, chư Tăng ở yên một chỗ, để cùng nhau sách tấn tu học. Vì theo thời tiết ở Ấn Độ cũng như thời tiết ở các nước Á Châu, ba tháng này rơi vào mùa mưa, mà mùa mưa là mùa các loài sinh vật thường sinh sôi nảy nở. Vì lòng từ bi thương xót các loài sinh vật nhỏ nhít, nên Phật kêu gọi chư Tăng về an trú một nơi để tu tập. Đó là do lòng từ bi cao cả của Phật, sợ chư Tăng đi vào mùa này sẽ dẫm đạp lên những loài côn trùng. Cho nên mùa này chư Tăng không có đi khất thực. Đàn na thí chủ mang thức ăn đến cúng dường suốt trong thời gian 3 tháng an cư.

Noi theo truyền thống đó, chư Tăng, Ni thuộc hệ phái Phật

giáo Bắc tông, mỗi năm đều có an cư kiết hạ. Thật ra, Phật giáo Bắc tông không có đi khất thực như truyền thống Phật giáo Nam tông. Nhưng vì tuân theo lời Phật dạy mà tổ chức kiết hạ an cư theo truyền thống đó thôi. Dù sao đây cũng là một thời gian rất tốt cho việc tu học. Tuy nhiên, trong mùa an cư tùy theo quốc độ, thời tiết và địa bàn sinh hoạt ở mỗi quốc gia các nơi có khác. Như trường hợp ở xứ Úc này, mình nói kiết hạ không đúng, mà phải nói là kiết đông mới đúng. Bởi vì ba tháng này ở Úc là ba tháng rơi vào mùa đông. Hơn nữa, trong hoàn cảnh sinh hoạt của chư Tăng, Ni ở đây có khác. Thứ nhứt, là chư Tăng, Ni ở đây phải nói phần lớn là rơi vào trạng huống nhứt tăng nhứt tự, mỗi người một chùa, số người sống chung với nhau rất ít, không giống như chư Tăng, Ni đông đảo ở Việt Nam. Vì thế, nên sau khi tác pháp đối thú an cư xong rồi, thì ai về chùa nấy, tiếp tục tu hành và làm những công việc Phật sự. Tuy không cộng trụ trong một trú xứ suốt thời gian ba tháng an cư, nhưng các ngài trong Giáo hội cũng có tổ chức một khóa huân tu 10 ngày. Đây là thời gian quý hiếm nhằm để quy tụ chư Tăng các nơi về một chỗ cố định để cùng nhau sách tấn tu tập. Hằng năm, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan đều có tổ chức một khóa tu như vậy. Chương trình tu học trong 10 ngày này sẽ do quý ngài trong Hội Đồng Điều Hành của Giáo hội góp ý soạn thảo. Trong chương trình phần lớn là đặt nặng về vấn đề hội thảo. Những buổi hội thảo này chỉ đặc biệt dành riêng cho chư Tăng, Ni. Đa số là những vị hiện đang có những chức vụ như trụ trì v.v... Khóa tu này, cũng có một số ít Phật tử tại gia tham dự. Tuy nhiên, tùy theo chỗ cư trú ở mỗi nơi mà việc Phật tử dự tu có khác. Nếu như đạo tràng nào tổ chức có nơi cư trú rộng rãi đủ sức dung chứa, thì các Phật tử xa gần đều có thể ngủ lại, còn không thì sau thời Tịnh độ tối

Giảng Giải:

"Tài tương giác sát, tiện ngôn ngã thị sơn Tăng.
Vừa mới được người cảnh giác liền xưng Ta là Sơn Tăng.

Giác sát nghĩa là gì? Là thức nhắc cảnh giác. Vì sao Tổ phải thức nhắc cảnh giác? Bởi vì Tăng hay Ni là những vị gương mẫu cho tín đồ Phật tử noi theo. Nếu như Tăng hay Ni đã đánh mất niềm tin ở nơi chính mình, thì thử hỏi làm sao mình cảm hóa chúng sinh được? Cho nên chúng ta cần phải sách tấn thức nhắc cho nhau. Nhưng khổ nỗi, nếu có ai thức nhắc cảnh giác thì liền vội xưng ta là "Thầy núi". Đó là vì tự ái, tự tôn mà xưng hô có tánh cách cao ngạo ngã mạn như vậy. Ngày xưa, ở Trung Quốc, các vị Tăng sĩ được chia làm hai thành phần. Thành phần thứ nhứt, là những vị tu hành ở kinh đô, tức gần gũi với quần chúng nhân dân đông đảo. Do đó, nên các vị này bị người ta để ý dòm ngó nhiều nên các ngài gìn giữ luật nghi nghiêm trọng hơn. Thành phần thứ hai, là những vị tu hành ở trên núi. Sơn Tăng tức những vị Tăng tu trên núi. Vì ở trên núi ít người lui tới, không ai để ý dòm ngó nên các ngài có vẻ tự do sống buông thả hơn. Vì thế, mà các ngài không quan tâm đến việc phải gìn giữ oai nghi tế hạnh cẩn trọng. Do đó, hễ có ai thức nhắc thì liền xưng ta là Thầy núi. Thế là, từ đó không còn ai dám nhắc nhở nữa. Thật ra, không phải ai lên núi ẩn tu cũng đều là những người tu hành đàng hoàng kỹ lưỡng hết đâu. Cũng có những vị ngôn hạnh còn thô tháo lắm. Ngược lại, cũng có người thiết thiệt tu hành, quyết chí tham thiền nhập định cho mau sáng đạo. Tuy nhiên, cũng có người giả tu, chỉ biết ở núi thôi rồi tự cho mình là tinh tấn tu hành hơn người. Đó là sanh cái tâm ngã mạn cống cao khinh thường kẻ khác. Sự tu hành thiệt hay giả, không cần nói ra người ta cũng biết. Cây kim cất giữ

cũng quan trọng cả. Bởi đoạn nào Tổ cũng răn nhắc một cách rất nhiệt tình thống thiết. Học Quy Sơn Cảnh Sách, chúng ta mới thấy được cái lỗi lầm sai trái về hạnh giải và luật nghi của người xuất gia chúng ta. Nếu không học bộ luận này, thật tình mà nói, chúng ta không biết cái trách nhiệm bổn phận lớn lao của mình. Từ đó, chúng ta có thể gây thêm nhiều điều tội lỗi mà chính mình cũng không hề hay biết. Vì vậy mà công ơn của Tổ đối với chúng ta thật quá lớn lao không sao nói hết. Bây giờ chúng ta tiếp tục đi vào bài học.

Chánh Văn:

"Tài tương giác sát, tiện ngôn ngã thị sơn Tăng. Vị văn Phật giáo hành trì, nhất hướng tình tồn thô tháo. Như tư chi kiến, cái vị sơ tâm dung đọa, thao thiết nhân tuần, nhẫm nhiễm nhân gian toại thành sơ dã. Bất giác lung chung lão hủ, xúc sự diện tường. Hậu học tư tuân vô ngôn tiếp dẫn. Tùng hữu đàm thuyết, bất thiệp điển chương. Hoặc bị khinh ngôn, tiện trách hậu sanh vô lễ, sân tâm phẫn khởi ngôn ngữ cai nhân.

Dịch Nghĩa:

Vừa mới được người cảnh giác liền xưng Ta là Sơn Tăng. Chưa nghe lời Phật dạy để hành trì, cứ một bề giữ tánh thô tháo. Sở dĩ thấy biết , như vậy, chỉ vì tâm ban đầu biếng nhác và theo thói ham ăn mê ngủ. Dần dà theo đời hóa thành thô kệch. Chẳng hay lóng cóng yếu già, gặp việc xây mặt vào vách. Hậu học thưa hỏi không biết lời chỉ hướng dẫn. Dầu có giảng nói cũng không hợp với kinh điển. Nếu bị khinh chê, liền vội trách hậu sanh vô lễ. Tâm sân hận nổi dậy, lớn tiếng nạt người.

họ phải về nhà. Vì chùa không có chỗ ngủ nghỉ dành riêng cho họ. Sáng lại, họ cùng nhau về chùa sinh hoạt đúng theo chương trình thường lệ của thời khóa tu học đã ấn định mỗi ngày.

Cần nói rõ, tuổi hạ chỉ có các thầy thọ giới Tỳ kheo mới có, còn các vị Sa di thì không có tính tuổi hạ. Bốn chữ:" khống phúc cao tâm", có nghĩa là bụng trống tâm cao. Sao gọi là bụng trống? Tâm cống cao mà không "đạo hạnh" cho nên nói là bụng trống. Lại bụng trống cũng có nghĩa là trong bụng trống rỗng không có cất chứa giáo lý gì trong đó. Vì theo thời gian năm tháng mà tuổi tác của các ngài già đi, tuổi đời cũng như tuổi đạo cả hai đều cao. Nhưng nhìn lại mình, thì ôi thôi! Trong lòng thì trống trơn chẳng có hiểu chút gì về giáo lý, dù ở chùa rất lâu năm mà giới đức không có và cũng không chịu học hỏi. Xuất gia ở chùa mà chỉ biết tính theo thời gian lâu mau đó thôi. Đã vậy, lại còn sanh tâm kiêu ngạo ngã mạn khinh người, cho rằng mình ở chùa lâu năm, tuổi đời lại cao, tuổi hạ thêm lớn, đáng cho người ta phải nể phục. Đối với hạng người này, Tổ quở trách như thế mà không biết họ có xấu hổ hay không? Họ là hạng người chỉ biết ở chùa mà không chịu siêng năng học hỏi. Cứ nghĩ mình là người ở chùa lâu rồi khinh thường người khác. Thật là xấu hổ vô cùng!

Bất khẳng thân phụ lương bằng duy trì cứ ngạo.
Chẳng chịu nương gần bạn lành chỉ biết một bề kiêu ngạo.

Câu này Tổ quở lại càng nặng hơn. Bạn lành là người bạn tốt, thế mà không chịu gần gũi giao du. Vì nghĩ rằng, mình là người tài giỏi hơn, cái gì cũng "số một" hết, nên không muốn giao tiếp với ai. Đó là do lòng tự cao tự đại, hiu hiu tự đắc, mục hạ vô nhơn, coi ai cũng dưới con mắt của

mình. Tu hành mà còn bản ngã cao ngạo như thế, thì thử hỏi có ai dám giao du gần gũi với mình không? Lẽ ra, người tu là phải dẹp trừ cái bản ngã, cái bản ngã đáng ghét, phải tự hạ thấp mình xuống, vậy mà họ cứ mãi ôm ấp cái bản ngã đó cho mình tài giỏi hơn người. Câu này Tổ quở trách nhắc nhở chúng ta không nên có thái độ cao ngạo khinh người. Ta nên học cái hạnh khiêm cung của Bồ tát Thường Bất Khinh. Một vị Bồ tát luôn tôn kính mọi người chưa bao giờ dám khinh thường ai. Ta cần phải nương bạn lành, bạn tốt để giao du thân cận. Câu nói: "học thầy không tầy học bạn" là ý này. Đối với thời đại mới hiện nay, muốn có được người bạn hiền lương tốt bụng và hiểu biết yêu thương nhau chân tình, thật không phải là việc dễ tìm dễ kiếm. Ngược lại, người bạn xấu thì trùm khắp không thiếu chi. Cho nên, trong sự kết bạn ta cũng cần phải tìm bạn tốt, bạn hiền mà chơi. Người bạn tốt là người trong khi giao du thân thiết với mình, họ hoàn toàn không có ý đồ lợi dụng trục lợi. Họ chơi một cách hết lòng sòng phẳng không tính toán thiệt hơn với nhau. Họ không phải là một con người nhỏ mọn ích kỷ chỉ nghĩ riêng lợi lộc cho mình. Tuy không phải là bạn tri kỷ, tri âm, như Bá Nha Tử Kỳ, hay như Lưu Bình Dương Lễ, nhưng ít ra phải là người bạn chí thân vui buồn hoạn nạn có nhau. Sự kết bạn của người xuất gia đồng tu đồng học không phải như sự kết bạn ở ngoài đời. Người xuất gia hãy xem nhau như tình huynh đệ, phải có tâm hồn rộng mở bao dung yêu thương nhau một cách chân tình. Tuyệt đối không lợi dụng nhau và cũng không có thái độ vui trước mặt, đâm sau lưng. Thái độ đó chỉ có với những người ngoài đời không hiểu biết mà thôi. Người đời, "khi vui thì vỗ tay vào, đến khi hoạn nạn thì nào có ai". Người đời họ thân nhau chí tình chí thiết, nhưng rồi họ cũng dễ phản bội nhau không một chút hối tiếc. Trái lại, người

Trong những buổi trao đổi chia sẻ Phật pháp cùng với quý liên hữu Phật tử ở đạo tràng Quang Minh, tôi có lời khuyên nhắc các vị trọng tuổi nên noi theo tấm gương của bà Bá Bất Quản. Một hôm, bà đến hỏi đạo với Hòa thượng Đạo Nguyên. Hòa thượng dạy bà dón gọn chỉ có một câu niệm Phật thôi. Thế là bà về cất một cái am nhỏ bên cạnh nhà. Tất cả mọi việc lớn nhỏ trong nhà bà giao lại hết cho dâu con đảm trách. Còn bà chỉ chuyên tâm niệm Phật. Niệm được ít lâu, bà cảm thấy tâm bà cũng không yên. Bà liền đi đến trình thưa sự việc với Hòa thượng Đạo Nguyên. Hòa thượng dạy bà, sở dĩ tâm bà không yên là vì bà mới giao công việc cho dâu con chỉ có phân nửa thôi, chớ bà chưa có giao hết. Vì vậy mà bà còn nghĩ tới công việc không biết tụi nó có làm được hay không. Bà muốn tâm an thì bà phải giao hết công việc từ trong ra ngoài. Thế là, bà về làm y theo lời dạy của Hòa thượng. Lần này bà quyết tâm chuyên cần niệm Phật trăm việc buông bỏ không lo nghĩ tới. Nhờ đó, không bao lâu bà được vãng sanh. Bà biết trước ngày giờ vãng sanh, đi từ giã mọi người. Bà không có bệnh hoạn gì, ngồi yên lặng niệm Phật mà vãng sanh.

Như trước đã nói, xuất gia có ba nghĩa, mà nghĩa quan trọng nhứt là phải ra khỏi nhà phiền não. Như vậy, bà Bá Bất Quản, tuy không xuất gia với hình thức đầu tròn áo vuông, nhưng bà quyết tâm quyết chí một lòng niệm Phật. Nhờ đó mà bà được nhất tâm và vãng sanh Cực lạc. Thế nên, vị nào trọng tuổi nên bắt chước làm theo bà Bá Bất Quản, thì cũng đạt được kết quả tốt đẹp như ý muốn.

Kính thưa đại chúng,

Hôm nay, chúng ta học tiếp thêm một đoạn nữa. Đoạn nào

trách người xuất gia mà phép tắc oai nghi không có, giáo lý không thông, cứ lếu láo qua ngày đoạn tháng, thế thì, thật uổng phí một đời tu luống công vô ích!

Đọc qua lời dạy nhắc nhở của Tổ, chúng ta phải hết sức cố gắng trong việc tu học. Đã xuất gia rồi, dù già hay trẻ, dù trọng tuổi hay nhỏ tuổi, mỗi người chúng ta cần phải luôn nhớ gìn giữ phép tắc luật nghi và nỗ lực chuyên cần học hỏi giáo lý. Có thế, thì mới vừa lợi lạc cho mình mà cũng vừa làm lợi ích cho người sau. Có những vị lớn tuổi mới xuất gia, nên việc học hỏi Phật pháp và gìn giữ oai nghi, chưa được thông suốt hiểu rõ, nên mới có những hành vi sai trái phép tắc luật nghi. Nhất là sau khi xuất gia không có ở trong chúng để học hỏi, mà chỉ ở riêng một mình, nên hạnh giải bị kém khuyết. Trước đó với hình thức còn là một cư sĩ tại gia, họ thường tới lui sinh hoạt tu học ở đạo tràng, nhưng sau khi xuất gia quý thầy từ bi cho thọ giới Sa di, kể từ đó thấy mình là người xuất gia thọ giới cao hơn các bạn đồng tu tại gia khác, nên không còn tới lui đạo tràng để sinh hoạt tu học Phật pháp nữa. Trong khi đó, hiện tại không có một lớp học Phật pháp nào đặc biệt dành riêng cho người mới xuất gia. Thế là, vì chấp ngã thấy mình quan trọng nên họ phải chịu thiệt thòi cho chính bản thân mình. Từ chỗ thiếu hiểu biết và không có ai chỉ dạy hướng dẫn trực tiếp đó, nên họ tự tu và làm theo ý mình. Vì thế nên mới sanh ra làm cho người đời dèm pha chê bai chỉ trích. Đó cũng là một tai hại làm mất đi thể diện của Tăng đoàn. Tôi thành thật mong rằng, nếu có vị nào trọng tuổi mới xuất gia thọ giới, thì nên lưu tâm về vấn đề này. Vì xuất gia không phải ý nghĩa tầm thường. Mà xuất gia là một chí nguyện cao cả, một hạnh nguyện vị tha lớn lao và một hoài bảo cao đẹp thượng hoằng hạ hóa chúng sanh.

xuất gia chúng ta chỉ có chung một Cha (đấng giáo chủ Thích Ca) xem nhau như huynh đệ một nhà, vì thế nên không gì lẽ gì mà có ý đồ lợi dụng để thù oán hại nhau. Người có tâm địa như vậy, thực chất họ không phải là người xuất gia, ta nên lánh xa họ, càng xa càng tốt, gọi là "kính nhi viễn chi" thì tốt hơn.

Vị am pháp luật, tập liễm toàn vô, hoặc đại ngữ cao thanh, xuất ngôn vô độ.
Chưa thông kinh luật, sự thúc liễm trọn không, hoặc lớn tiếng to lời nói năng vô độ.

Pháp luật ở đây, ý Tổ muốn nói đến là giáo lý và luật nghi. Pháp là chỉ chung cho những lời Phật, Tổ dạy. Có người cho rằng, pháp luật là chỉ cho nhân quả của đạo Phật. Lời nói này, theo tôi, tuy không phải là sai, nhưng chỉ đúng có một phần thôi. Nghĩa là chỉ phiến diện chớ chưa được toàn diện. Bởi nhân quả là một trong tất cả những nguồn giáo lý thực tiễn của đạo Phật. Cho nên chữ pháp ở đây mình hiểu giáo lý có lẽ đúng hơn. Luật ở đây là Tổ muốn nói đến phần giới luật. Cho nên câu kế tiếp Tổ mới nói, vì chưa hiểu giáo pháp, không thông giới luật, nên không biết phương cách để tự thúc liễm thân tâm. Sự thúc liễm không có thì thân tâm buông lung phóng túng. Đó là một đời sống tha hóa trụy lạc. Chính vì lẽ đó, nên mới có những thái độ lớn tiếng to lời, nói năng vô độ không có chừng mực. Có người ở trong chánh điện mà họ kêu réo với nhau to tiếng, không có một chút oai nghi thật là thô tháo. Họ không tỏ ra kính nể nơi chốn tôn nghiêm chút nào! Dù đó là người xuất gia chớ không phải người đời. Đó là tai hại hậu quả của việc thiếu học hỏi hiểu biết về luật nghi. Lẽ ra, người xuất gia là phải thường xuyên thúc liễm thân tâm, nói năng từ tốn, gìn giữ oai nghi tác phong lễ độ đạo

đức của mình. Có đâu mà lại la lối om sòm lớn tiếng làm động cả chúng như thế. Đó là điều tội lỗi mà chúng ta là người xuất gia cần phải lưu tâm. Tổ dạy câu này, nhằm thức nhắc người xuất gia chúng ta cần phải nỗ lực học hỏi cho tinh thông giáo lý và hiểu rõ nắm vững luật nghi giữ gìn cẩn thận đừng để sai phạm vậy.

Bất kính thượng trung hạ tọa, Bà la môn tụ hội vô thù.
Chẳng kính thượng, trung, hạ tọa, khi tụ họp giống Bà la môn không khác.

Người đời có câu nói: "Tiên học lễ, hậu học văn". Nghĩa là trước phải học lễ nghi phép tắc rồi sau đó mới học văn chương luận lý. Lời dạy này như là một câu châm ngôn để thức nhắc người ta khi giao tiếp với nhau cần phải có lễ độ cung kính. Ngoài đời, còn như thế nói chi là trong đạo. Trong thiền môn vấn đề lễ nghĩa phép tắc quy cũ phải được đặt lên hàng đâu. Vì thế, người xuất gia khi mới xuất gia cạo tóc vào chùa, thì việc đầu tiên là phải học luật nghi cho kỹ. Oai nghi tác phong đạo đức không có, thì sao gọi là người xuất gia? Đối với những bậc trưởng thượng tu học lâu năm, giới đức cao, thì ta phải hết lòng kính trọng. Khi nhóm họp, nhất là trong những ngày bố tát hằng kỳ, tất cả đều phải theo thứ lớp hạ lạp tôn ty trật tự mà ngồi. Người có hạ lạp cao thì ngồi trên, nghĩa là cứ theo thứ tự thọ giới trước giới sau mà ngồi cho phải phép. Đó là biểu lộ sự cung kính việc thọ giới trước sau trong tinh thần hòa hợp. Có người lại nghĩ rằng, đạo Phật chủ trương bình đẳng mà sao ở đây lại phân chia cao thấp trước sau như thế? Xin thưa, đạo Phật chủ trương bình đẳng là dựa trên lý nhân quả, chớ không phải bình đẳng theo kiểu cá mè một lứa. Không phải bình đẳng trong sự ép buộc khỏa bằng ai cũng như ai. Người nào gây nhân tốt hơn, thì

đều phải tôn trọng quy luật, mà tôn trọng quy luật cũng chính là tôn trọng mình. Tôi còn nhớ câu nói của Hòa thượng Thích Thanh Từ, lúc đó Ngài làm Quản Viện. Ngài nói: "Nội Quy không phải là điều kiện bắt buộc, mà là điều kiện bổn phận". Ngài nhắc nhở anh em tăng sinh chúng tôi cần phải biết bổn phận của mình. Mình tới đây là để tu học thì mỗi người phải tự ý thức gìn giữ ba nghiệp của mình. Có gìn giữ ba nghiệp "thân, ngữ, ý" của mình cho nghiêm túc, thì mọi việc đều an ổn tốt đẹp hết. Lời thức nhắc đó mãi đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ. Tôi mong mỏi các huynh đệ chúng ta mỗi người cũng tự ý thức bổn phận của mình và giữ gìn chu toàn trách nhiệm, thì mọi việc sẽ tốt đẹp thôi. Nếu sống chung trong chúng mọi người đều an lạc hạnh phúc, thì Hòa thượng Tông Trưởng cũng rất vui. Ngài chăm lo cho chúng ta tu học đàng hoàng từ nơi ăn chỗ ở, thì chúng ta không nên làm cho Ngài phải buồn lòng thất vọng. Đó là điều mà chúng ta cần phải ý thức và cố gắng làm tròn bổn phận trách nhiệm của mình. Tăng nghĩa là "vô sự, hòa hợp, thanh tịnh", có thế thì mới đúng với ý nghĩa là một Sangha tức Tăng già vậy.

Bất tồn ta ta quỹ tắc, tiểu tiểu uy nghi, tương hà thúc liễm hậu côn, tân học vô nhân phỏng hiệu.
Chẳng gìn mảy may phép tắc, chút chút oai nghi. Lấy gì thúc liễm hậu sanh, tân học nương đâu bắt chước?

Không còn có một chút khuôn phép, một mảy may oai nghi, như thế thì thử hỏi lấy gì để hướng dẫn dạy dỗ dìu dắt người sau? Người sơ cơ mới học, họ nương vào đâu mà bắt chước làm theo? Hậu côn là những người học sau mình. Phỏng hiệu có nghĩa là bắt chước làm theo cho đúng. Quỹ tắc là khuôn phép, tiểu tiểu là chút ít. Tổ quở

niệm rõ biết một cách trọn vẹn, thì đã có giới, có định rồi. Một khi đã có giới, có định, thì tất nhiên phải có huệ. Thế là con đường tu học của chúng ta không muốn giải thoát nó cũng được giải thoát.

Tổ nhắc nhở chúng ta phải ý thức trong mỗi động tác của mình. Đừng vì hành động của mình mà làm cho người khác phải khó chịu. Sách Nho có câu: "Kỷ sở bất dục, vật ư thi nhơn". Nghĩa là điều gì mình không muốn, thì đừng làm cho người khác khó chịu. Một hành động vụt chạt thô tháo của mình gây ra làm động tâm niệm của người khác. Sống trong chúng, chúng ta cần phải tôn trọng lẫn nhau. Khi mình làm việc gì cũng phải nghĩ đến người khác. Đừng vì ích kỷ cho riêng mình, mà làm tổn hại cho người. Nhất là trong lúc ngủ nghỉ, chúng ta phải tôn trọng giờ giấc cho nhau. Sống chung trong một phòng, tới lui cần phải giữ gìn nhẹ nhàng yên lặng. Nếu vì hành động thô tháo của mình mà làm cho người khác thức giấc, không ngủ được, thì mình có lỗi rất lớn. Bởi có ngủ được thì mới có đủ sức khỏe để tu học. Vì sức khỏe là vàng nên ai cũng phải rất cần nó. Ở trong thiền môn, huynh đệ sống chung với nhau, cần phải hiểu, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau. Đừng vì một việc nhỏ nhặt mà gây ra làm tổn thương sứt mẻ tình huynh đệ. Ngày xưa, lúc chúng tôi còn theo học ở Phật học viện Huệ Nghiêm, tăng sinh chúng tôi ở chung trong một tăng xá, có hơn sáu mươi người. Nhà trường kê đơn cho chúng tôi nằm sát với nhau. Quý huynh đệ cứ nghĩ, một cái tăng xá không lớn lắm mà có hơn 60 người ngủ nghỉ trong đó, thì đủ biết chật chội đến như thế nào? Vậy mà anh em chúng tôi vẫn giữ được sự bình yên không có chuyện gì xảy ra cả. Được thế là do đâu? là do anh em khéo biết ý thức và tôn trọng lẫn nhau. Nhất là Nội Quy của nhà trường rất nghiêm khắc gắt gao. Mỗi người ai nấy

đương nhiên người đó phải được hưởng quả báo tốt hơn. Nhân ít thì quả ít, nhân nhiều thì quả nhiều. Ta gây nhân ít như làm ít giờ hơn mà muốn lãnh lương bằng với người làm nhiều giờ, việc đó là phi lý tức trái với lẽ công bằng. Công bằng là tính theo sức lao động ai làm nhiều giờ hơn thì sẽ được lãnh lương nhiều hơn. Ngược lại, làm ít mà muốn hưởng nhiều thì đâu có lẽ đó. Thế thì, đạo Phật dựa trên lý nhân quả mà chủ trương bình đẳng.

Hơn nữa, điều này là còn phải căn cứ theo luật nghi Phật chế. Tuyệt đối không nên tranh nhau ngồi trước ngồi sau mà sanh ra bất hòa trong tăng chúng. Mỗi người tự mình ý thức và phải biết tôn kính lẫn nhau. Căn cứ theo luật Phật chế và công phu hành trì tu tập, thì người thọ giới trước đương nhiên là có giới đức hơn mình. Người xuất gia, ngoài vấn đề giới luật ra, còn cần phải thể hiện đức tính khiêm cung từ tốn với mọi người. Điều này, ta thấy khác hơn tục lệ của Bà la môn. Bà la môn mỗi khi họ tụ họp lại với nhau, thường thì họ không có tôn ty trật tự. Mạnh ai nấy ngồi, ai đến trước ngồi trước, ai tới sau ngồi sau, họ không có tôn kính giới đức đối với những bậc đức hạnh trưởng thượng. Nghĩa là đụng đâu ngồi đó không có thứ tự lớp lang kính trên nhường dưới gì cả. Một đoàn thể mà thiếu sự tôn kính, không có tôn ty trật tự, nhìn vào thật chẳng hay đẹp chút nào! Đó là chưa nói đến sự tranh chấp cãi cọ với nhau vì chỗ ngồi trước ngồi sau. Lễ nghi, ngoài hình thức ra, nó còn phải được biểu lộ xuất phát từ một tấm lòng yêu thương tương kính nhường nhịn với nhau. Có thế thì mới đúng nghĩa tinh thần hòa hợp thanh tịnh của một đoàn thể Tăng già.

Oản bát tác thanh, thực tất tiên khởi.
Khua bát ồn ào, ăn rồi dậy trước.

là Tổ dạy chúng ta trong giờ thọ thực phải thật hành oai nghi nghiêm chỉnh. Thứ nhứt là không nên khua bát thành tiếng kêu lớn. Thứ hai là không được ăn rồi đứng dậy đi trước. Hành động như thế vừa mất oai nghi mà cũng vừa mất phép lịch sự. Trong thiền môn giờ ăn là giờ hạnh phúc nhất. Vì khi thọ thực mỗi người giữ im lặng, thực tập chánh niệm. Mỗi hành động đều có ý thức, như khi bưng bát lên, hay gắp đồ ăn đưa vào miệng, tất cả đều phải nhẹ nhàng, không được gây ra tiếng động. Nhất là trong khi húp canh hoặc lua canh vào miệng. Có người thiếu oai nghi không tế nhị, khi ăn canh lua húp rột rột làm người ngồi bên cạnh cảm thấy rất khó chịu. Khi ăn đã không biết hổ thẹn mà còn tạo ra sự ồn ào làm mất đi chánh niệm của người khác. Người bị thất niệm như thế, thì quả thật không xứng đáng là một người xuất gia. Có người do tập khí tức thói quen ăn uống ở ngoài đời, khi xuất gia vào chùa, vì không có ai hướng dẫn chỉ dạy về oai nghi giới hạnh, lại không từng ở chung trong chúng ngày nào, nên cứ làm theo thói quen của mình. Không những chỉ có vấn đề ăn uống không thôi, mà còn có những thói quen khác vẫn còn nguyên vẹn người đời. Những người này, một phần vì lớn tuổi mới xuất gia, và khi xuất gia không có ai hướng dẫn chỉ dạy cặn kẽ về luật nghi phép tắc cho họ, nên họ chẳng hiểu biết gì nhiều về vấn đề oai nghi tế hạnh cả. Mà dẫu có dạy, chắc gì họ chịu nghe, chịu học. Bản ngã của họ cũng cao to dữ lắm. Vì không học không hiểu nên cứ một bề thô tháo như khi còn ở ngoài đời. vì không có sinh hoạt tu học ở trong chúng, nên họ không hiểu biết những sinh hoạt theo quy chế luật nghi của người xuất gia. Chính vì thế, nên Tổ mới nhắc nhở trong khi thọ thực phải gìn giữ oai nghi tế hạnh thật cẩn thận.

Khứ tựu quai giác, tăng thể toàn vô, khởi tọa chung chư động tha tâm niệm.
Đi đứng trái phép, Tăng thể trọn không, ngồi đứng lăng xăng, khiến người động niệm.

Người xuất gia đi đứng phải nghiêm trang khác hơn người đời. Chữ khứ là đi, tựu là đến. Quai giác là trái chọi nhau, nghĩa là đi đứng trái phép, tới lui lăng xăng líu xíu, lau chau lốc chốc, không còn thể thống của một vị Tăng hay Ni. Điều này, tuy là hình thức bề ngoài, nhưng chúng ta không nên coi thường. Ta nên nhớ, sự cảm hóa mọi người không hẳn chỉ có khẩu giáo không thôi, mà còn phải có thân giáo nữa. Thân giáo cũng quan trọng lắm. Thân giáo thuộc về oai nghi tế hạnh hình thức bên ngoài thường đập vào mắt người ta. Pháp hạnh của người xuất gia được biểu lộ ra bên ngoài, dù đó là một hạnh kiểm nhỏ nhặt ta cũng phải gìn giữ cẩn thận. Bởi người đời, đại đa số người ta nhìn vào cái hình tướng bề ngoài của một ông thầy. Ví như vị Tăng hay Ni nào đó có thuyết giảng giáo lý hay ho đến mức độ nào, mà oai nghi tế hạnh không có, thì người ta cũng không có kính trọng. Oai nghi được thể hiện không phải chỉ có đi, đứng, nằm, ngồi, không thôi, mà nó còn biểu lộ qua sự ăn mặc và những thái độ cử chỉ động tác thi vi của chúng ta nữa. Mỗi thái độ, mỗi cử chỉ của chúng ta, người đời họ đều hay để ý dòm ngó lắm. Bởi vì chúng ta là người xuất gia, là người làm gương mẫu cho họ từ hình thức đến nội dung. Ngày xưa, Đức Thế Tôn cũng sinh hoạt hằng ngày như chúng ta. Ngài cũng đi, đứng, nằm, ngồi, tới, lui, động, tịnh, ăn uống v.v... nhưng tất cả mọi động tác thi vi của Ngài đều ở trong đại định. Lúc nào Ngài cũng có chánh niệm, chánh định cả. Nếu chúng ta chịu khó thực tập chánh niệm, chánh định như Ngài, thì bảo đảm giới đức của chúng ta sẽ được tròn đủ. Bởi khi có được chánh